No 112 Décembre 1926

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TRUYỆN KIỀU VÀ XÃ-HỘI Á-ĐÔNG (1)

II

Trong tâm-lý người Tàu và người An-Nam có một cái ý-tưởng cốt-yếu, cái ý-tưởng đặc-biệt, tưởng nên bàn rõ ra đây. Lý-tưởng ấy, tôi gọi là cái « luật quân-bình », hay là « luật thừa-trừ », có thể giải nghĩa như sau này : Trong trời đất và thứ nhất là trong xã-hội loài người, có một cái thế quân-bình bao giờ cũng phải giữ cho đúng. Nếu mà thiên lệch về bên nào thì thế nào cũng phải đặt lại cho bằng mới được. Thiên về bên nọ là có nợ với bên kia, nợ ấy thế nào cũng phải trả. Nợ ấy mà chưa trả thì sai mất cái luật quân-bình mà thành ra thiên-ý, khi ấy thì đấng cầm quyền, hoặc là quyền thượng-đế ở trên trời hay là quyền chính-trị dưới hạ-giới, phải thừa-trừ thế nào cho cân, cho phục lại được cái thế quân-bình như trước.

Cái lý-tưởng ấy vừa thuộc về việc đời này, vừa thuộc về việc lai-sinh.

Thuộc [illegible] việc đời này, xét ngay việc hình-phạt [illegible] Ở xã-hội Á-Đông, hình-phạt có h[illegible]nh-cách : vừa là để trừng-trị, vừa là [illegible] bồi-thường.

Trên đ[illegible] *Hoàng-Việt luật-lệ* có lời các qua[illegible]u cho vua Gia-long, nói rằng hin[illegible]at là có cái mục-đích « trừng-trị lần này để lần sau khỏi phải trừng-trị, bắt tội lần này để lần sau khỏi phải bắt tội ». Lại lời án, ở cuối thường có câu « để làm gương », câu đó cũng giống như câu cách-ngôn nước Pháp : « Ra oai để cho người sợ. » Hình-phạt là cái khí-cụ để giúp cho việc chính-trị. Trong lời tâu làm tựa sách *Hoàng-Việt luật-lệ* lại có câu nói rằng : « Người ta không hay biết kiềm-chế cái lòng dục-vọng của mình ; nếu không có cái gì để ngăn cấm, không có hình-phạt để giữ lấy, thì không có cách gì khiến cho biết nghe lời giáo-huấn và hiểu lẽ đạo-đức vậy. »

Đó là cái tính-cách trừng-trị để làm gương. Hình-phạt còn cái tính-cách đền-bồi cho được cân nữa, tính-cách này mới càng có ý-nghĩa lắm. Phàm người phạm tội gì với xã-hội là làm sai mất cái thế quân-bình trong xã-hội, tức là chịu một cái nợ với xã-hội, nợ ấy thế nào cũng phải trả. Ông quan mà tha cho người có tội ấy, thì chính ông quan lại là phạm tội với xã-hội, vì cứ để cho cái thế quân-bình sai-lệch đi mà không sửa lại. Như thế thời phàm tha cho kẻ có tội, không phải là làm việc nhân-từ quảng-đại gì, chính là trái với nghĩa-vụ phải làm. Khi nàng Kiều ngồi trong tướng-doanh của Từ-Hải mà làm việc trả ơn trả oán, truyện có câu rằng :

(1) Tiếp the[illegible] trước, N.-P. số 111.

Nàng rằng lồng-lộng trời cao,
Hại nhân nhân hại sự nào tại ta....
Lệnh quân truyền xuống khai đao,
Thế sao thì lại cứ sao gia-hình....
Mấy người bạc-ác tinh-ma,
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương!
Ba quân đông mặt pháp-trường,
Thanh-thiên bạch-nhật rõ-ràng cho coi...

Cách gia-hình như thế có nghiêm-khắc thật, nhưng tựu-trung không phải là không có những trường-hợp đáng giảm tội.

Như Thúy-Kiều đối với Hoạn-thư, tuy trong lòng căm giận thật, mà cũng phải hiểu rằng Hoạn-thư ghen là phải, đứng địa-vị người vợ chính trong nhà, phải giữ cho trật-tự gia-đình, không thể để cho kẻ ngoại-tình xâm-lấn được, thế là hợp với lẽ chung của xã-hội.

Việc trái với lẽ xã-hội, việc quyết không nên làm, là không có cớ gì chánh-đáng, không có trường-hợp gì đáng giảm tội, mà đối với kẻ có tội lại đem thi cái lòng nhân-từ quảng-đại quá.

Thuộc về việc lai-sinh, cái lý-tưởng cũng thế. Trên kia đã nói về cái thuyết « nghiệp-báo » của nhà Phật: người ta chết đi chưa trả được nợ thì phải thác-sinh cho đến hết kiếp mới thôi.

Nhưng trong tư-tưởng người Á-đông, cái lý-tưởng ấy lại còn có ý-nghĩa rộng hơn nữa hơi giống như cái « luật cân lường » của người Hi-lạp đời xưa, luật ấy vẽ hình ra một vị thần tên là *Némésis*, và có cái nghĩa là trời đã bắc đồng cân để cân cái phần họa-phúc cho mỗi người. Nếu có một người nào thông-minh, tài-giỏi, đẹp-đẽ, giàu-có, mạnh-bạo hơn người khác, thì thế là thiên-lệch không được cân rồi. Vậy người ấy đã được hưởng quá như thế, tất cũng phải chịu khổ lại cho tương-đương. Dù muốn tránh cái khổ ấy cũng không thể sao tránh được. Xem như truyện POLYCRATE là một ông bạo-quân đất *Samos* ở Hi-lạp đời xưa, thì đủ biết là cái nợ ấy không thể sao tránh được, dù muốn « bảo-hiểm » với thần-minh cũng không được. Sử-gia HÉRODOTE thuật rằng POLYCRATE thấy trong nước được thịnh-vượng đã lâu, sợ rằng tất có sự tai-vạ sắp đến, bèn hỏi vua Ai-cập là AMASIS, vua Ai-cập khuyên rằng nên đem cái nhẫn vàng đeo tay mà ném xuống bể. Ít lâu có bọn thuyền chài đem đến cho tên đầu bếp của POLYCRATE một con cá to, tên đầu bếp mổ ra thấy cái nhẫn vàng ở trong đó; thế là cái chứng-cớ rằng trời chí-công, và POLYCRATE sớm trưa thế nào cũng phải trả nợ. Cách được ít lâu quả-nhiên bị ORÉTÈS là tướng đất *Cambyse*, làm quan tổng-đốc rợ *Sardes*, bắt được mà làm tội đóng đinh câu-rút.

Thế-kỷ trước có một nhà triết-học tên là AZAÏS cũng chủ-trương một cái thuyết thiên-địa thừa-trừ như thế. Ông nói rằng: « Người nào được hưởng cái số-phận thanh-cao, tất rồi phải chịu những nông-nỗi khốn-nạn. Người nào biết cảm những cái thú tuyệt-phẩm thì lại phải chịu những cái khổ vô-cùng. Những đấng tài-hoa ở đời có lẽ là người đã lần lượt cảm hết cái sướng cái khổ của loài người rất sâu và rất mạnh vậy. »

Trong truyện *Kiều*, cái lý-tưởng ấy thường vãng-lai ở dưới ngọn bút cụ Nguyễn Du, như một câu thường-sáo vậy.

Ngay ở đầu truyện, câu [illegible] năm thứ sáu đã nói rằng:

Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói [illegible] đánh ghen.

Bởi thế nên nàng [illegible] phải mười-lăm năm diêu-đứ[illegible] số, không những là vì tiền-o[illegible] nghiệp-chướng đã đành, lại vì được [illegible] tài cái sắc hơn

người mà phải trả nợ với đời cho cân vậy.

Đã cho lấy chữ hồng-nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân! . . .

∴

Nay phải nói đến lối văn-chương và diễn-kịch ở xã-hội Á-Đông thế nào.

Xét ngay trong truyện *Kiều*, nàng Kiều là người chủ-động trong truyện, các việc xảy ra đều là lấy một người ấy làm then chốt. Thế mà trước sau chỉ có độ mươi dòng để tả cái hình-dáng diện-mạo của hai chị em cô Kiều. Còn cha mẹ và em trai, không có một lời nào là lời hình-dung tả-mạc. Lại thuộc về cách ăn mặc của bấy nhiêu người, cũng không có một câu nào. Mã Giám-sinh là anh lái buôn người, là một nhân-vật cũng giống như *Letellier* hay là *Philibert* trong tiểu-thuyết tây, thường ăn mặc chải-chuốt điểm-đót, khi đến mua Kiều, cũng chỉ tả có hai câu rằng:

Quá-niên trạc ngoại tứ-tuần,
Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao.

Đến những ả thanh-lâu đồ-đệ mụ Tú-bà, cũng chỉ tả không đầy một câu:

Bên thì mấy ả mày ngài,

thế mà thôi.

Từ Hải là người tướng giặc, sau phải lòng [illegible] Kiều, khi mới bước vào thanh-lâu, [illegible] có ba câu rằng:

Râu hùm, [illegible]m én mày ngài,
Vai năm tấc [illegible]ng thân mười thước cao.
Đường-đ[illegible] một đấng anh-hào. . .

Ấy tả người [illegible] trong truyện *Kiều* chỉ có mấy [illegible] mà thôi. Còn mười-lăm người nữ [illegible] trong truyện, không hề tả đến một [illegible] một chữ.

Văn-chương Á-Đông khác hẳn với văn-chương Âu-Tây như thế, cái lý-do tưởng cũng dễ giải.

Ở các xã-hội Âu-Tây ngày nay, tuy nói rằng cá-nhân là độc-tôn thì cũng không phải là đúng hẳn, nhưng cá-nhân thực là đúng vào cái bản-vị đệ-nhất, có thể hoàn-toàn tự-túc được. Văn-chương chẳng qua là phản-chiếu cái tình-trạng xã-hội, nhà làm thơ làm văn cũng chú-trọng đệ-nhất ở cá-nhân. Tả người nào thì tả rõ từng li từng tí, tự đỉnh đầu cho chí gót chân, nào mặt-mũi thế nào, nào đi đứng thế nào, nào là thói ăn cách ở, nào là chớp mắt động tay, nào là mặc thế nào, đi thế nào, nói thế nào, nhảy thế nào, ăn thế nào, uống thế nào, bắt người đọc phải biết cho hết không tha cho một tí gì. Cá-nhân thật là một cái bản-vị tuyệt-đích. Phàm những tình-ý cùng sự tham-dục của người ta, hình như khu cả vào nhân-thân một người. Nhà tiểu-thuyết dường như bới-móc tận trong tâm-hồn người ta mà phân-tách ra rõ-ràng, khác nào như đem tâm-hồn mà chiếu qua kính hiển-vi, như lời ông LAURENT TAILHADE đã nói vậy. Cả cái hứng-thú trong truyện là ở cái sướng cái khổ của một người, (như vai « *Madame Bovary* » trong truyện *Madame Bovary* của FLAUBERT, vai « *Jean Mintié* », trong sách *Le Calvaire* của MIRBEAU), ở cái tính-cách kỳ-dị hay là ở cái lối ăn ở lạ lùng của một người (như truyện *M. de Bougrelon* và truyện *M. de Phocas* của JEAN LORRAIN, truyện *Bel ami* của MAUPASSANT, truyện *Le monarque* của PIERRE MILLE, truyện *Jésus-la-Caille* của CARCO và nhiều sách khác nữa).

Ở xã-hội Á-Đông thì tuyệt-nhiên không có gì giống như thế; xã-hội Á-Đông là gốc ở chế-độ gia-trưởng, trên kia đã nói, nay lại nhắc lại cho thật rõ, chế-độ này không những là khác mà

lại trái hẳn các chế-độ cá-nhân ở xã-hội Âu-Tây.

Trong xã-hội Á-Đông, phàm lề-phép, luật lệ, phong-tục, hết thảy tư-tưởng của người ta không phải là gốc ở hai chữ Quyền-lợi như bên Tây, chính là gốc ở hai chữ Nghĩa-vụ. Đoàn-thể, như là nhà, làng, nước, mới là chỗ « cứu-cánh » ; còn tư-nhân chẳng qua là cái « phương-tiện » mà thôi.

Vậy thì điều quan-hệ không phải là những chuyện tâm-sự nhỏ-nhen rắc-rối của một người, chính là những mối cương-thường rất đáng tôn đáng trọng, làm nền gốc vững-vàng cho xã-hội, như sự lễ-nghĩa, việc tế-tự, lòng trung-quân ái-quốc, lòng hiếu-thảo với cha mẹ, sự tiết-nghĩa trong đạo vợ chồng, vân-vân.

Các nhân-vật trong truyện *Kiều*, người nào cao hay thấp, béo hay gầy, mặc xanh hay mặc đỏ, cái đó không có quan-hệ gì. Người trong truyện đây chẳng qua mỗi người chỉ là để đóng một vai trong xã-hội, cái bản-thân mình không có quan-hệ gì ; mỗi người có thể cho là một chân « phái-viên » phải làm một việc công cho xã-hội.

Ông Boissière đã nói rằng : « Ở nước Nam, cái thuyết cho tôn-chỉ mĩ-thuật là để cầu lấy sự đẹp, tức gọi là cái thuyết «duy-mĩ» (*l'art pour l'art*), thuyết ấy chắc không ai hiểu là nghĩa gì, vì việc văn-chương ở nước Nam bao giờ cũng coi là một cái chức-vụ của xã-hội. »

Như truyện *Kiều* cốt là ở nàng Kiều phải kén chọn bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn, thì chỉ có điều đó là quan-hệ mà thôi; còn ngoại-giả là thêm vào phụ vào, điểm-suyết vào cho vui chuyện mà thôi, chứ không có ý-nghĩa thâm-trầm gì cả.

Người Tây thấy cái quan-niệm về văn-chương như thế, cũng không nên lấy làm lạ gì. Ở Âu-châu, trước khi chủ-nghĩa cá-nhân toàn-thắng như bây giờ, tư-tưởng người ta cũng gần giống như tư-tưởng người Á-Đông

Không nói gì xa-xôi cho lắm, nói ngay về thời-đại ông Corneille, và thử xét các bài kịch của ông xem. Phần nhiều các bài ấy, cốt truyện là thế nào ? Là ở Ái-tình và Nghĩa-vụ xung-đột nhau. Chàng Lộ-địch phải chọn một bên là lòng thương yêu nàng Chimiên, một bên là nghĩa báo thù cho cha mình, cũng là bên hiếu bên tình phải quyết xem bên nào nặng hơn, há chẳng phải là anh em đồng-bệnh với cô Kiều nước Nam đó dư ?

Ở nước Pháp ngày xưa, nào ai có cho những cách hình-dung tả-mạc về tính-cách riêng của mỗi người là quan-hệ gì đâu ? Thật không ai nghĩ đến những lối văn-chương đó. Duy chỉ lấy cái bi-kịch trong tâm-tình người ta là quan-trọng, bi-kịch ấy là hiếu tình xung-đột nhau, mà kết-quả phải làm cho nghĩa-vụ thắng được dục-tình, như thế mới là không trái với lễ cương-thường trong xã-hội.

Ở xã-hội Á-Đông, phàm văn-chương là phải có cái ngụ-ý giáo-huấn cả, như thế thì kết-cấu bao giờ cũng phải theo cho đúng với lễ cương-thường. Còn những điều nhỏ-nhặt, những chuyện tây riêng thì cho là không quan-hệ gì. Như nàng Kiều sau khi về nhà lại tái-hợp với chàng Kim, tức là chiếm lấy cái địa-vị của em là Thúy-Vân, thì sánh với những điều cương-thường nghĩa cả, như vì lòng hiếu mà [illegible] bán mình chuộc cha, vì lời thề mà [illegible] lòng dám ở sai với người cũ, điều [illegible] có hề gì ? Xã-hội được vững [illegible] vì đấy, thì điều đó chẳng qua [illegible] là một điều tầm-thường không [illegible] an-hệ gì mấy.

Văn-chương phải [illegible] ngụ-ý khuyến-giới, diễn-kịch cũng [illegible]. Lối diễn-kịch và lối tiểu-thuyết, [illegible] ng qua là hai

cách khác nhau để phô-diễn cái tinh-thần của một giống người. Khác nhau chỉ ở hình-thức, ở cách diễn-đạt mà thôi. Còn gốc thì cũng là một.

Lối diễn-kịch của Tàu và của An-Nam phải coi là một cách dạy luân-lý; nhà làm luật chỉ cho diễn-kịch là để khuyên công-chúng làm điều lành, chứ không thể có cái mục-đích gì khác.

Thí-dụ như trong diễn-kịch Tây vai *Guignol* mà đánh lại quan cảnh-sát, hay là những chuyện gian-dâm ngoại-tình mà cho là chuyện bỡn-cợt thường, không có ảnh-hưởng gì đến xã-hội, cũng không phải tội-vạ gì, những chuyện đó thì lối diễn-kịch Tàu và An-Nam tuyệt-nhiên không có.

Ông Boissière có nói rằng: « Người An-Nam sợ tình-dục có thể làm cho giải-tán mất cái đoàn-thể gia-đình, cho nên thí-dụ như chuyện gian-dâm ngoại-tình không hề đem ra diễn-kịch bao giờ, và đối với người đàn bà dâm-đãng không có cái thái-độ khoan-dung như người Tây; người Tây thì khoan cho người vợ xằng mà lại có ý khinh người chồng bị lừa, hai điều đó người An-Nam tuyệt-nhiên không có.»

Nay diễn-kịch lấy gì làm chủ-não? Tất phải lấy những điều cương-thường làm gốc cho xã-hội, bảo-tồn lấy trật-tự cho xã-hội như trên kia đã nói.

Còn cái cảnh, cái cách hình-dung ra ngoài, thì tất cũng phải lấy những điều nghĩa cả ở [illegible] làm trọng hơn là những nông-nổi [illegible] riêng của mỗi người.

Cho nên [illegible] gọi là đánh dấu cho biết mà thi [illegible] Bên nước Anh về đời Shakespeare [illegible] cách bày cảnh trên sân khấu, chỗ nào [illegible] rừng thì để biển « đây là cái rừng », [illegible] nào là tỉnh-thành thì để biển « đây [illegible] thành »; cách bày cảnh của An-[illegible] tuy không đến thế, nhưng mà cũng [illegible] thế.

Như một người ra cái bộ-dạng thế nào, thế là hình-dung một ông tướng đi đầu quân, nhảy qua một cái vật nhỏ gì, thế là trẩy quân qua sông hay là tiến lên đánh thành.

Hết thảy là ước-định, là bịa-đặt, là tưởng-tượng ra cả, không có gì là sự thực, cũng không có gì là giống với sự thực nữa.

Trên kia có nói đến những bài kịch của Corneille, và nói rằng lối diễn-kịch ấy cũng như lối diễn-kịch của nước Tàu và nước Nam, chủ-não là ở sự xung-đột nghĩa-vụ với ái-tình, cái đó là uyên-nguyên tự tình-trạng xã-hội đời bấy giờ.

Muốn xét trong lịch-sử diễn-kịch của nước Pháp cho biết lối diễn-kịch cổ có bao giờ cũng có cái tính-cách khuyến-giới như ở Đông-phương không, thì cứ suy ngược lên trước đời Corneille một ít, sẽ thấy có một hồi lối diễn-kịch toàn là những « luân-lý-kịch », « thần-bí-kịch », « khôi-hài-kịch », đều có cái ngụ-ý răn đời hết cả. Là vì đời bấy giờ cái chủ-nghĩa cá-nhân chưa phát-hiện ra, mãi mấy thế-kỷ về sau mới tràn ra khắp xã-hội. Đời bấy giờ, diễn-kịch cũng như văn-chương vẫn còn lấy việc cương-thường xã-hội làm gốc, cá-nhân chẳng qua là tùy thuộc với cái nghĩa lớn đó mà thôi. Vả lại kịch mà gọi là « luân-lý-kịch » (*moralité*), tên ấy chẳng đã rõ lắm dư?

Xã-hội Á-Đông xưa chưa biết lối chớp bóng, chứ túng-sử biết thì lối chớp bóng chắc cũng phải theo một tôn-chỉ như văn-chương và diễn-kịch vậy, nhà làm luật chắc cũng dùng lối chớp bóng làm một cách để răn dạy người đời, và không khỏi đặt phép nghiêm trừng-trị kẻ nào làm sai mục-đích ấy.

.·.

Muốn phân-giải được hết những đặc-tính của xã-hội Á-Đông thì phải nói dài lắm, trong một bài luận như thế này, không thể sao cho khắp được. Tôi đã chủ-ý chỉ nói những điều đại-cương, điều cốt-yếu mà thôi. Tôi chỉ cố vẽ cái khung ra đó, còn những điều tiểu-tiết thì cái khung đã sẵn đấy, sau này xếp vào cũng dễ, cái đại-cương trên kia đã nói rõ rồi, cương-mục đã sẵn-sàng, các điều nhỏ vặt sẽ cứ suy-loại mà đặt đâu vào đấy cũng dễ.

Tôi đã giải-thích xã-hội Á-Đông là một xã-hội thuần-túy đặc-biệt thuộc về chế-độ gia-trưởng, tôn-giáo là đạo gia-đình, chủ-quyền là quyền phụ-huynh, nghĩa-vụ là lòng hiếu-kính, quyền-lợi là quyền-lợi của xã-hội, cá-nhân bao giờ cũng phải tùy-thuộc, mỗi người ta suốt một đời không lúc nào là không phải hành-dịch cho xã-hội. Suốt người trong nước đều như đúc một cái tâm-chí chung, là nhờ ở cái cổ-học trong nước đã tiềm-nhiễm vào mỗi người từ thủa nhỏ, hình như đem tư-tưởng mà đúc vào một cái khuôn chung, khiến cho người ta dẫu có kẻ trí người ngu, kẻ trí mắt trông xa hơn, người ngu không trông được xa bằng, nhưng hết thảy ai ai cũng nhìn về một hướng; trong xã-hội ấy quyền chủ-trương để riêng cho một bậc thượng-lưu, cho một hạng người có tài-trí do thi-cử mà lấy ra; điều lễ-nghi là điều trọng nhất, ai cũng phải theo cho đúng để giữ lấy trật-tự và kỷ-luật trong xã-hội. Nòi giống thì phải nối dõi lấy đời đời, và phong-tục phải giữ lấy cho thuần tốt, kẻ dưới bao giờ cũng phải kính-trọng người trên, hoặc là kẻ phụ-huynh trong gia-đình, kẻ quan-tư trong xã-hội, hay là người có tài-học, có niên-sỉ, có công-cán hay có đức-hạnh gì hơn người.

Kể thì còn có nhiều điều nên nói nữa, như các việc tế-tự của nhà nước, các sự lễ-bái trong dân-gian, các đạo riêng biết bao nhiêu mà kể; lại như cái tục-lệ đặt hương-hỏa là cái phần di-sản để riêng cho người con cả để lấy hoa-lợi mà thờ cúng tổ-tiên, nhưng phải giữ đời đời không được chuyển-dịch đi, cũng là một cái tục hay và lạ; lại những con đống thờ trong dân-gian, đầu nhất là con rồng; lại những tục rước-sách để đảo-vũ, để kỳ-yên, để trừ trùng, tục vào đám tế thần ở các làng, tục tiễn ông táo ngày 23 tết (ông táo đây cũng giống như ông thần bếp của La-mã ngày xưa); rồi đến tết nguyên-đán, tục riêng của các địa-phương, việc ma chay, việc cưới xin, những cuộc trai gái hát thi nhau như hát trống quân, hát quan họ; tục đương-cai ở các làng, tục nuôi lợn để tế thần gọi là «ông ỷ», tục nằm vạ, tục nộp cheo, v. v..

Độc-giả có ai hứng muốn biết những điều đó cho tường thì nên đọc những sách của các ông Luro, Silvestre, Dumoutier, Cordier. Lại những sách như sách «Đông-Pháp cùng với người Pháp» (*L'Indochine avec les Français*) của Jules Boissière, sách «Cổ Nam-Việt» (*L'Annam d'autrefois*) của P. Pasquier có nhiều đoạn văn-chương thật hay; sách «Dân-tộc Việt-Nam» (*Le Peuple Annamite*) của E. Langlet, nói tường-tất lắm.

.·.

Trở lên là phần thu[illegible]lý, nay ta mới lấy việc trong truyệ[illegible] *Kiều* ra mà chứng-giải, chọn những[illegible]ệc gì là thật xa thật khác với tư[illegible] và phong-tục của Âu-tây.

Trong phần thu[illegible] có chỗ nào người Tây lấy làm l[illegible] khó hiểu, có chỗ nào lấy làm tối[illegible] mập-mờ, thì

nay ta đem những việc thực ra thí-dụ chắc sẽ lý-hội được ngay.

Nay thử giả-thiết ở Âu-Tây có một nhà kia gặp sự tai-nạn bất-kỳ, cần phải có người nào tự hi-sinh đi thì mới mong cứu được cho toàn-gia. Vậy ai là người hi-sinh? Thường là người già, nhận lấy cái phần nặng-nề ấy mà bảo bọn trẻ rằng: «Thôi chúng ta già đã gần trọn đời. Chúng bay còn đương tuổi xuân-xanh, để mặc ta chịu khổ, chúng bay nên tìm cách cho thoát lấy thân.»

Cứ như con mắt người Tây thì cái cách xử-trí ấy cho là hợp lẽ lắm, hợp với cái chủ-nghĩa cá-nhân cho là người ta ở đời các hữu kỷ-phận, người trẻ phải để cho được sinh-hoạt trọn vẹn, cho thỏa cái sức vẫy-vùng ở đời.

Đối với người Á-Đông thì không thế, sự quan-niệm đã khác, cách xử-trí cũng khác.

Khi ông Vương-viên-ngoại bị bắt, nàng Kiều tức-khắc quyết chí bán mình để chuộc cha, không có ngần-ngại một chút nào. Tuy thề-thốt nặng lời với Kim Trọng, nhưng cũng chẳng hề gì. Bên hiếu bên tình, một bên là cái thú êm-đềm của đôi trai gái sắp được xum-họp cùng nhau, một bên là cái mệnh-lệnh nghiêm-khắc của luân-lý bắt làm con phải trọn đạo hiếu với cha mẹ, Kiều tuy đau-đớn trong lòng mà không do-dự một phút, quyết bỏ tình để giữ hiếu, quyết bán mình để chuộc cha, liều [illegible] cái thân trong ngọc trắng ngần mà [illegible] chịu lầm-than với đời, đành đem [illegible] hồn một tấm lòng xuân vào trong [illegible] tuyệt-vọng. Vương-ông thấy con c[illegible] nói như thế than khóc, thì nàng nói [illegible]:

Về chi m[illegible] c[illegible]h hồng-nhan,
Tóc tơ chưa [illegible] đền ơn sinh-thành.
Dâng thư đ[illegible] [illegible]en nàng Oanh,
Lại thua ả Lý bán mình hay sao?
Cỗi xuân tuổi hạc càng cao,
Một cây gánh vác biết bao nhiêu cành.
Lòng tơ dù chẳng dứt tình,
Gió mưa âu hẳn tan-tành nước non.
Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh lá còn xanh cây.

Ông đương cực-khổ trong lòng đã liều mình rắp muốn gieo đầu tường vôi, vậy mà nghe nàng khuyên-giải như thế, phải lời ông cũng êm tai.

Lại việc sau này cũng là một điều phong-tục riêng của Á Đông, người Âu-Tây không khỏi lấy làm lạ.

Kiều đã thề kết tóc xe tơ với Kim Trọng, sau vì phải bán mình chuộc cha nên không thể giữ được lời thề. Giá như ở Âu-châu thì chuyện đến đó là thôi; hai bên không thể lấy nhau được nữa, thế là không còn gì nữa. Ở đây thì không thế. Vẫn biết rằng Kiều đã tự hứa mình làm vợ Kim Trọng, nhưng trong lời hứa đó là cốt nhất cam-đoan với Kim Trọng lập thành gia-thất. Cái mục-đích là cốt để sinh lấy đứa con trai cho nối dõi tông-đường và sau này thờ-phụng tổ-tiên. Còn cái tình-ý riêng của cá-nhân, nghĩa là bên trai bên gái ở đây, thì sánh với cái nghĩa cả của gia-đình của xã-hội, dường như không coi vào đâu vậy. Cho nên ngay đêm hôm Kiều đã quyết bán mình chuộc cha, nói thật với em là Thúy-Vân rằng mình có tình với Kim Trọng, đã thề lấy Kim Trọng làm chồng, nay không thể trọn được lời thề, xin em thế chân cho mình, nói thế một cách rất tự-nhiên không có ngần-ngại gì. Không xét đến hai người dung-nhan hay tính nết có hợp nhau không, cho điều đó là không quan-hệ gì, không coi vào đâu, đối với cái nghĩa-vụ kia còn trọng-đại hơn, là lời thề phải giữ cho trọn và cái gia-thất đã định lập phải lập cho thành. Sau khi Kim đã lấy Vân rồi, lòng vẫn còn

tương-tư Kiều, công-nhiên cho đi dò-la tìm-tòi khắp mọi nơi, cả nhà cũng biết. Thế mà Thúy-Vân không hề lấy làm mếch lòng một chút nào. Một hôm Vân nằm chiêm-bao thấy Kiều, tỉnh ra nói lại cho chồng nghe, chàng cũng bán tín bán nghi, nhưng trong lòng vẫn ước-ao rằng có ngày rồi cũng tìm thấy Kiều, cho nên công-nhiên nói :

Trong cơ thanh-khí tương-tầm,
Ở đây hoặc có giai-âm chăng là.

Và hôm sau ra công-đường cho đi hỏi tra ngay, không sợ mất lòng Vân một chút nào. – Không những thế mà thôi. Khi đã tìm thấy Kiều rồi, chính Vân đứng lên trước nhất nhắc lại lời thề của chị ngày xưa, tự-nguyện xin nhường lại chỗ cho chị, nói rằng :

Rằng trong tác-hợp cơ trời,
Hai bên gặp-gỡ một lời kết-giao.
Gặp cơn bình-địa ba-đào,
Vậy đem duyên chị buộc vào cho em.
Cũng là phận cải duyên kim,
Cũng là máu chảy ruột mềm chứ sao.
Những là rầy ước mai ao,
Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình.
Bây giờ gương vỡ lại lành,
Khuôn thiêng lừa-lọc đã đành có nơi.
Còn duyên may lại còn người,
Còn vầng trăng bạc còn lời nguyền xưa.
Quả mai ba bảy đương vừa,
Đào non sớm liệu xe tơ kịp thì. . . .

Lại mấy việc như sau này nữa cũng tỏ ra phong-tục Đông Tây thực là khác nhau hẳn.

Như ở Âu-châu người vợ theo có mấy khi là tỏ ra kính-trọng người vợ cả. Thế mà Kiều sau khi được Thúc-sinh chuộc ở lầu xanh ra lấy làm vợ lẽ, thường khuyên chồng về thăm vợ cả là Hoạn-thư, lời nói có ý kính nể, như rằng :

Trộm nghe kẻ lớn trong nhà,
Ở vào khuôn phép nói ra mối giường.

Lại khi Hoạn-thư định lập mưu hại Kiều, bàn với mẹ nói rằng :

Dọn thuyền lựa mặt gia nhân,
Hãy đem giây xích buộc chân nàng về.
Làm cho cho mệt cho mê,
Làm cho đau đớn ê-chề cho coi
Trước cho bõ ghét những người,
Sau cho để một trò cười về sau.

Mẹ Hoạn-thư là một bậc mệnh-phụ, không phải người thường, không những không can con, không khuyên nên nguôi lòng tức giận mà tha-thứ cho người, lại khen là chước rất mầu mà chiều con dạy cho mặc dầu ra tay. Vả phu-nhân không có lẽ cho việc đó là một sự hiểm-độc không nên làm. Cứ lẽ tự-nhiên, ai làm hại mình mình phải hại trả. Cách trả thù đó không có gì trái với đạo-lý. Không những không trái với đạo-lý mà lại có cái hiệu-quả sửa lại cái thế quân-bình tự tay Thúy-Kiều đã làm sai lệch đi. Tức như Thúy-Kiều quyến-dũ Thúc-sinh làm cho «mặn tình cát-lũy nhạt tình tao-khang», thế là mắc nợ với xã-hội. Nợ ấy, cứ lý đương-nhiên, cứ lẽ chánh-đáng, nên phải trả mới được. Trong trường-hợp này, những cái lý-tưởng nhân-từ quảng-đại, hay tha-thứ cho kẻ tội-lỗi, là gốc chủ-nghĩa nhân-đạo của Âu-Tây, không những không thích-hợp, mà có lẽ người Á-Đông lại cho là vô-lý nữa. Tức như lời Khổng-phu-tử dạy: «*dĩ trực báo oán, dĩ đức báo đ*[illegible]», nghĩa là kẻ làm ác với mình [illegible] mình lấy thẳng mà đối lại, kẻ có đ[illegible] lý với mình mới phải lấy đức mà báo [illegible].

Lại khi ngay trước n[illegible] Thúc-sinh, Hoạn-thư làm tội Ho[illegible] là Thúy-Kiều) điêu-đứng đủ [illegible] trong bụng chắc cũng cho thế [illegible] đáng lắm Thúy-Kiều phải chị[illegible], mà Thúc-sinh trông thấy thế [illegible] lòng, thế là

đáng cho hai người. Hai người đã có lỗi với người vợ cả, nay phải chịu khổ mà chuộc tội là rất phải.

Còn một điều nữa, có lẽ có người cũng hơi lấy làm lạ, là Thúy-Kiều là một người rất hiếu, lại là người rất trung với lời thề, thế mà sao lại chung-tình với Thúc-sinh, rồi với Từ Hải nữa. Người Âu-Tây tưởng có thể cho cách ăn ở như thế là chửa được hoàn-toàn, có thể chê được. Song sự chung-tình của Thúy-Kiều, không phải là không có lẽ và cũng khả-nguyên được.

Kiều có thề-thốt nặng lời với Kim-Trọng thật, cam-đoan đem tấm thân trong sạch cống-hiến cho Kim-Trọng, đó là cái nghĩa-vụ của người con gái đối với sự kết-hôn là việc hệ-trọng ở đời phải nên thế. Sau vì hiếu với cha phải đem hi-sinh mất cái thân mình đi, làm một đứa kỹ-nữ tầm-thường, thì từ đây không sao giữ được lời thề nữa, không xứng-đáng làm vợ Kim Trọng nữa rồi; sau hai người lại gặp nhau, Kim Trọng cố khuyên-giải cho Kiều nghe rằng chữ trinh cũng có ba bảy đường, có khi biến có khi thường, và như nàng lấy hiếu làm trinh thì « bụi nào cho đục được mình ấy vay »; chàng cố khuyên nàng lại kết tóc xe tơ, thì nàng cũng nề lòng, nhưng nhất-định không chịu, vì trong lòng tự cho tình cũng trọng bằng hiếu, và xét mình cái thân trần-cấu không dám dự vào bậc bố-kinh. Nay Kiều đối với Thúc-sinh và Từ Hải thì không có t[illegible], không hề có thệ-hải minh-sơn như đ[illegible] với Kim Trọng, không hề có nặng lờ[illegible] thề thốt để cùng nhau lập-thành gia-t[illegible]. Gặp nhau chẳng qua là ngẫu-nhiên [illegible] chốn lầu xanh, mà bọn kia là khác [illegible] qua lại. Chốn lầu xanh là một [illegible] khổ-hải, mà gặp hai người kia có [illegible] thương đến nàng ân-cần đối với [illegible] lại phù-trì giúp đỡ cho nàng, nà[illegible] lòng vị cái lòng tự-nhiên biết ơn [illegible] mình ra quyến-luyến với hai người. Cụ Nguyễn Du vốn mang tấm lòng bác-ái, mỗi câu thơ như ngậm-ngùi thương xót cho những nỗi khổ tình thương ở đời, chắc cụ cũng cho cách nàng ăn ở như thế là điều tự-nhiên, không đáng trách gì. Tưởng các nam-nữ độc-giả, đọc truyện *Kiều* đối với nàng Kiều cũng không nên nghiêm-khắc hơn tác-giả vậy.

Sau hết xét đến đoạn kết trong truyện, chắc nhiều người Tây không khỏi ngạc-nhiên lấy làm lạ. Hoặc-giả nói rằng: « Chàng Kim kia tương-tư Kiều trong mười-lăm năm, đến ngày hai người được tái-hợp, Kiều lại nhất-định không chịu, chỉ vì chút lòng danh-dự quá nghiêm. Bộ tiểu-thuyết kết như thế không được ổn » Những người sẵn mối cảm-tình chắc là thương chàng Kim Trọng đã có công đợi chờ mong-mỏi trong bấy lâu mà không nên công-chuyện gì. Cứ theo cái chủ-nghĩa cá-nhân của Âu-Tây thì thương như thế là phải lắm. Nhưng đối với tư-tưởng người Á-Đông thì cách cụ Nguyễn Du kết-thúc truyện *Kiều* như thế cũng là chánh-đáng lắm. Cụ đặt lẽ cương-thường của xã-hội cao hơn sự tình-dục riêng của người ta. Nhân đó việc hi-sinh của nàng Kiều lại có một cái giá-trị cao-quí hơn nữa. Nàng tự bỏ cái ái-tình riêng để cho trọn đạo hiếu, thành một việc cử-động có cái ý-nghĩa rất thâm-trầm. Tức là đem cả tâm-thân mình mà làm hi-sinh cho thần nghĩa-vụ. — Tác-giả năm trước có làm một bài thơ luật, thuộc về thể *sonnet*, để là « Kim và Kiều », để tóm tắt cái nghĩa thâm-trầm trong truyện *Kiều*; bài thơ ấy tả cái lúc Kim và Kiều tái-hợp, Kiều than mình như cái hoa rữa nhị tàn, ong qua bướm lại đã thừa xấu-xa rồi, không đáng làm vợ Kim nữa, nhưng Kim nắm lấy cái hoa ngửi, thì lạ thay! thấy có một mùi thơm khác thường, ngọt-ngào hơn cả

cái thanh-hương cũ : là mùi thơm của lòng hiếu-thảo vậy. (1)

Thúy-Kiều vừa bị khổ vì tình, vừa bị khổ vì hiếu, phong-trần đầy-đọa mà vẫn trong-sạch thanh-cao, từ đấy đành khép cửa phòng thu, chẳng tu mà cũng như người đi tu, để tiêu-biểu cho đời một cái lý-tưởng rất cao, thân là nhi-nữ mà đáng bậc thánh-thần, như có cái hào-quang sáng quắc chiếu-diệu muôn đời rậy.

. .

Truyện *Kiều* của cụ Nguyễn Du thật là một nền văn-chương kiệt-tác, tưởng có thể sánh với những văn-chương kiệt-tác của bất-cứ đời nào nước nào cũng không thua vậy. Người Pháp hoặc có người đọc truyện *Kiều* mà cho lời nói ấy là lời nói ngoa, thì quyết không phải là tại truyện không hay, chỉ tại người dịch không đủ tài mà diễn được hết cái tinh-thần trong truyện mà thôi.

Ta đã nói rằng trong xã-hội Á-Đông, phàm văn-chương diễn-kịch đều phải có cái ngụ-ý khuyến giới cả, như thế thì đầu đề cho nhà làm văn chẳng qua quanh đi quẩn lại chỉ có mấy cái đề nhất-định về trung-hiếu tiết-nghĩa mà thôi.

Thành ra nhà làm sách ở nước Tàu và nước Nam không được rộng đường mà kén chọn, việc kết-cấu soạn-thuật lại càng khó-khăn lắm. Cụ Nguyễn Du vì lẽ đó bị bó-buộc không được rộng đường xoay-xở bằng các nhà văn ở đời khác và nước khác. Văn-chương mà chỉ toàn một mặt khuyê đạo-đức cả, thời có phải vẫn có ý lạt-lẽo hơn là những lối văn-chương được tự-do kích-thích cái bụng dục của người ta không ? Ở các nước khác, vì văn-chương hay mĩ-thuật chỉ có một cái mục-đích khuyến-thiện như thế mà thôi, thì thử hỏi thiên-hạ có lắm kẻ đua nhau đến hiệu sách mua sách, hay đến nhà hát nhà chớp bóng để xem diễn-kịch hay xem chớp bóng hay không ?

Trong những cái đề ma nhà văn ở nước Nam có thể mượn để đặt truyện được, cụ Nguyễn Du chọn ngay cái đề quan-trọng nhất, đủ tiêu-biểu được cái tâm-lý của người Việt-Nam.

---

(1) Nguyên-văn bài thơ này đã đăng trong Phụ-trương *Nam-Phong* số 77, nay lại lục-đăng ra đây để các nhà thông pháp-văn thưởng-giám :

«Non, ne m'appelez pas votre femme chérie :
Trop d'abeilles et trop de papillons joyeux ;
Hélas ! ont butiné le calice soyeux
De Kiều qui maintenant n'est qu'une fleur flétrie...

Le corps souillé, l'esprit honteux, l'âme meurtrie,
Si j'acceptais l'hymen, que serais-je à vos yeux ?
La corolle a perdu les parfums précieux
Qui jadis embaumaient sa chaste et simple vie...»

Mais Kim entre ses bras ayant saisi la Fleur,
Et la prenant avec amour contre son cœur,
A longs traits respira les frissonnants pétales...

O prodige ! de Kiều s'exhalait un parfum,
Un pur et doux parfum de piété filiale
Mille fois plus grisant que l'arome défunt !

và có thể cảm-động tình-tình của công-chúng, là cái dề chữ hiếu, cụ nhân cái dề ấy mà kết-cấu ra một cách tài-tình vô-cùng.

Cái dề ấy kể cũng nghiêm-khắc lắm, thế mà cụ đặt thành ra một truyện rất hứng thú, lấy chữ hiếu làm trụ-cốt mà đặt thêm ra ngoài vô-số những tình-tiết khi vui-vẻ, khi buồn-rầu, có hoạt-động, có khí-sắc, khiến cho người đọc từ đầu đến cuối bao giờ cũng thấy có hứng-vị, mà cái khung-khổ truyện vẫn giữ được đều-đặn, không có đoạn dài quá đoạn ngắn quá, chỗ rườm-rà hay chỗ hụt nghĩa bao giờ.

Người ta thường chê văn-chương An-Nam là kết-cấu vụng, truyện *Kiều* thì thật không thế. Không ai có thể trách là truyện không có kết-cấu, hay là văn không có khí-sắc được.

Phần nhiều các sách văn-chương của Tàu và của An-Nam không biết khéo sắp đặt cho các bộ-phận đối-chiếu nhau đều-đặn. Đến như truyện *Kiều* thì lại sắp-đặt khéo lắm, các việc liên-tiếp nhau từ đầu đến cuối không có gián-đoạn chỗ nào mà cũng không có chỗ nào rườm-rà vô-ích.

Cụ Nguyễn Du có ngọn bút tả-cảnh rất tài, trong truyện có vô-số những bức tranh nho-nhỏ xinh-xinh, nét vẽ vừa thanh-tao mà vừa diễm-lệ. Chỉ mấy nét bút, chỉ và bốn câu thơ mà vẽ nên phong-cảnh rất có khí-sắc và rất có cảm-[illegible]h, giống như lối thơ *hai-kai* của N[illegible] bản mà có ý tinh-tế hơn.

Nét bút [illegible] cụ Nguyễn Du biến-hóa vô-cùng, tả [illegible] cái vui cái buồn, cái mĩ-miều diễm [illegible] ủ-dột u-sầu, giọng cao-thám, [illegible] thánh-thót, sự hốt-hoảng, sự ki[illegible] tả cái gì cũng là tài cả, không [illegible] hụt một tí gì.

Ngay trên [illegible] truyện, tả cảnh mùa xuân:

Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo-mộ hội là đạp-thanh. . . . .

Lại cảnh trăng đêm:

Mặt trời gác núi chiều đà thu-không,
Gương Nga chênh-chếch dòm song,
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân,
Hải-đường lả ngọn đông-lân,
Giọt sương gieo nặng cành xuân la-đà.

Lại đoạn Kiều rền-rĩ cả đêm, bấy giờ đã gần đến sáng, có mấy câu tả cảnh rằng:

Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng,
Nách tường bông liễu bay ngang trước mành.
Hiên tà gác bóng nghiêng-nghiêng...

Lại mấy câu sau này tả lúc Kim Trọng nhớ nơi kỳ-ngộ lại trở lại thăm:

Một vùng cỏ mọc xanh rì,
Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu.
Gió chiều như gợi cơn sầu,
Vi-lô hiu-hắt như mầu khơi trêu.

Các nhà làm văn tây hay tả cảnh những khi trưa nắng trang-trang, người ta uể-oải, cụ Nguyễn Du thì không ưa những cái cảnh nồng-nàn ấy, cho là không có cái thi-vị gì. Cụ ưa những cái cảnh mặt trời mới mọc buổi sáng, giọt sương gieo nặng trên cành, cái cảnh gió chiều hiu-hắt, trăng đêm dịu-dàng. Cái hồn thơ của cụ như có đan-díu với chị Hằng, cho nên hay ưa những chốn hàn-quang tịch-mịch. Hồn đa-sầu, nhưng không có những giọng than khóc vỡ-lở, mà chỉ tỉ-tê thánh-thót một mình, buồn mà chỉ buồn một cách dịu-dàng êm-ái, kín-đáo xa-xôi mà thôi. Lúc nào cũng nghĩ đến cuộc phù-sinh là cõi thay đổi, vinh-khô đại-[illegible] là lẽ thường của trời, cho nên hay ưa cảnh thu-tiêu-sái hơn là cảnh hạ nồng-nàn. Trong truyện *Kiều* có tả cả bốn mùa kế-tiếp nhau. Trên kia đã kể mấy đoạn tả về cảnh xuân.

Mùa xuân là mùa cảnh-vật như cải-tân hết cả. Đêm đông dài dằng-dặc, sang xuân đã thấy ngắn dần. Trời còn u-ám mưa phùn mà đã thấy khí ấm-áp báo tin cho biết cảnh tân-xuân sắp tới. Cây đâm chồi nẩy lộc, đồng ruộng xanh rờn, con chim trên cành học nói.

Ngày xuân thấm-thoát :

Đào đà phai thắm sen vừa nẩy xanh.

Nay xuân đã qua :

Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua.

Đã bắt đầu chuyển sang mùa hè.

Dưới trăng quyên đã gọi hè,
Đầu tường lửa lựu lập-loè đâm bông.

Cảnh cuối hè sang thu thì :

Sân ngô cành biếc đã chen lá vàng.
Dậu thu vừa nẩy dỏ sương. . . .
Sen tàn cúc lại nở hoa . . . .

Nhưngduy có mùa thu là cụ Nguyễn Du có ý ưa chuộng hơn cả. Cảnh thu tiêu-sái, có ý hợp với tấm lòng đa-sầu của cụ,

Rừng phong thu đã nhuốm mầu quan-san.

Sau hết cụ tả đến mùa đông lạnh-lẽo, giá phủ tuyết che.

Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu. . . . .
Bạc phau cầu giá, đen rầm ngàn mây. . . . .

Trong truyện *Kiều* còn nhiều đoạn tả cảnh rất hay, như đoạn Thúc-sinh nghe lời Hoạn-thư khuyên lên đường để trở lại Lâm-chi.

Vó câu thẳng ruổi nước non quê người.
Long-lanh đáy nước in trời,
Thanh xây khói biếc non phơi bóng vàng.
Roi câu vừa dóng dặm trường. . .

Lại đoạn Thúc-sinh biệt Thúy Kiều để về thăm vợ.

Dặm hồng bụi cuốn chinh-an,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa-xôi.
Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường

Còn nhiều đoạn hay nữa, không thể kể hết được.

Những đoạn tả cảnh thiên-nhiên mà có cái vẻ phong-thú đặc-biệt như thế, là tác-giả có chịu ảnh-hưởng của cái Lão-học thuần-túy nhiều.

∴

Tôi thường nghe thấy nhiều người không biết một tiếng An-Nam, không biết một chữ nho nào, chỉ nghe hơi đoán chừng mà quyết rằng truyện *Kiều* chẳng qua là phỏng chép của sách Tàu, không có giá-trị gì, và đại-loại các sách văn-chương An-Nam toàn như thế cả. Cái ý-kiến ấy thật cũng không có giá-trị gì.

MOLIÈRE soạn bài kịch « Người keo lận »(*l'Avare*) là lấy truyện trong bài bài-kịch *Aulularia* (Chuyện cái nồi), của nhà soạn kịch La-mã PLAUTE. RACINE soạn bi-kịch cũng lấy truyện của Hi-lạp, của La-mã, cả của Do-thái nữa. CORNEILLE thì có bài kịch trứ-danh nhất là lấy tích của Tây-ban-nha. Đến truyện ngụ-ngôn của LA FONTAINE cũng nhiều bài bắt-chước truyện cũ ESOPE. Có ai nhân thế dám nói rằng văn-chương nước Pháp là văn-chương đi chép cả, không có gì là cái tinh-thần cố-hữu không ?

Phàm xét văn-chương không cần phải xét rằng sự-tích là mượn của ngoài hay là tự tác-giả đặt [illegible] chỉ nên xét rằng tác-giả kết-cấu t[illegible]ện ấy ra tiếng nước mình, có thêm [illegible]ực ra cái đặc-sắc gì không, có hồ[illegible] theo được cái tinh-thần của tổ-quốc [illegible]nh không. Nay truyện *Kiều* của [illegible]uyễn Du thật là có cái tinh-th[illegible]ặc-biệt của nước Nam ở đó.

Cụ có lấy sự-tích ở [illegible]ện Tàu thật, nhưng mà cụ kết-cấu [illegible] lối An-Nam,

thật là hợp với tính-tình người Việt-Nam, lời văn cũng thuần-túy là giọng An-Nam cả. Truyện *Kiều* thật là một nền quốc-văn hoàn-toàn của nước Nam. Trong suốt văn-chương nước Pháp, dễ không có một tập thơ tập văn nào phổ-thông trong dân-gian bằng truyện *Kiều* ở nước Nam. Thật không có một người An-Nam nào bất-cứ sang hay hèn, giàu hay nghèo, mà lại không biết đến truyện *Kiều*.

Là vì truyện *Kiều* biểu-dương cái lòng hiếu-thảo, thật là ám-hợp với cái tính-tình sâu-xa của cả nòi giống. Tác-giả muốn kích-động mối cảm-tình của công-chúng, nên dùng lời văn giản-dị, có chỗ như giọng thật-thà (thật-thà mà không phải là không lịch-sự, không văn-vẻ vô cùng), bởi thế nên nhiều đoạn ý-tứ đã cảm-động, mà đọc lên có cái giọng thiết-tha lại càng cảm-động hơn nữa.

Cuối truyện *Kiều* tác-giả có hai câu nói rằng :

Lời quê góp nhặt dông-dài,
Mua vui cũng được một vài trống canh.

Là có ý như xin lỗi với độc-giả đã dùng những lời quê dông-dài mà kể truyện, cho là không-được văn-chương chải-chuốt cho lắm. Nhưng cụ Nguyễn Du làm thế là cụ có cái thâm ý của cụ. Cái thâm-ý ấy thật đã đạt được hẳn-hoi vậy. Ngày nay không có một người An-Nam nào ngâm truyện *Kiều* mà không thấy trong lòng xôn-xao cảm-động, lặng-lẽ buồn-rầu. Cả nước mê truyện *Kiều* đến tin như [illegible] cái đức-tính thiêng-liêng gì vậy [illegible] với nhiều người, nhất là đàn bà, tin [illegible] truyện *Kiều* thành như một quyển sách [illegible], quyển sách số để xem truyện [illegible] lại. Gặp sách lại khấn, rồi mở [illegible] cờ vào đoạn nào đọc đoạn ấy là [illegible] đoán nghĩa, thế là biết việc mình [illegible] bói. Như rắp định làm việc gì, thì [illegible] mà đấy biết việc nên chú[illegible] hay việc không nên, việc hay hay việc dở ; chắc đoán cũng phải dụng-công, cũng phải dựa-dẫm ít nhiều, nhưng bao giờ cũng đủ khiến cho người ta tin được.

Một nhà văn-sĩ, làm có một quyển thơ mà tiêu-biểu được tâm-hồn cả nòi giống của mình, cất lên những giọng thiết-tha cảm-động như thế, thì vẻ-vang sung-sướng biết dường nào !

Còn lâu mãi về sau này, những khi đêm khuya thắp ngọn đèn mờ ở những nơi nhà gianh vách đất trong nước Nam kia, còn có những người già cả tóc bạc, kẻ thiếu-phụ ngây-thơ, ngồi họp nhau mà ngâm mà kể truyện *Kiều*, càng ngâm càng lấy làm hay, kể mãi không biết là chán, mà lại càng cảm-thương cái thân-thế cô Kiều vì lòng hiếu-thảo mà phải chịu khổ-sở long đong suốt một đời.

∴

Người ta lại còn trách chung các nhà làm sách An-Nam và trách riêng cụ Nguyễn Du là viết bằng tiếng An-Nam mà hay nhớ chữ sách Tàu, lạm-dụng điển-tích của Tàu nhiều lắm. Lời trách ấy cũng không được chánh-đáng như lời trách trên kia. Ông CORDIER trong sách « Lược-luận về văn-chương An-Nam », đã bác hẳn lời ấy. Ông có dẫn lời của ông giáo ABEL DES MICHELS nói rằng người Tây cũng thường hay có thói dẫn-chứng bằng các cổ-văn La-mã, rồi kết-luận rằng : « Xét trong văn-chương Thái-Tây ta chẳng thấy vô-số những điển-tích về truyện thần-tiên Hi-lạp La-mã đấy dư ? Có phải chỉ có người An-Nam mới có tính hay phỏng cổ hay là hay bắt-chước của ngoài không ? Các nhà danh-văn nước Pháp về thế kỷ thứ XVII dễ thường không phỏng-chép gì của EURIPIDE, của ARISTOPHANE, của ESOPE, đấy nhỉ ? Đã có hồi văn-chương nước Pháp

chịu ảnh-hưởng của Tây-ban nha sâu lắm. Văn-chương Pháp mượn chữ của cổ-văn La-Hi nhiều, nhờ đó mới có cái vẻ trang-nghiêm tốt-đẹp lên nhiều, lại phỏng theo các lối văn của cổ-nhân cũng nhiều, nhờ đó mới được phong-phú như bây giờ; văn-chương Pháp có phải vì nhờ vì mượn như thế mà biến mất cái quốc-tính đặc-biệt đi chút nào không? Có một điều phải nên nhớ, là phàm tiếng nói không phải một ngày mà thành, khác nào cũng như đất bồi phải năm ấy tháng khác mới đắp dần nên được. Người nào trách người An-Nam mượn cái «văn-chương sẵn» của người Tàu, là trách lầm. Người An-Nam chỉ mượn cái đầu bài, cái đề-mục, cái nét phác-họa của Tàu mà thôi, rồi tự tay mình thêu-dệt, tự tay mình vẽ-vời, tự tay mình trước-sắc lấy. — Phần nhiều các truyện các tích là ở Tàu thật, nhưng mà truyện nào cũng lộ ra cái tinh-thần Việt-Nam, cũng có một cái thể-cách riêng của nước Nam, cần phải nghiên-cứu cho kỹ.»

Lại còn có người chê truyện *Kiều* như sau này nữa mới kỳ. Nhà phê-bình lạ-lùng đó tên là VILLARD, chê truyện *Kiều* là dâm-thư, có bình-phẩm truyện *Kiều* mấy câu, ông CORDIER thuật lại như sau này:

«Ở một xứ cái thói dâm-bôn thịnh-hành như nước Nam, truyện *Kiều* soạn ra là để làm một món tiêu-khiển cho ông vua phóng-túng... Truyện *Lục Vân Tiên* sánh với truyện *Iliade* của Hi-lạp thì cũng hơi có ý miễn-cưỡng thật, nhưng truyện *Kiều* mà sánh với bộ tiểu-thuyết hối-dâm của hầu-tước SADE đề là *Justine*, thì thật là hợp lắm. Trong truyện *Kiều* có lắm đoạn tả về sự dâm-dục một cách không thể dung được, vân-vân.»

Ấy lời phê-bình truyện *Kiều* như thế, phỏng đã lạ-lùng chưa? Hay là nhà phê-bình không biết mà nói mờ, hay là có biết mà cố-ý nói sai? Xin độc-giả đọc truyện *Kiều* rồi tự phán-đoán lấy. Một nền văn-chương chủ-ý là để biểu-dương lòng hiếu-thảo, mà dám cho là sách hối-dâm thì thật là câu chuyện trái-ngược quá, hay là tỏ ra một người lập-tâm bài-bác, không xét thực hư thế nào.

Vẫn biết rằng nàng Kiều phải bán mình để chuộc cha, nhưng khi bán mình nào có biết sa chân vào hang hùm hang sói nào. Rồi sau mà hết lầu xanh nọ đến lầu xanh kia, là sự khốn-nạn bất-đắc-dĩ, chứ nào có phải nàng muốn thế đâu. Kiều không phải là con người dâm-bôn. Như lời bà sư Tam-hợp nói, nàng có mắc điều tìn-hải mà khỏi điều tà-dâm. Cũng vì như bông hoa sen trong câu hát, mọc dưới bùn mà không nhiễm hôi - tanh mùi bùn. Ong qua bướm lại cũng không làm cho giảm cái hương - sắc của bông hoa được. Khi tái-hợp chính Kim Trọng đã nói rằng:

Như nàng lấy hiếu làm trinh,
Bụi nào cho đục được mình ấy vay....
Hoa tàn mà lại thêm tươi,
Trăng tàn mà lại hơn mười rằm xưa...

Lại nói rằng:

Gương trong chẳng chất bụi trần,
Một lời quyết hẳn muôn phần kính thêm.

Suốt trong truyện *Kiều* là có cái khí-vị thanh-cao như thế cả. Đến những đoạn tả những truyện khó tả, cũng không hề tả - chân [illegible] một cách thô-tục bao giờ. Thơ c[illegible] Nguyễn Du không có lời tục. Nói c[illegible]ện tục mà lời vẫn thanh, cho nê[illegible] chuyện gì độc-giả cũng không l[illegible] làm ngượng tai. Khéo dùng nh[illegible]ời vi, những câu giải, khiến c[illegible]-lễ bao giờ cũng có lễ-phép ngh[illegible] trang, vẫn có ý kính-trọn[illegible] người [illegible] chứ không có lấy cớ tả-thực mà r[illegible]ng sỗ-sàng bao giờ.

Xem như một đoạn Tú-bà dạy Thúy-Kiều về cái nghề-nghiệp của bọn lầu xanh thì đủ biết. Cả bài học chỉ tóm lại có một câu :

Này con thuộc lấy làm lòng
Vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề.

Trong truyện Tàu bản chữ thì bảy chữ tám nghề có kể ra rõ-ràng cả, thô-tục vô-cùng. Cụ Nguyễn Du chỉ nói tóm có một câu như thế mà thôi, người đọc không ai nghĩ đến chuyện gì là chuyện dâm-dục cả.

Từ đầu đến cuối truyện *Kiều* đều một giọng nghiêm-trang như thế cả. Thế mà có kẻ cho là sách hối-dâm thì một là dốt-nát không biết, hai là giả-dối nói xằng vậy. . . .

Nguyên-văn chữ Pháp của
RENÉ CRAYSSAC
T.-C. *dịch*

VẤN-ĐỀ HƯƠNG-CHÍNH Ở BẮC-KỲ NGÀY NAY

Phàm đã có chút tư-tưởng về cái học chính-trị ngày nay, ai cũng công-nhận rằng cái chính-sách « địa-phương tự-trị » có phát-đạt thì nhân-dân mới được thực-tế hưng-thịnh mà giúp nên cho nhà nước được thực-tế hưng-thịnh. Song về phần tôi thì tôi quyết đoán rằng cái chính-sách đó không những có thực-lợi cho cái nước mà Chính-phủ với nhân-dân cùng quan-hệ một cái cảm-tình mật-thiết với nhau, mà đến cái nước Chính-phủ với nhân-dân hãy mang cái cảm-tình hoài-nghi, cũng đều có thực-lợi cả, không những lợi về vật-chất, về kinh-tế mà lợi cả về cái tình cảm đáng tin cậy nhau nữa.

Cái thuy[illegible]rỡng-lợi ấy cũng là một thuyết mới [illegible] ở đây, nếu nghiên-cứu cho phát ra [illegible]ợc lẽ thực, tưởng không phải là một [illegible]ộc hư-dâm.

Người nh[illegible] nước Nam ngày nay thấy ai dự b[illegible]ệc chính-trị thì họ hay nhại một [illegible]phát-mẻ rằng: « Bản sao cho ích-[illegible]i-dân thì bản » Họ cho nghĩa chữ [illegible]c » đó là Chính-phủ Bảo-hộ, ý họ ấ[illegible] rằng việc dã ích-quốc thì không lợi-dân, mà đã lợi-dân thì không ích-quốc được. Câu nói có ý hoạt-kê mà không phải là vô-lý cả. Luận-giả bàn đây cũng không thể không đồng-do với cái dư-luận thật-thà ấy. Song luận-giả tin rằng đến như cái chính-sách địa-phương tự-trị, tức là cái việc cải-lương hương-chính Bắc-kỳ ngày nay mà biết làm và làm cho phải phép thì thế nào cũng « ích-quốc lợi-dân » được.

Một cái nền dân-chính tốt đẹp đã thí-nghiệm ra khắp các hạng xã-hội như xã-hội Âu-châu, Mĩ-châu, đến xã-hội Đông-Á, nh[illegible] Nhật-bản là những chỗ văn-hóa, giố[illegible]g nòi khác nhau, mà đến đâu cũng đều phát-đạt, tiến ích cho nhân-dân, Nhà-nước ở đấy cả, thế mà một ở đây, người dân đã biết thỉnh-cầu (Nghị-viện Bắc-kỳ xin), Chính-phủ cũng sẵn lòng theo và giúp, thi-hành đã đến sáu bảy năm nay, không những chưa có cái hiệu-quả gì hay, lại thêm phí thêm nhiều cho dân, Chính-phủ cũng phải lấy làm băn-khoăn, muốn hỏi rộng cho biết duyên-cớ, thế

thì là tại làm sao? Điều đó phàm là người dân ở đất nước này, không thể không biết đến được, biết đến không thể không nói cho rõ ra được.

Trước khi tìm ra cái trở-lực trên ấy, hẳng nên giải cái nghĩa lưỡng-lợi ra thế nào. Muốn trồng một cái cây to, trước phải đắp nấm, muốn xây một cái lâu-đài đẹp, trước phải đổ nền. Cái cây bà-sòa, cái đền hùng-tráng của tổ-quốc Việt-Nam ta mà ta mong-mỏi đây, không phải việc chốc-lát, muốn thành-công ở ngày mai, phải khởi-công từ ngày nay, khởi-công tức là đắp nấm đổ nền đó, tức là cái việc cải-lương hương-chính đó; mà cái việc đổ nền đắp nấm ấy không có công ơn hảo-hiệp của nước Pháp cũng không thành. Đó là về phương-diện chữ « nghĩa », còn phương-diện chữ « lợi » thì sao, tưởng cũng không nên không nói.

Thế nào là lợi cho Chính-phủ Bảo-hộ?

— Cái sóng canh-cải của các dân-tộc ở Thái-bình-dương gần nay, ồn-ào sôi-nổi, giáp đến cả xung-quanh xứ Đông-dương, dẫu một người nhà quê hẻo-lánh cũng không thể bịt tai mà không nghe câu chuyện bên ngoài; tai đã lỗ-mỗ, trí đã mơ-màng, thì cái nguyện-vọng tất cũng muốn theo thời mà thay đổi cho sự sinh-hoạt của cuộc đời mình đôi chút. Cái nguyện-vọng ấy cũng là phải lẽ, tưởng Chính-phủ nào cũng không nỡ ngăn cấm mà lại nên thuận cái dòng nước xu-hướng của thời-thế mà khơi cho thông đi để giúp nên cuộc hưng-thịnh cả nhân-dân với chính-phủ, thì chỉ cho bằng thực-tâm cải-tạo lại cái nền dân-chính cho dân là việc gốc, mà trăm vàn cái chính-sách gì cũng trông vào đấy. Làm như thế vi đến nơi đến chốn thì cũng phong-trào cải-cách, rầm-ran vui-vẻ ở dân-gian, dân được nhờ thực-huệ mà không can-thiệp gì đến việc đại-chính, há không khôn-khéo dư? Đó là một điều lợi.

Khi các làng đã biết đem chân-tâm mà mưu cái công-quĩ, thì phàm những việc thiết-thân của dân như giáo-dục, vệ-sinh, cứu-tế, tuần-cảnh, v. v., dân sẽ đủ sức mà gánh-vác đỡ cho Nhà-nước. Nhà-nước chỉ phải đôn-đốc mà được công ơn; đó là một sự lợi. Dân đã có khoản tiền công dư-dật, cái ngân-hàng địa-phương tất thành-lập được, mà cuộc công tư kinh-tế đều dễ xoay-sở; đó là một sự lợi. Ngày nay Nhà nước nào mà không phải nhu-tiêu, nào quốc-trái, nào quyên trợ, gọi vào tư-gia thì nhăn-nhó miễn-cưỡng mà trích vào tiền công thì êm-thấm; đó là một điều lợi. Dân đã sẵn đồng tiền công, tất phải mở-mang công-cuộc, vật-liệu để kiến-trúc, dược-tài để chữa bệnh, máy-móc để làm ruộng — hiện nay đã có làng mua máy nước và mời ông chủ tây về dạy bảo, — cái gì không phải mua của hàng tây mà việc công-thương người Pháp ở Đông-dương cũng thêm thịnh; đó là một điều lợi. Ấy là mới kể những cái lợi thiển-cận mà thôi.

Thế nào là lợi cho nhân-dân?

— Phàm cái gì mà trên này nói có lợi cho Chính-phủ là có lợi cho dân phần cả, mà lại còn một cái lợi sâu-xa nữa, là: ngày nay người Việt-Nam cũng đã ra mặt lo tới cái vận-mệnh của [illegible]-quốc về tương-lai; đã là người ở đ[illegible] là dân ở nước mà không có cái lo [illegible]ng không được, song một cái thuyền [illegible] hỏng nát, dẫu có người cầm lái giỏi [illegible]ũng không tài nào mà vượt qua [illegible] nghìn trùng giông-tố kia ngay được — [illegible] thân thuyền Việt-Nam chính là nh[illegible]ân ngày nay, hỏng nát thế nào, ai c[illegible] biết. Vậy muốn vượt qua bể [illegible] tới bến yên vui mà không lo tu-b[illegible] cho cái toàn-thân thuyền thì là[illegible]ao được? Cái

cách tu-bổ cái thân thuyền Việt-Nam bây giờ không gì cần-thiết, ổn-đáng, phân công ra mà thu-hiệu chung bằng cái công việc cải-lương hương-chính đang thi-hành ấy. Ở đây mà gọi là việc hương-chính thì nghe ra có cái nghĩa tầm thường, quê-mùa, hủ-lậu, chỉ loanh-quanh trong dặng tre, góc chiếu, xó làng, phận sự của mấy anh «kỳ-mục ký-nát», nên những người tri-thức, quyền-thế, hoặc cũng sẵn lòng ái-quốc mà ít người chịu lưu-tâm đến, tự đứng ra ngoại-cục, chả hề giúp cho chút nào chỉ sỉ-mạ bọn kia không đủ tư-cách, — bọn kia tự đủ tư-cách thế nào được?— Nay hãng xét kỹ xem cái chính-sách địa-phương «tự-trị» là thế nào. Tự-trị-chế chính là cái nấm cái nền của cái cây cái đền lập-quốc ngày nay đó. Địa-phương có nhiều bậc là ; xứ, tỉnh, huyện, làng, mà làng là trọng-yếu nhất. Tiếng Pháp gọi là *commune*, ta tạm-dịch là « làng » hay là « hương», trong gồm cả : *ville*, thành-phố, — *bourg*, thị-phố — và *village*, xã-thôn. — Nhật-bản không có tiếng thông-danh mà gọi, chia ra làm « thị, đinh, thôn » (市 町 村), thị là *ville*, đinh là *bourg* và thôn là *village*. Vậy hợp làng thành nước, làng tức là cái chi-thể của một nước, chi thể, có đều phát-đạt thì toàn-thể mới khỏe-mạnh. Muốn cho các làng là thành-phố, tỉnh-phố và xã-thôn đều hưng-thịnh, không thi-hành địa-phương tự-trị-chế không được. Nên nhà địa-phương tự-trị-chế họ cho cái phép ấy là « 逐 步 構 成 國 家, từ [illegible]g bậc mà dựng nên cái quốc-gia [illegible]n-toàn ». Cho nên một cái quốc-gi[illegible] là tự-trị-chế phát-đạt thì dù có gặp n[illegible]g tai-biến nội ưu ngoại hoạn, quốc-[illegible] cũng không dễ mà vỡ-lở. Còn như [illegible]c-gia nào tập-quyền cả vào một c[illegible]hất-dán quyền yếu không đắc-[illegible] thì tự suy-đồi ngay, không đợi đến [illegible]ai-hoạn nữa. Đó là cái minh-chứng [illegible]c nước thịnh suy trên lịch-sử xưa [illegible] như thế.

Vả cái phép tự-trị-chế hay là nói cho dễ hiểu là cái việc hương-chính cải-lương, thực là chỗ gây-dựng lấy tư-tưởng, luyện-tập lấy tri-thức về chính-trị cho quốc-dân, là cái chỗ rèn-tập lấy nhân-vật ra nghị-viện đó. Bởi vì chính-phủ là cái tổng-cơ-quan về chính-trị của các làng, mà hương-hội là cái đan-vị cơ-quan về chính-trị của nhà nước. Tuy có lớn nhỏ mà thể-thế là một, huyết-mạch tương-thông. Mà nhân-dân có dồi-dào cái tư-tưởng, cái tri-thức về chính-trị, đủ tư-cách ra nghị-trường thì mới thi-hành cái phép lập-hiến là cái hiến-pháp của bên chủ-quyền với bên nhân-dân cùng lập ra mà cùng kính giữ, thì mới có hiệu-quả hay được. Nước Nhật-bản dự-bị lập-hiến từ Minh-trị sơ-niên, rồi thi-hành tự-trị-chế cho dân tập quen đến bao năm mới ban hiến-pháp. Các nước Âu-Mĩ cũng phải như thế cả. Cái đạo lập-quốc ngày nay phải phổ-cập như thế, có phải chỉ cốt một đôi người dầu nêu mà được đâu.

Ấy cái việc cải-lương hương-chính ở đây bây giờ — dù chưa được hoàn-toàn chẳng nữa, mà hoàn-toàn hay chưa cũng còn phải có dân, có làm thì mới biết chỗ nào là chưa hoàn-toàn, sẽ xin thay đổi — lợi gần lợi xa là thế đó.

Đó là lược bày cái thuyết lưỡng-lợi cận-tiện như thế, còn nhân đó mà lập-hiến, hay còn chính-trị gì hay hơn nữa thì còn mong ở cái lòng khảng-khái hiếu-nghĩa của Bảo-hộ và cái nghị-lực của dân ta thế nào, tôi không đoán trước được.

Nay thử tìm xem vì những trở-lực gì, thì thấy có những cớ này : không theo y như pháp-lệnh ; nhân-dân chưa hiểu, hào-cường ngăn-trở ; giám-đốc không xiết ; và cái nạn nước lụt.

1) *Không theo y như phép-lệnh.* — Cứ đạo nghị-định cải-lương hương-chính Bắc-kỳ năm 1921 đã điều-hòa mới cũ,

châm-chước tình-tục và dự-bị cả cái cách tiến-tới và canh-cải về sau, so với phép tự-trị-chế các nước đã thi-hành thì cũng đã khá lắm. Duy đem thi-hành lại giữ cái thái-độ không can-thiệp, chỉ phó mặc quan huyện-hạt với dân thu xếp khai-báo thế nào cho đủ số các làng có sổ chi-thu thì thôi, rồi nhà-nước tóm lấy cái tổng-số mà công-bố lên rằng: « Toàn-kỳ năm . . . tổng-số thu . . . chi . . . Còn tại quĩ để dành . . . » Dân tưởng thế là xong đấy. Ôi, một cái nền chính-trị văn-minh mà dễ làm như thế dư? Tôi có biết lúc nghị-định mới ban ra, dân đem đọc, kẻ thật-thà thì lo mà rằng: « Khó thế này thì tài-đức mình làm thế nào cho đúng với nghị-định được! » Kẻ sành-sỏi thì họ gạt đi mà rằng: « Không lo, rồi đâu lại đong đấy. » Bấy giờ họ cũng nghe ngóng xem thế nào. Vì bấy giờ trong hạt nào cũng vậy, một hai làng làm sai nghị-định một tí cũng không được thì tất họ phải theo cho đúng. Sau thấy sổ khai một dàng, việc làm một nẻo, chẳng cái gì thật cũng được. Làng nhỏ chẳng hợp lại cũng được. Thậm-chí phạm vào khoản hà-lạm cũng vô-can. Bấy giờ kẻ có lương-tâm thì chán mà bỏ, kẻ gian-giảo thì lại càng lợi-dụng mà kiếm ăn tốt.

Ngày xưa nhà đại-pháp-học gia, ông Thương Ưởng, làm Tướng nước Tần, thi-hành tân-pháp, Thái-tử phạm pháp, ông trị tội ngay hai ông thầy dạy Thái-tử, dân hãi theo răm-rắp. Nước Tần nên ngay nghiệp phú-cường. Vậy ở những dân bán-hóa hình-pháp còn dễ khiến, dễ đưa dân đi lên con đường hay, hơn là tước-thưởng nhà chính trị quả có lòng vì dân, thì pháp-luật để thi-hành việc gì dù có nghiêm, dân thấy có hiệu tất biết ca-tụng chứ chẳng ngại gì.

Nay muốn việc cải-lương hương-chính Bắc-kỳ có hiệu-quả để tiến dần lên thì từ nghị-định, pháp-lệnh của Chính-phủ đến hương-ước mới các làng cũng đều phải coi làm thần-thánh bất-khả xâm-phạm cả mới được.

2) *Nhân-dân chưa hiểu.* -- Nay đem một cái chính-thể tự-trị mới, tinh-vi, tường-tế để thi-hành cho một xứ dân thuần-phác, mấy nghìn năm việc nước thì cậy ở vua, việc làng thì phó mặc kẻ đàn-anh, chỉ biết phục-tùng mà thôi, thế mà ngoài đạo nghị-định, lời văn về pháp-luật, uyên-thâm vắn-tắt, phi người có pháp-luật-học không hiểu, với vài quyển sách dạy cách thu-chi và làm sổ thu-chi, trường Thư-ký cũng chỉ dạy có thế, còn không hề có sách dạy bảo cho biết lý-do, cái tinh-thần về tự-trị quan-hệ là thế nào, thì người ta làm sao mà hiểu được. Tôi xem không những bọn bình-dân, đến người học-vấn, người làm quan-lại, hiểu được cũng hiếm lắm. Bởi làm mò như thế nên dân họ ngờ mà rằng: « Chỉ bắt nhịn ăn nhịn uống để cho nhiều tiền quĩ rồi lấy đấy thôi ». Ấy không hiểu mà nghĩ sai đến thế, có hại không? Nay có người đem một cái máy nước mấy trăm « mã-lực » giao cho một bọn nông-phu không từng biết máy-móc là gì mà bảo rằng: « Cái này lấy nước vào ruộng tốt lắm đấy », rồi không dạy bảo cho gì nữa, tôi chắc không những vô-ích, tất đến hỏng máy mà chết người nữa. Việc hương-chính ngày nay cũng chẳng khác gì; không những không có hiệu-quả mà thêm tổn-hại về sổ-sách khai-báo, kỳ-lý [illegible] thôi-đồng động một tí kéo nhau lũ [illegible] lên phố huyện, chè chén hút sách [illegible] người hữu-tâm thật không nỡ trông.

Ôi, không học thì dố[illegible] chẳng riêng một ai; xem bên Âu-c[illegible] mới đặt Nghị-viện, các ông N[illegible] nhà giàu xứ quê ra Nghị-đường ng[illegible] bỗ chẳng biết gì, một ông quan hành[illegible] tức cười mà rằng: « Các ông [illegible] giờ là chủ ta, ta phải tìm cách [illegible] dạy cho các

ông mới được. » Lại ở nước Anh xưa, Nhà-nước vì mở-mang, đánh thêm một thứ thuế, dân nhà quê nhất-định không chịu, sau phải làm ra sách ấu-học giáo-khoa phát về các trường hương-học cho trẻ học, dân mới hiểu mà đóng góp. Thế thì người bản-xứ ngày nay không biết hoan-nghênh cái chính-sách cải-lương hương-hội mà làm thành hiệu-quả cho mình cũng là thường, không đáng thâm-trách chi họ. Chỉ nên hiểu-bảo cho họ thế nào, tôi chắc cái tinh-thần tự-trị mới càng thích-hợp với cái kiến-thức hương-quan cũ của họ, khi họ đã hiểu rồi tất phát-đạt chóng lắm.

Vậy tưởng nên làm những cách giáo-hóa sau này :

a — Khuyên những nhà trước-thuật làm hay dịch những sách nói về tự-trị-chế bên Pháp ; — chú giải đạo nghị-định năm 1921 cho tường.

b — Soạn những sách độc-bản về tự-trị, để dạy các trường Thư-ký Thủ-quĩ — Về các sách giáo-khoa từ tiểu-học, trung-học, cao-học ở các mục luân-lý, chính-trị thêm một hai bài về nghĩa-vụ kẻ công-dân đối với làng, với tự-trị thế thế nào ; về bài thi học trò thi quan-lại đều có hỏi đến vấn-đề tự-trị-chế ; — người làm chánh hội mà không giỏi chữ quốc-ngữ cũng phải đi học trường Thư-ký, — Những người có làm chánh-phó hương-hội, Thủ-quĩ, Thư-ký ở các làng các [illegible] đã có chút thành-hiệu mới được [illegible]g-cử làm Hội-viên hàng tỉnh, Nghị[illegible]n hàng xứ, vì không giúp được làng [illegible] sao giúp được nước mà có trù nổi [illegible] sổ dự-toán của làng thì mới xét được [illegible] sổ dự-toán của nước. Vả có hiểu [illegible] nghị-viện có thỉnh-cầu gì cũng [illegible] nh-đáng, không xin nhảm. — Nếu [illegible] mở một tờ « Hương-chính nhật-[illegible] » cả toàn-ký, bàn những việc tự chủ-chế, đăng các việc các nghị-định của Chính-phủ và việc các làng, thành-phố, tỉnh-phố, xã-thôn hằng ngày, bán về cho mỗi làng một tờ.

c — Nên lợi-dụng lấy hạng trụ-dân. — Trong Nghị-định thì người công-dân của xã-thôn chỉ là người tịch-đinh mà thôi. Song ngày nay giao-thông tiện, người ta thiên-tĩ nhiều mà nước càng thịnh. Nên luật Nhật-bản hễ đến ở làng ba tháng trở lên là « trụ-dân », hưởng-dụng các vật công-cộng của làng phải đóng vào « sổ thuế làng », mà có ở được hai ba năm trở lên, hiểu biết tình-thế làng thì mới được « công-dân-quyền » ở làng nghĩa là được đi bầu và làm hương-hội-viên.

Tục nước Nam xưa nay người đến ở xã-thôn lâu năm, có khi là làng mẹ làng vợ, có sản-nghiệp giàu-có mà không nhập-tịch thì cũng vẫn là ngụ-dân — tuy có câu : « *Thế-hương mẫu-quán-bất-đắc chỉ vi ngoại-nhân* », song chỉ là nói cửa miệng, — không ăn chịu đóng góp và can-dự chính-quyền gì. Phong-tục cũng không trọng nữa. Nay xét hạng người dân ấy nhiều người có tư-cách tốt, làng nguyên-quán cũng ít khi về mà làng trụ-quán có khi cả là sinh-quán nữa, thì không can-dự, thành ra không giúp cho xã-hội được việc gì. Tưởng từ nay ở xã-thôn cũng như ở thành-phố, không cứ thuế thân đóng ở đình-tịch làng nào, phàm đã đem vợ con nghề-nghiệp đến ở làng, từ nửa năm trở lên phải nộp các thuế làng mà ở được ba năm trở lên, có gia-sản thì được công-dân-quyền.

3) *Hào-cường ngăn-trở.* — Trước khi bàn về cái tệ hào-cường của các làng ở đây, cũng nên xét qua cái chế-độ cổ ở đây thế nào. Kể cái chế-độ tự-trị cho chỉnh-đốn như các nước ngày nay thời hơn một trăm năm về trước các nước cũng chưa đâu có, chẳng qua ở đâu cũng giản-phác cả mà thôi. Các làng ở đây cũng thế Ở đây

là nơi thiên-an và phong-đăng, nên tục-lệ các làng di-truyền cũng có vài điều đáng khả-bỉ, là trọng ngôi-thứ và sùng đình-đám quá mà thôi, còn thì cũng là những phong-hóa hay. Như mỗi làng có một cái miếu để thờ thần riêng ra, một cái đình làm hội-sở, vừa yến-ẩm, vừa hội-bàn, các làng ở Thanh-hóa còn giữ được cổ-phong ấy nhiều, — ở Bắc-kỳ mà vừa thờ thần vừa ăn-uống, hội-bàn ở cả một cái đình có lẽ cũng là thói giản-lậu mới, — mười lăm năm về trước, tôi còn được thấy mấy làng ở Bắc-kỳ có những cái bảng quang dầu viết chữ bằng sơn đen treo ở đình, yết những giáo-điều, khuyên-dăn, những lệ phù-nguy cứu cấp của các cụ trước lập ra. Mà những khoán-ước ấy giữ với nhau nghiêm lắm, như việc trộm-cắp, dâm-đãng, cháy nhà không cứu, v. v.. Lại nhiều làng có ruộng quan-điền quân-cấp. Lại lúc đó vật-luận còn nghiêm, chính-giáo có quyền, kẻ đàn anh không dám hoành-ngược. Nhiều người tổng-lý vì che-chở cho làng mà chịu đòn, chịu thiệt, đến chịu chết nữa. Nay ai chịu hỏi đó ở nơi nào cũng còn nhớ cả. Vậy cái tệ hào-cường quá bậy cũng là mới chứ không phải tự xưa. Cái tệ đó dẫu chẳng ai xui, song cũng là thời-thế khiến nên cái tâm họ đã hỏng thì cái tệ còn biết nói sao cho xiết. Tuy vậy tổng-chi cũng là cái lũ-biến giống không ra gì, nếu cái tâm họ không đổi lại thì không còn có mắt nào trông thấy ma ăn cỗ nữa.

Nay lược-kể mấy điều tệ-lạm như sau này :

— Ngay từ lúc bắt đầu có sức bầu Hương-hội, làng nào cũng dăm bảy người hào-lý họ gán-ghép nhau cho đủ số, trước kia một người hào-lý hống-hách dân cũng khó, vì còn người hào-lý khác, nay có tụi có bè càng dễ khi-tế cả quan dân. — Những ruộng đất công không phải là quan-điền thì mười phần chỉ khai vào sổ chi-thu độ năm sáu phần. Lợi-lộc của ruộng đất ấy đồng-niên mười phần chỉ khai bốn năm phần là nhiều, tuy có phép đấu-giá thì họ cũng có cách đấu-giả giả, để bớt ra, thế là để ăn uống, hà-lạm, thuê người làm sổ sách. — Những làng khai các tiền chuộc lệ ăn uống quá nhẹ là bắt người ta vừa nộp tiền vừa phải làm cỗ. — Việc tế-tự chung, thực ra thì phí nhiều mà vào sổ ít, số vào sổ đó chỉ là một phần tiền ngoại-phí mà thôi, vì lợn, gạo, rượu đã gọi lượt, hát xướng hương-đăng thì lấy món tiền lễ thần hoặc đem vào sổ một ít, còn để chi ngoài.

Bởi vậy dân kêu-ca rằng cải-lương mà đóng góp lại thêm nặng, là vừa nộp tiền vừa phải làm cỗ. Những món hoa-lợi công trước được cấp cho sưu-thuế, nay thì không cấp cho nữa.

Thỉnh-thoảng có làng làm được cái nhà hội-đồng là thủ-phụng quan trên, hoặc cầu phẩm-hàm mà thôi, nên nhố-nhăng bôi-bác, chẳng ra cách thức gì, làm xong bỏ xó, bàn ghế tủ tạng, sổ sách chẳng cái gì chỉnh-đốn, quanh năm lại hội-họp ở chỗ khác, đình, nhà lý-trưởng, nhà chánh-hội, v. v., chẳng kỳ hội nào có biên-bản, sổ biên-bản chỉ bỏ trắng, giản-hoặc có thì không thực hay là chẳng ra nghĩa gì.

Ấy cái hiện-tình hương-hội của các làng ngày nay đại-khái như thế. Nay tưởng nên một là trừ bỏ cái tệ hào-cường, hai là mở rộng [illegible]-thức cho bọn hương-hội.

a) Toàn hương-hội đ[illegible] chủ-trương chính-quyền ở làng thì t[illegible]ễ cùng các tục-lệ đều phải thuộc về [illegible]uyền hương-hội cả, không ai đượ[illegible]an-dự một ti gì nữa, thế để phòng [illegible]hao-tùng mà ẩn mình ở ngoài.

Khóa hương-hội n[illegible]ăng thêm niên-hạn như các nước, [illegible]m sáu năm chi gian, cho được dài [illegible]giờ mà thi-thố,

ba năm bầu lại một nửa cho bao giờ cũng có người quen việc. Chánh phó-hội và chủ-quĩ chỉ được làm một khóa mà thôi, để cho khỏi chuyên-quyền.

Bầu hương-hội-viên mà nghị-định cho bầu ngỏ thì tòa trị-sự cũng phải bầu kín cho khỏi nể-nang.

b) Chánh-hội nếu không có chứng-thực gì về tân-cựu-học thì phải đi học trường thư-ký. Dân chưa hiểu thì thư-ký là tai mắt của hương-hội, vì có đi học, thế mà ngày nay những người đã đỗ Thư-ký, trăm người không được mười người làm nổi sổ sách và biên-bản, thường phải thuê người ta làm cho cả. Vậy xin Nhà-nước chỉnh-đốn trường Thư-ký lại, nên đem lệ thuộc vào bộ học mà cử giáo-viên chuyên-môn về dạy, chứ đừng để cho các quan Hậu-bổ nữa, vì cũng là sự giáo-dục phải nhà giáo-dục mới dạy cho có tư-cách xứng-đáng thật được, phí ấy các làng chịu. Thỉnh-thoảng lại phái quan Thanh-tra bộ Học về các huyện-hạt sát-hạch các thư-ký cũ lại, cốt nhất chữ tốt, đọc nhanh, tính đúng rồi mới đến vấn-đề khác. Điều này Nhà-nước nên làm ngay cho.

Thường nghe họ kêu-ca khi nộp sổ phải mất lễ, song đó cũng là vì tại họ không chắc sổ-sách có đúng không, nên phải thôi tiền ra cho xong việc, nếu chắc là tự mình làm đúng cả thì ai còn nạt được.

4) *Giám-đốc không xiết.* — Dân đã không hiểu thì quyền giám-đốc của Nhà-nước càng lớn mà tránh-nhiệm giám-đốc càng nặng. Nghị-định năm 1921 thì nói bắt đầu hằng thi-hành những làng năm trăm đinh trở lên đã, sau sẽ lục tục đến những làng dưới số đinh ấy. Đến khi thi-hành, các quan địa-phương phải lo việc cải-lương hương-chính cho mỗi làng một sổ chi-thu là xong, bèn xin nhất-luật từ làng bốn năm mươi đinh cũng lập sổ chi-thu hết cả, nay vì như một huyện có tám-mươi xã, quan huyện nào việc cai-trị, việc án-kiện, lại mỗi kỳ sổ xét tám-mươi tập sổ dự-toán hay kết-toán cho kịp đệ-trình, thì cũng khó mà xét cho kỹ được, dù trong tám-mươi tập sổ ấy có chỗ nào sai lầm, trái với hương-ước, với nghị-định, cũng không xét tới được. Gia-chi-dĩ, dân cứ lần-lừa, thôi-thúc mãi mới thuê người làm đem nộp, thì đã ngặt kỳ rồi không kịp xét nữa. Lên đến tỉnh, thì tỉnh nhỏ cũng đến bảy, tám trăm xã, việc càng bộn lên, huyện đã y thì tỉnh cũng y luôn, dân thấy thế nào cũng được lại càng man-trá.

Nay thiết nghĩ mấy điều như sau này :

— Phân ra ba hạng làng, là làng qui thức, làng chính-ngạch và làng dự-bị.

a) Làng qui-thức thì lấy những làng — đây không nói làng thành-phố — tỉnh-phố là những hàng-phố ở tỉnh-lỵ các tỉnh, những làng xã-thôn ở liền với tỉnh-phố, thành-phố, cùng những làng sở-tại hay gần phủ huyện-lỵ mà có tư-cách trung-đẳng trở lên, thì phải thực-hành cải-lương để làm phép cho trong hạt.

Ở tỉnh hay liền với tỉnh thì quan Công-sứ cắt các quan nam, ở phủ huyện thì chính quan phủ huyện phải làm danh-dự Chánh-hương-hội cho các làng qui-thức ấy. Mỗi kỳ hội-đồng thường-nguyệt nào quan danh-dự Chánh-hương-hội cũng về dự hội-đồng quan về như thế vừa là quan giám-đốc mà lại là ông thầy giáo dạy bọn học-trò hương-hội thực hành nữa. Phải vui vẻ giản-dị dạy-bảo cho từng tí một, cho họ dám hỏi mà không sợ hãi, các thể-lệ đứng ngồi, nói bàn, phải đúng như cách hội-đồng ở nghị-viện, sổ-

sách, niêm-yết, phòng-việc phải chỉnh-đốn trật-tự. Quan vẫn ở ngôi bàng-thính xem cho họ, chứ không can-thiệp, bàn xong quan cũng ký tên vào biên-bản, cấm không được kê giường sập, trầu nước ngả-ngốn, có điều gì lợi-hại quan sẽ bẩm quan trên giúp cho.

Mỗi khi họp như thế sức cho hương-chức các làng phụ-cận đến xem mà bắt-chước, nếu có tính tiền lộ-phí minh-bạch cho quan cũng nên, hơn là tết-nhất tư-ơn. Quan nào sung chức ấy tưởng nên khảo-cứu về tự-trị-chế cho kỹ kẻo bảo dân sai.

b) Làng chích-ngạch — Những làng từ bốn năm trăm đinh trở lên dù ở xa huyện-lỵ cũng phải theo làng qui-thức mà làm.

Làng qui-thức với làng chính-ngạch, thì sổ-sách phải có dấu hiệu riêng để quan trông thấy là biết mà lưu-ý và chờ để khám xét luôn.

c) Làng tập-sự — Những làng nhỏ quá, ba bốn mươi đinh một, thì cưỡng-bách phải hợp với làng khác ở bên cho đỡ phí mà đủ sức thi-thố sự-nghiệp. Những làng tập-sự thì quan xét sổ sách đúng phép đúng hạn, miễn khỏi khi-tế quá thì thôi. Còn sự-nghiệp công-ích thì họ theo các làng trên kia dần dần, mỗi vài ba năm quan xem làng nào đã khá thì lại nhắc vào hạng chính-ngạch, cứ tiến dần như thế mãi mãi.

Làm như thế mỗi huyện độ năm, sáu làng, mỗi tỉnh độ bốn năm mươi làng phải chú-ý mà có thể tránh thành được.

Còn như các quan phủ huyện, ngày nay ai cũng tin rằng : các quan phủ huyện có đắc-nhân thì việc hương-chính mới phát-đạt. Song sự đắc-nhân cũng chỉ ở Nhà-nước. Thiết-tưởng Nhà-nước mà ngỏ chân-tâm cho người ủy-nhiệm biết mục-đích ở đâu, thì có lẽ nào người ta không phải hết sức vào đấy. Xem như người đời treo giải vật, giải chạy, giải hát, mà cũng có ngay bao nhiêu người tài, người giật giải quân-quân ; phương-chi cái giải gì cho bằng cái giải phú-qui. Vậy Nhà-nước nên ủy-trọng trách-thành cho các quan phủ huyện hơn lên, trước hết nên làm thế nào cho bớt cái bận về bầu-cử, về từ-tụng, để cho được rộng thì giờ mà chuyên-tâm việc dân-chính.

Nếu đã phân hạng làng thì cũng dễ làm, quan nào ở đâu không tai-tiếng gì, mà tỏ ý muốn lập công-nghiệp cho dân để báo bổ Nhà-nước, thì nên cho lưu-nhiệm một kỳ khá lâu, lâu mà không thấy được việc gì, hay việc là hư trương cả thì sẽ liệu. Quan nào có công-trạng về dân-chính thì tăng lương thăng-thưởng mãi lên mà cứ lưu-nhiệm phủ huyện cho tới khi về hưu, hay thăng Tuần-phủ Tổng-đốc, để lại giúp việc dân-chính cho Chính-phủ. Còn chức Dự-thẩm tòa án đệ-nhị-cấp, nên để riêng về người của bộ Tư-pháp, thì mới đều được am-luyện.

Ở phủ huyện có nên đặt thêm huyện-hội để giúp việc quan phủ huyện về hương-chính không? Nếu đặt thì hội-viên phải lấy những người kỳ-mục đã làm việc hương-chính có kết quả, cách tổ-chức thì Nhà-nước sẽ liệu.

5) *Cái nạn nước lụt.* — Cái hại nước lụt ở Bắc-kỳ có đã lâu đời mà khoảng mười bốn năm nay thì liên-liên và càng kịch-liệt. Chắc từ nay về sau còn lâu chưa có cách gì tránh khỏi được, mà còn thì dân còn khốn-khổ, nghèo đói, ly-tán, chết-chóc không xong, còn nói gì đến việc hương-chính cải-lương nữa.

Cái vấn-đề trị-thủy chính là cái vấn-đề quan-trọng trong chính-sách địa-phương tự-trị, nên [illegible] này cũng bàn đến.

Tôi chắc một Chính-phủ có thế-lực, có trí-thức cao mà nhân tài thượng-quốc đã từng đem kỹ-năng lập nên bao nhiêu hoành-công ở thế-giới, như cái sông đào *Suez*, rút tiện đường giao-thông cho vạn-quốc, sáng lập nên mà không giữ quyền-lợi còn được, nữa là ngày nay trông thấy kẻ thuộc dân chìm đắm, kinh-tế người Pháp người Nam đều đình-đốn thiệt-hại mà không nghĩ hay sao? Chắc Chính-phủ còn đang tìm phương và còn phải trù-khoản.

Cái tai-nạn nước lụt ở đây tuy là trời bắt tội, song cũng tại người ta không đủ sức chống lại. Bởi vì nó có nhân-do, có thể tìm ra được cách tránh khỏi, chứ không bất-trắc như cái nạc sụt đất ở chỗ khác. Nhà triết-học Thái-tây có chia cuộc đời ra làm hai, là thiên-hành với nhân-trị; thiên-hành là cái sức tự nhiên với việc thế-biến, vô-tâm mà hình như cố-ý chực đến làm hại người; nhân-trị là cái sức người ta chống với thiên-hành để mưu sinh-tồn; ở đâu bao giờ cũng thấy hai sức xung đột tranh-đấu với nhau, nhân-trị thắng thì người ta sống mà thịnh, thiên-hành thắng thì người ta suy mà chết. Cái sức thiên-hành ở đây đương hăng-hái không một mặt nào, mà trước mặt là cái nạn nước lụt. Người ta định quyết-thắng hay là chịu thua? Chính-phủ là tướng, nhân-dân là quân, được thua trông cậy ở nơi màn-trướng.

Nay tôi cũng xin bàn qua cho rộng thêm ý-kiến. Cái vấn-đề trị-thủy từ đời Tự-đức — đã ra cả văn-sách thi đình — đến nay vẫn có hai phái: một là nhân đê cũ mà đắp thêm, một là khai lòng sông cũ và khai thêm sông mới. Cái nghị dưới thì dư-luận cho là phải mà việc tân-sáng khó làm, nên lại nhân-lậu tựu giản mà theo cái nghị trên. Chính vua Tự-đức ngài cũng nói: «Cổ-nhân thất-sách ở sự ngăn-ngừa sông», mà ngài cũng phải theo. Từ đấy đến nay đê đã thêm dài rộng cao lớn khắp cả mọi nơi rồi, mà hại nước ' t càng thấy nguy-hiểm. Xem thủy-thế không những năm nay nhiều mưa quá, đến năm kia (1924) cũng thế. Nhiều chỗ đê không vỡ mà nước hạ-lưu tràn qua đường đá vào nội-đê cho thăng-bằng mới thôi. Đê thành vô dụng. Khi nước ngoài cạn mà trong đê ứ lại không kịp cấy nữa. Những hạt có sông bốn mặt mà mới một nửa có đê như thế không lẽ đặt cống cả các cửa sông ngòi rồi đắp đê vùng quanh như cái cót đất, song đắp thế cũng chửa chắc đã giữ được, thế thì hại tại sông không đủ chứa nước chứ không tại đê không nhiều.

Đất là chất dễ tan, nước là chất dễ tan được đất, lẽ đó ai cũng biết, thế thì đê dẫu to, dẫu nhiều, dẫu kiên-cố đến đâu, giữ sao cho không có chỗ hà-hố ngầm, chỗ này không vỡ cũng vỡ chỗ khác, năm nay không vỡ năm khác cũng vỡ, vỡ một chỗ thì toàn đê vất đi, vỡ một năm thì công-phu sản-nghiệp bao nhiêu năm trôi hết, mà tính-mệnh cũng không tuyền.

Nay lại xét đến cái nước sông Cái, tuy bây giờ có hại cho xứ Bắc-kỳ thực, mà truy-nguyên thì nó lại có công đại-tạo cho cái bản-đồ xứ Bắc-kỳ đó, nó đem cái chất đất đỏ từ thượng-du Vân-nam xuống bồi thêm thành ra cái bình nguyên mầu tốt hình tam-giác mông-mênh của xứ Bắc-kỳ ngày-nay, từ nay trở đi vẫn còn bồi rộng thêm ra nữa, đó là cái lợi xa, còn cái lợi gần là cái chất đất phù-xa đỏ nhiều mầu mà mát, nhà quê gọi là đất bãi, trồng cây cấy lúa tốt lắm, mỗi lần lụt kinh-qua đến đâu cũng để lại cho mấy tấc đất phù-xa đến hoàn cho đồng áng về mùa khác; nghe nói về vùng Nam chỗ có đê đỡ lụt, vài năm ruộng hết mầu phù-xa thành bạc (điền người ta lại tiếc.

Còn những làng ở bên sông lớn ngoại-đê, năm nào cũng lụt, mà dân vẫn phong-túc, là người ta liệu trước được, vụ « mùa » đợi cuối thu hết lụt mới cấy, không phải cái hại mất lúa, cấy thế tuy muộn mà nhờ cái mầu phù-xa cũng bội-thu. Những bãi cát bồi thì trồng bắp, đỗ, lúa lốc và khoai, chỉ bới đất ra cho giống xuống là được ăn, không phải tát nước, làm cỏ tốn công, mà thu-hoạch được nhiều, trong làng thì vượt đất cao lên mà ở, cây-cối gì không chịu được nước mà vườn không vượt được cao thì thôi không trồng, đầu tháng sáu sắp đến mùa lụt, nhà nào nhà nấy dự-bị lương ăn với một cái thuyền ran con, thế là tha-hồ cho lụt, lụt hết mới ra đồng làm ăn, không bị cái họa-hại thốt-nhiên.

Bởi nước nhiều phù-xa lắng xuống đâu bồi lên chóng lắm, làm cho các lòng sông nông dần đi, chỗ ứ nhiều thì thành cái bơn cái cồn, như gầm cầu sắt Hà-nội cùng các khúc sông khác, đó là những chỗ bồi đã cao trông thấy, còn những chỗ mập-mờ còn nhiều, kỳ nước đặc các sông to dẫy sào qua sông được như đò Bình, đò Hàm-giang, vân-vân.

Thế là phù-xa nó nâng cao cái lòng sông lên và làm ngáng nước lại, mùa nước lũ chảy không suể phải chướng-đật lên là lý-thế tất-nhiên, nay đắp đê be lấy nước là đồi con sông chìm ra làm con sông nổi đó. Sông nổi thì hai bên bờ tức là hai đường đê phải cao mà chắc-chắn thế nào cho địch nổi với thế nước.

Đó là lược kể mấy lệ để chứng rằng nên tìm kế tránh cái hại mà lợi-dụng cái lợi của nước phù-xa sông Cái; năm 1913 lụt to, trên báo-chương có nhiều nhà bàn cách trị thủy, người nói phá đê, người nói khai thêm sông, người thì bàn: thượng-du nên đắp thêm đê, trung-châu nên khai thêm sông. Nay tôi đem các thuyết chứng với sự thực mà được một cách như sau này:

1o— Về thượng-du nên đắp thêm đê để giữ cái thế nước khỏi phá ngang.

2o— Về trung-châu bao nhiêu đê cũ nên bảo-toàn lấy mà không nên đắp thêm nữa cũng đủ phòng cái thế nước chướng-đật.

3o— Khoi những chỗ lòng sông bồi nông. Khai thêm sông mới.

Việc này chia làm hai phần; phần thứ nhất về Nhà-nước, lập một bộ « hà-chính 河政 » làm việc quanh năm, xem thủy-thế địa-thế mà khoi các lòng sông cho ra đến bể, và đào thêm kênh mới cùng sông mới để nhiều chỗ chứa nước mà ra bể cho chóng, phí-khoản tất lớn thì dân nên giúp thêm vào.

Phần thứ hai thì dân phải làm lấy, mỗi hạt mỗi khu tùy thế đào một vài cái ngòi, mỗi làng đào hai ba cái cử, mà việc tất phải làm, hạn cho một kỳ bao nhiêu năm thì xong, khi hai việc đã thành-công rồi, khi nước lũ nhiều chỗ trút, lúc hạn-hán sẵn nước tát, mùa với chiêm đều lợi, chất mầu phù-xa phân khắp mọi nơi, thật là nhất-cử mà lưỡng-tiện, nhất lao mà cửu dật.

— Xem thế thì biết rằng việc cải-lương hương-chính ngày nay, tuy có nhiều cớ ngăn-trở, mà tóm lại chỉ là dân chưa hiểu mà thôi, thiết-nghĩ nhà chính-trị ngày nay không phải vụng về như nhà chính trị ngày xưa, cái cớ tiến-thoái của một nước một dân, nhà chính-trị ngày nay có thể nắm chắc ở trong tay được. Vậy Chính-phủ đã giữ cái chủ-quyền, cái cơ-quan bảo-hộ cho một dân một nước đã thành-thực tin cậy như ở đất Việt-Nam này, không những cái lợi có quan-hệ, mà cái nghĩa cũng nên làm, nay muốn đem một cái thiện-chính gia-huệ cho nhất-ban nhân-dân, để dự-bị cái nắm-cái nền cho cái cây cái đền thịnh-vượng sau này, có kết-quả hay không cũng trông vào ở Chính-phủ. Còn dân chưa hiểu thì dạy cho hiểu, chứ có khó gì.

N. T.-T.

Tượng trong chùa Cổ-loa (Phúc-yên)

Tháp chùa Liên-phái (Hà-đông)

Kinh ảnh T.-C. Khuyến

Người nhà quê mót lúa (*Les Glaneuses*)
(Bức họa của MILLET ở viện Bảo-tàng *Le Louvre*)

Đương khi làm ruộng nghe chuông cầu-nguyện (*L'Angélas*)
(Bức họa của MILLET ở viện Bảo-tàng *Le Louvre*)
(JEAN-FRANÇOIS MILLET (1815-1875) *là một nhà danh-họa nước Pháp, sở-trường về lối vẽ những cảnh lao động chốn nhà quê*)

TỨ THỜI KHÚC (1)

四時曲

Của ông Vịnh-kiều-hầu, người huyện Lương-tài, làng Lai-xá, làm ra từ đời Hậu Lê)

Tài mọn gặp phong-vân hội cả,
Thề ba thân hương-hỏa có duyên.
Đời sinh chúa thánh tôi hiền,
Giúp tay tạo-hóa sửa quyền âm-dương.
Nhớ hồng-hoang khi còn trùng-trục,
Hình trứng gà trung-trúc mới vo.
Thời bằng trăng dạ mít-mù,
Xem trăng tựa hối xem mùa t a đông.
Bà Thái-xung tự sinh Thái-cực,
Huyền với hoàng hai thức chia đôi.
Xanh xanh trên trốc là trời,
Dưới thời là đất giữa người là ba.
Cao hòa xa đạo trời cực thẳm,
Tiết bốn mùa sắm-nắm đã phân.
Đầu năm hiệu trốc mùa xuân,
Thừa vua Thái-hiệu thừa thần Câu mang.
Lò đề-thất rẽ sang hơi ống,
Thủa sáu âm đã mống một dương,
Mai sao chẳng nẻ hơi sương,
Thảy lay sớm đã tỏ tường sự xuân.
Khéo thay bấy hồng-quân chuốt vật,
Hình chịu hình chẳng mất mũi lông
Phủ hòa một trận gió đông,
Muôn tía nghìn hồng thức thức đua tươi.
Thiều quang đến lòng người hớn-hở,
Thủa ba dương là cớ lập xuân.
Đâu đâu chịu lệnh đông-quân,
Cửa giao lừng-lẫy đón xuân rước về.
Khắp bốn bề non sông hoa cỏ,
Hết cùng lên cõi thọ đền xuân.
Nhà nhà tống cựu nghinh tân,
Tú-mi là thiếp nghi-xuân là bùa.
Quát tháo khua bao nhiêu khí lạnh,
Vọt thổ-ngưu ruồng đánh hơi âm.
Ngũ tân ngồn-ngộn đầy mâm,
Cửa xum ngọc trắng, tay dầm tơ xanh.
Suốt năm canh đèn cay con mắt,
Trúc khua na đằng ngắt lỗ tai.
Thiếp Lưu đều khéo lộng tài,
Thư dâng đến quế tụng bài hoa-tiêu.
Khắp trong triều biểu dâng chính đán,
Chúc tuổi vua vạn vạn niên xuân.
Tung-hô ba tiếng kêu rân,
Áo xiêm Nghiêu Thuấn đai cân Cao Qui.
Vinh đan tri thiều tâu mấy chặp,
Trời chín lần vẫy khắp mùi thơm.
Thượng-lâm chợt vỗ trống cơm,
Nụ vàng nhị ngọc nở đơm vội-vàng.
Chén nồi vàng nửa tô nửa bách,
Ruồng khí nhờ khơi mạch tràng-sinh.
Chung-Qui khéo vẽ mạc-hình,
Đào phủ cấm quỉ phòng-linh ngăn tà.
Tranh vẽ gà cửa treo điềm yểm,
Dưới thềm lầu hoa điểm thọ-dương.

---

(1) Bài này bản-chí sao được trong một tập thơ nôm cổ, có mấy đoạn khuyết, lại có nhiều chữ ngờ, song cũng lục-đăng ra đây để lưu lấy một áng văn-chương cũ của nước nhà. Bản-chí từ trước đến nay vẫn chăm sưu-tập các văn-thơ cổ, nhưng tam-sao thất-bản, nhiều khi không biết thế nào là chắc. Xin các độc-giả cũng chịu khó tìm-tòi mà giúp cho việc bảo-tồn quốc-túy đó. N.-P.

Da còn nhâm nhấp đào-hương,
Thượng-nguyên tiết đã dủ sang khi nào.
Cầu đã sao thì cây lại lửa,
Quanh chín đường nghìn cửa sáng thâu.
Tiết lành ai cấm ai đâu,
Kia non kết vẻ nọ lâu xem đèn.
Quáng thức sen hào quang vằng-vặc,
Dãu ngao-kiều mới bắc ngang ngang.
Vườn đào thấm-thoắt thoi vàng,
Đào đào mận mận vội-vàng tranh xuân.
Lọn mười phần tiết lành cảnh hảo,
Vật hữu-tình khéo não người vay!
Những màng tỉnh tỉnh say say.
Trang-cốc là ngày đã đến tháng hai,
Thần Cao-môi đỉnh non khao tế,
Ngày thượng-đinh dàng lễ miếu văn.
Lệ hằng lại giở minh-nhân,
Xã-tắc có khiển phong-vân có đàn.
Thế đầu ngàn lưỡi mềm bố-cốc,
Giọng canh-phu eo-óc còn khuya.
Bãi tần nồi cái đè-he,
Nguyệt kia đã quán hoa kia lại thành.
Thức nhân-tình thơ bài lá đỏ,
Mạch sầu kia hầu tỏ cùng ai?
Lòng xuân đã rỉ đến ngoài,
Cửa quan cửa ấy có cài cáng chăng,
Giữa phân bằng thiều-quan vẹn vẹn,
Mách mối chi con én thuyết vay.
Màng chi bướm-bướm kéo dây,
Thượng-tị là ngày đã đến tháng ba.
Thấp nhà nhà lan chìm chén nồi,
Tiếng cầm đâu khéo gợi người vay.
Khúc-giang lễ ấy chẳng hay,
Trăm yêu nghìn giấu dốc đầy thơ ca.
Bếp bằng tờ nhà nhà ăn nguội,
Nói thời ngừng đoạn nỗi Tử-Suy.
Chẳng hay cầm lửa làm chi?
Long-xà chương ấy nghĩ thì lại thương.
Nức mùi hương long hoa một hội,
Giữa ngày lành hòa khách Cối-kê.
Lạc-dương chợt thấy đóa lê,
Ngẫm hay thời-tiết lại về thanh-minh.
Hé mảnh-mảnh mười hai con triện,
Tiệc đồi-mồi mở yến làm vui.
Đan tri kéo lửa loi thoi.
Tiểu-nhi hớn-hở hứng sôi thưởng vàng
Cục xênh-xang áo đơn mong mỏng,
Tắm sông Nghi lên hóng đàn Vu.
Thong-dong khí-tượng Đường Ngu,
Năm ba đồng-tử ngượi no lại về.
So bốn mùa đâu bằng xuân sớt,
Khí trời hòa vật tốt người thanh.
Tràng-an phong-cảnh hữu-tình,
Có đường lửa ngựa có thành xem hoa.
Một khắc là nghìn vàng khôn chuộc,
Hèn chi mà cầm đuốc chơi đêm.
Tiếc xuân có phủ chắc hiềm,
Trượng-phu lòng sắt dễ mềm vậy vay.
Cớ chi mày hỡi con đỗ-vũ,
Quyến xuân về lại rủ hè sang.
Hây-hây mà mặt hải-đường,
Xanh phô màu liễu lục trương tán hoè.
Bến thủy-đình cầm ve mới gảy,
Sạch kim-hôi đã nảy tiền sen.
Kia ai leo-lẻo lòng thiền,
Trần-ai rửa sạch non tiên sớm vào.
Gió hiu-hiu trướng cao song bắc,
Tả mối sầu chẳng mắc chút lo.
Chéo chân nằm ếch ngày pho.
Ngẫm hay chẳng khác người vua Hi-Hoàng.
Rất yêu-dương Lan-đình một hội,

Tưới mai-hoàng dễ gội đồ-thư.
Đầu hè sừng-sực tháng tư,
Nắng nôi chi nữa luống hư tháp-đài.
Diễn ngày dài cờ tiêu một cuộc,
Ngủ nghê nông dễ chuộc chiêm-bao.
Hóa-nhi khéo quấy người sao.
Đã sang Hòe-quốc lại vào Hoa-tư . . .
Cung ai đặt có chín thành,
Kim-phù xạ-nồi thủy tinh nước đầm.
Năm chập năm tiết lành đoan-ngọ,
Một thủ thơ dâng thọ nghìn năm.
Buộc tay dùng chỉ thức năm,
Người bỗ hùm ngài hăm-hăm trấn tà.
Địch đoành la hò ran thủy-quốc,
Đua thuyền rồng sớm rước hồn-tương.
Bồn tiên mầm mập lan-thang,
Thủ cung buông nước thói thường học xưa.
Ơn cả nhờ cửu-trùng ban-phát,
Phủ hơi dương lưu-loát gió nhân.
Chanh-vanh cầm gầy nam-huân,
Cồi hờn giàu của thói dân Ngu Đường,
Sáng đầu tường lựu hoa phun lửa,
Bấm đốt tay kể đã nửa năm.
Kìa ai chước chước châm châm,
Ngồi đầm hoa nở chén đầm nguyệt bay.
Tán lửa xây lòng người dễ khiếp,
Nóc phong-đình cây rợp bóng êm.
Lạ thay đào nồi mận chìm,
Chén đoành vi nước gỏi mềm vi sen.
Dũ bên thềm trung-tư thon thót,
Vật hữu tình ẽo-ọt người thay !
Đoành không một lá ngô bay,
Khiến người thiên-hạ biết ngày là thu.
Thần Nhục-thu sớm giong yên trắng,
Khí mát về hơi nắng hầu thui.
Gió kim thổi lọt ngỡ dùi,
Ngày sâu tựa bể tháng dài tựa năm.
Thức chẳng nằm ngồi nghe tiếng dế,
Nguyệt tràng-an bóng xế lầu tây.
Đêm sầu mới phát tiếng chầy,
Lòng người ải bắc thiết thay khôn hàn.
Kinh hàn-sơn chuông ai sớm đóng,
Khúc giải phiền chong bóng đài ngâm.
Ô-tôn thức mắc chẳng nằm,
Chiều ai Tràng-tín lâm đâm chong đèn.
Thơ mấy thiên mếch lòng ả Tống,
Phú Cao-đường xẩy động lòng ưa.
Lạ gì trăng gió mây mưa,
Chúa Đương mơ-mết thiếu-thừa chiêm-bao.
Địch chốn nào hóng dài một tiếng,
Người hồng-lâu điểng-iếng biếng nương.
Bản kiều nhơm-nhớp còn sương,
Bãi Ngô đã tưới ngàn Tương lại thuyền.
Thơ thề thiên hay lòng Trang Tích,
Phú mấy vần hay thích Phan-công.
Hẹn nào khách ở Liêu-đông,
Rau thuần gỏi vược chốc mòng thú quê.
Vắc bốn bề trong đêm thất tịch,
Thuở trời cao ngớt sạch mây thâu.
Sông ngân đã bắc nên cầu,
Kẻo lòng Ngưu Nữ lo-âu cách lìa.
Bạn nữ-nhi xâu kim xin khéo,
Mảnh thưa thưa tơ kéo mỏng mỏng.
Sự xưa nga ỷ (?) nên song,
Cửa buồng cài chốt ngăn phòng khoán [ngâu.
Kìa kìa đâu lên lầu bách-tử,
Nọ nọ đâu tạc chữ tràng-sinh.
Cửa hiu hè ngỏ mành mành,
Thề âu Vương Xán có tình cùng trăng.
Sự có chăng khá cười chúa Bán,
Thấy Kim-vương mặt dạn mày quen.

Đăng chi tôi mọn tài hèn,
Tay phàm bẻ được đào tiên ba lần.
Cảnh mười phần đâu hơn Xích-bích,
Lã thơ tiên rượu khách mảng chơi.
Non non nước nước trời trời,
Hứng thừa lai-láng sự đời đã quen.
Lạc ngàn tiên kia trong Tạ-thượng,
Ngược non rồng mảng tượng tri vi.
(1) . . . . . .
. . . . . .
Dưới đóa mây chiếc nhàn vi-vất,
Hãy hơi may thổi lọt lá ngô.
Chon-von một đỉnh Vọng-phu,
Trời thu mấy trượng bể thu mấy trùng.
Tiết thu trung đã về quá nửa,
Nguyệt một vùng sáng nửa mười
Ri ri mãm ngọc đầy sân, [phân.
Lầu cao mấy trượng đòi lần gấm phong.
Một bầu nồng ba nghìn thế-giới,
Cung Quảng-hàn bóng mới lẻ ra.
Lầu-lầu chẳng vá chút nhơ,
Bôn bề bằng một ai ngờ rằng đêm.
Gió cung thiềm mảy hơi thoảng đến,
Lọ khúc nghê kiền-quyền hằng-nga.
Long thành thấy đã truyền ngoa,
Xanh kia mấy trượng dễ hòa khá lên.
Dưới lẫn trên làn bằng vắng vặc,
Cùng xanh xanh một thức tầy nhau.
Dù không điềm nhạn thuyền câu,
Hay đâu là nước hay đâu là trời.
Khói hơi-hơi ngàn lau lác-đác,
Non ba cần (?) cò ác cùng bay.
Thu bao áo-não người thay!
Đã chuông quán bắc lại chầy thành nam,
Nhạn đã về tiết sang trùng cửu,
Vầy một đoàn tân-chủ cùng chơi.
Gian tay nồi khúc thọ-bôi,
Chén anh chén chủ đầy vơi mặc dầu.
Nề gió thâu thẹn mình cánh lánh,
Đem mảnh the nửa cánh còn phong.
Việc chi mà gã Phi-Phòng,
Hòa hay nhủ khách đều cùng lên cao.
Đắc thú bao người Đào Bành-Trạch,
Hái hoa vàng sốc-sếch giậu đông.
Kia ai thất-thểu non sông,
Nửa tô nửa bách nửa thông nửa người,
Tuần tháng mười đã về dương-nguyệt
Thủa đầu đông là tiết tiểu-xuân,
Chanh vàng quít lục đầy sân.
Nấu hềnh rượu giọt mười phân đêm dài.
Chí-khí trai Tô-khanh thở Hán,
Mười chín thu một cán cờ không.
Trần-trần chẳng chuyền nương-
Ấy gan hay sắt ấy lòng hay son! [long,
Giá Tôn Khang hề song đọc sách,
Lọ nhặt quỳnh trổ vách tám chi,
Công danh lấy đấy mà suy,
Hăm-hở những dè sớm kiếp nhường cao (?)
Mạnh Công-Giao thủa vào non bá,
Trời tâng-tâng đột giá sông sương.
Bù trì một túi thi-chương,
Lửa gầy đủng-đỉnh hứng mảng thích ngâm.
Giá căm-căm thẳng vào thành Sái,
Cơn tuế-hàn nào ngại chút vay.
Một nhà con thảo tôi ngay,
Danh lừng họ Lý tiếng bay đời Đường.
Vua Nghệ-hoàng đến nhà trung-lệnh,
Bắt nốt ruồi đêm quanh lo riêng.
Tưng-bừng nấu-nướngrượu Hềnh,
Nào toan sang khó nào kiềng hiềm-nghi.
Đứng thờ-ơ chiếc thuyền ngồi Diệm,
Nghĩa kim-lan nào hẹm mầy tơ.
Đông dài giá lạnh nguyệt mờ,
Nước trời nghi-ngút bạn thư than tìm.
Giá chẳng hiềm cửa Trình chăm chẩm,
Nghĩa sư sinh nồng thắm qua ưa.
Mẽ văn mùi đạo say sưa,
Chán đầy phiên tuyết mặt thừa gió xuân.
Đông nửa phần tháng về mười một,
Tơ tay tiên hầu lọt lại thêm.
Anh-đào đua nở ran thềm,
Gẫm hay đông-chí ấy điềm đã sang.
Thủa nhị-dương là tuần phục lạp,

(1) Đây khuyết mất mấy câu.

Thoắt lại sang tháng chạp mười hai.
Non nam chiếng một đóa mai.
Bảng xuân sơ-chiếm danh khôi ở đầu.
Trời riêng đâu mảy tơ mảy phút,
Chợt khỏi đông lại tót sang xuân.
Tràng-an xe ngựa rân rân,
Đâu đâu mừng thấy tiết xuân đã về.
Năm cũ đi thì năm mới lại,
Bĩ đã thôi thời thái lại ra.
Thiều-quang phủ khắp gần xa,
Gió nhân hay-hảy khí hòa hây-hây.
Tám bức vầy thiều-quang đầm ấm,
Chợ lẫn thành hoa gấm đua thêm.
Thuận thời mưa đặt gió êm,
Đào thơ thượng-uyển liễu mềm ngự-câu
Khắp đâu đâu thỏa trong trời đất,
Hễ là người là vật đều tươi.
Muôn dân chốn chốn nơi nơi,
Vào cảnh xuân-đài lên cõi sống lâu.
Gót lẫn đầu đội ơn vị dục,
Hoàng-cực cho năm phúc tới dân.
Bốn mùa ước những mùa xuân,
Trị dài Trịnh-chúa Lê-quân muôn đời.
Hễ đạo trời rất công rất chính,
Xin hoàng-vương tin lệnh bảo dân.
Xuân thời tin lệnh mùa xuân,
Đức kiền rộng - rãi lòng nhân vỗ-về.
Hè lệnh hè đức hay nuôi vật,
Thu lệnh thu chẳng chặt mũi lông.
Đông thì tin lệnh mùa đông,
Đã có lạnh-lùng lại có dương xuân.
Khắp xa gần ơn nhờ đức đội,
Đều thu về một mối xa thư.
Tám phương xem bằng đình-trừ,
Huyền-trân lọ đến cư-tư lọ vào.
Hàu no nao nỗi lòng ngay thảo,
Chúc một thơ Thiên-bảo hòa dâng.
Đức tề nhật nguyệt thăng hằng,
Thịnh bằng tùng bách thọ bằng non sông.
Đã kính dâng Hoa-phong tam chúc,
Lại dâng ngâm một khúc Trùng-tư.
Điềm lành sớm ứng hùng bi,
Trăm trai đầy dẫy khác gì Lạc-long.
Phúc trùng-trùng con rồng cháu phượng,
Ngẫm năm-phương khí vượng còn xa.
Lâu dài tộ rõi truyền nhà,
Hiền hòa nối thánh sau hòa nối xưa.
Trị có thừa đời đời thêm rộng,
Kia Hán Đường Tấn Tống làm chi.
Chắp tay xem trị vô-vi,
Vương thì khá bốn đế thì khá ba.
Mừng quốc-gia chi dâng thượng thọ,
Thác bốn mùa ý ngụ một thiên.
Nguyện cầm báu cả cho bền,
Trời phúc dân triền năm dõi-muôn muôn.
Tài mọn này chẳng khôn chẳng dại,
Trẻ vô-tình già lại vô-tâm.
Cầm lành gặp bạn tri-âm,
Chẳng hiềm thừa vụng xấy ngâm chép làm.

ĐÀN BÀ ĐÔNG-PHƯƠNG (1)

VII

Mĩ-nữ Tây-Thi

Đất Việt-trung (tỉnh Chiết-giang ngày nay) sơn-thủy linh-tú, nhất cả miền đông-nam nước Tàu. Tự đời nhà Thương nhà Châu cho đến đời Xuân-thu, đất Việt-trung còn cách tuyệt với trung-nguyên, chửa giao-thông gì cả, người trung-nguyên vẫn cho đất ấy là đất man-di. Song le, ông tạo-vật vốn đa-tình, há chịu để cho cái đất sơn-thủy linh-tú ấy, cứ tịch-mịch mãi, mà không hiển-trứ ra với đời. Bấy giờ mới sinh ra người, nhưng chẳng sinh ra người hào-kiệt kinh-thiên động-địa, mà sinh ra kẻ giai-nhân khuynh-quốc khuynh-thành, khiến cho lừng-lẫy một đời, sáng-sủa muôn kiếp, vì sơn-xuyên tăng được cái giá cho cao lên. Người đời sau đi qua đất ấy, ai là chẳng thăm viếng, sinh lòng tưởng-mộ, mà sơn-thủy đất Việt-trung mới thành ra một cái danh-giá chuyên-hữu của nghìn thu.

Tây-Thi 西施 vốn là một người con gái thôn quê giữ nghề-nghiệp đi hái củi ở dưới núi Trữ-la. Cư-dân ở dưới núi Trữ-la phần nhiều là họ Thi, lại nhân ở về mé Tây-thôn núi Trữ-la, cho nên gọi là Tây-Thi. Trước nhà Tây-Thi ở có một cái ngòi nước chảy, sâu vô-đề, nước thì trong sạch, kể là hơn cả các ngòi suối trong Việt-trung. Đôi bên ngòi phần nhiều trồng đào-hoa, chen với dương-liễu, cứ đến mùa tháng hai tháng ba, hoa đào thứ-đệ đua nở, sắc đạm-hồng cùng với sắc bích-liễu sắc lục-ba cùng nhau ánh-chiếu, phong-cảnh xinh-đẹp, ít chỗ nào tầy. Hoa đào rơi xuống mặt nước, thì thường có đàn cá lượn tung-tăng, tranh nhau đớp lấy nhị hoa, từ một cái vẫy một cái râu, vì nước trong suốt, có thể đếm ra được cả. Thực là một bức tuyệt-diệu họa-đồ, mà lại hình như một nơi thần-tiên đồng-phủ, không giống với quang-cảnh nhân-gian. Lại có một sự kỳ-tuyệt nữa, là nước ngòi thì chất thanh mà vị ngọt, uống nước ngòi ấy thì suốt ngày miệng không thấy khát. Tương-truyền mẹ nàng Tây-Thi hàng ngày ra uống nước ngòi ấy, cho nên đẻ ra được người tuyệt-thế giai-nhân, điều đó thì cũng chưa dám chắc. Nhưng người đời sau cũng bởi lòng mê-tín, mà thường bảo nhau rằng muốn sinh con gái đẹp, nên uống nước Nhược-gia. Vì cái ngòi ở trước nhà Tây-Thi ấy, nguyên gọi là ngòi Nhược-gia; sau vì có sản-xuất Tây-Thi, lại gọi tên là ngòi Mĩ-nhân.

Tây-Thi tự thủa lên sáu lên bảy tuổi dung-mạo xinh-đẹp, đã hơn cả trong bạn chị em. Chừng là cái khí địa-linh sở-tụ, vốn ở chỗ Tây-thôn, cho nên con gái Tây-thôn không người nào là không đẹp, mà Tây-Thi thì lâm trùm. Con gái Đông-thôn không người nào là không xấu, mà Đông-Thi thì lâm trùm. Vậy có câu truyện Tây-Thi nhách mép cười thì đẹp, Đông-Thi cũng nhách mép bắt chước cười thì hóa ra méo miệng. Mà đời sau hễ nói đến con gái xấu, thì gọi là Đông-Thi. Kỳ-thực đời ấy cũng không có người nào là Đông-Thi, chẳng qua người đời sau

(1) Xem N. P. số 110

muốn hình-dung cái đẹp của Tây-Thi, mà giả thiết ra một người ấy, để làm kẻ đối-địch với Tây-Thi mà tả-chiếu ra vậy. Con gái hương thôn, phần nhiều đầu bù lưng ong, trâm gai quần vải, đó là sự thường. Nếu con gái thành thị, thì đã đua nhau những thói phú-quí, chẳng phú-quí cũng làm ra phú-quí, là lượt gấm vóc quấn vào mình, sang về nét vàng, đẹp về sắc ngọc, trắng về mầu phấn, đỏ về mầu son. Cho nên những người kiến-thức nông nổi, vẫn thường bảo rằng muốn cầu người đẹp, phải cầu ở nơi thành-thị, chứ nơi thôn-dã quyết không có người đẹp ở đấy bao giờ. Xét ra cho kỹ, có phải thế chăng, hay là không phải thế chăng? Kia cái kẻ nhan-sắc vô-song, cổ kim đệ nhất là Tây-Thi, sinh ra ở trong thôn Trữ-la đó.

Người cha Tây-Thi làm nghề nghiệp chém củi, suốt ngày lao-khổ, chỉ đủ cung ba bữa ăn, người mẹ đánh gai đập sợi để giúp việc. Tây-Thi đến tuổi dậy thì, xuất-hiện ra được khuôn mặt như nguyệt, nét cười như hoa; vẻ đẹp của Tây-Thi, con mắt người ta chưa từng thấy, người xinh đến một cái tóc cũng xinh, cười đẹp đến một cái nhăn cũng đẹp. Cái tiếng người đẹp, tự trong thôn Trữ-là truyền ra, đã dần dần khắp cả gần xa.

Tây-Thi nhà vốn cực nghèo. Lệ thường thì con gái nhà nghèo cứ ngoại mười tuổi trở ra, đã phải hết lòng hết sức giúp đỡ cha mẹ, làm-lụng về đường sinh-hoạt. Tây-Thi trông thấy cha mẹ hàng ngày cần-khổ, mà cha mẹ cũng thương con yếu-ớt, vẫn có lòng dưỡng con, không khiến làm việc nặng nhọc. Nhưng Tây-Thi thiên-tính cũng phong-phú về đường hiếu thuận, không nỡ để cho cha mẹ vất-vả, mà tự mình lại rỗi-nhàn. Mới hết sức giúp đỡ cha mẹ, chịu thương chịu khó, chiều chiều sớm sớm, kể có hàng năm hàng tháng, không những kể có hàng ngày. Hay đâu Tây-Thi vốn chất yếu, vì cớ tham công tiếc việc, dùng sức quá-độ, mới thành ra có chứng đau bụng bất-thường nổi lên. Hễ khi gặp chứng ấy nổi lên, thì đôi nét ngài hơi hơi chau lại, giao nhau về xuân-sơn, hai tay ngọc nhè nhẹ in vào, ôm lấy bộ lan-tâm, lại thành ra một cái thái-trạng kiều-mị khá yêu, khiến người ta trông thấy mà sinh ra lòng lân-tích. Cái chứng đau bụng, lại có thể thêm được sự đẹp giúp được vẻ xinh. Khi ấy những con gái khác ở trong lân-lý, cũng đua nhau làm ra cách bộ chau mày ôm bụng, để cầu ưa mến cho con mắt với người ngoài, phong-tục cơ-hồ biến đổi, khá cười thay, mà cũng khá thú thay!

Tây-Thi từ đấy, những việc nặng nhọc không thể làm được nữa. Nhưng lại không muốn ngồi rồi ăn không, làm hao-tổn mất tâm-lực của cha mẹ. Mới tìm ra một việc có thể sinh-lợi được, mà không đến nỗi lao-động quá, việc ấy là việc cán-sa, nghĩa là việc rặt-rịa thuê đấy mà thôi. Vì thôn Trữ-la đằng sau là núi, đằng trước là nước, người trong thôn nhà nào nhà ấy phần nhiều kề liền bờ sông mà ở, việc cán-sa cũng rất là tiện-lợi. Từ đó về sau, Tây-Thi ẩn náu ở trong việc cán-sa, kể có hơn hai năm. Trên bờ sông có một hòn đá xanh, lớn như cái sập vuông, xinh-xắn nhẵn-nhụi, trên có một cái gân đỏ, tựa như sắc huyết nhuộm vào. Tây-Thi khi cán-sa mỏi mệt, từng ngồi nghỉ ở trên hòn đá ấy. Người đời sau lấy làm quí báu, dựng lên một cái đình ở ven đó, đem hòn đá ấy để vào trong đình, gọi là « Tây-Thi cán-sa thạch ».

Chỗ núi sâu trầm lớn, thực sinh ra giống long-xà. Trời đã sinh ra Tây-Thi, trời không nỡ để cho mai-một đi mất cái nhan sắc phi-thường. Khi ấy trời mới bày ra một cuộc Ngô Việt hai nước tương-tranh để hiển ra cái sóng khuynh-quốc khuynh-thành,

khiến cho cái tiếng đẹp của Tây-Thi, để mãi ở thế-gian, không bao giờ mất, sẽ biết ông tạo-vật cũng là giống đa-tình.

Về khoảng cuối đời Xuân-thu, nước Ngô ở mé nam sông Đại-giang (tức tỉnh Giang-tây với Giang-tô ngày nay), nước Việt ở về mé rìa bể, (tức tỉnh Chiết-giang với Phúc-kiến ngày nay), Ngô Việt hết đời nọ sang đời kia đánh nhau mãi, đã thành ra hai nước cừu-thù. Đến lúc Việt-vương là Câu-Tiễn nối ngôi, gặp ngay nước Ngô dương là lúc toàn-thịnh, quân Ngô liền năm đánh thua quân Việt, cơ-hồ tiệt-diệt nước Việt, bắt Việt-vương về làm tù, con trai Việt-vương đã liệt vào hàng nô-lệ, con gái Việt-vương đã liệt vào hàng tỳ-thiếp. Sau lại tha cho Việt-vương về, cho phép được nuôi quân-sĩ năm nghìn người, tuế-thời triều-cống, làm một nước phụ-thuộc nước Ngô. Nước Việt nhờ có hai người bày-tôi giỏi, là Phạm Lãi với Văn Chủng cùng nhau hợp mưu để cứu nước. Khi ấy vua tôi nước Việt gặp phải một phen kỳ-sỉ đại-nhục ấy, ngậm đắng nuốt cay, vẫn có chí báo-thù. Song vì Ngô-vương là Phù-Sai khi ấy vốn là kẻ anh-minh cường-vũ, chăm chỉ việc nước; lại có người bày-tôi hiền-hào tuấn-kiệt là Ngũ Tử-Tư làm tướng nước Ngô, nước Ngô cường-thịnh, không có hấn-khích gì khả-thừa. Vua tôi nước Việt mới bàn riêng với nhau rằng tất làm thế nào cho nội-chính Ngô rối loạn, mới có thể báo được thù Ngô; Ngô-vương tuy anh-hùng, nhưng vẫn là kẻ hiếu-sắc; nếu kén được người con gái đẹp, đem cống-hiến Ngô-vương, khiến Ngô-vương say đắm thanh-sắc xa bỏ hiền-thần, quên nhãng việc nước rồi ta mới có thể đắc-chí được. Vua tôi thương-nghị với nhau xong, mới dùng cái kế của Văn Chủng, chọn lấy kẻ con mắt tinh đời vài mươi người, khiến cho đi khắp trong nước, dò la xem xét con gái đẹp, ghi lấy tuổi lấy hình, đem về dâng Việt-vương, để Việt-vương chọn lọc. Nhưng không được người nào là tuyệt-sắc, chắc không đủ mê-hoặc được tâm-chí Ngô-vương. Phạm Lãi khi ấy mới phải thân-hành, mặc đồ thường-phục đi vi-hành mong có thể gặp người con gái khác thường, bể xa núi hiểm, chỗ nào cũng dò qua đến nơi. Là ý nghĩ rằng những người mĩ-nhân tuyệt-thế, tất không sinh ra ở những nơi thành-thị, vì thành-thị là nơi trần-tục hỗn-tạp không phải là nơi linh-tú chung-đúc, dù có con gái đẹp, phần nhiều đẹp về lối phồn-hoa, về bề tu-sức mà thôi, muốn cầu lấy người thiên-nhiên khuê-tú, phải cầu ở nơi sơn-thủy thanh-kỳ, dân-tục thuần-phác sẽ được.

Phạm Lãi đi vi-hành, một hôm tình-cờ đến thôn Trữ-la, trông thấy chỗ ấy, phong-cảnh sáng đẹp, sơn-xuyên hữu-tình, liễu ngủ hoa cười, bụi trần không đến, nhân lần theo phong-cảnh, bước vào trong thôn. Đương lúc bàng-hoàng ngơ-ngẩn, nhác thấy trong chỗ cái nhà tranh, có một người con gái xinh-đẹp, chừng độ mười bảy mười tám tuổi, đon-đả bước ra. Mới nhác trông thấy, như thể con chim hồng bay qua, đã rõ ngay rằng mày ngài mắt phượng, tú-mị thiên-thành, cái đẹp của người ấy, không miệng lưỡi nào có thể hình-dung ra được. Trong bụng đã mừng thầm rằng người ấy là người khuynh-quốc, chuyến đi này chắc có lẽ thành-công. Toan lại gần xem kỹ, thì người con gái ấy đã thụt ngay vào trong nhà. Vì Tây-Thi sinh-trưởng chỗ hương-thôn, ít thấy có khách lạ; chợt thấy người khách đàn ông ra bộ kẻ quí người thanh, vả lại giương mắt nhẩm mình chòng-chọc, không khỏi có ý ngại-ngùng. Vả chăng đối với khách lạ, thường có ý thẹn-thùng bẽn-lẽn, không có ý bạo-dạn láu-lỉnh, cũng là thói thường của con gái nhà quê.

Mà cái đẹp của con gái nhà quê, phần nhiều ở cái thái-độ thẹn-thùng bẽn-lẽn ấy mà ra, ví như cái hoa đào còn ở trong suối Vũ-long vậy. Tây-Thi nguyên ý toan ra ngồi cán-sa, đến khi ấy mới tay mang cái rổ trúc, quày đầu lại khép cửa chặt mà vào.

Phạm Lãi khi ấy đã trông hút thấy tung-tích mĩ-nhân, toan tiến vào trong thôn, hỏi dò các phụ-lão. Nhưng trời đã chiều hôm, không tiện ở lâu, mới chuyền thân do đường cũ đi về trong thành, ngủ ở nơi quan-xá. Sáng ngày mai, ăn cơm xong, tức-khắc sai thuộc-viên mang đồ vàng đồ lụa, Phạm Lãi thân-hành đi trước, kẻ tùy tùng bốn năm người đi sau, thẳng lối cũ đi vào thôn Trữ-la. Khi đến thôn, những nam-phụ lão-ấu ở trong thôn thấy có người nhà quan đến thôn, đều lấy làm sự lạ, người nào người ấy bỏ cả việc cày bừa việc ngâm dệt, đi đến vây lại xem. Khi ấy Tây-Thi cán-sa vừa mới xong, về nhà nghỉ-ngơi. Chợt nghe ở ngoài cửa có tiếng người xôn-xao, tiếng đi tiếng chạy rộn-rịp, không biết là có sự gì, cũng mở cửa đi ra, hỏi một bà láng-giềng rằng trong thôn cớ sao nhao-nhác, chừng có sự thất-hỏa đấy ư? Bà láng-giềng đáp rằng thanh-thiên bạch-nhật thế này, làm gì có sự thất-hỏa; tôi nghe người ta bảo rằng có người nhà quan đến thôn, người thôn ta chửa biết là sự gì, cho nên xô nhau chạy ra xem sự-tình đấy thôi. Tây-Thi nghe nói, bụng nghĩ ngay rằng thôn ta từ xưa đến nay yên phận làm ăn không có sự gì can-phạm đến tội lỗi, vả lại thôn ta không có người lười-biếng, thuế-khoá nộp đủ, không phải phiền người nha-quan đến thôn đòi thuế bao giờ, người nha-quan kia cớ gì lại đây, chừng là vì sự mình mà lại đấy chăng. Lại liền khép cửa đi trở vào. Từ xưa đến nay, người con gái thông-minh mà xấu-xí, giản-hoặc cũng có; đến như người con gái mĩ-lệ mà ngu-độn, thì không có khi nào. Vì chữ tài chữ sắc vẫn thường nối liền với nhau, cái nhan-sắc của Tây-Thi trời đã phú cho là bậc tuyệt-thế, mà cái trí-tuệ của Tây-Thi, trời lại phú cho là bậc tuyệt-nhân. Lịch-sử Tây-Thi sau này cũng có những điều kiến-thức như kẻ trượng-phu, há những là người đẹp mà thôi.

Tây-Thi khi ấy, cha mẹ ra cả ngoài đồng làm ruộng, chỉ một mình khép cửa chặt lại, lui vào trong buồng, nằm thiếp mà nghĩ một mình rằng người ấy lại đây, chửa biết đối với mình là họa hay là phúc thế nào; nếu mình xấu-xí, thì cái sự mình được do cái chí mình, chẳng may trời cho mình cái sắc, cái sắc đáng quí, mà cũng đáng lo. Tây-Thi lúc ấy mấy hàng nhiệt-lệ, tuôn ra chan-chứa lúc nào không biết.

Tây-Thi đang nằm ở trong buồng, nghe có tiếng gọi cửa, tiếng gọi rõ ra tiếng người cha mình, mà gọi kíp lắm. Tây-Thi phải vùng dậy đi ra mở cửa. Tây-Thi thấy cha kíp hỏi việc gì, thì người cha hốt hoảng, chửa kịp nói gì với Tây-Thi. Tây-Thi thấy trạng-thái, kinh-hãi vô-cùng. Người mẹ với người họ-hàng khi ấy cũng nối gót về, người nào người ấy đều có dáng kinh-hoàng, quét dọn nhà cửa. Quét dọn xong, người cha kíp chuyền thân chạy ra ngoài cửa, cúc-cung mà nói rằng xin mời quí-khách vào nhà. Rồi một bọn quan-khách và người đồng-sự trong thôn nối gót nhau đi vào. Nhà thì chật hẹp, có hơn mười người khách, mà đã không có chỗ chen chân. Phạm Lãi ngồi yên, mới gọi người cha Tây-Thi mà hỏi rằng con gái ông bao nhiêu tuổi, tên là gì, đã gả chồng chưa? Người cha thưa rằng tiện nữ tôi mười tám tuổi, tên là Tây-Thi, vì tôi họ Thi, ở về Tây-thôn, hiện chửa gả bán cho ai. Phạm Lãi lại hỏi sao gả chồng muộn thế. Người cha lại thưa rằng vì tôi có đứa con trai đầu lòng, hơn nó

hai tuổi ; nhà nghèo quá chửa lấy được vợ, định rằng hễ có ai thương yêu nó, thì đánh đổi nó đi, lấy món tiền kha khá, để cưới vợ cho con trai, cho nên chửa dám gả bán cho ai. Phạm Lãi nghe nói mừng mà nói rằng nay nhà vua định lấy nghìn lạng vàng sinh con gái ông, cho ông được phú-quí chung-thân, ông có bằng lòng không ? Người cha giật mình mà nói rằng nhà vua tôn-quí, đã có con gái các chư-hầu mới xứng-đáng sung vào chức nội-cung, chứ con tôi là một đứa con gái ngu-xuẩn ở thôn quê, sao dám đương cái sinh-lễ nghìn vàng ; vả tôi là một kẻ đi cày, không có phúc phận hưởng nghìn vàng ; nếu tham nghìn vàng, thì sợ rằng giảm mất cái thọ của tôi, xin quí nhân khéo-léo vì tôi từ-tạ với vua, chớ khiến tôi dự vào tội lỗi. Phạm Lãi nghiêm-chỉnh sắc mặt mà bảo rằng vua ta yêu thương thần-dân, chăm-chỉ việc nước, không phải là người hiếu-sắc đâu. Chỉ vì nước ta bị Cường-Ngô xâm-lấn, quốc-thế nguy-vong, các ông ở chỗ dân-gian, chắc cũng biết cả. Nay Ngô-vương sai sứ sang Việt, cầu một người con gái tài-sắc kiêm bị để sung hậu-cung, vua ta phải ứng mệnh đi tìm, xem suốt con gái trong nước, không người nào bằng con gái ông, cho nên sai bản-chức đem vàng lại sinh. Nếu ông trái mệnh, thì ông phải tội ; mà con gái ông cũng tất phải sang Ngô-cung, họa-phúc quyết-định ở trong khoảnh-khắc, ông phải tức-khắc vào bàn với vợ con đi, bản-chức ngồi đây, đợi ông trả lời. Người cha nghe nói, lại càng sợ-hãi, liền vào thương-lượng với vợ con. Tây-Thi rớm nước mắt khóc, người mẹ cũng khóc mà không nói ra khẩ-phủ, người cha thúc-giục, người mẹ vẫn không nói gì. Tây-Thi gạt nước mắt khẳng khái mà nói rằng làm một kẻ nông-dân, mà trái mệnh đấng quốc-quân, tất có vạ lớn. Con nghe vua ta bấy lâu vẫn nằm trên đống củi, nếm nước mật đắng, mong báo thù Ngô. Nay vua muốn cầu-trợ ở con, thì con cũng tiếc gì một cái thân con, mà con chẳng đi giúp vua để báo-thù cho nước. Cha mẹ được số vàng ấy cũng đủ sung-sướng cảnh già. Sống chết con tin ở mệnh trời, trời mà thương con, thì cũng có ngày con được trông thấy cha mẹ. Cha mẹ thấy Tây-Thi quả-quyết, bất-đắc dĩ phải nhận vàng, rồi Tây-Thi mới tùy-tùng Phạm Lãi ra đi.

Phạm Lãi một chuyến đi ra, mà được ngay kẻ mĩ-nhân tuyệt-thế, thật là ước sao được vậy. Phạm Lãi đem Tây-Thi về yết-kiến Việt-vương, Việt-vương còn muốn cầu lấy đa-số mĩ-nhân, để mê-hoặc Ngô-vương. Phạm Lãi cười mà nói rằng mĩ-nhân nan-đắc, quốc-sĩ vô-song, mĩ-nhân cũng như quốc-sĩ, trời sinh ra vật lạ, được một đã là may ; cầu chi những hạng tầm-thường chi-phấn để sung số, thì có ích gì. Mới sai lại-viên sửa-sang quán-xá cho Tây-Thi ở. Phạm Lãi cũng thỉnh-thoảng đến quán-xá Tây-Thi, bàn với Tây-Thi về việc nước. Tây-Thi cũng lỗi-lạc ra con người đại-gia, không có thói thường kẻ nhi-nữ. Phạm-Lãi mới kén hai người kỹ-sư về khoa âm-nhạc, đến quán-xá Tây-Thi, dạy Tây-Thi nghề ca-vũ. Tây-Thi vốn là kẻ thông-minh, dạy một thì biết hai. Đối với mọi đồ nhạc-khí trong nhạc-phủ, thì thổi sáo là hay nhất ; tiếng sáo nghe xa như chim phượng kêu ; đám mây đang đi ở trên trời, hình như cũng vị tiếng sáo của Tây-Thi mà phải dừng lại. Nhạc-khí đã tinh-thuần, mới dạy nghề ca ; nghề ca đã thành-thục, mới dạy nghề vũ.

Tây-Thi từ lúc ly-gia đến lúc nhập-quán, thấm-thoắt đã ngót một năm, các kỹ-thuật đều tinh-thục. Việt-vương thân-hành đến một chỗ ly-cung, bắt Tây-Thi ra trình nghề, xét ra thì-thanh ca điệu-vũ thực đã đủ khiến người nghe mà phách đãng, thấy mà hồn

tiêu. Việt-vương bắt đầu sai một viên đại-phu là Văn-Chủng sang sứ Ngô, bịt-huật cái ý Việt-vương sợ uy đội đức vua Ngô, xin dâng một người mĩ-nữ để sang vào chức thị-nữ trong cung Ngô, định đến ngày ấy ngày nọ kính-tống sang Ngô; trước hẳng sai tiểu-thần sang thỉnh-mệnh đại-vương, để định đường tiến-chỉ. Ngô-vương tự khi đánh được nước Việt về sau, chí-khí kiêu-doanh, chắc rằng thiên-hạ không ai làm gì được ta nữa. Đã toan thay-đổi các vị cơ-thiếp trong hậu-cung, chỉ khổ về nỗi chưa được người nào là tuyệt-thế giai-nhân, nên vẫn trù-trừ chưa quyết. Chợt gặp Việt-vương sai sứ sang thông-ý, xin đem mĩ-nhân lại hiến, trong bụng hân-hỷ vô-cùng. Tức-khắc sai khoản-đãi Việt-sứ, dụ-chỉ rằng chỉ-kỳ thì sai quan ra nghinh-tiếp. Văn-Chủng lĩnh mệnh lui về quán-xá. Viên tướng-quốc nước Ngô là Ngũ Tử-Tư nghe thấy sự, kịp vào cung can Ngô-vương rằng sự ấy chớ nên cho. Việt-vương tự khi hồi-quốc, nằm trên đống củi, nếm nước mật đắng, cùng với quân-sĩ cùng cam-khổ, ấy là cái chí họ định báo thù Ngô. Nay xin hiến mĩ-nhân, ấy là cái kế họ muốn làm mê-đãng nhĩ-mục tâm-chí nhà vua, khiến nhà vua trễ-chàng chính-sự, rồi họ sẽ sinh-chi được với nước Ngô, xin đại-vương chớ nghe. Ngô-vương khi ấy còn do-dự. Một viên thái-tể nước Ngô là Bá-Bỹ tâu rằng Việt-vương đội đức sợ uy, được mĩ-nữ không dám tự-chuyên, thành-tâm đem hiến đại-vương. Nếu khước đi, thế là tuyệt mất cái lòng hướng-mộ của kẻ viễn-phương. Vả trong hậu-cung đại-vương lâu nay vẫn chưa có người nào xứng ý, thêm một kẻ mĩ-nhân, có hại gì chính-sự, xin đại-vương cứ nạp. Vì Bá-Bỹ đã từng nhận của đút lót của Văn-Chủng rồi, cho nên cố khuyên Ngô-vương. Ngô-vương mừng mà nói rằng lời thái-tể Bỹ nói là rất phải. lời Ngũ tướng-quốc không thể dùng được. Văn-Chủng nghe tin cả mừng, nửa đêm chạy về nước Việt, dự-bị sự tống-nữ, cùng với Phạm Lãi thương-nghị rằng nước ta tự lúc gặp Ngô-binh đến giờ, kho-tàng rỗng không, sự tống-nữ phải chi-phí nhiều lắm, lại lấy của dân thì không tiện, biết làm thế nào. Phạm Lãi nói tôi có một phép không phải tốn đến của nước, mà dân cũng vui lòng. Mới cheo bảng yết-thị, chuẩn ngày tống-nữ, để Tây-Thi ở một chỗ ly-cung, cho bách-tính vào xem mặt mĩ-nhân, mỗi một người vào phải nộp một viên tiền đồng, để làm cái phí son phấn cho mĩ-nhân. Bách-tính gần xa nức lòng tuân mệnh, kể lại xem có đến nghìn vạn người, thu được tiền son phấn kể có nghìn vạn viên; khoản chi phí sang Ngô, kể đã có phần dư-dụ.

Phạm Lãi mới dùng hai chiếc thuyền lớn, chở Tây-Thi và kẻ tỳ-bộc tùy-tùng; lại dùng hơn mười chiếc thuyền nhỏ, chở mọi đồ hành-trang thập-vật, ngược dòng giang-thủy, giương lá cầm phàm, thẳng lối sang Ngô. Khi sắp-sửa tống-nữ, Việt-vương có bảo Phạm Lãi rằng nước Ngô có một viên bầy tôi tinh-quái là Ngũ Tử-Tư, hẳn vẫn ngờ quả-nhân dùng cái kế mĩ-nhân, để đánh bả Ngô-vương; nếu không có người tùy-cơ ứng-biến, nhạ-khởi ra cái lòng ngờ của Ngô-vương, thì sự ấy tất hỏng; sự tống-nữ này, tất lại phải phiền đến đại-phu gắng sức đi cho. Phạm Lãi mới tuân mệnh Việt-vương đi tống-nữ.

Thuyền đi đến bờ sông nước Ngô, Ngô-thần là Bá-Bỹ ra nghinh-tiếp, hoan-hỷ quá chừng. Bá-Bỹ tiếp-kiến Phạm Lãi, Phạm Lãi hai ba lần tán-tụng công-đức Bá-Bỹ và tạ ơn. Lại ân-cần chúc-thác Bá-Bỹ khi vào yết tấu Ngô-vương, biểu-minh cho rằng Việt-vương chuyến này hiến mĩ-nữ, là vì liên-lạc cái cảm-tình của hai nước mà khởi-kiến, chứ không có cớ gì khác. Bá-Bỹ

liên-thanh ứng đáp, tự nhận trách-nhiệm, nhân chỉnh-bị xe ngựa, thỉnh Tây-Thi và một đội hành-nhân đời thuyền lên cạn. Hành trình chửa đây hai ngày, đã đến thành Cô-tô. Ngô-vương được tin, kíp sai quân ra nghinh-tiếp. Khi ấy trời đã hoàng-hôn, quân-sĩ thắp đèn nối đuốc, dẫn xe Tây-Thi thẳng đến trong cung. Tây-Thi đến cung, phủ-phục ở dưới thềm. Ngô-vương khi ấy, ở trước bóng đèn nhác trông thấy Tây-Thi, khác nào tiên ở trên trời mới sa xuống, cái cân-cốt anh-hùng của Ngô-vương cũng phải vì cái nhan-sắc mĩ-lệ của Tây-Thi mà nhu-nhuyễn vậy. Nhân sai thị-nữ phù Tây-Thi đứng dậy, dẫn vào trong cung.

Ngô-vương được Tây-Thi, coi như người trời, Tây-Thi chuyên phần sủng-ái, trong cung Ngô các phi-tần kể cũng có vài trăm người, Ngô-vương đều coi như trần-thổ cả. Tây-Thi cậy sủng, muốn sao muốn vậy, Ngô-vương không nỡ trái ý. Tây-Thi ở đài Cô-tô, thời-thường nghĩ đến tình-cảnh cố-quốc, ngậm-ngùi bi-thương. Ngô-vương sợ Tây-Thi hoặc vì bi-thương mà sinh ra tật-bệnh, vả cũng chán chỗ Cô-tô cung-thất thấp hẹp, không đủ thỏa tính thích tình. Mới sai một viên đại-phu là Vương Tôn-Hùng quản lĩnh việc kiến-chúc, cách mé tây thành Cô-tô ngoại ba mươi dặm, ở trên sườn núi Linh-nham, kiến-chúc ra một tòa cung-thất mới, gọi là Quán-khuê-cung. Quán-khuê tựa như nghĩa tàng-kiều, nghĩa là làm ra một nơi tráng-lệ cho mĩ-nhân ở. Công-trình thổ-mộc, cực-kỳ xa-hoa, mà bắt phải làm cho chóng xong, hễ quá kỳ hạn, thì luận trọng-tội. Vương Tôn-Hùng phụng mệnh đại-khởi công-dịch, khắc kỳ lạc thành. Thềm xây bằng đá bạch-ngọc, cột làm bằng gỗ trầm-hương, rèm trân-châu, xà đồi-mồi, bình-phong vân-mẫu, trấn-song san-hô, trồng hoa bốn mùa, lấy cảnh tràng-xuân. Ngô-vương cùng với Tây-Thi dời thành Cô-tô ra ở cung ấy. Nào lam-quang sơn-sắc, nào tửu-vị hoa-hương, nào thanh-ca, nào diệu-vũ, chiều chiều sớm sớm, yên vui chốn ấy quên cả sự về; chính-sự trong nước, nhất-khái mắt không buồn thấy, tai không buồn nghe.

Nước Ngô khi ấy có hai người bầy tôi, một là Ngũ Tử-Tư hệ-thị quốc-lão, một là Bá-Bỹ hệ-thị tiểu-nhân. Ngũ Tử-Tư tuy hiền-kiệt, song bị Tây-Thi gièm là kẻ chấp-ảo bất-cận nhân-tình, nên không được nhiệm quốc-chính. Bá-Bỹ vốn gian-ninh song được Tây-Thi khen là kẻ trung-trực, lại được Ngô-vương tin dùng, quân-quốc đại-sự, đều do Bá-Bỹ chủ-trì, bán quan buôn tước, vô-sở bất-tri. Nhân-dân nước Ngô, phát ra lời oán-thán, đầy chợ đầy đường. Cái cơ vong-quốc, thực gây ra từ đấy. Ngô-vương ở cung Quán-khuê đã lâu ngày, bách-quan vô-chủ; trong thành Cô-tô hàng ngày có sự hư-kinh về sự giặc đến, trăm họ hãi-hùng. Ngũ Tử-Tư khi ấy đã từ chức về nhà, nhưng biết rằng cái sự nguy-vong, sắp đến nay mai, không nỡ ngồi đó mà trông. Mới thân-hành vào cung Quán-khuê yết kiến Ngô-vương, thảm-thiết can ngăn, khuyên Ngô vương về cung. Ngô-vương đã toan về thành Cô-tô, coi nom quốc-chính. Vì Tây-Thi yêu cung Quán-khuê là chỗ sơn-thủy thanh-u, ghét thành Cô-tô là nơi trần-tục huyên-náo. Cho nên Ngô tướng-quốc dẫu có lời trung-ái, cũng không gì ích cho nước Ngô.

Tây-Thi đã được Ngô-vương sủng-ái, không sớm nào không chiều nào để cung không, Tây-Thi cũng hết sức phụng-thừa. Tây-Thi ở cung Quán-khuê cảnh hay trong núi Linh-nham, du-thưởng đã khắp cả, lâu ngày lại dần có ý chán. Tây-Thi nguyên cũng là đàn bà có phong-thú, rất hay chơi trăng, yêu vầng trăng như khối ngọc

báu, cứ những đêm trăng trong gió mát, thường bồi-hồi ở dưới trăng, lưu-liên ngoạn-thưởng, đến nửa đêm mới về. Lại hay chơi núi, nào cảnh u-toàn, cảnh thâm-đỗng, cảnh quái-thạch, cảnh kỳ-nham, không chỗ nào là không có dấu giày của Tây-Thi đi đến nơi. Trên núi Linh-nham, có một cái đỗng đã thành danh là Tây-Thi đỗng. Ngoài đỗng có một hòn đá hơi lõm xuống, tương-truyền là vết chân nàng Tây-Thi. Lại có một cái đài, gọi là Cầm-đài, là chỗ Tây-Thi lên gẩy đàn thủa ấy ; trên đài ghế đá giường đá, vẫn còn y-nguyên. Vì đời sau cho là cái di-tích của kẻ tuyệt-thế giai-nhân, mà không nỡ động chạm đến, cho nên vẫn còn đến ngày nay. Sẽ biết cái lòng hiếu-sắc, người ta đều có. Lời ấy thật thế.

Ngô-vương khi đó, sợ Tây-Thi du-thưởng đã lâu ngày, hoặc sinh ra ý mỏi-mệt chán-ngán. Mới sai người đi tìm các loài thảo-mộc trứ-danh là hương liệu ở nước khác, đem về trồng khắp cả ở trên núi, hoặc ở bên khe nước ; hoa thơm cỏ lạ, giống gì cũng đủ, thực là một nơi chúng hương-quốc ở cõi nhân-gian. Cứ đến kỳ hoa nở, trông xa như hàng gấm ngũ-sắc, hương bay ngoại mười dặm. Tây-Thi đoái trông mà xứng ý vui lòng, thường đi với bọn cung-nhân bốn năm người, ra thám xét các giống hương-thảo, nghiên-cứu phần ưu-liệt, để làm sự tiêu-khiển. Ngô-vương lại nhân cái ngòi nước ở mé nam núi Linh-nham, khai tạc thêm để dẫn lối nước đi cho dài ra. Tây-Thi thường ngồi ở một chiếc thuyền khắc vẽ tinh-xảo, mà chế bằng gỗ lê, đầu thuyền khắc một con thái-phượng, khi thuyền đi từ-từ, tựa như có một con chim phượng bay lội ở dưới nước. Các cung-nữ thì đi ở trên bờ, kéo cái dây gấm để dắt thuyền đi. Mà vừa đi vừa hát khúc *Thái-ương-ca*, khúc ấy là khúc của Tây-Thi vịnh ra. Trên bờ thì cứ cách một trăm bước chân, lại dựng lên một cái đình nho nhỏ mà kết bằng cỏ. Đến chỗ đình, thì Tây-Thi đậu thuyền lên bờ, đi hái bẻ mọi thức hoa cỏ thơm, nhân gọi tên cái lối ấy là Thái-hương kính. Bách-tính ngó xem ở đàng xa, Tây-Thi thường sai người gọi những người niên-lão và những kẻ phụ nữ đến cạnh thuyền, hoặc đến chỗ thảo-đình, bàn nói những chuyện làm ăn ở chốn thôn quê, và hỏi-han phong-tục đất Ngô-trung, cười nói vui-vẻ. Hoặc ban cho bách-tính kim tiền vải lụa, hoặc ban cho bó hoa cỏ thơm mà dặn rằng cái vật thơm này, là cái vật tay ta hái bẻ ra đây, bách-tính đem về mà trồng, khiến một ngày nảy-nở nhiều ra, để ghi nhớ về ngày sau. Lời ấy của Tây-Thi, đã hơi lộ ra cái ý không phải là kẻ giai-lão với Ngô-vương mà an-lạc ở nước Ngô, chỉ Ngô-vương mê cái sắc đẹp mà tối mắt lại đấy thôi. Tây-Thi chi dụng về sự du-quan và sự ban thưởng cho bách tính, tốn phí không biết bao nhiêu mà kể ; kho-tàng nước Ngô vì thế mà rỗng không. Ngô-vương mới tìm kế lấy của dân, hạng thuế này, hạng thuế khác, không biết thế nào là cùng. Lại có anh Bá Bỹ-chiều đón ý Ngô-vương, bày kế làm hại dân. Rồi trong nước mới thành ra tao-động, đạo-tặc dấy lên như ong, nước Ngô đương là một nước hùng-cường thịnh-vượng, thành ra một nước rối-loạn không-hư. Ông Ngũ Tử-Tư mấy chuyến thảm-thiết can-ngăn, mà Ngô vương không tỉnh, thực cũng khá tiếc thay !

Tây-Thi đối với nước Ngô, tuy là kẻ có tội, song đối với nước Việt thực là người có công. Nước Ngô là kẻ thù với nước Việt, thì Ngô-vương tức là kẻ thù của Tây-Thi. Nói cho quả-đáng, Tây-Thi là người có công, không phải là người có tội. Tây-Thi khi ấy đã về thành Cô-tô, xem cảnh-tượng nước Ngô, đã là cảnh-tượng sắp-sửa diệt-vong. Nhân có sứ

Việt sang cống Ngô, mới phụ một bức mật-thư đưa về nước Việt cho Phạm Lãi, kể rằng :

« Thiếp là một kẻ nhi-nữ chốn thôn-quê, nhờ quốc-quân với đại-phu đem ra chỗ thảo-mao, đặt vào nơi cầm-tú, dùng về việc tuyết-sỉ báo-thù. Thiếp tự vâng mệnh đến giờ, công việc nặng-nề, đêm ngày lo-sợ. May mà trời cũng chiều người, vua Ngô đối với tiện-thiếp, nói gì cũng nghe, kế gì cũng theo, trong nước Ngô hiện đã mười phần rối-loạn, chính là cái thời-kỳ nước Việt ta phá đổ Cường-Ngô. Nếu để chậm-trễ, thì Ngô-vương hoặc nhất-dán lìa trần, thái-tử nối ngôi, đuổi kẻ gian-nịnh, dụng kẻ trung-hiền, thì chửa có thể làm gì được nước Ngô. Bầy tôi nước Ngô chỉ có một Ngũ Tử-Tư là người giản-giỏi, thiếp dùng kế ly-gián, vua tôi họ đã có bụng hiềm-oán nhau. Bá-Bỹ chỉ là một kẻ máu tham, không kiến-thức gì, hễ nó thấy hơi tiền thì nó mê. Xin quốc-gia đừng tiếc kim-tiền, hối-lộ nhiều cho Bá-Bỹ, khiến Bá-Bỹ thừa-cơ trừ-khử Ngũ Tử-Tư. Ngũ Tử-Tư là một lão kiệt-hiệt nước Ngô, lão ấy mà không chết, thì nước Ngô không có thể diệt được. Thiên-vạn chú-ý, thiên-vạn chú-ý ! »

Kẻ xem truyện đến đây, nên biết rằng người hiền-tài quan-hệ trong nước biết là dường nào, Ngũ Tử-Tư còn thì nước Ngô còn, Ngũ Tử-Tư chết thì nước Ngô mất, xem ý-tứ trong tờ thư này, Tây-Thi thật là một người tri-kỷ của Ngũ Tử-Tư vậy. Lại nên biết rằng kẻ tiểu-nhân phá-hoại trong nước cũng biết là dường nào, không Bá-Bỹ không có nước Việt, có Bá-Bỹ mới có nước Việt, xem lời lẽ trong tờ thư này, Bá-Bỹ thật là một con chó săn của nước Việt vậy.

Phạm Lãi được thư của Tây-Thi gửi về, mừng-rỡ quá chừng, tức-khắc vào yết-kiến Việt-vương, xin đem một món kim-tiền rất phong-hậu, hối-lộ cho Bá-Bỹ. Việt-vương nghe lời, tức-khắc lại sai Phạm Lãi sang sứ Ngô, giao-kết với Bá-Bỹ, vả mượn tiếng sang Ngô cống-hiến, để khuy-thám mọi sự động-tĩnh nước Ngô. Phạm Lãi đến thành Cô-tô, bắt đầu vào yết-kiến Bá-Bỹ, trình thượng món hậu-lễ. Bá-Bỹ cả mừng tạ ơn, rồi nói rằng sẽ kết với phu-nhân ở trong cung làm người nội-trợ, để giết Ngũ Tử-Tư. Phạm Lãi cũng sai người thông tin với Tây-Thi. Tây-Thi khi ấy ở trong cung, thấy Ngô-vương vào cung, sắc mặt có sắc giận dữ. Tây-Thi liền hỏi có sự gì. Ngô-vương nói rằng thằng lão-tặc Ngũ Tử-Tư, ở giữa trong triều mắng ta là ông vua vong-quốc, lại toan lập-tức chém đầu Việt-sứ, ta phải phân-giải mãi mới xong, Ngũ Tử-Tư thật là không quân-thần-chi-lễ gì cả. Tây-Thi mỉm cười mà nói rằng thiếp ngỡ có sự gì to, chứ sự ấy thì tưởng cũng dễ giải-quyết ; đứa lão-tặc kia đã là kẻ vô-quân sao chẳng tuyên tội ra mà giết đi, để cảnh-giới quần-thần, đại-vương là đấng quốc-quân, hà-tất phải tức-tối như vậy. Ngô-vương nói rằng quả-nhân càng khoan-dung, thì lão-tặc lại càng phóng-túng. Được vài hôm, lại thấy Bá-Bỹ tâu rằng Ngũ Tử-Tư khi sang sứ Tề, từng đem con gửi họ Pháo, sợ rằng có mưu gian, xin đại-vương xét kỹ. Ngô-vương hỏi Ngũ Tử-Tư. Ngũ Tử-Tư đáp rằng có, nước Ngô mất đến nơi, tôi là nghĩa cố-thần, tôi xin chết theo nước, còn con tôi, tôi đem gửi bạn tôi ở nước Tề, tôi một lòng trung-trực, đối với thanh-thiên bạch-nhật, không có mưu gian. Bá-Bỹ ngồi ở bên cạnh lại nói xúc vào, để kích-nộ Ngô-vương. Ngô-vương tức-khắc cởi thanh bội-kiếm ở bên mình ra, truyền quan hầu ban cho Ngũ Tử-Tư, khiến Ngũ Tử-Tư cầm gươm mà tự tận. Ngũ Tử-Tư nói rằng tôi biết có ngày nay đã lâu, tôi chỉ cầu lấy một cái chết,

để tôi tạ lỗi với tiên-vương. Liền phụng mệnh cầm gươm đâm cổ mà chết.

Tin Ngũ Tử-Tư chết, truyền đến nước Việt, vua tôi kể trên người dưới nước Việt ai nấy đều hân-hỉ. Lập-tức kiểm-duyệt quân-đội, chuẩn ngày xuất-binh, toàn-số tiến sang nước Ngô. Nước Ngô trong con thảng-thốt, mười vạn hùng-binh của quân giặc kéo đến tận nơi, các quan Ngô đều bỏ chức trốn chạy. Vì các quan Ngô khi ấy, phần là đảng Bá-Bỹ, phần là đảng oán Ngô-vương không ai thiết gì việc nước. Cho nên tướng Việt là Phạm Lãi, Văn-Chủng khi ấy trong khoảng phút chốc, kéo quân thẳng tiến Ngô-đô (tức là thành Cô-tô) không sự ngăn-trở gì cả. Ngô-vương lúc ấy mới tỉnh-ngộ, than rằng nếu nghe lời Ngũ-tướng-quốc không đến cơ-hội này. Nhưng người đã chết rồi, không thể sống lại được, Ngô-vương hối lại cũng không kịp nữa. Song Ngô-vương khi ấy cũng còn nửa tỉnh nửa mê, đối với Tây-Thi còn nhận là người yêu, chửa nhận là người thù. Sẽ biết cái sắc nó có ma-lực, ít người sớm tỉnh được. Ngô-vương thấy quân Việt đến nơi, thương-nghị với Tây-Thi rằng quả-nhân ngu-ám, không nghe lời Ngũ tướng-quốc, nên có cái nhục này. Bây giờ giặc đã đến nơi, quả-nhân duy có một kế tạm tránh đi nơi khác, chiêu-tập quân-sĩ, lại về chiến-tranh một phen nữa. Quả-nhân sinh-trưởng trong việc quân, thắng bại đó là sự thường, không đủ bận ý. Chỉ khó nghĩ về sự xử-trí cho phu-nhân, phu-nhân là người nước Việt, chắc Việt-vương cũng không làm hại phu-nhân. Nếu phu-nhân không quên ơn quả-nhân, thì sau này sự chiến-tranh của hai nước được yên, quả-nhân với phu-nhân thề lại cùng hưởng phú-quí như trước. Cùng quả-nhân trốn đi, hay là về bên quân Việt, quyết-định ở phu-nhân. Tây-Thi cũng là giống đa-tình, nghe Ngô-vương nói, cũng ứa hai hàng nước mắt. Khi ấy Ngô-vương cũng khóc. Tây-Thi mới lau nước mắt mà nói rằng xin đại-vương mau định lấy quốc-gia đại-kế, đừng nghĩ đến thiếp nữa; nay sự kíp rồi, dẫu bên trời góc bể thế nào, thiếp cũng xin sinh-tử tương-tùy với đại-vương. Đến buổi hoàng-hôn, Ngô-vương đem Tây-Thi do cửa Xà-môn ra trốn chạy, thì Việt-quân bốn mặt vây lại vừa tiến đến nơi. Ngô-vương khi ấy, phần thì phẫn-hận, phần thì bi-thương, rút thanh bội-kiếm, tự-vẫn mà chết. Tây-Thi mới cùng với cung-nữ vài người chạy sang quân Việt, tìm nơi yết-kiến Phạm Lãi.

Phạm Lãi khi ấy làm chủ-tướng quân Việt, quân-đội nghiêm-túc, cử-động quang-minh, đối với dân Ngô tỏ lòng lân-tuất; tài-sản tính-mệnh của Ngô, ra sức bảo-toàn, không xâm-phạm chút nào cả. Dân Ngô hoan-hân cổ-vũ, nghênh-tiếp Việt-binh. Việt-vương cũng kéo quân đến sau. Trong ba ngày, mọi việc chỉnh-đốn nước Ngô, đã khắc-kỷ thỏa-thiếp, đem quân-ấp nước Ngô thay đổi ra làm quân-ấp nước Việt; tôn miếu xã-tắc nước Ngô, thiêu-hủy đi hết sạch sành-sanh; vua tôi quân-sĩ nước Việt, tâu khúc khải-ca, đem quân về nước. Cuộc Ngô-Việt tranh-đành, tự lúc Việt-vương về ở Cối-kê, đến lúc Ngô-vương chạy ra cửa Xà-môn, thủy-chung ngoại hai mươi năm. Ngô thái-tể Bá-Bỹ khi Việt-quân vào thành Cô-tô, thì hớn-hở tự-đắc, chạy sang quân Việt, tìm đến chỗ Việt-vương, báo sự công-lênh mong phần vinh-hiển. Phạm Lãi khi đã diệt được Ngô, mới kể cái tội khi-quân mãi-quốc hại dân của thái-tể Bỹ ra, đem chém ở giữa trong quân cho chúng biết, và nói rằng cái loài khi-quân mãi-quốc hại dân ấy, nước Việt ta không thể nuôi lên được.

Tây Thi khi ấy ở trong quân Phạm Lãi, Việt-vương cũng chửa biết là trong quân Phạm Lãi có Tây-Thi. Phạm Lãi hốt-nhiên bảo Tây-Thi rằng nay ta công đã thành, danh đã toại, lại được người tuyệt-thế giai-nhân, ta không hệ-luyến gì đường phú-quí nữa, ta muốn cùng với mĩ-nhân tiêu-dao ở nơi giang-hồ ẩn-tích ở chỗ lâm-toàn, ý mĩ-nhân có thuận-nguyện không? Tây-Thi kinh-ngạc nói rằng đại-phu có công tái-tạo được nước Việt, phục-thù được Cường Ngô, nên xẻ đất phong hầu hưởng phần phú-quí, cớ sao lại có chí yếm-thế? Phạm Lãi cười mà nói rằng ông Việt-vương cổ dài mà miệng quạ, chỉ có thể cùng với ông xử về cảnh hoạn-nạn được thôi, chứ không thể cùng với ông ấy xử về cảnh an-lạc được. Chim đã bắn hết, thì cung tốt cất đi, thỏ đã được rồi, thì chó săn đem mổ. Nếu không tri-cơ, thì lại giống như ông Ngũ Tử-Tư. Chi bằng mặc kệ phú-quí, tiêu-dao giang-hồ, ngươi mặc cái quần vải, ta đi đôi guốc trúc, cùng nhau giai-lão chẳng đủ vui ư! tức là kinh tri-túc bất-nhục của Lão thị đó. Tây-Thi vâng lời. Rồi Phạm Lãi với Tây-Thi hốt-nhiên đi đâu mất. Việt-vương nhớ đến công Phạm Lãi và cái chí Tây-Thi, ba bốn lần cho người đi tìm về, để hưởng phần tước-lộc. Thì hai người đã ẩn tên đổi họ, chở chiếc thuyền giong ruổi ở nơi Ngũ-hồ, rồi sau cũng không biết là đi đâu. Câu chuyện Tây-Thi diễm-sắc, Phạm Lãi tiên-tung, còn truyền đến bấy giờ.

Lời phê - bình

Lịch-sử Tây-Thi trực-tiếp với cuộc Ngô Việt chiến-tranh, cũng là một cái lịch-sử dài-dợ to-tát ở Đông-phương. Xét ra, Tây-Thi thật là một người con gái có hiếu-thuận, có tri-tuệ, có can-đảm, biết yêu nhà yêu nước, cũng xứng-đáng là con gái nước Việt, xứng-đáng là con gái Đông-phương. Đến như cái sắc của Tây-Thi, thì không đợi phải bàn. Vì Tây-Thi ở trong sắc-giới, cũng như Thích-Ca ở trong từ-giới, Nã-phá-bi Laân ở trong quân-sư giới, ai ai đều biết cả, ai ai đều nói ra được cả.

Đời Đường khi xưa đã có một nhà thi-sĩ là Vương Ma-Cật, chế ra một bài ngũ-ngôn cổ thể, đề là Tây-Thi vịnh, chuyện tả về cái sắc đẹp và cái lịch-sử phú-quí của Tây-Thi, mà lại pha giọng trào-phúng. Kể ra cũng chưa đủ phán-đoán về lịch-sử Tây-Thi, nhưng cũng có phần sinh-sắc cho câu chuyện. Thuật-giả năm nọ đã thảo lược-dịch đăng trong bản chí, nay xin thay đổi lại ít nhiều mà tự ra đây, để cầu cao-minh chất-chính. Thơ như sau:

絕色天下重。
兩施寧久微。

Người đẹp ai chẳng quí.
Tây-Thi hẳn chắc cô.

朝爲越溪女。
暮作吳王姬。

Sớm ngày gái thôn Việt,
Chiều đã vợ vua Ngô.

賤日豈殊衆。
貴來方悟稀。

Ở nhà khác gì ai,
Khá lên danh-giá to.

邀人傳脂粉。
不自著羅衣。

Phấn sẵn người tô-điểm,
Áo sẵn người đổi-thay,

君寵益嬌態。
君憐無是非。

Vua yêu lại càng đẹp,
Vua nể gì chẳng hay.

當辰浣紗伴。
莫得同車歸。

Chị em cán-sa cũ,
Trông xe cô như bay.

持謝鄰家子。
效顰安可希。

Khuyên ai chớ nhăn-nhó,
Mà bắt chước gái này.

TÙNG - VÂN

KHẢO VỀ PHONG-TỤC NƯỚC TÀU (1)

CHƯƠNG THỨ III.
Xét từ đầu đời Châu đến khoảng giữa đời Châu.

1º *Khái-luận.* — Thủy-tổ nhà Châu là ông Hậu-tắc, tức là ông tị-tổ nước Tàu bắt đầu nghiên-cứu về nông-học. Đến đời cháu là Thái-vương ở đất Mân, tuy còn phải đào hang đào hốc để ở, chửa thoát cái thói mọi-rợ, nhưng lại hay sửa-sang nghiệp cũ chú-trọng về việc nông, xem như thơ *Mân-phong* trong kinh *Thi* nói về việc nông thì biết. Vậy nên Châu-công thường đem những thơ ấy dạy bảo vua Thành-vương, để cho biết sự cày cấy là khó-nhọc, mà chức-nghiệp của dân đời Châu cũng đều lấy canh-nông làm gốc. Khi Thái-vương thiên ra ở núi Kỳ, dần dần đổi bớt những thói hủ-lậu đi, đến đời Văn-vương, giáo-hóa đại-hành, trong nước người cày ruộng nhường bờ, người đi đường nhường lối, nước Ngu nước Nhuế toan kiện nhau cũng đến xin giải-hòa. Vả lại chốn nam-phương ấy vốn là chỗ đất căn-cứ cũ của họ Miêu, xưa nay vẫn cho là nan-hóa. Tuy rằng xưa kia vua Hạ Vũ đã dẹp yên mà xua đuổi đi, nhưng giáo-hóa vẫn không kịp đến đó, Đến khi nhuần-thấm được cái đức-hóa của Văn-vương, thì mới thành ra phong-thuần tục-mĩ, xem như những thơ *Châu-nam Thiệu-nam* trong kinh *Thi* thì biết. Như là thơ *Đào-yêu* khen trai gái biết giữ chính-đạo mà kết-hôn với nhau phải thì. Thơ *Giang-hán* thì khen người con gái hay giữ tiết-tháo không ai trêu ghẹo được. Thơ *Hành-lộ* cũng khen người con gái biết giữ lễ không đi đêm. Thơ *Siêu mai* thì nói về người con gái trinh-tiết sợ bị nhục với kẻ cường-bạo. Thơ *Dã-hữu-tử-huân* thì nói về người con gái cao-khiết không để cho kẻ cường-bạo nó làm nhơ. Xem đó thì biết cái thói dâm-loạn ngày xưa đã biến đổi rồi, mà cái tục xấu khi xưa đi bắt hiếp con gái về làm vợ đã cấm tuyệt đi hết cả. Vả lại được bà Hậu-phi vợ vua Văn có cái đức-tính tốt không ghen, cho nên đàn bà chốn dân-gian kẻ đích người thiếp cũng không ghen ghét lẫn nhau, cái phong-thói hòa-bình như thơ *Phù-dĩ*, trang-kính như thơ *Tăn-phồn*, đều là cảm-hóa tự vua Văn và bà Hậu. Vả lại thêm được ông Châu ông Thiệu tuyên-bá lễ-giáo, vua Thành vua Khang nhuần-thấm đức-hóa, vậy nên xã-hội tiến-hóa rất là nhanh chóng.

Phàm nhất-thiết phong-tục chế-độ, dẫu đời văn-minh đến đâu, cũng còn giữ lấy một ít chế-độ cũ, để cho tỏ ý là bất-vong-cổ. Như là đời cổ chửa biết may áo xiêm, người ta chỉ biết lấy là cỏ che đàng trước mà không che được đàng sau. Về sau này đã biết may áo xiêm để mặc, nhưng vẫn tưởng-tượng ra làm cái phất để che đàng trước xiêm, cũng là ý giữ lại lối cổ, xem như kinh *Thi* có nói cái phất để che trước đùi thì biết. Đời cổ chửa biết làm cửa nhà, đến đời Hoàng-đế mới làm cái hợp-cung, nóc lợp bằng gianh. Về sau này đã biết dựng ra nhà Minh-đường rất long-trọng, mà vẫn còn lợp bằng gianh, xem như sách *Tả-truyện* có nói nhà thanh-miếu nóc lợp gianh thì biết. Đời cổ chửa biết nấu rượu, cúng tế vẫn dùng nước lã. Đến đời sau đã biết nấu rượu nếp rượu lã, mà khi cúng tế vẫn còn dùng nước lã, xem như

(1) Lược-dịch theo sách «*Trung-quốc phong-tục sử*» của Trương Lượng-Thái. Xem N.-P. từ số 111.

thiên *Giao-đặc-sinh* trong kinh *Lễ* có nói tế dụng huyền-tửu tức là nước lã, nghĩa là qui cái bản-chất của ngũ-vị vậy. Đời xưa chửa biết nấu chín mà ăn, còn ăn cả lông uống cả huyết. Về sau này đã biết ăn chín, nhưng lúc cúng tế vẫn không bỏ mao-huyết, sách *Lễ-vận* có nói lúc cúng tiến cả mao-huyết. Đời cổ đi săn bắn bắt được muông sinh thì giết lấy máu mà uống, cho nên lúc ăn thề cũng uống huyết ; đúc thành được một cái đồ gì cũng bôi huyết, sau này tuy không uống huyết, nhưng những đồ mới đúc xong và lúc ăn thề vẫn còn dùng huyết, sách *Châu-quan* có nói lấy huyết bôi vào đồ bảo-khí, sách *Tả-truyện* có nói uống huyết ăn thề, ấy cũng là một cái tư-tưởng chuộng cổ vậy.

2º *Ăn uống.* — Khi ấy thường dùng loài thóc gạo và rau dưa nấu chín để ăn, các thứ rau thì hay đem nấu canh, cái thói ăn thịt cũng thịnh lắm, như cá, chim, lợn, trâu, dê gọi là thức ăn ngũ-đỉnh, dân lúc ấy lấy làm ưa thích lắm. Lại như loài ngựa, hươu, gấu, chó sói cũng thường bắt lấy mà ăn, cái cách pha nấu các thứ thịt ấy xem như thiên *Nội-tắc* trong kinh *Lễ* đã nói tường thì biết. Các thức uống thì có rượu lã rượu nếp. Cách nấu rượu là từ đời bà Nghi-Địch nhà Hạ mới phát-minh ra, đời nhà Châu thì có người Đỗ Khang lại cải-lương cách nấu cho tinh, lưu-hành khắp cả thế-gian ; khi yến-hưởng là tất phải có rượu, triều-đình có đặt quan Tửu-chính để coi về việc rượu. Rượu nếp là một thứ rượu ngọt, còn như các thứ nước chấm là một thứ phụ-thuộc về đồ ăn, lại còn các thứ ẩm-liệu khác nữa mà nhất là chè thì hay uống lắm. Cách chế ra chè là phát-minh ra từ đời nhà Ân nhà Châu, người nhà Châu dùng chè nhiều lắm, ông Yến-Anh nước Tề rất là hay thưởng chè. Lại khi mùa hè thì hay dùng nước băng, xem như kinh *Thi* nói rằng ngày tháng chạp thì đi đục lấy băng sàn-sạt, ngày tháng giêng đem để băng vào nhà Lẫng-âm. Lẫng-âm tức là nhà kín để chứa băng. Sách *Châu-lễ* có đặt ra quan Lẫng-nhân để coi về việc nước băng.

3º *Áo mặc* — Áo thì mặc thứ vải chính-sắc, xiêm thì mặc thứ giản-sắc, mũ đội thông-thường thì đều dùng mũ biền, quan Sĩ-đại-phu mới được đội mũ huyền-đoan. Vua Chư-hầu khi ăn chay thì đội mũ huyền dây đỏ, quan Đại-phu khi ăn chay thì đội mũ huyền dây tơ. Quan Đại-phu, quan Sĩ buổi tối thì mặc áo thâm, người học trò thì không được mặc đồ tơ, không được mặc áo cừu. Khi cáo quan rồi về ở nhà không được mặc áo hai mùi. Áo cừu thì dùng da con hồ, da con dê mà làm. Trẻ con không được mặc áo cừu, không được mặc áo lụa, chỉ được mặc áo vải thâm mà viền gấm, dây lưng cũng dùng bằng một thứ gấm. Lại có thứ dải lụa để buộc tóc, có thứ hương thơm để ngửi, có túi con để đeo, đều là những đồ trang-sức của trẻ con cả. Đàn bà về bậc thế-phụ thì có một thứ mệnh-phục, còn những đàn bà thường thì đều mặc áo theo lối áo đàn ông cả. Áo mặc thường thì dùng thứ vải mỏng và thứ nhiễu. Các đồ thủ-sức thì có trâm lược, rẽ ngà, bông ngọc. Áo mặc của đàn ông đàn bà thì hay may thứ áo kép.

4º *Chế-độ chia ra giai-cấp.* — Phàm một giống người mà đi chinh-phục được giống người khác, thường gia cho cái bọn dân bị chinh-phục ấy một cái danh-hiệu không được đồng-đẳng, thậm-chí đãi như kẻ nô-lệ. Như thiên *Nghiêu-điển* chia ra một hạng là bách-tính, một hạng là lê-dân. Bách-tính là hạng qui-tộc, (nguyên là con em các đấng vương-công, do thiên-tử tứ-tính để coi về một chức quan, gọi là bách-tính.) Lê-dân tức là dân rợ Miêu. *Lê* là mầu đen, ta thường gọi là hạng dân

đen, bị phải dân Hán-tộc họ chinh-phục được, họ mới phân ra là một giống da đen cho là một giống hèn. Người nhà Châu gọi bọn dân nhà Ân là kẻ mê-dân, thủ-dân, ngoan-dân, cũng là có cái ý chia cái bọn dân bị chinh-phục ấy ra làm một giai-cấp. Bọn dân nô-lệ cũng phân ra làm hai, hoặc bởi bị tội mà phải làm nô-lệ, hoặc bởi bán mình mà đi làm nô-lệ. Nhưng bọn tội-nhân bị làm nô-lệ cũng có hai hạng: Một hạng là bị trọng-tội phải tịch-một cả gia-tộc làm nô. Một hạng là không có tiền chuộc tội, phải đi làm nô để chuộc tội. Còn như hạng phải bán mình đi làm nô-lệ, là vì tại sinh-kế quẫn-bách phải đi ở, người chủ-nhân coi như là đứa sai-khiến. Thiên *Khúc-lễ* có nói nhà quan đại-phu giàu thì có kẻ tề-thần phục-dịch, nghĩa chữ *Tề* 臣 là kẻ tội-nhân phục-dịch ở trong nhà, đó lại là một giai-cấp nô-lệ khác. Thiên *Khúc-lễ* có nói lễ không trách đến kẻ thứ-dân, hình không phạt đến quan Thượng-đại-phu. Phép nhà Châu thì những người mệnh-phu mệnh-phụ bị kiện không phải ra đối-tụng, người họ nhà vua bị tội không có đem ra giết ở giữa chợ. Kẻ thứ-dân không được lập nhà miếu để thờ, không được làm lễ gia-quan, đó là phân ra một giai-cấp kẻ thứ-dân, chia ra danh-phận kẻ quí người tiện rất nghiêm. Đời nhà Châu lập ra phép phong-kiến cho các quan được ăn thế-lộc, cho nên những kẻ thần-hạ nhà vua đều được làm thế-quan, con nhà sĩ thì vẫn giữ nghiệp sĩ, con nhà nông thì vẫn giữ nghiệp nông, con nhà công vẫn giữ nghiệp công, con nhà thương vẫn giữ nghiệp thương, ngoài hạng sĩ ra nông công thương đều là thứ-dân cả. Song cũng có đặt riêng ra một lệ đặc-biệt, phàm những người nào trong hạng nông công thương mà có cái tư-cách thông-minh dị-thường thì cũng có thể thăng lên bậc sĩ. Trong hạng dân nông công thương thì chỉ duy hạng nông là nhiều hơn cả, những kẻ nông-dân mà tuấn-tú thì lại thăng làm sĩ, xem như sách *Xuân-thu phồn-lộ* thiên *Ngũ-hành tương-sinh* của Đổng Trọng-Thư có nói hễ nhiều nông-dân là có kẻ sĩ thì biết.

5° *Gia-tộc chủ-nghĩa.* — Nước Tàu là một xã-hội tôn-pháp, cho nên chính-trị gia-tộc từ xưa đã nghiêm, đến đời nhà Châu lại càng kỹ lắm, các nhà nho đều chú-trọng về việc ấy, nào là chính cái đạo cha con anh em, rõ cái thứ bậc trưởng-ấu quí-tiện, nghiêm-phòng về sự trai gái phân-biệt. Trong một nhà con phải theo cha, vợ phải theo chồng, em phải theo anh, tuy có việc gì rất khẩn-yếu trọng-đại, cũng không thể trái tiết-chế mà làm phá được cái phạm-vi ấy. Nếu người nào vượt qua thì là mắc cái ác-danh phạm về danh-phận, mà phải mắc cái tội lớn là bất-hiếu, bất-cung, bất-thuận. Lại có lễ cấm con trai con gái từ 7 tuổi trở lên không được ngồi cùng chiếu, phàm những phẩm-vật gì trai gái không được thân trao tay cho nhau.

6° *Phân-biệt ra danh, tính, tộc, thị.* — Đời vua Hạ Vũ loài người mới phân ra có tính có danh, mà chưa có đặt tên tự và tên thụy, mà cũng không có đặt thị riêng, kẻ sang người hèn đều gọi đích-danh mà không kiêng. Đến đời nhà Châu mới có cái thói chỉ gọi tên tự, người đàn ông hai-mươi tuổi đội mũ rồi thì đặt tên tự, không có gọi đích-danh nữa, chỉ có kẻ thần-tử hoặc người trẻ người hèn thì mới gọi tên. Phép đặt tên thụy cũng mới có từ đời nhà Châu, hễ người nào mất đi thì tùy theo cái nết mà đặt ra tên thụy, kiêng cái tên lúc sinh-thời không gọi đến nữa. Hoặc có cái tên gì mà trùng tên với người mất ấy, thì kẻ tôi con phải đổi cái tên ấy đi, như là Tấn Hi-hầu tên là Tư-đồ, thì đổi tên quan Tư-đồ gọi là Trung-quân; Tống Võ-công tên là Tư-không thì đổi chức Tư-

không gọi là Tư-thành. Thân Nhu nước Lỗ đã bảo rằng nếu kiêng đến giống súc-sinh thì không còn giống sinh gì để cúng nữa, kiêng đến đồ tế-khí thì không còn cái gì để làm lễ nữa. *Tính* 姓 nghĩa là *sinh* 生, theo lúc sơ-sinh thuộc về thế-hệ nào thì theo tính ấy để cho phân-biệt chủng tộc. *Thị* 氏 là họ riêng một nhà, đặt thị là để cho tỏ gia-môn nhà mình ra, cho nên một tính thường chia ra đến hàng trăm thị. *Tính* là khởi ra tự đời thái-cổ, cứ như cổ-sử thì năm đời Đế đều có tính, đời Đường Ngu chủng-tộc rất nhiều đã có đến bách-tính ; đến đời Châu thì Cơ-tính thịnh nhất ở trong đất hoa-hạ, còn các họ khác suy kém dần đi, nhưng còn đến hơn 20 tính. Đời Châu suy đi rồi thì họ Khương họ Thiên họ Vĩ họ Doanh khởi lên, tranh-loát với các họ khác, các họ khác mới suy dần đi. *Thị* thì lúc mới hoặc lấy tên đất tên ấp mà đặt ra thị. Trước đời Châu các nhà đã có đặt thị, nhưng không phải là nhà nào cũng có thị. Đời nhà Châu các vương-tử vương-tôn, các quan Công Khanh chư-hầu đều lấy tên quốc-ấp của mình mà đặt thị, đến đời con cháu sau dẫu đã mất nước đi rồi nhưng cũng vẫn giữ theo cái thị ấy mà gọi. Các con cháu vua chư-hầu thì gọi là Công-tử Công-tôn, con các công-tôn thì lấy cái tên tự của đấng vương-phụ mà đặt làm tộc, các kẻ thế-thần thì đại-loại lấy cái tên ấp của mình mà đặt làm tộc, làm quan có công thì đã có quan-tộc, *tộc* là một chỉ riêng phân-biệt khác với *thị*, thông-thường thì gọi là *thị*. Con trai lúc đã lớn thì lấy *thị* mà gọi chứ không xưng *tính*. *Tính* thì chỉ để gọi đàn bà, cho nên các họ phần nhiều theo bộ *nữ* 女, như là họ Cơ 姬 họ Khương 姜. Đến đời Chiến-quốc đàn bà cũng không xưng *tính*, mới bỏ cái thói lấy *tính* mà xưng-hô đi. Từ bấy giờ *thị tộc* cùng là *tính*, *tính* với *thị* cũng nghĩa là họ cả, chứ không có khác nghĩa nhau nữa.

7° *Quan-hôn*. — Con trai 20 tuổi mới đội mũ, con gái 15 tuổi mới cài trâm, đến bấy giờ mới tỏ ra cái tư-cách thành-nhân. Lễ gia-quan là lúc mới bắt đầu đội mũ, thì phải làm rất cung-kính, trước nhất phải chọn ngày tốt rồi mời người đến làm lễ gia-quan. Chí-kỳ thì người cha phải mặc áo lễ phục đón người gia-quan đến làm lễ để đội mũ cho con mình, lại đặt tên tự cho người đội mũ ấy, từ bấy giờ vào bậc thành-nhân, mình đối với người thì tự-xưng danh, còn người gọi mình thì đến gọi bằng tên tự. Xong lễ gia-quan rồi lại có lễ yết các bậc trưởng-giả trong họ-hàng và đến hầu các quan Đại-phu các bậc tiên-sinh trong làng. — Lễ hôn thì có người mối để đi lại thông tin cho hai nhà trai gái, do người mối giới-thiệu xong rồi mới làm lễ cưới. Trước nhất nhà trai giao đồ trí-kiến cho mối đem đến nộp cho thân-phụ người con gái, gọi là lễ nạp-thái 納采. Nhà gái nhận lời ưng thuận, thì bấy giờ mới hỏi tên tuổi người con gái, gọi là lễ vấn-danh 問名. Người mối lại thông-tin nói cho nhà trai biết để bói xem tốt xấu thế nào, nếu được tốt thì do người mối đến thông-tin cho nhà gái biết, gọi là lễ nạp-cát 納吉. Lễ nạp-cát xong rồi thì nạp mười tấm lụa huyền-huân, và hai tấm da thú đưa cho nhà gái để làm tín-ước, gọi là lễ nạp-trưng 納徵. Xong rồi nhà trai lại đến nói với nhà gái để định ngày rước dâu, gọi là thỉnh-kỳ 請期. Chí-kỳ, thì người rể mặc áo lễ-phục, đi xe đen, thân đến nhà gái để đón dâu, gọi là lễ thân-nghênh 親迎. Khi bấy giờ cái phận vợ đích vợ thiếp rất nghiêm, vợ cả của nhà vua thì gọi là bà Hậu 后, vợ các vua chư-hầu thì gọi là Phu-nhân 夫人, vợ quan đại-phu thì gọi là nội tử, 內子, vợ kẻ sĩ thì gọi là phụ nhân 婦人, vợ kẻ thứ-nhân thì gọi là thê 妻, đó đều là bậc vợ cả bằng hàng với chồng, còn như thiếp thì không dám sánh đôi vào đấy.

Nhà Châu đổi lại cái chế-độ nhà Hạ nhà Thương, con gái thì lấy họ mà gọi. Con trai 30 tuổi mới lấy vợ, con gái 20 tuổi mới gả chồng, lấy vợ gả chồng không được sớm quá và không được lấy người cùng họ. Lấy nàng hầu mà chưa biết rõ họ gì thì phải bói xem, ý là sợ cùng họ chăng. Cái lẽ ấy cũng ám-hợp với nhà sinh-lý-học bấy giờ cấm tảo-hôn và không cho cùng trong huyết-thống thân-thuộc lấy nhau. Vương Cát nhà Hán có bảo người trẻ tuổi chưa biết cái đạo làm cha mẹ mà đã có con thì không biết giáo-dục, mà nhân-dân hay chết non. Sử Bá bảo rằng người cùng khí-huyết lấy nhau thì không sinh kế-tục được. Thúc Thiêm cũng bảo rằng trai gái cùng họ lấy nhau thì sinh-dục không được nhiều, cũng đều là răn cấm không cho đồng-tính lấy nhau. Vả lại nước Tàu từ khi lập-quốc, các vua chư-hầu chiếm-cứ bốn phương, không có hòa-hợp với nhau, đấng vương-giả dẫu hay lấy đức với lực chinh-phục được chín châu, nhưng các nước dị-tính đối với nhà vua, vẫn không thân-mật phụ theo như các nước đồng-tông, vậy cũng khó cho tuyệt đường cạnh-tranh được. Nên mới dùng cái cách giá-thú thông-hôn để liên-hợp dị-tính cho cùng hòa hiệp với nhau, là một việc cần về thời bấy giờ, nhân thế mới thành thói quen cho làm một phép bất-dịch.

8º *Lễ hương-ẩm và lễ dưỡng-lão.* — Lễ hương-ẩm là họp tập người trong một làng lại mà mở tiệc yến-ẩm, nay còn có những hội hương-đảng thân-mục và hội khẩn-thân cũng là cái dư-ý ấy cả. Chủ-nghĩa hương-ẩm là cốt trọng sự thân-mục cùng tôn-kính lẫn nhau, để cho rõ cái thứ-tự trường-ấu, tập cái lễ-nghi chủ khách. Cái thời-kỳ tập-hội thì hoặc ba năm một lần, trong làng có người học-sinh nào đã tốt-nghiệp mà sắp ra làm quan, thì quan đại phu trong làng làm chủ-tọa, các cụ phụ-lão làm tân-khách, tựu-trung cụ nào hơn tuổi nhất mà biết lễ thì làm bậc thượng-tân, còn thì đều là chúng-tân cùng đến hội-họp. Lại có khi một năm hai lần hội, là tự quan châu-trưởng nhân tập bản mà hội-ẩm. Cũng có khi một năm một lần hội, là tự ông đẳng-chính nhân lúc tập bản mà khai-hội. Quan đại-phu trong làng lại thường hội những người hiền-năng trong làng lại mà mở tiệc yến-hội. Lúc ăn yến thì có bọn nhạc-công hát các bài phi ca để phát-dương cái chí-khí của mình, ấy cũng là cái hiện-tượng địa-phương tự-trị đó. Lễ dưỡng-lão là nuôi ông già từ 50 tuổi trở lên, cứ hơn lên 10 tuổi thì lại dùng trọng-lễ ân-cần hơn, hoặc nuôi ở nhà đại-học hay là nhà tiểu-học, nhưng không phải là ra ân cấp nuôi cho cả đời, trong một năm cứ bảy lần chiêu-tập họp các ông già lại, để cho học-trò thân mắt trông thấy cái lễ tôn-kính, để hun-đúc giáo-hóa cho dầm-thấm khắp mọi nơi, cùng với lễ hương-ẩm cũng đều là phép hay cả.

9º *Việc tang.* — Lễ tang-táng từ nhà Châu mới thực là chỉnh-đốn, kẻ quí người tiện, kẻ thân người sơ, đều có phân-biệt khác nhau, mà dụng-tình rất hậu, thế-giới chưa thấy như thế bao giờ. Ông Châu-công mới dựng ra phép-tắc rất là tường-bị, khóc-lóc vỗ nhảy đều có phép cả. Khi người mới chết thì trước nhất làm lễ chiêu-hồn, lại có lễ mộc-dục, lễ phạn-hàm, lễ tiểu-liệm, đại-liệm. Phàm để trở cha mẹ, trở vua, trở thầy thì trên từ thiên-tử, dưới đến thứ-dân, không kỳ kẻ trên người dưới, kẻ hay người hèn đều phải để trở ba năm cả. Nhưng tang cha mẹ thì gọi là chế-tang, tang vua thì gọi là phương-tang, tang thầy thì gọi là tâm-tang. Nay cứ kể cái thứ-tự kẻ thân người sơ để trở có khác nhau, như là để tang cha mẹ thì phải mặc áo sồ gấu 25 tháng gọi là tang ba năm. Còn như trở ông bà, chú bác, anh

em thì đều mặc áo tư-thôi trở 13 tháng gọi là tang cơ-niên; trở chú bác họ, anh em con chú con bác thì trở đại-công chín tháng; trở anh em họ tái-tụng, trở ông bà ngoại đều trở tiểu-công năm tháng; trở hàng anh em tam-tụng thì ti-ma ba tháng. Khi vua thiên-tử mất thì các quan, các vua chư-hầu đều để trở ba năm, vua tự-quân thì không ra coi chính-sự, chỉ ở trong nhà Lang-am là nơi nhà quét vôi sơn, trăm quan đều phải theo lệnh quan Chủng-tể; vua nước chư-hầu mất cũng như thế. Cách táng thì cũng phân-biệt khác nhau, như là vua Thiên-tử mất thì 7 ngày mới quàn, 7 tháng mới chôn, vua chư-hầu mất thì 5 ngày mới quàn, 5 tháng mới chôn, quan Đại-phu, quan Sĩ mất thì 3 ngày mới quàn, 3 tháng hay là hơn một tháng mới chôn. Khi đám ma vua Thiên-tử thì tất cả các nước phải đều đến đưa đám, đám ma vua chư-hầu thì bạn đồng-minh phải cùng đến, đám ma quan Đại-phu, quan Sĩ thì các quan đồng-liêu đều đi đưa đám, tang kẻ thứ-dân thì họ-hàng cùng đi đưa. Các đồ quan-quách y-khâm thì từ thiên-tử cho đến thứ-dân đều được làm cho cực tốt, cái quan thì dầy năm tấc, cái quách cũng bằng ấy, đều làm bằng gỗ ngọc-am, quan Đại-phu thì làm bằng gỗ chắc, kẻ thứ-dân thì làm bằng gỗ tạp. Lúc đưa đi chôn thì có bài hát vãn để thương viếng, có thấy chép ở trong sách *Đàn-cung*, *Xuân-thu*, *Trang-tử*, *Liệt-tử*.

10° *Việc tế-tự.* — Tế-tự là một việc lớn trong nước, khi ấy đã có lễ tế thiên-địa, nhật-nguyệt, tinh-thần, sơn-xuyên, nhưng không lập đền, không đắp tượng, chỉ làm cái chủ để tế, hoặc tế vọng mà thôi; lại có lễ chầu mặt trời, yết mặt trăng. Khi nhật-thực, nguyệt-thực và khi núi lở sông cạn là những lúc tai-biến thì cũng có lễ nhương-tai. Quan Đại-phu có nhà tôn-miếu để tế; kẻ sĩ, kẻ thứ-dân thì cúng tổ-tiên ở nhà thờ. Những lễ tế ấy chia ra bốn mùa, mùa xuân thì gọi là tế Tử 祠, mùa hạ thì gọi là tế Thược 礿, mùa thu thì gọi là tế Thường 嘗, mùa đông thì gọi là tế Chưng 烝. Kẻ thứ dân dùng những đồ tế-phẩm thì mùa xuân dâng củ kiệu, mùa hè dâng lúa mạch, mùa thu dâng lúa thử, mùa đông dâng lúa đạo. Miếu thờ ông thủy-tổ thì thần-chủ để đến trăm đời không điêu. Lại có nhà miếu thờ các vị điêu-tổ, hễ đến năm đời hết Hiản thì thiên cái thần-chủ ấy để vào nhà miếu điêu-tổ, mà lại để thêm một thần-chủ mới nữa để thờ vào nhà miếu. Vua Thiên-tử thì có bảy nhà miếu, vua Chư-hầu thì năm nhà miếu, quan Đại-phu ba miếu, quan Sĩ một miếu, kẻ thứ-dân thì không được lập nhà miếu, chỉ cúng tế ở nhà tầm mà thôi.

11° *Cổ-độc.* — Cổ-độc là một loài độc-trùng từ đời Châu đã có, đã đặt ra quan Thứ-thị để trừ giống cổ-độc. Xét sách *Tùy-thư-chí* có nói đất Giang-nam nhiều trùng độc, cứ mồng năm tháng năm họ bắt lấy một trăm giống trùng, lớn từ giống rắn, nhỏ đến giống chấy rận để chung cả vào trong một cái chậu, để cho nó ăn thịt lẫn nhau, còn sống sót con nào lại thì nuôi, còn lại con rắn thì tức là xà-độc, còn lại con rận thì tức là sát-độc, muốn giết người nào thì để cho người ấy ăn phải nuốt vào trong bụng người ấy thì nó ăn nát phủ-tạng đi; khi người chết thì cái giống nó lại sinh-sản ra ở nhà ấy, nếu trong ba năm mà không để cho giống trùng ấy giết chết người nào, thì cái nhà nuôi nó phải chịu hại, con cháu đời sau cứ truyền giữ mãi giống cổ-độc ấy, đến đời loạn Hầu Cảnh giết róc đi gần hết, những nhà nuôi giống cổ-độc đã tuyệt-tích đi nhiều, giống trùng ấy nó không có chủ, nó bay tán ra ngoài đường rồi chết đi. Sau cái thói ấy lan đến vùng Vân-nam, thường khi nửa đêm giống trùng ấy bay

ra uống nước, sáng lập-lòe như sao sa. Pháo Chiếu đã có câu rằng: Trùng độc bay sáng lòe, là nói về giống cổ-độc ấy. Giống cổ-độc ấy khởi ra từ đời dã-man, đến thời-đại văn-minh này thì duy ở ngoài phiên-di mới còn có cái thói ấy. Xét chữ *cổ* 蠱 trên là chữ *trùng* 蟲, dưới là chữ *mạnh* 皿, *mạnh* nghĩa là cái chậu, trong cái chậu chứa nuôi nhiều giống trùng thì thành ra cổ-độc. Vua Phục-Hy vạch ra trùng-quái có một quẻ gọi là quẻ *Cổ* 蠱. Khổng Dĩnh-Đạt thích chính-nghĩa kinh *Dịch* có dẫn lời Chử-thị rằng: *Cổ* nghĩa là làm cho ngờ hoặc. *Xuân-thu* có chép truyện thầy Y Hòa nước Tần thăm bệnh Tấn-hầu bảo là bệnh cổ, không phải ma-quỉ mà tự-nhiên nó làm cổ-hoặc mất cả chí đi. Ở đấy cũng dẫn-chứng nghĩa kinh *Dịch* bảo rằng cổ-hoặc tức như là gái làm mê-hoặc trai vậy. Bởi vì trùng phải cổ-độc thì tất là mê-hoặc bất-tỉnh nhân-sự, thế thì nghĩa chữ *cổ* là mê-hoặc, xét thế thì biết quẻ *Cổ* mà vua Phục Hy vạch ra cũng là nói về cổ-độc, cái hại cổ-độc không phải mới có tự đời nhà Châu, khởi ra tự đời dã-man có đã lâu. Còn như những quân Phiên-di có cái thói đi rắc cổ-độc, thì nhất là những quân man mèo ở về Qui-châu Quảng-tây. Ở về vùng Quảng-tây lại có thứ cỏ Hồ-mạn-thảo 胡蔓草 và Ma-dược 麻藥, cũng là loài cổ-độc. Hồ-mạn-thảo lá nó như lá chè, hoa nó vàng mà nhỏ, mà ăn lầm phải một cái lá nó, thì trăm khiếu ứa máu ra không thể sống được nữa. Ít lâu nay cây cỏ tốt thịnh lắm, các giống cỏ ấy mọc lan ra, tuy trong các làng xóm cũng thường có, chứ không những mọc ở ngoài cõi xa đâu, kẻ hung-ác thường lấy thứ cỏ ấy để hại người, ăn lầm phải thì xênh-xang cả ngày như múa mênh luôn, thực là loài yêu-vật. Hoặc có kẻ nó vì oán-thù riêng vắt lấy nước lừa cho người ta uống phải một ngụm, là lập tức xé ruột ra mà chết. Hoặc nó sinh sự đi đánh nhau với ai thì nó cho người thân nó ăn phải thứ độc ấy cho chết đi, rồi nó vu nhân-mệnh cho người ta. Còn vị Ma-dược thì thường ngâm vào rượu, uống phải thì mê đi không biết ai cả, nhà giàu họ thường lừa kẻ dân ngu uống phải để họ cướp lấy của, song được cái tỉnh rồi không đến nỗi chết, cũng là một thói ác. Phạm Thạch-hồ có cái phương thuốc chữa cổ-độc. Sách *Lĩnh-nam vệ-sinh* cũng có bài thuốc chữa cái độc Hồ-mạn-thảo, người xét phong-tục phải nên xét biết những cái thói ấy. Đời nay lại còn có thứ thuốc nha-phiến cũng là loài cổ-độc, sách *Bản-thảo cương-mục* của Lý Thời Trân có nói thứ thuốc nha-phiến ấy đời xưa chưa thấy có bao giờ, từ đời Minh trở về trước, trong sử truyện và các sách nhà tư-gia cũng không thấy nói đến thứ thuốc nha-phiến, thế mà nó lưu-hành chóng quá, khắp lan cả trong nội-địa chỗ nào cũng có người nghiện nha-phiến, nó làm cho hao mất cả cao huyết người, tảng mất cả chí-khí người, hãm cả dân-tộc trong nước vào trong cái cõi dở sống dở chết thoi-thóp hơi thở, hại nhỏ ra thì đến bại-gia, hại lớn ra thì đến vong-quốc, giá có người thức-giả kêu là cái thói tệ-hại, song những người nghiện đều không biết tỉnh-ngộ, giá-hoặc cũng có người tỉnh-ngộ, nhưng không thể gỡ ra được nữa. Trước kia ông Lâm Văn-Trung đã khổ-tâm về việc nha-phiến, nay dẫu có cái lệnh cấm hút nha-phiến, nhưng quốc-dân vẫn nhiều người say mê như cũ, những hạng người ấy nếu nói đến cái hại cổ-độc, thì đều sợ như hùm beo rắn dết, thế mà cái hại thuốc phiện có phần gấp đến nghìn muôn lần cái hại cổ-độc, mà lại cứ đam-mê hút vào, có khác gì con thiêu-thân lăn vào đèn cam-tâm giấn thân vào chỗ chết mà không biết, thương thay!

12° *Ngôn-ngữ.* — Cha thì thường xưng là *khảo* 考, mẹ xưng là *tỉ* 妣, ông thì xưng là *vương-phụ* 王父, bà xưng là *vương-mẫu* 王母, cụ ông thì xưng là *tằng-tổ vương-phụ* 曾祖王父, cụ bà thì xưng là *tằng-tổ vương-mẫu* 曾祖王母, ông kỵ thì xưng là *Cao-tổ vương-phụ* 高祖王父, bà kỵ thì xưng là *Cao-tổ-vương-mẫu* 高祖王母, ông bác ông chú thì xưng là *tụng-tổ tổ-phụ* 從祖祖父, bà bác bà thím thì xưng là *tụng-tổ tổ-mẫu* 從祖祖母, anh em với cha, vai trên thì gọi là *thế-phụ* 世父, vai dưới thì gọi là *thúc-phụ* 叔父. Bề trai người đẻ trước mình gọi là *huynh* 兄, đẻ sau gọi là *đệ* 弟, bề gái người đẻ trước mình gọi là *tỉ* 姊, đẻ sau gọi là *muội* 妹. chị em với cha thì gọi là *cô* 姑, anh em thúc-bá với ông gọi là *tụng-tổ phụ* 從祖父, anh em chú chú bác với cha thì gọi là *tộc-phụ* 族父, anh em chắt chú chắt bác gọi nhau là *tộc-huynh-đệ* 族兄弟, con anh em họ gọi nhau là *thân* 親. Dưới hàng con thì là hàng *tôn* 孫, dưới hàng cháu là *tằng-tôn* 曾孫, dưới hàng chắt là *huyền tôn* 玄孫, con huyền-tôn thì là *lai-tôn* 來孫, dưới lai-tôn là *côn-tôn* 昆孫, dưới côn-tôn là *nhưng-tôn* 仍孫, dưới nhưng-tôn thì là *vân-tôn* 雲孫. Hàng chị em với ông tổ thì gọi là *vương-cô* 王姑, chị em với ông tằng-tổ thì gọi là *tằng-tổ vương-cô* 曾祖王姑, chị em với ông cao-tổ thì gọi là *cao-tổ vương-cô* 高祖王姑, chị em thúc-bá với ông thì gọi là *tụng-tổ-cô* 從祖姑, chị em thúc-bá với ông cụ thì gọi là *tộc-tổ-cô* 族祖姑. Bác dâu gọi là bà *thế-mẫu* 世母, thím dâu gọi là bà *thúc-mẫu* 叔母. Vợ lẽ của cha gọi là *thứ-mẫu* 庶母, ông ngoại gọi là *ngoại-vương-phụ*, 外王父, bà ngoại gọi là *ngoại-vương-mẫu* 外王母, anh em với mẹ gọi là *cữu* 舅, bố vợ gọi là *ngoại-cữu* 外舅, mẹ vợ gọi là *ngoại-cô* 外姑. con của cô gọi là *sanh* 甥, con của cậu cũng gọi là *sanh* 甥, anh vợ em vợ gọi là *sanh* 甥, chồng của chị em cũng gọi là *sanh* 甥, chị em với vợ gọi là *di* 姨, con gái gọi người chồng của chị em là *tư* 私, con trai gọi người con của chị em là *xuất* 出, con gái gọi con của anh em là cháu *điệt* 姪, gọi con của cháu xuất là cháu *ly* 離, gọi con của cháu điệt là cháu *qui* 歸, gọi con của người con gái là cháu *ngoại* 外. Con gái cùng một cha mẹ người chị gọi là *tỉ* 姐, người em gọi là *đễ* 娣. Con gái gọi chị dâu là *tẩu* 嫂, em dâu là *phụ* 婦, chị dâu trưởng gọi các em dâu là *đễ-phụ* 娣婦, các em dâu gọi chị dâu trưởng là *tỉ-phụ* 姐婦. Nàng dâu gọi bố chồng là *cữu* 舅, gọi mẹ chồng là *cô* 姑, bố mẹ chồng khi còn sống thì gọi là *quân-cữu* 君舅 *quân-cô* 君姑, mất rồi thì gọi là *tiên-cữu* 先舅 *tiên-cô* 先姑, gọi bà thứ-mẫu của chồng là *thiếu-cô* 少姑, anh chồng là *huynh-công* 兄公, em chồng là *thúc* 叔, chị chồng là *nữ-công* 女公, em gái chồng là *nữ-muội* 女妹. Nàng dâu là *phụ* 婦, nàng dâu trưởng là *đích phụ* 嫡婦, nàng dâu thứ là *thứ-phụ* 庶婦. Chồng của con gái là rể, bố người rể là *nhân* 姻, bố người dâu là *hôn* 婚, cha mẹ bên dâu cha mẹ bên rể cùng gọi nhau là *hôn-nhân* 婚姻, hai người rể cùng gọi nhau là *á* 亞, anh em họ về bên dâu thì là *hôn-huynh-đệ* 婚兄弟, anh em họ về bên rể thì là *nhân-huynh-đệ* 姻兄弟.

THIÊN THỨ II

Nói về thời-đại bác-tạp

CHƯƠNG THỨ I — KHẢO VỀ ĐỜI XUÂN-THU CHIẾN-QUỐC

1° *Khái-luận.* — Tiên-nho bảo những thơ biến-phong là những lời của kẻ thất-phu thất-phụ họ phúng-vịnh để chê-bai thời sự. Xem những thơ quốc-phong kinh *Thi* phần nhiều là phúng-vịnh về thời-sự đời Xuân-thu, khen kẻ thiện, chê người ác, hãy còn có cái trực-đạo

đời Tam-đại, cùng với cái lệ bao-biếm trong sách *Xuân-thu* cũng không khác gì mấy. Tự khi nền vương suy đi rồi thì mất kinh *Thi*, kinh *Thi* mất rồi kinh *Xuân-thu* mới làm ra, thế là đương thiên-hạ đời vương, biến ra thiên-hạ đời bá, đương là thiên-hạ đời bá biến ra thiên-hạ bảy kẻ hùng, xem cuộc đời biến đổi như thế ai chẳng động lòng nhớ đến nhà Châu. Nhưng đời Xuân-thu hãy còn biết tôn-lễ trọng-tín, đến đời thất-hùng thì không còn nói đến lễ với tín nữa. Đời Xuân-thu còn biết tôn vua nhà Châu, đến đời thất-hùng thì không còn biết đến nữa, đời Xuân-thu còn biết nghiêm lễ tế-tự, trọng việc sinh-vấn, đời Thất-hùng thì không còn có việc ấy nữa. Đời Xuân-thu còn kể đến họ-hàng tôn-tính, đời thất-hùng thì không còn nói đến nữa. Đời Xuân-thu còn có tiệc yến-hội vịnh thơ, đời thất-hùng thì không còn cuộc ấy nữa. Đời Xuân-thu còn có tờ sách-thư bá-cáo, đời thất-hùng thì không còn có nữa. Bài luận về vận-mệnh của Lý Khang bảo rằng cái thói giả-dối ngụy-biện thành ra từ đời thất-quốc là phải. Nước Tàu đến đời thất-hùng, thì phàm những lễ-nhạc chính-hình của Văn Võ Châu-công đều quét hết sạch-sành-sanh, chỉ sinh việc chiến-tranh thậm-tệ hơn đời Xuân-thu, đua nhau quyền-mưu trá-lực không còn kiêng sợ gì cả, cái mặt nạ nhân-nghĩa đạo-đức mới thoát-lộ cái bộ chân-diện-mục cá lớn nuốt cá con, bao nhiêu anh-hùng hào-kiệt đua nhau ở trong trường chiến-tranh, diễn ra cái hoạt- kịch cực thảm-khốc, các nước chư-hầu tự xưng vương-hiệu không chịu thua kém nhau, vua nhà Châu chỉ còn có hư-danh, chứ thiên-hạ thực là không có vương nữa, thế thì lấy đời Xuân-thu so với đời Chiến-quốc thì đời Xuân-thu con hơn; chứng như thơ *Quốc-phong* thì biết, xem thơ *Cát-lũ*, thơ *Bì-phần* thì biết thói nước Ngụy cần-kiệm mà hẹp-hòi, nghe thơ *Tất-suất* thơ, *Sơn-su* thì biết thói nước Đường cần-kiệm mà chất-phác; đọc thơ *Tiểu-nhung*, thơ *Vô-y* thì biết thói nước Tần thượng-võ, mà con gái cũng biết việc cần-vương; xét thơ *Chi-y*, thơ *Đồng-xa* thì biết thói nước Trịnh yêu người hiền trọng người có đức như là yêu người sắc đẹp; thơ *Can-mao* là khen biết đi đón người hiền; thơ *Cao-cửu* là khen biết trọng người chính trực; thơ *Phát-đàn* là tỏ chí người hiền không thèm ăn không; thơ *Tả-quan* là nhớ người biết giữ tang-chế; thơ *Khải-phong*, thơ *Trắc-hồ* là thương người hiếu-tử; thơ *Bông-lan* là răn bảo đứa trẻ con liệp-đẳng; thơ *Dương-chi-thủy* là răn về sự thiên-trọng họ ngoại-thích; thơ *Thái-lính*, thơ *Phòng-hữu-thước-sào* là chê những kẻ gièm-pha. Những thơ *Quốc-phong* ấy đều là có quan-hệ với thế-đạo nhân-tâm còn hơn cái bạc-tục đời Chiến-quốc biết chừng nào!

2° *Phá-hoại cái chế-độ giai-cấp.* — Chế-độ giai-cấp về đời Châu rất nghiêm, đến đức Khổng-tử làm sách *Xuân-thu* đã chê cử cho một họ truyền đời giữ chức thế-khanh, ý là muốn qui-tộc cũng bằng-đẳng như bình-dân, từ bấy giờ cách dùng người cũng dần-dần không có câu-nệ gì tư-cách về hạng người nào cả, như là nước Sở cử Thân Tiên-Ngu từ hạng người đầy-tớ đi làm thuê, nước Tần cử Đồ Khoái là đứa đầu bếp, Quản Trọng cử thằng kẻ trộm, Yến-tử cử đứa tù-đinh, Triệu Văn-Tử cử người cai-kho, Công-Thúc Văn-tử cử kẻ gia-thần, đều là không nệ gì tư-cách cả. Lại còn như Nịnh-Thích hát bài ca chăn trâu để cầu vua Tề Hoàn, đã dẫn khai ra cái thói kẻ mưu-sĩ đi cầu-cạnh ở đời Chiến-quốc. Đời Chiến-quốc thì không còn kể gì nhà môn-phiệt nữa, hoặc có người tự hạng sất-phu mà khởi lên làm tướng văn tướng võ, hoặc có kẻ buổi sớm bần-tiện mà buổi

tối dã làm nên công-hầu, hoặc có người dã bị hình-phạt mà cũng làm nên, hoặc có kẻ ở trong đám trộm cướp mà cũng ra làm quan được, không cứ gì kẻ mới người cũ, kẻ thân người sơ, nếu là người có kỳ-tài dị-năng, thì tuy rằng cừu-thù mà cũng dụng, tuy rằng gian-trá mà cũng tiến. Vả lại khi bấy giờ quần-hùng cát-cứ chia giữ từng phương, đều tự cầm cái quyền lập-pháp hành-chính, vậy nên những người muốn xuất-đầu ra hiệu-dụng, nếu nước này không dụng thì đi sang nước khác, hôm trước mới là kẻ lữ-khách đi trốn-tránh, hôm sau đã là quan tể-tướng vẻ-vang cầm quyền-chính trong một nước, khi ấy đã là một xã-hội ngôn-luận tự-do, tư-tưởng tự-do.

3° *Nghĩa-hiệp.* — Xưa kia Thái-sử-công có làm truyện du-hiệp kể những kẻ du-hiệp hễ nói điều gì là tin-thực, mà nết thì tất là quả-quyết, chỉ đem thân mình cứu-giúp sự nguy-cấp cho người, hoặc báo-thù giúp cho bạn mà không khoe tài-năng, lấy sự khoe ơn-đức làm xấu hổ, kẻ du-hiệp như thế thì cũng đáng khen thật. Vả lại có dẫn-chứng những ông Quí Thứ, Nguyên Hiến để làm tiêu-chuẩn, đó là nói đại-khái mà thôi. Cái thói du-hiệp xướng lên tự đời Xuân-thu, thịnh nhất là đời Chiến-quốc, đời Xuân-thu thì nước Tấu có Công-Tôn Trử-Cữu, Trình Anh, Tất Dương, nước Tần có Yền Túc, Trọng Hành, Giam Hồ, nước Ngô có Chuyên Chư, đều là những người không tiếc gì mình dã hứa với ai là không sai. Đời Chiến-quốc thì cái thói trượng-nghĩa khinh-sinh lại càng thịnh, cho nên những người hào-hiệp thích-khách như là Dự Nhượng, Yêu Ly, Mặc-tử, Mạnh Thẳng, Tử Nhược, Nhiếp Chính, Lạn Tượng-Như, Tín-lăng-quân, Chu Hợi, Mao Toại, Lỗ Trọng-Liên, Vương Súc, Ngu Khanh, Bình-nguyên-quân, Đường Thư, Súc Cao, Kinh Kha, Cao Tiệm-Ly, Điền Quang, Phàn Ô-Kỳ, đều là những người có thói hăng-hái cương-cường, liều mình cứu người, có cái tiết-tháo khinh-sinh trượng-nghĩa, nếu đều hay theo về đường chính-đáng cả, thì trong xã-hội còn có việc gì là bất-bình nữa.

4° *Du-thuyết.* — Các nước về đời Xuân-thu hay dùng những người du-khách đến đều cho làm quan, như là Vu Thần sang nước Ngô để làm hại nước Sở, Ngũ-Viên làm cường nước Ngô để xâm vào đất Sính, nước Tấn dụng tất cả những kẻ vong-thần nước Sở, Thanh-tử đã phải than rằng nước Tấn dùng mất cả nhân-tài của nước Sở. Cuối đời Xuân-thu đến đời Chiến-quốc thì các nước chư-hầu, các nhà Khanh-tướng đều đua nhau đón rước kẻ hiền-sĩ, từ kẻ mưu-phu thuyết-khách bàn trời trỏ đất mưu-hoạch khác nhau, cho đến những lũ gà gáy chó trộm, hoặc tài nghề kích-kiếm, hoặc sức hay cử-đỉnh, đều lấy lễ mà trọng-đãi cả, nào là cung-phụng ăn mặc xa-xỉ đãi làm bậc thượng-khách, không biết bao nhiêu mà kể. Việt-vương Câu-Tiễn có hậu-đãi làm bậc quân tử sáu nghìn người, Ngụy Vô-Kỵ, Tề Điền Văn, Triệu Thắng, Hoàng Yết, Lã Bất-Vi đều nuôi khách đến ba nghìn người, Điền Văn chiêu đến sáu vạn kẻ gian-nhân nhiệm-hiệp ở nước Tiết, nước Tề cũng có đến hàng nghìn người họp bàn ở Tắc-hạ, Ngụy Văn-hầu, Yên Chiêu-vương, Yên thái-tử Đan đều chiêu khách đến vô-số, không phải là lấy thế làm tự-hào đâu, vì lúc bấy giờ cạnh-tranh kịch-liệt, chỉ cốt lấy được nhiều kẻ nhân-tài làm cần nhất, vậy nên có người nào giỏi về nhất-nghệ nhất-năng, mà hay làm lợi cho nước nhà, thì không cứ rằng sang hay hèn, thân hay sơ, đều chiêu làm khách cố-vấn cho nhà-nước cả. Tựu-trung có kẻ

thuyết-sĩ, kẻ kiếm-khách, kẻ lực-sĩ, cũng nhiều hạng người, đều là lưu-ý về đường chính-trị cả. Bởi vì những lời bình-luận đắc-thất về đường chính-trị, là của những nhà chính-đảm ở chốn dân-gian, cái năng-lực nó có thể giải-quyết được chính-vụ và bày ra được kế-hoạch rất nhiều, nếu hay lấy lễ mà tôn-đãi những người chính-khách ấy thì hay thu được công-hiệu phi-thường, nhược-bằng không biết thu-dụng thì họ phiến-động ở chốn dân-gian, hoặc bỏ đi nơi khác thì lại càng giúp cho địch-quốc. Vì thế cái thế-lực của những kẻ thuyết-khách lúc bấy giờ, khuynh-động cả thiên-hạ, nước nào cũng lo là đón rước phụng-dưỡng không đủ, mà các quân-tướng lúc bấy giờ cũng lấy hay đón được nhiều người hiền-tài làm danh-dự. Xem như Mạnh-thường, Bình-nguyên, Tín-lăng, Xuân-thân mà có cái giá-trị là bậc hiền công-tử, đều tại hay đón được nhiều kẻ thuyết-khách vậy.

5º *Cái học-phong về cuối đời Châu.*— Đời nhà Châu đã suy đi rồi, không có quan giữ về việc học nữa, cái học-thuật về quan-thủ, biến thành ra cái học-thuật của các nhà sư-nho, vả lại đã phá cả giai-cấp đi rồi thì những học-vấn khi trước mà về bọn quí-tộc thế-quan họ giữ, đều tán ra khắp dân-gian, truyền-bá rất nhanh, phát-đạt rất chóng, khi ấy ngôn-luận tự-do, bách-gia cửu-lưu, đều đủ có cái sức kiên-nghị độc-hành bàn về những lý-luận tinh-thâm, hăng-hái tự làm cái chí mình, đều nghĩ lập-giáo để phạm-vi cả thiên-hạ. Ông Khổng-tử là hơn hết cả các nhà, mới tập-hợp đại-thành mà sáng-lập ra nho-giáo, sách của nho-giáo gọi là nho-thư, cũng như là sách *Phật-điển*, sách *Đạo-tạng* của Phật-giáo với Đạo-giáo. Hậu-Hán Vương Sung làm bài *Luận-hành* cũng cho sách *lục-kinh truyện-ký* làm nho-thư. Khi Khổng-tử mất rồi các sách nho-thư truyền-bá khắp cả ở nước Tề nước Lỗ, người nước Lỗ thì đều theo nho-giáo, dân-gian nước Tề cũng có truyền, đời bấy giờ vẫn là tín-giáo tự-do không có ai ngăn cấm được. Nhưng người nước Tề có ý ghen, xem như có câu nói rằng vì có nho-thư để làm lo cho hai nước. Đó là lời người nước Tề ghen mà thôi. Tự cuối đời Xuân-thu sang đời Chiến-quốc, các nhà sáng-lập ra các giáo đều công-kích lẫn nhau, mà nhất là công-kích nho-giáo ở đời Xuân-thu thì có Thúc-Tôn, Vũ Thúc, Vi-Sinh Mẫu, Hạ-biểu, Tiếp-Dư, Trường-Thư, Kiệt-Nịch, Trượng-nhân thấy chép ở trong sách *Luận-ngữ* đều là những người công-kích đạo nho cả. Lại còn như Tử-Tây nước Sở ngăn Chi-vương không phong đất Thư-xã cho Khổng-tử, Yến Anh nước Tề ngăn Cảnh-công đừng lấy đất Ni-khê phong cho Khổng-tử, Tử-Tang Bá-tử trả lời học trò rằng đạo nho chất tốt mà văn phồn, ta muốn bỏ bớt cái văn-hoa. Ấy đều là rõ-ràng công-kích nho-giáo cả. Đời Chiến-quốc thì Mặc-tử lấy cái nghĩa để tang lâu quá và hậu-táng quá công-kích nho-giáo. Thầy Mạnh-tử sắp được hành-đạo thì lại bị phải Tang Thương ngăn-trở, Doãn Sĩ chê-bai. Nước Đằng các bậc phụ-huynh trăm quan đều không muốn theo cái lễ để tang ba năm của thầy Mạnh bảo. Hứa Hành thì muốn lấy cái thuyết tịnh-canh phá bỏ phép tỉnh-địa của thầy Mạnh. Kẻ hiếu-sự đến nỗi nói vu cho Khổng-tử khi ở nước Vệ trọ nhà thầy thuốc ung-thư, ở nước Tề trọ nhà đứa hầu-cận để tìm đường cầu-cạnh. Trang-tử Thương-quân, Châu Diễn, Doãn Văn-tử thì lại hết sức công-kích nho-giáo, nhưng Khổng-giáo vẫn không tổn-hại gì, chỉ có đương-thời ấy các nhà cửu-lưu bách-gia đều giữ riêng một tôn-chỉ đều có cái sở-trường, dẫu Khổng-giáo cũng không che đi được, vậy nên đạo Mặc-tử cũng cùng với Khổng-giáo lan ra trong thiên-hạ, mà sách *Văn-nghệ-chí* của họ

Ban cũng bảo rằng các nhà cửu-lưu là chi-phái của lục-kinh không thể bỏ được. Xem thế thì cuối đời Châu trong học-giới đã tỏ ra cái cảnh-tượng quang-minh sán-lạn lắm.

6º *Trình-độ nhân-dân cuối đời Châu. A Dân-đức.* — Dân nước Tề thì thô-tục tham-lam mà mạnh-tợn, dân nước Sở thì khinh-táo quả-cảm mà nghịch-tợn, dân nước Việt thì ngu dốt ghen-ghét mà bẩn, dân nước Tần thì tham-lệ mà tối việc, dân nước Tấn, nước Tề thì siểm-du dối-trá xảo-ninh mà hiếu-lợi, dân nước Yên thì ngu-chương mà hiếu trinh-tiết, nhanh-nhẹn mà coi khinh cái chết, dân nước Tống thì giản-dị mà ưa ngay-thẳng, thói nước Tần thì tham-ngận chuộng sức khỏe, lấy hình-pháp dọa được, chứ không thể lấy điều thiện mà hóa được, lấy thưởng mà khuyên được chứ không thể lấy danh mà khích-lệ được ; ấy đại-lược dân-phong các nước như thế. Giả-sinh có luận tục nước Tần nói rằng : « Nước Tần từ khi Thương-quân cầm quyền bỏ cả lễ-nghĩa, khi cả nhân-ân, chỉ chuyên-tâm về đường tiến-thủ, làm được và năm thì thói nước Tần càng tệ, vậy nên người Tần nhà giàu hễ con lớn lên là cho ra ở riêng, nhà nghèo hễ con lớn lên thì cho đi ở rể, con cho cha mượn cày cuốc đã có ý lên mặt, mẹ chồng có lấy cái thủng cái chổi thì nàng dâu đứng mà kể-lể, nàng dâu mớm cơm cho con dám ngồi xoạc cẳng ở trước mặt bố chồng, nàng dâu mẹ chồng không bằng lòng nhau thì cong môi lên mà cãi.» Than ôi ! Xem như Giả-sinh nói cái thói như trên ấy thì biết cái dân-đức đời Chiến-quốc. Lại như cái thói ghét kẻ thẳng kinh kẻ ngay, nước nào cũng thế, như là Quốc-tử ở nước Tề, Bá-Tôn ở nước Tấn, đều vì hay trực-ngôn mà phải đuổi. Lại còn cái thói tham-lam phóng-túng xa-xỉ tự kẻ sĩ-đại-phu xướng lên trước, như là Loan-Ảm, Dương-Thiệt Phụ ở nước Tấn, Khánh-Phong ở nước Tề, Bá-Hữu ở nước Trịnh, Tử Lương. Tử Kỳ ở nước Tề, đều là những nhà kiêu-xỉ, dân-gian đều chịu cái ảnh-hưởng ấy mà cũng sinh ra kiêu-xa. Vậy nên lúc ấy ai cũng cầu giàu mà Tử Văn tránh đi không muốn lấy giàu, ai cũng muốn giàu mà Yến-tử từ-chối không chịu nhận giàu, Bá Trương nước Trịnh thì bảo rằng lấy nghèo làm quí, Khước-Khuyết nước Tấn thì nghĩ rằng nghèo hèn phải biết xấu-hổ, Tử Sản cai-trị nước Trịnh thì khen kẻ trung-thực kiệm-ước mà ghét kẻ xa-xỉ, đều là muốn cứu lại cái tệ lúc bấy giờ.

Cái thói dâm-loạn vô-xỉ thì nước Trịnh nước Vệ tệ hơn nhất, thứ hai đến nước Trần, còn các nước thì cũng không khác nhau mấy. Xét trong kinh *Thi* thì cái thói dâm-loạn của nước Vệ đến nỗi trai gái hẹn nhau đợi ở góc thành, bỏ xa cả cha mẹ mà đi lấy nhau. Cái thói dâm-loạn của nước Trịnh đến nỗi giữa đường níu lấy áo người tình-nhân, khinh-bạc bỡn nhau mà gọi trai là chàng Tử-đô, thơ *Giảo-đồng* có câu rằng : «Mày không thương ta, ta há lại không có người khác.» Thơ *Đông-môn* có câu rằng : « Ta há không nhớ mày, sao mày không đến với ta». Xem những câu phong-dao ấy thì như vẽ toàn-thần ra một bức tranh dâm-uế. Cái thói dâm-loạn nước Trần đến nỗi con gái không chăm canh cửi mà chỉ đi họp-hành hát múa với bọn con trai, gọi người mình yêu là người đẹp của tôi, quyến-luyến không thôi, nhớ trai đến nỗi thức-nhắp không ngủ, nước mắt dầm-đìa. Than ôi thực là vô-xỉ chi-cực ! Xét về sách *Xuân-thu* thì mới biết cái thói dâm-loạn vô-xỉ là tự người trên xướng lên cả. Đời Xuân-thu thì cái thói trai gái tạp-loạn, quái-trạng bách-xuất, có kẻ dâm-phạm đến cả người trên, có kẻ cướp vợ của con, có kẻ cướp cả vợ của anh em, có kẻ nhân

uống rượu mà đổi vợ cho nhau, có kẻ hai người chung nhau một vợ, có kẻ chồng cứ phó mặc cho vợ hoang-dâm, có kẻ thì anh em chị em cùng loạn-luân với nhau, có kẻ trước diệt nước người đi rồi cướp lấy vợ người, có kẻ vì cướp lấy vợ người mà bị hại, có kẻ vua tôi cùng dâm một người. Lại còn như Địch-hậu là vợ Châu Tương-vương mà thông-dâm với em chồng là Thúc Đới, Ai-Khương là vợ Lỗ Trang-công mà thông-dâm với em chồng là Khánh-phủ, nàng Thanh Mạnh-tử nước Tề thông-dâm với quan đại-phu là Khánh Khắc, Mục Khương nước Lỗ thông với đại-phu là Thúc-Tôn Kiệu-Như, Ly-Cơ nước Tấn thì thông với kẻ phường chèo, vợ Qui-công Điều nước Lỗ thì thông với đứa đầu bếp, vợ Loan Hoàn-tử thì thông với bác quản-gia, trên từ nhà vua, dưới đến các nhà sĩ đại-phu, ô-uế loạn-dâm không cho làm quái-lạ gì cả. Nhân-dân thời ấy còn biết gì là liêm-xỉ nữa, kẻ trên xướng lên thì kẻ dưới lại có phần tệ hơn, cái thói dâm-loạn ở chốn dân-gian cũng chẳng có lạ gì vậy. Hoặc có kẻ bảo rằng dân Tàu mà sở-dĩ dâm-loạn là tại cái giới-hạn trai gái giữ nghiêm quá, con gái không được ra giao-tiếp chỗ khách-khứa, con trai mà được trông thấy mặt con gái là một sự lạ thường. Vả lại khi ấy nữ-học chưa chấn-hưng, con gái ít có tri-thức, con trai chỉ coi con gái là một vật để hoạt-động hứng-thú tiêu-ma khối-lỗi, nên cái giới-hạn trai gái càng nghiêm bao nhiêu thì dâm-loạn lại càng tệ. Đời nay các nước văn-minh bên Âu Mĩ nữ-học thịnh lên, trai gái hàng ngày trông thấy nhau đã quen, không lấy gì làm lạ. Vả lại con gái cũng được làm giáo-sư ở các trường con trai, làm khán-hộ ở các nhà bệnh-viện, lại được làm ủy-viên hoặc làm thuê ở các nhà bưu-điện, hỏa-xa, các xưởng công-thương, các nhà lữ-quán, dục-đường, sớm tối hằng trông thấy con trai luôn, vậy nên ít có những việc gian-dâm hung-sát. Đó tuy vì cái trình-độ con trai Âu Mĩ cao hơn con trai nước Tàu, nhưng cũng vì khai-phóng cho phải đường, nên mới được như thế. Còn như cái cách vua Câu-Tiễn nước Việt đem thu cả những đàn bà góa mà phạm tội dâm-dật để riêng ra ở một trái núi, hễ người con trai nào mà lo buồn thì cho lên chơi núi cho thỏa chí, làm như thế cũng giống như cái thủ-đoạn vua Hán Cao đãi Anh Bố, vua Hoài-nam đãi những người du-sĩ cho tha-hồ phóng-túng, lại tổ làm cho hối-dâm mà thôi. Thế thì làm cho nữ-học phát-đạt lên, cũng là một cách ngăn-cấm bớt đường dâm-dục vậy.

B. — *Dư-luận.* — Dư-luận là lời nghị-luận của công-chúng không gì đủ bằng kinh *Thi*. Người làm thơ chê kẻ ác, dẫu lấy thế-lực của đấng quốc-quân hay họ quí-tộc đàn-áp đi, mà họ cũng cứ nói chứ không có kiêng sợ gì cả. Dư-luận như thế thực là theo đạo thẳng đời Tam-đại, đủ làm cột đá để ngăn sóng đồi-ba. Còn như ghét quan chấp-chính hưng công-dịch không phải mùa, thì ở nước Tống có bài ca *Trạch-môn*, ghét quan tướng bại-trận thì người nước Tống có bài ca *Vu tai*, người nước Lỗ có bài thơ *Chu-nho*. Khi Khổng-tử làm tướng nước Lỗ, thì người nước Lỗ trước có bài hát *Nghê-cừu* để chê, sau lại có bài hát *Chương-phủ* để khen; Tử-Sản làm tướng nước Trịnh, thì dân trước muốn giết đi, sau lại muốn cho nối làm tướng mãi, khen chê trước sau bất-nhất, xem đó đủ biết dư-luận cũng không thường. Dư-luận của nước Trịnh thì thường họp bàn ở nhà Hương-hiệu, nên Tử-Sản không muốn hủy bỏ nhà Hương-hiệu, là muốn cho dân có cái quyền nghị-chính, trác-thức biết là chừng nào! Đời Chiến-quốc thì những người thuyết-khách thực làm đại-biểu cho

dư-luận, cho nên dư-luận ở chốn dân-gian không có tỏ rõ ra vậy.

C. *Ái-quốc.* — Thơ *Viên-đào* lo nước nhỏ mất quyền-chính, thơ *Thử-ly* thương nhà Châu phải nghiêng đổ, thơ *Phi-phong* trông thấy con đường lớn mà than thiên-hạ vô-vương, thơ *Hạ-tuyền* nhớ Kinh-đô nhà Châu mà thương thiên-hạ vô-chủ, ấy đều là những bài thơ-ca ái-quốc nên khóc nên thương cả. Công-Sơn Bất-Nữu rằng : Người quân-tử không có đi đến nước thù, nếu bất-đắc-dụng thì đi ẩn. Lời ấy chẳng phải là lời nói người nhân-nhân quân-tử đấy ư. Xét đời Xuân-thu vong-quốc có đến năm mươi hai nước, kể cũng không thiếu gì người nghĩa-sĩ nhân-nhân, mà hay phục-thù cho nước ấy chỉ có họ Nhân, họ Lĩnh, họ Công-lâu, họ Tu-toại ở nước Toại và Thân Bao-Tư ở nước Sở mà thôi. Nhưng bốn họ ở nước Toại chỉ hay giết sạch được quân thù-binh nước Tề, chứ cũng không cứu lại được cho nước Toại khỏi mất. Thân Bao-Tư thì hay phục-quốc cho nước Sở, thực là người nhiệt-thành kiên-nhẫn trác-tuyệt hơn đời, đời Xuân-thu cũng ít có. Tống-nho Vương Bá-Hậu vì Thân Bao-Tư với Trương Tử-phòng thực là phải. Còn đến như dân đất Mạnh-hướng không chịu theo nước Trịnh, dân đất Dương-phàn không chịu theo nước Tấn, tuy không thành sự gì mà chí cũng đáng thương. Đời Chiến-quốc thì có Lỗ Trọng-Liên, Vương Súc, Kinh Khanh, Yên thái-tử Đan, đều là những người có nhiệt-thành ái-quốc. Đến như Sở Hoài-vương mất về nhà Tần, người nước Sở lấy làm thương, nên người ta mới nói rằng ba họ nước Sở đủ làm mất được nhà Tần. Khuất Nguyên vì bị gièm mà phải truất, nhưng vẫn quyến-luyến nhớ nước Sở, làm ra bài hát *Ly-tao*, cái lòng ái-quốc kể ra thương đau cảm-động lòng người, ảnh-hưởng truyền mãi đi không thể tiêu-diệt đi được, sở-dĩ nhà Tần cũng chỉ truyền được hai đời thì mất.

7° *Bỏ mất lễ và bắt đầu biến lễ.* — Thơ *Phong-hề* là nói nước Trịnh biến-loạn bỏ cả lễ hôn-nhân, có người con trai còn giữ lễ thân-nghinh đi đón vợ mà người con gái lại không nghe. Thơ *Sĩ-trước* là nói thói nước Tề không có lễ đi đón dâu, người con gái về nhà chồng đến tận cửa mới thấy chú rể đợi đón ở đó. Thơ *Chù-mâu* là nói về thói nước Đường dân nghèo không làm được đủ lễ hôn-nhân, thế thì lễ hôn-nhân về đời Xuân-thu bỏ đi mất đã lâu. Vậy nên có kẻ lấy nhau rồi mới về yết tổ như là Trịnh công-tử Hốt. Có kẻ ước-hẹn tư-bôn với nhau như là Lỗ Trang-công theo nàng Mạnh-Nhâm, con gái người đất Tuyền-khâu nước Lỗ theo Mạnh Hi-tử, con gái người Phong-nhân đất Viên-dương theo Sở Bình-vương, mẹ Thanh-bá lúc lấy không có mối lái gì cả, nàng Thúc-cơ bị cưỡng-bách mà phải theo, những việc ấy không thể kể cho hết được. Lại còn cái tệ cướp vợ người đem gả cho người khác, bắt người bỏ vợ đi để gả con gái mình vào thì thực là vô lễ. Còn như em gái Tử Ngô-Phạm nước Trịnh và nàng Qui-Thiên nước Sở thì hay tự-do mà kén được chồng giỏi cứ theo như cái cách các nước văn-minh thì cũng không ngăn cấm.

Lễ-ký : Con chồng không để trở bà xuất-mẫu là tự thầy Tử-Tư trước, người sĩ mất mà có đặt lời lỗi kể đức-tính để viếng là từ Bôn-phủ trước. Đàn bà xòa tóc viếng thăm là trước tự trận Hồ-di. Vây màn quanh quan-tài mà khóc là trước tự nàng Kính-khương khóc Mục-bá. Nhà miếu để thờ hai thần-chủ là trước tự đời Hoàn-công. Để trở mẹ nuôi là trước tự Lỗ Chiêu-công. Nhà tư-gia mà lập công miếu là tự ba họ Hoàn nước Lỗ. Mũ đen dây tía là tự Lỗ Hoàn-công, đó đều là mới bắt

đầu biến lễ. Lại như mới mùa Bát-dật từ đời An-công ngũ-niên, mới dùng lễ hậu-táng, dùng lễ tuẫn-táng từ đời Thành-công nhị-niên, cũng là lúc khởi-thủy biến lễ. Đức Khổng-tử ghét người làm ra đầu têu, khởi-thủy làm ra đầu têu mà bất-cần, thì về mạt-lưu lại càng tệ.

8º *Dâm-tự.* — Từ đời Xuân-thu trở xuống, cái thuyết của các nhà âm-dương-học truyền-bá đi khắp các nơi, phân ra có năm phái: 1º Thiên-đạo, 2º Qui-thần, 3º Sự tai-tường, 4º Nghề bói toán, 5º Đoán mộng. Mà thịnh nhất là cái thuyết qui-thần, vậy nên dần dần sinh ra dâm-tự thờ cúng nhảm-nhí, như những bọn Chung-vu, Cường-sơn, Dưỡng-cung, Thực-trầm, Đài-di, đều là mê-hoặc về sự qui-thần, không thể kể cho xiết được. Khi ấy tuy có Khổng-tử, Tử-Sản hết sức tri chính-luận để bài-bác đi cũng không thể được. Than ôi! mở ra cái thuật các nhà phương-sĩ về đời Tần Hán, cũng là gây ra từ đấy.

9º *Ngạn-ngữ.* — Roi ngựa dẫu dài, không đập đến được bụng ngựa, nghĩa là bảo người ta phải biết tự-lượng. Kẻ sất-phu có tội gì, chỉ vì giấu ngọc bích vào mình nên mới mang tội, nghĩa là răn người ta không nên tham của. Giận người trong nhà nhưng phải tươi nét mặt với người ngoài chợ, ý là răn người không nên thiên-nộ. Môi hở thì răng lạnh, xe với trục phải nương lẫn nhau, là nói người ta phải có đoàn-thể. Sông ngòi không từ nước bẩn, núi trầm mọc cả cây gai, ngọc quí không hề gợn vết, làm vua chịu tiếng chê bai, ý là nói người ta phải có độ-lượng rộng-rãi. Sợ đầu sợ đuôi còn dư khúc mình được mấy, ý là chê những người rụt-rè sợ hãi, phải nên có cái tinh-thần mạo-hiểm mới được. Tâm nếu không thẹn, việc gì mà bẽn-lẽn, là bảo người ta phải nên chính tâm-thuật. Cha đốn củi mà con không hay vác nổi, là chê người không giữ được tiên-nghiệp. Chó sói lòng tham, là nói ví như người có tính ác. Hươu chết có chọn gì bóng cây, là bảo người ta không nên sợ chết, nếu sợ chết mà ngần-ngừ kén chọn mãi thì không làm gì được. Muông thú hay sợ lưới, dân hay oán người trên, là nói người trên mà vô-đạo thì chiêu dân oán. Theo làm thiện như trèo lên núi, theo làm ác như đất lở băng, là nói làm ác dễ mà theo làm thiện rất khó. Sống thương nhau chết sao nỡ bỏ nhau, là bảo người không nên bội-bạc. Thà làm mỏ gà không thèm làm đuôi trâu, là khuyên người nên cố gắng tiến-thủ, không nên chịu thua kém người.

10º *Ẩn-ngữ.* — Những câu ẩn-ngữ khởi-thủy từ đời Xuân-thu, đến Tề Uy-vương lại càng thích lối nói ẩn-ngữ, Thuần-Vu Khôn mới bịa đặt ra để nói đùa bỡn. Đời sau gọi lối nói ấy là mê-ngữ, mê nghĩa là ý nói giấu kín để cho người ta hôn-mê khó hiểu được, lối nói như thế từ cuối đời nhà Châu đã có, đến sau này những kẻ thế-tục mới bắt-chước mà thôi.

(*Còn nữa*) ĐÔNG-CHÂU *dịch*

VIỆT-SỬ DANH-NHÂN LIỆT-NỮ NGÂM-KHÚC

Đề - từ

Hương-công tham-chính học tinh-thần,
Qui-hiệu Quật-đình tự Trọng-luân.
Tài-tử vẻ-vang lông cánh phượng,
Khuôn-nền nhân-hậu móng chân lân.
Quận triều lắm lúc nghe danh sáng,
Hồ miếu như nay tỏ dạ cần.
Hoa-điểu viên-lâm vui cảnh thú,
Cầm-kỳ thi-họa thích tình chân.
Sao không chơi với phong-lưu khách,
Mà lại chăm về trứ-thuật văn.
Ngạn-ngữ Hàn-đào người đã hiểu,
Mộng-hiền Kim-phượng báo từng in.
Danh nhân liệt-nữ thành ngâm-khúc,
Liệt-sử gương treo thực sáng ngần.
Hưng-đạo xa bay uy kiếm-mã,
Trưng-vương còn nổi tiếng thoa-quần.
Trước kể ba mươi người xuất-chúng,
Diễn ra quốc-ngữ cứ theo vần.
Lại chú rõ-ràng trong sự-tích,
Ngõ người dễ hiểu dễ xem lần.
Cương-thường hai chữ đem khai-quyền,
Luân-lý muôn đời biết lập-thân.
Ấy mới văn-chương gồm khuyến-giới,
Há vì từ-điệu chuộng thanh-tân.
Tập này trai gái thường ngâm đọc,
Sự tích trong thân hẳn có phần.
Vườn cúc ông còn ham trứ-thuật,
Gác lê tôi cũng gắng đàm-luận.
Đề-từ một khúc vừa đông-chí,
Trước tọa cảnh mai mấy điểm xuân.

NGUYỄN VĂN-TRÌNH

Tham-tri sung Quốc-tử-giám Toản-tu

. .

Cảnh thanh-lịnh trời thu gió mát,
Đình Tiên-ba ngao-ngát mùi hương.
Núi hồ cây đá sẵn-sàng
Mây xanh soi nước bóng vàng nhuộm non.
Lùm chạng-vạng chim bôn về ổ,
Mảnh gương Nga lấp-ló bên hè.
Gió khuya lay động nhành lê,
Nỉ-non giọng dế ủ-ê canh gà.
Nghĩ gần xa vào nhà nương án,
Cõi đời người ba vạn sáu ngàn.
Tháng ngày thấm-thoắt bọt tan,
Sinh sinh hóa hóa tạo-đoan cũng kỳ.
Cuộc thành-bại nọ mây thương-cẩu,
Bụi hường-trần nương-náu một thì.
Nào ai tỏ mấy huyền-vi,
Mấy khi úp giở mấy khi xoay vần.
Trong một kiếp gian, tân, sang, cả,
Ấy tiền-duyên nhân-quả chi đây.
Luân-hồi gẫm cũng hay hay,
Kìa loài muôn vật vô-tri đã đành.
Người tánh linh trời sinh vốn sẵn,
Bao cang-thường khẳng-khẳng nào sai,
Nhớ trong sử Việt lắm người,
Lược biên ít truyện đem dài giải khuây.

I

Trọn niềm ngay Tôn-thần Hưng-đạo,
Phò đời Trần chính-thảo đòi phen.
Bạch-đằng bày kế phá Nguyên,
Nam-bang dậy tiếng Bắc-phiên kinh tài.
Để dạy người mấy lời binh-pháp,
Miễu anh-linh trong tráp gươm reo.
Đến nay thờ phụng đã nhiều,
Công cao một thủa gương treo muôn đời.

Sử-ký. — Ông Trần Quốc-Tuấn vốn người Tôn-thất nhà Trần, lòng rất trung-nghĩa, lại gồm tài thao-lược, đánh trận nào cũng lập công lớn, năm Trùng-hưng thứ hai, nước Nguyên đem binh qua đánh, ông ấy bèn sức dựng cừ dưới sông Bạch-đằng, đánh giả thua, binh tướng Nguyên đuổi theo, nước cạn, mắc thuyền vào cừ, ông ấy giục binh trở lại đánh, giết binh tướng Nguyên bách

vạn, bắt tướng Nguyên đem về, bèn luận công đệ-nhất phong cho ông ấy làm chức Đại-vương-thượng-quốc-công; từ đấy oai danh rậy phía Bắc, đều gọi rằng ông Trần-hưng-đạo-vương, chẳng dám kêu tên. Ông ấy có làm một quyển *Binh-gia diệu-lý yếu-lược*, lại làm quyển binh-pháp, tên gọi rằng *Vạn-kiếp bí-truyền-thư*. Xứ Vạn-kiếp lập nhà thờ, khấn cầu linh-ứng lắm, hoặc có việc binh gấp, khấn cầu mà nghe tiếng gươm thờ trong trấp reo thì chắc đặng hơn.

II

Còn lương-thần nhiều người trung-trực,
Cùng thanh-liêm học-thức tài-ba.
Tôn-thần trước đã kể ra,
Lương-thần sau lại kể ra ít người.
Dạ dám sai mấy lời căn-vặn,
Có Hiến-Thành thiệt đứng lương-thần.
Tài khinh nghĩa trọng muôn phần,
Lời tâu Thái-hậu trung-thuần xiết đâu.
Ham sang giàu quên điều nghĩa-lý,
Kẻ trung-thần nghĩa-sĩ chẳng màng.
Nhớ lời Tiên-đế rõ-ràng,
Bên tai văng-vẳng lòng càng sợ lo.
Dạ sắt son phân-phô ngãi-khí,
Vịnh-sử khen đức vì Y Châu.

Sử-ký. — Triều Lý ông Tô Hiến-Thành phò vua Anh-tôn, ông Thái-tử Long-Tệ có tội phế đi, bèn lập ông Long-Trác làm thái-tử, vua Anh-tôn phê ông Tô Hiến-Thành làm phụ-đạo, khi gần băng, di-chiếu phụ thái-tử, giao việc nước cho định-đoán. Thái-hậu là bà vợ vua Anh muốn lập ông Long-Tệ, đem vàng cho vợ ông ấy, ông ấy nói rằng: « Tôi đã vâng lời Tiên-đế, nay ăn vàng mà phế đi, sau xuống đất, mặt nào mà thấy Tiên-đế »; bèn không lấy vàng. Thái-hậu hỏi ông ấy, ông ấy bèn tâu rằng: « Làm điều bất nghĩa mà giàu sang, người trung-nghĩa chẳng chịu làm; huống lời Tiên-đế dặn còn văng-vẳng bên tai, nay tôi chẳng dám nghe theo.»

Trong Việt-sử tổng-vịnh khen, có câu rằng: « *Y Châu tâm-tích thế-gian vô.* 伊周心跡世間無 »

III

Quan-châm thanh-bạch làm đầu,
Khá khen Trần Kiến chẳng cầu của dân.
Trên minh-quân khen rằng cang-trực,
Ban hốt ngà minh-khắc một bài.

Sử-ký. — Đời Trần ông Trần Kiến làm quan An-phủ-sứ Thiên-trường, dân có kỵ đem cho vật ăn, ông hỏi có xin việc gì không; dân thưa rằng không xin việc chi. Sau đến xin việc, ông chọc cổ mửa ra hết. Ông là người cang-trực liêm-khiết, vua ban cho cái hốt ngà, trong hốt có khắc một bài *minh* khen ngợi lắm.

IV

Đĩnh-Chi họ Mạc anh-tài,
Đời Trần đậu trạng dạng người xấu-xa.
Qua sứ Nguyên vào nhà Tể-tướng,
Trúc-tước thêu trong trướng thấy treo.
Bỗng không đến xé trướng thêu,
Rằng treo bức ấy sinh điều loạn-giai.
Trúc quân-tử lạc-loài thấp-thỏi,
Tước tiểu-nhân vọi-vọi trên cao.
Xem qua tức-tối biết bao,
Lân-bang xin vị thánh-trào trừ đi.
Nói phải hay chịu tay lanh-lợi,
Khi vào chầu quạt lại để mình.
Vua Nguyên khen ngợi tài lành,
Quan Nguyên ai cũng phục tình làm mau.
Ra trị dân trước sau liêm khiết,
Đêm đặng tiền chỉ quyết tâu qua.
Hiềm vì con cháu trong nhà,
Trước không giáo-hối sau ra gian-loạn.

Sử-ký. — Đời Trần ông Mạc Đĩnh-Chi tánh vốn liêm-khiết, thi đỗ trạng-nguyên, trong lòng thông-minh mà ngoài mặt xấu-xí lắm. Qua sứ Nguyên, vào nhà Tể-tướng, thấy bức trướng thêu trúc-tước, ông tới coi rồi xé đi. Người Nguyên hỏi cớ sao mà xé. Ông rằng trúc ví như người quân-tử, tước

ví như đứa tiểu-nhân, nay đứa tiểu-nhân đứng trên người quân-tử, sợ tiểu-nhân đạo trưởng, quân-tử đạo tiêu, xin vì thành trào mà trừ đi. Người Nguyên khen rằng mẫn-tiệp lắm. Khi vào chầu, vua Nguyên truyền làm bài *minh* trong quạt, ông viết liền, lời-lẽ hay lắm. Người Nguyên khen-ngợi rằng làm mau. Sau cháu ông là Mạc Đăng-Dung tiếm-thiết, thì vua Lê Chiêu-tôn với hoàng-đệ Xuân cùng Thái-hậu, rồi kỷ-nguyên là Minh-đức, tiếng thoán-nghịch để xấu muôn đời.

V

Học cùng kinh Châu An cang-trực,
Thấy lăng-loàn lòng tức sớ dâng.
Bảy người gian-nịnh quá chừng,
Xin trên xét tội một lần chém ngay.
Sớ lưu-trung lâu ngày trông mỏi,
Cởi mão treo về núi Chí-linh.
Tứ-thư thuyết-ước *làm thành,*
Muốn minh đạo chính công-khanh kỉnh nhường.
Giảng sử kinh nghiêm-trang đoan-chánh,
Chữ luân-thường đạo thánh dạy người.
Thờ theo văn miếu ngàn đời,
Càng cao đức-nghiệp càng ngời văn-danh.

Sử-ký. — Đời Trần ông Châu-An, tánh cang-trực, làm chức Tư-nghiệp, thấy các quan làm điều gian-nịnh, bèn dâng sớ xin chém bảy người, nhưng bảy người ấy quyền-thế đã lớn, lại được vua yêu, nên sớ lưu-trung mà không giao ra. Ông bèn treo mão mà về núi Chí-linh làm sách *Tứ-thư-thuyết-ước* muốn minh đạo chánh để dạy học trò, đức-vọng lại càng cao, công-khanh cũng hưởng-mộ nhiều, sau chết tùng-tự Văn-miếu.

VI

Phùng Khắc-Khoan sứ Minh nổi tiếng,
Ra mươi bài tỏ chuyện trung-thành.
Dâng thi khen ngợi đã đành,
Xin phong Lê-chúa nối danh Minh trào.

Sử-ký. — Triều Lê ông Phùng Khắc-Khoan có tiếng văn-học, làm Công-bộ Thị-lang, qua sứ Minh xin phong vua Lê tước Vương; vua Minh phong vua Thế-tôn làm chức An-Nam Đô-thống như họ Mạc, ông không chịu, bèn nài kêu. Vua Minh rằng để sau sẽ cho. Vừa gặp tiết Vạn-thọ, ông dâng ba mươi bài thơ. Vua Minh khen rằng hiền-tài trung-nghĩa lắm.

VII

Báu trong đời trọn điều trung-nghĩa,
Gặp gian-nguy quyết chí bỏ mình.
Còn non còn nước còn danh,
Lòng son rực-rỡ sử xanh rạng lòa.
Trần Bình-Trọng thiệt là trang-ngãi,
Lòng sắt son cự lại tướng Nguyên.
Thất-cơ khi đến cửa viên,
Giặc đều khuyên dỗ nhiều phen chẳng đầu.
Hỏi lắm câu trước sau nín bặt,
Cho làm vương nổi tức mắng dầu.
Trung cang một tấm làu-làu.
Nguyện làm Nam-quỉ chẳng cầu Bắc-vương.

Sử-ký. — Đời Trần ông Trần Bình-Trọng năm Trùng-hưng nguyên-niên, binh Nguyên tới đánh nước ta, ông Trần Quốc-Tuấn cử làm tiên-phong, gặp quân Nguyên tại châu Màn-chùa; quân ông ít lắm đánh thua bị giặc bắt, chẳng chịu ăn, giặc hỏi việc trong nước, ông không đáp; hỏi có ưng làm Bắc-vương không? ông giận lắm nói rằng: « Thà làm Nam-quỉ, chẳng làm Bắc-vương ». Giặc bèn giết liền.

VIII

Chí kiên-cương khá thương Cảnh-Dị,
Mắng tướng Minh chí-khí khôn cùng.

Lá gan trung-nghĩa đỏ hồng,
Miếng ngon Trương Phụ thơm nồng sử Nam.

Sử-ký.—Tướng Minh là tên Trương Phụ đến đánh tỉnh Nghệ-an, đời Trần vua Trùng-quang qua sứ Hóa-châu, ông Nguyễn Cảnh-Dị bị giặc bắt, ông mắng tên Trương Phụ đến chết mới thôi. Trương Phụ giận lắm giết liền bèn ăn gan.

IX

Qui chẳng ham Hàn-lâm Thái-Bạt,
Thấy trào Lê họ Mạc tiếm ngôi.
Chẳng chịu mắt sáng giả đui,
Đăng-Dung kêu hỏi mấy hồi mới vô.
Xin lại gần trình phô mấy chuyện,
Mặt Đăng-Dăng nước miệng nhổ qua,
Quyết tình chết với nước nhà,
Xã-dân phụng-sự gần xa kính vì.

Sử-ký.—Ông Nguyễn Thái-Bạt tiến-sĩ trào Lê, làm quan Hàn-lâm, họ Mạc tiếm ngôi, ông ấy giả đui mù, tính bỏ về, Đăng-Dung cho kêu ông ấy, ông ấy vào, xin lại gần trình việc quan, bèn nhổ nước miệng trước mặt Đăng-Dung. Đăng-Dung bắt giết liền. Xứ Cẩm-giang có lập miếu thờ ông ấy.

X

Buổi gian-nguy mới bày trung-ngãi,
Hoàng-tử Ninh gửi lại Duy-Thoan.
Thoan kêu Quan đến dặn liền,
Gắp đem Hoàng-tử giấu liền Ai-lao.
Mạc Đăng-Dung ngôi cao tiếm-thiết,
Bắt dòng Lê quyết giết chẳng tha.
Thoan nghe Triệu-tổ trào ta,
Một lòng trung-nghĩa gần xa đều về.
Đương kiếm tìm dòng Lê lập lại,
Thoan cùng Liêu rước tới tôn lên.
Tỉnh Thanh Thoan giữ phía trên,
Luyện binh khôi-phục giữ bền mười năm.
Thoan đau mắt Liêu chờm ngăn giữ,
Đức Trang-tôn sai sứ cầu Minh.
Hai năm vừa đến Yên-kinh,
Sớ tâu rất thảm động tình đã cho.
Tên Bá-Ôn ăn lo của Mạc,
Xin đình binh nửa sạc lại thôi.
Quảng-đông Liêu ở lần hồi,
Mất còn tin-tức hỏi ai đó chừ.
Ông Duy-Liêu Bao-Tư tự ví,
Khóc Tấn-đình ngãi-khí nào thua.
Anh em một dạ ngay vua,
Dòng vua nối đặng thác-có công nhiều.

Sử-ký.—Trịnh Duy-Thoan, em là Duy-Liêu, đều trung-nghĩa cả, ông Duy-Thoan trấn tỉnh Thanh-hóa, đức Chiêu-tôn bị Mạc đánh đuổi, ngài giao ông Hoàng-tử Ninh cho ông Duy-Thoan giữ, ông kêu Lê-Quan bồng Hoàng-tử chạy qua nước Ai-lao giấu đi. Họ Mạc lên ngôi bắt dòng Lê giết hết, ông nghe đức Triệu-tổ phò Lê trung-nghĩa lắm, làm quan Lê chức Tả-viện-điện-tiền tướng-quân An-tịnh-hầu; thấy Mạc Đăng-Dung xóa ngôi vua, ngài liền lánh lên Thượng-du tỉnh Thanh-ba, củ-tập hào-kiệt để phò Lê diệt Mạc, buổi ấy ngài đương cầu con cháu nhà Lê mà lập lại, ông cùng em là Duy-Liêu rước hoàng-tử đến đức Triệu-tổ bèn lập lên ngôi là vua Trang-tôn. Ông ở Thượng-du tỉnh Thanh-hóa, luyện binh-lính khôi-phục đã 10 năm, vừa đau chết; em là Duy-Liêu cũng một lòng phò Lê. Đức Trang-tôn sai qua Minh cầu-viện. Ông Duy-Liêu đi hai năm, đến Yên-kinh dâng sớ nói thảm-thiết. vua Minh tính cho binh viện, vừa tên Mao Bá-Ôn ăn lo của họ Mạc xin đình binh, vua Minh nghe theo. Ông Duy-Liêu ở tại Quảng-đông, còn mất không biết đặng; trong sớ ông có nói ví cùng ông Thân Bao-Tư.

XI

Nguyễn Viết-Triệu hiềm nghèo trọn tiết,
Buổi Tây sơn đánh diệt trào Lê.
Viện-binh Sĩ-Nghị thua bê,
Vua Lê tướng Mãn chạy về Bắc-phương.
Quân đầy đường cầu ngang tan nát,

Tôi tìm vua xao-xác ong kêu.
Bên vua Viết-Triệu chạy theo,
Nam-ninh vừa đến gặp nhiều tôi Lê
Qua đến Thanh đều thề sáp-huyết,
Sớ xin binh dầu quyết chẳng nghe.
Phải xin châu quận thờ Lê,
Như không ta phải trốn về đồ-mưu.
Bị Kim-giản chặn thâu phiến-tập,
Bắt tôi Lê giam chấp đầy xa.
Triệu, Giai giam xứ Nhiệt-hà,
Hai năm khổ-sở biết là chừng mô
Nghe Chiêu-thống băng-tồ thảm-thiết,
Cơ-đồ Lê, Huệ diệt lên ngôi.
Quê người hai ngả chúa tôi,
Đau thì chẳng biết băng rồi mới hay.
Cơn tỉnh say thảm thay Viết-Triệu,
Hai tháng trường bệnh yếu mất đi.
Thanh đưa Chiêu-thống tang-nghi,
Cùng vong-thần chết một khi trở về.
Mả tùng-vong chôn kề lăng đế,
Đức Cao-hoàng sắc tế tinh-thành.
Mấy người vì chúa bỏ mình,
Lòng son một tấm sử xanh muôn đời.

Sử-ký. — Trào Lê vua Chiêu-thống đánh thua Nguyễn Huệ, phiến xin vua Thanh giúp binh, vua Thanh sai Tôn Sĩ-Nghị qua đánh Nguyễn Huệ; bị thua, quân tướng Thanh cùng vua Chiêu-thống đều chạy về Bắc. Khi ấy quân Mãn-kỵ thua chạy dầy đường, cầu bắc ngang cũng sập nát, các quan thua chạy kiếm vua mà không kịp, duy ông Nguyễn Viết-Triệu chạy theo vua, đến xứ Nam-ninh mới gặp tôi Lê là Lê Duy-An, Lê Văn-Trương, Lê Hân, Nguyễn Quốc-Đống, Lê Quí-Thích, Phạm Như-Tùng, Lê Ích-Hiểu, Đinh Gia-Hoành, Đinh Linh-Dẫn, Trần Duy-Lâm, Lê Doãn-Quí, Lê-Hiệu, Phan Khải-Đức, Bế Nguyên-Cung và Bế Nguyên-Doãn chạy đến, đều qua Yên-kinh xin binh, sợ không chắc cho, ông Viết-Triệu cùng các ông tùng-vong mười người cùng sáp-huyết mà thề, dầu Đại-Thanh không giúp binh thời xin Tuyên-quang một vài châu để thờ trào Lê, như đều chẳng cho, ta phải trốn về để đồ mưu thu phục; vừa quan Thanh tên là Kim-Giản truyền bắt vong-thần giam lại, phân-sáp các xứ. Ông Viết-Triệu cùng ông Văn-Trương giam tại xứ Nhiệt-hà đã hai năm, vừa nghe vua Chiêu-thống băng, Viết-Triệu khóc, chết giả rồi đau hai tháng mới chết. Đến năm Gia-long thứ ba, Thanh đưa đám vua Lê về cùng hòm, vong thần đều về cả, phụng sắc đức Gia-long truyền cho chôn gần lăng vua Chiêu-thống, tế lễ rất hậu lắm.

XII

Còn văn-thần gồm tài học-thức,
Nguyễn Hàn-Thuyên làm chức Thượng-thư.
Làm văn tế giữa sông Lư,
Sấu đi sạch hết chẳng dư con nào.
Trần Nhân-tôn xiết bao khen-ngợi,
Hàn Thoái-chi vì với chẳng sai.
Họ Hàn tứ-tính tức-thì,
Vốn là họ Nguyễn đức bì người xưa.
Tài chẳng vừa thường ưa quốc-ngữ,
Bày phú thi làm chữ quốc-âm.
Hẳn là bác-cổ thông-câm,
Dựng nên quốc-ngữ muôn năm còn truyền.

Sử-ký. — Ông Nguyễn-Thuyên vốn họ Nguyễn, vua Trần Nhân-tôn cho làm chức Thượng-thư, buổi ấy cá sấu đến sông Lư, vua khiến làm văn quăng xuống giữa sông, sấu liền đi hết. Đức Nhân-tôn khen tài-đức như ông Hàn Dũ, bèn tứ tính Hàn, nên gọi rằng Nguyễn Hàn-Thuyên. Ông thường làm thơ phú quốc-ngữ. Nước ta làm thơ phú quốc-âm. Từ ông bày ra đầu trước hết.

XIII

Ông Nguyễn Trực Trạng-nguyên khai-quốc,
Tuổi mười hai văn rất hay-ho.
Ở nhà ngàn kẻ học trò,
Làm quan đi sứ Minh cho kỳ-tài.

Lại có lời Công-dư tiệp-ký,
Qua sứ Minh thi lấy trạng-nguyên.
Sử Nam chẳng thấy chép biên,
Trạng-nguyên hai nước trong hiền nói qua.

Sử-ký. – Triều Lê Thái-tôn Nguyễn Trực đậu khai-quốc trạng-nguyên, ông ấy 12 tuổi, làm văn hay lắm, ông ấy ở nhà dạy học trò đến nghìn người ; khi làm quan thường qua sứ Minh, người Minh khen hay chữ lắm. Cứu trong *Công-dư-tiệp-ký* cùng *Hiến-chương-loại-chí* đều có biên ông ấy qua sứ Minh vừa gặp hội thi các nước qua sứ cùng người minh đều phải vào ứng-thi, ông Trực đậu trạng-nguyên, cho nên gọi rằng trạng-nguyên hai nước ; nhưng mà cứu sử Việt cùng sử Minh thì không thấy chuyện ấy.

XIV

Người đời Trần văn-hoa Lê Quát,
Lời hay-ho tứ hoạt khôn cùng.
Bài bia Thiệu-phước có công,
Muốn minh đạo chánh đức đồng Xương-lê.

Sử-ký. – Đời Trần ông Lê Quát, có tiếng văn-học, làm chức bộc-xạ, lòng muốn mở-mang đạo đức Khổng-tử, có làm bài bia ở chùa Thiệu-phước, trong tổng-vịnh khen bằng ông Hàn Xương-lê (ông Hàn Dũ hiệu là Xương-lê, tự là Thoái-chi).

XV

Quan Đông-các đủ nghề học-vấn,
Thân Nhân-Trung, Đỗ Nhuận hai người.
Châu phun gấm dệt rạng ngời.
Tao-đàn phó soái tiếng đời Đỗ, Thân.

Sử-ký. – Triều Lê ông Thân Nhân-Trung và Đỗ Nhuận đều làm quan Đông-các đại-học-sĩ, vua làm thơ cho hai ông ấy họa cùng bình-duyệt, vua tự xưng rằng « Tao-đàn đô-nguyên soái ». cho hai ông ấy làm phó-nguyên-soái. Hai ông thơ hay lại thuần-hậu nữa, đều gọi rằng Thân, Đỗ.

XVI

Nguyễn Bỉnh-Khiêm Bạch-vân tự-hiệu,
Vì thân già thốn-thiếu ra thi.
Trạng-nguyên liền đạt bài kỳ,
Đầu kiêm Đông-các sau thì Quốc-công.
Làm quan Mạc tinh-thông dịch-số,
Khi lui về ở chỗ Tuyết-giang.
Trung-tôn vô-tư lo lường,
Kiêm sai người hỏi rõ-ràng việc sau.
Khiêm không nói cúi đầu một buổi,
Kêu gia-đồng đến hỏi vãi chưa.
Mà gieo lúa cũ hay lưa,
Dầu đem lúa khác không ưa đất đồng.
Kiêm nghe nói Anh-tôn lập đặng,
Còn dòng Lê quốc-vận còn lâu.
Trào ta Thuận hóa mở đầu,
Khiến người tới hỏi trước sau rạch-ròi.
Ngó núi giả cứ ngồi ngâm mãi,
Câu :« Hoành-san vạn-đại dung thân ».
Nghe lời Thuận-hóa mở lần,
Nước non dày-dặt xa gần thấm ơn.
Tính Thái-ất duyên môn lý-số,
Việc trước sau tỏ rõ phân-minh.
Tiếc thay phò Mạc Đăng-Dinh,
Tám năm can chẳng nghe minh mới lui.
Hoặc nhà đã an vui sung-sướng,
Số mười năm Lê vượng trước thôi.

Sử-ký. — Ông Nguyễn Bỉnh-Khiêm hiệu là Bạch-Vân-cư-sĩ, vì nhà nghèo thân già nên mới ra thi. Đời Mạc đậu Trạng-nguyên rồi làm chức thị-lang kiêm Đông-các, làm quan cùng họ Mạc được tám năm, tham trị đến mười tám người. Mạc chẳng nghe, bèn về làm nhà ở bên sông Tuyết-giang, Mạc lại cho chức Thái-phó Trình-quốc-công. Ông học cùng ông Lương Đắc-Bằng, cho quyển *Thái-ất-kinh*, nên chi biết chuyện họa-phúc đầu đuôi đều tỏ rõ, lại biết Đăng-Dung tiếm ngôi nội mười năm mà thôi, sau mười năm

đồng Lê chắc trung-hưng lại. Lúc sau vua Lê Trung-tôn không có con, người Trịnh Kiểm sai người đến hỏi ông ấy, ông không nói, chỉ khiến gia-đồng lấy lúa cũ mà vãi mới hiệp đất này. Trịnh Kiểm nghe hội ý, bèn lập ông Duy-Tang là đức Anh-tôn. Trào trước ta khi vào Thuận-hóa khai-cơ, khiến người tới hỏi ông, ông chỉ ngó hòn núi giả mà ngâm rằng: « *Hoành-sơn nhất đái vạn đại dung thân* », nghĩa là Hoành-sơn một dẫy muôn đời dung thân.

XVII

Võ-thần phò chúa ấy ai,
Lược-thao đẹp giặc hùng-tài cứu dân.
Lý Thường-Kiệt cứu dân phò Lý,
Theo Thánh-tôn đánh lấy Xiêm-thành.
Tống-trào tới muốn thôn-tính,
Nhân-tôn sai Kiệt đem binh đánh dầu.
Tới Khâm Liêm hai châu liền hãm,
Giết Tống-binh hơn tám ngàn người.
Gặp quân Thủ-Tiết đến nơi,
Sa cơ Thủ-Tiết đầu rơi trận-tiền.
Đến Ung-châu vây liền bốn mặt,
Người Tô Hàm hết sức giữ-gìn.
Tháng dư mới hãm đặng liền,
Giết hơn mười vạn dẹp yên mới về.
Tống Khâm Liêm vừa nghe đã mất,
Sai Quách Qui tổng-suất cứu-quân.
Hiệp cùng Xiêm Lạp kéo lần,
Gặp quân Thường-Kiệt binh phân đuổi dài.
Qui thua chạy về nơi đất Tống,
Từ ấy không dám mống xâm-biên.
Tướng tài mưu-lược ai phen,
Hai lần dẹp Tống tiếng khen rậy trời.
Việc Quốc-công mất rồi tăng thưởng,
Người hoạn-quan khí-tượng anh-hùng.
Thật là đệ-nhất võ-công,
Rạng ngời sử sách non sông lâu dài.

Sử-ký. — Ông Lý Thường-Kiệt tướng-mạo tốt lắm, làm giám hầu vua Lý Thái Tôn, sau vua Thánh-Tôn đi đánh Xiêm-thành cho ông ấy làm tiên-phong tướng-quân đánh bắt sống chúa Xiêm-thành tên là Chế-Củ, sau Tống-trào lòng muốn diệt Lý, vua Nhân-tôn biết đặng, sai Thường-Kiệt cùng Tôn-Đản phân binh đánh Tống. Ông liền hãm Khâm-châu Liêm-châu, quân Tống chết hơn tám ngàn người rồi đến vây thành Ung-châu. Tống Thủ-Tiết đem binh đến cứu, vừa gặp ông đánh Thủ-Tiết thua chạy, ông chém đầu Thủ-Tiết giữa trận rồi vây Ung-châu hơn một tháng; người Tô Hàm tận-lực cố-thủ, ông truyền quân đổ đất mà lên, bèn hãm thành, quan-quân Tống chết hơn mười vạn. Nước Tống nghe châu Khâm châu Liêm đã mất, giận lắm, mới sai Quách Qui tổng-suất cứu-quân hiệp cùng Xiêm Lạp đều tới đánh, ông đem binh đánh tại sông Như-nguyệt đuổi quân Tống cùng Xiêm Lạp. Từ ấy Tống không dám thôn-tính nữa. Ông ấy đánh cùng Xiêm Lạp, trận nào cũng lập công, sau mất, tặng lên Việt-quốc-công, thực ấp vạn-hộ. Ông có tướng-tài, nhiều mưu-lược, đánh đuổi Tống hai lần, sử Việt khen rằng: « *cổ kim võ-công đệ-nhất* », là công võ thứ nhất xưa nay.

XVIII

Quan nội-hầu nhiều lời ngâm-vịnh,
Thiên-dụng binh tướng-lệnh nghiêm-minh.
Đời Trần Ngũ-Lão tướng lành,
Ai-lao cũng sợ Xiêm thành cũng kinh.
Người đều gọi rằng binh phụ-tử,
Đánh thì hơn tự vi Khổng-Minh.

Sử-ký. — Đời Trần ông Phạm Ngũ-Lão vốn là tài-khí lắm, thường ưng xem sách, tánh ham ngâm-vịnh, lại muốn vi cùng Khổng-Minh, khi ra coi quân đãi sĩ-tốt như người nhà, đều gọi là « phụ-tử binh », nên đánh Ai-lao ba lần Xiêm-thành một lần đều đặng thăng-thưởng đều tước Quan-nội-hầu

XIX

Trào Lê Trịnh Khả oai-danh,
Minh khen hổ-dạng long-hình chẳng sai.
Sợ phần đối toan bài bắt giết,
Trịnh Khả nghe trốn quyết về Lê.
Đánh hơn trăm trận sức ghê,
Đủ tài tướng-tướng gồm nghề lược-thao.
Đuổi Liễu-Thăng biết bao hùng-mãnh,
Phá Truật-thành trận Lãnh-thủy-cầu.
Chém quân Minh quá muôn đầu,
Trào Minh từ ấy dám đâu thị-hùng.
Sau phụ-chánh Diên-tông còn nhỏ,
Thấy lưới săn truyền nhỏ đem quăng.
Sợ trên Âu-chúa học săn,
Bỏ lo việc nước khổ dân e nhiều.
Lòng trung-trực lắm điều nghiêm-đoán,
Bị người gièm kết đằng chết oan.
Diên-tông truy-phục tước quan.
Tế-điền trăm mẫu ân ban chiếu rồng.
Hiển khánh vương Thánh-tông tặng tước,
Con mười người đều được hiển-vinh.
Cảm thương một dạ trung-thành,
Mắc gièm nên phục thượng-hình thảm thay.

Sử-ký. — Ông Trịnh Khả ở với người Minh, Minh coi tướng khen rằng: «Mắt hùm mình rồng», sau chắc đánh đuổi mình e thằng ấy, tính giết đi. Ông biết liền trốn qua Lam-sơn theo vua Lê Thái tổ, trước sau đánh hơn trăm trận, đều lãnh công thứ nhất. Sau lại đánh cùng tướng Minh là Mộc-Thạnh tại Lê-ba-quang, Thạnh thua chạy; lại đánh Liễu-Thăng, Thăng cũng thua, đều chạy lui, ông đem quân ngăn; lại đánh tại xứ Lãnh-thủy-cầu, chém quân tướng Minh hơn vạn người, luận-công thứ nhất, vua Thái-tổ cho chức Thượng-tướng-quân. Sau vua Thái-tôn cho làm chức Quốc-thượng-hầu, rồi làm phụ-chánh; vua Diên-tông lúc ngài còn nhỏ ông đi hầu, lui thấy lưới săn, ông bảo dẹp đi, kẻo vua thấy bắt chước, bỏ lo việc chánh; thực là trung-trực lắm, nhưng mà ở quá nghiêm, người ghét gièm cùng Thái-hậu rằng ông ấy kết phụ-tử đảng, Thái-hậu giận giết đi, lại giết người con đầu nữa; sau vua Diên-tông lớn coi việc chánh, biết oan, cho truy-phục quan-tước lại, phê cho tế-điền trăm mẫu. Đến vua Thánh-tông lại truy-phong Kiển-khanh vương. Con thứ ông còn mười người sau đều hiển-vinh cả.

XX

Cử ngãi-sư tài hay xuất-chúng,
Nguyễn Văn-Lang cảm-động thời-gian.
Bốn người Thanh-hóa Tống-sơn,
Thấy vua Oai-mục bạo-tàn lắm thay.
Giết Thái-hậu đuổi ngay Tôn-thất,
Giam hoàng-thân tính rất hoang-dâm.
Văn-Lang Năng-Cần đồng tâm,
Trừ loài ác-đảng mưu-thầm đinh ninh.
Suất Xiêm-nỗ cùng binh tam-phủ,
Cử ngãi-sư tại chỗ Tây-đô.
Đem quân trấn bể Thần-phù,
Đại-thần Diễn Khê cùng vô một lòng.
Vừa Oanh-công thoát vòng giam-chấp,
Đến Thần-phù bèn lập chủ minh.
Lập rồi liền kéo quan binh,
Phế vua Oai-mục lập Oanh lên liền.
Năm Hưởng-thuận nhị niên thưởng-tứ,
Phong Văn-lang tước Nghĩa-quốc-công.
Ít năm đau mắt lặng phong,
Nghĩa-huân vương-tước niệm-công rõ-ràng.
Tượng đúc vàng tước vương lễ tế,
Phế lập công dấu để ngàn thu.

Sử-ký. — Ông Nguyễn Văn-Lang vốn người Thanh-hóa huyện Tống-sơn, nghe vua Oai-mục giết bà Trường-lạc Hoàng-Thái-hậu vợ vua Lê Thánh-tôn là chị ông ấy, lại đuổi mấy người Tôn-thất có công, cùng giam tù mấy ông

công-tước lại, ông Tôn-thất Lê Năng-Cần mật-ước cùng Văn-Lang cử binh trừ ác-đảng, ông Văn-Lang suất bọn Xiêm-nô Võ Bá-Tiếp, cùng Thanh-hóa binh tam-phủ cử ngãi-sư tại thành Tây-đô đem quân tới trấn cửa bể Thần-phù, vừa ông Giản-tu-công tên là Oanh bị giam làm kế trốn ra chạy đến Thần-phù, ông ấy lập làm chủ minh cùng ông đại-thần Nguyễn Diễn Nguyễn Khế, khởi binh liền phế ông Oai-mục, mà lập ông Oanh làm Tương-dực-đế. Năm Hưởng-thuận thứ hai, luận công phong thưởng cho ông Văn-Lang tước Nghĩa-quốc-công, đến năm thứ năm, ông ấy mất tặng tước Nghĩa-huân-vương, cùng tế dùng lễ vương, lại đúc tượng vàng để ghi công.

XXI

Gan hùng-dõng đa trí mưu.
Tận-tình diệt Mạc phục-thù phò Lê.
Hoàng Đình-Ái đủ nghề học-thức,
Binh-pháp tinh sức-lực quá người.
Đánh hơn trăm trận rất tài,
Ra vào tướng-tướng ở đời khiêm-cung.
Nay tùng-tự vào trong lịch-đại,
Theo đế-vương danh lại thêm cao.

Sử-ký.— Ông Hoàng Đình-Ái, người hùng-dõng có mưu-lược, phò vua Lê Trang-tôn, đánh Mạc trận nào cũng hơn; đến đời Lê Kính-tôn làm chức Binh-chương-sự tham-dự việc trào-chánh, tuổi 81 mới mất. Ông có học-thức tinh binh-pháp đánh hơn trăm trận, khi ra đánh làm Đại-tướng, khi ở trào làm Thừa-tướng, chẳng dám lấy quyền lớn mà khinh người, nay tùng-tự tại miếu Lịch-đại-đế-vương.

XXII

Quận-công Phạm Đốc anh-hào,
Sử-kinh đã trải lược-thao gồm tài.
Ra cầm quân chẳng sai hiệu-lệnh,
Không giết càn, thương tính-mệnh người.
Tướng lành như thế ít ai,
Nhà nhà kính phục nơi nơi yêu vì.

Sử-ký. — Ông Phạm Đốc đời Lê Trang-tôn làm chức Dương-nghĩa-hầu, đánh Mạc có công, vua Trang-tôn phong Quảng-quận-công, sau mất tặng thái-úy. Ông vốn nhiều trí-lự, lại có văn-học coi quân hiệu-lệnh rất nghiêm-chỉnh, quân đến chỗ nào cũng bố oai-đức cả, thương mạng người không hay giết càn, dân cùng mọi đều là thương kính lắm, trong đời gọi là lương tướng.

XXIII

Nguyễn Hữu-Liêu nhiều khi đánh Mạc,
Phục Thăng long phong tước quốc-công.
Khá khen một trận anh-hùng,
Quân tên Mậu-Hợp đã đông gấp mười.
Khi giao-chiến tại nơi Phấn-thượng,
Chém hai người đại-tướng trận-tiền.
Giục voi xông đánh ngả-nghiêng,
Sông không chảy nước thấy lên ngang bờ.

Sử-ký. Ông Nguyễn Hữu-Liêu, người vốn trí dũng, theo ông Lê Bá-Ly về đầu Lê đánh Mạc nhiều trận có công lắm. Có một trận tên Mạc Mậu-Hợp binh-mã hơn mười vạn, quân ông chỉ một vạn người, đánh tại chỗ Phấn-thượng, ông truyền quân-sĩ hết sức giục voi đến đánh, chém hai tên đại-tướng Mạc, thấy quân Mạc đầy lấp sông, nước không chảy được, rồi thu-phục thành Thăng-long, luận công phong làm tước Gian-quốc-công.

XXIV

Văn Đình-Dẫn hiệt là mưu-trí,
Giặc Nguyễn Cừ tới lấy Nhị-hà.
Thăng-long gần đó chẳng xa,
Cần-vương quân-tướng gấp qua dẹp loạn.
Tự Tây-sơn kết đoàn binh-mã,
Gấp đến nơi đất dạ quản chi,

Chảo cơm vừa gánh vừa đi,
Dưới thì chụm lửa chín thì chia ăn.
Đến hà-tân tối quân liền đóng,
Thắp lửa hương bỏ trống rạng lòa.
Cách sông giặc thấy xa xa,
Nghi binh viện đến canh ba trốn dài.

Sử-ký. — Đời Lê Hiến-tôn ông Văn Định-Dẫn, trấn tỉnh Sơn-tây, nghe giặc Ninh-xá Nguyễn Cử đem binh đến sông Nhị-hà gần thành Thăng-long, trong thành ít quân nguy lắm, ông kéo binh đến cần-vương gấp lắm, đi cả đêm ngày, khiến gánh chảo đi, dưới thì chụm lửa, cơm chín chia cho quân ăn, tối mới đến, ông sai thắp hương lửa cắm đầy bờ sông, giặc ở bên sông trông thấy nghi-binh viện đến nhiều, bèn chạy dài.

XXV

Đấng râu mày làm trai chẳng hổ,
Trong hương-khuê nào có kém chi.
Mấy người liệt-nữ xưa nay,
Tên loè Việt-sử tiếng tày Hoành-san.
Hán Tô-Định làm quan Giao-chỉ,
Tánh tham-tàn giết mấy người lành.
Châu-Diễn Thi-Sách thuần-thành,
Vốn không tội-lệ bắt đành giết ngang.
Vợ Thi-Sách là nàng Trưng Trắc,
Nết thuyền-quyên kiến-thức anh-hùng.
Nỗi oan tức giận lửa xông,
Dấy binh quyết báo thù chồng chẳng tha.
Em Trưng Trắc tên là Trưng Nhị,
Người tài-ba mưu-trí khôn cùng.
Chị em quyết-chí một lòng
Đem quân thủ-hạ đến xông phá thành.
Tên Tô-Định hồn kinh phách lạc,
Đánh lại thua nửa sạt trốn dài.
Chạy về Nam-hải một hơi
Hai bà quân đến nơi nơi ra đầu.
Năm-mươi-lăm thành-châu hàng phục,
Tát bể kình đánh rốc Tàu về.
Hẳn là thao-lược gồm nghề,
Binh-oai từ ấy bốn bề sấm vang.
Các châu-thành tôn nàng Trưng Trắc,
Lên làm vương cứu ức triệu dân.
Gươm thiêng phất sạch bụi trần,
Bốn phương bằng-lặng muôn phần mừng vui.
Hán Quang-Võ mấy hồi tức giận,
Luyện tinh-binh khẳng-khẳng phục thù.
Tướng-tài Mã-Viện lưa đầu,
Đem quân tinh-nhuệ tới thâu cõi bờ.
Quân Trưng-vương kéo ra Lãng-bạc,
Chưa tập rèn trận-mạc nào tang.
Đánh cùng Mã-Viện chẳng cân,
Giao binh một buổi thua lần mới lui.
Đến Cấm-khê hẳn-hoi quân đóng,
Qua năm sau mới mống dấy binh.
Ai hay một trận tan-tành,
Chị em thua chạy tức mình nhảy sông.
Trong ba năm anh-hùng cát-cứ,
Vì nước nhà sinh tử quản chi.
Hai bà vốn kẻ nữ-nhi,
Công cao đức lớn tiếng bia muôn đời.
Người Mã-Viện tìm nơi giáp-giới,
Dựng cột đồng trở lại nước Tàu.
Cho hay công lớn tội đầu,
Mắc gièm ý-dĩ minh-châu chở về.

Sử-ký. — Người Tô Định cai-trị Giao-chỉ tính tham sắc, tàn-nhẫn lắm, người Thi-Sách không có tội mà bắt giết đi, vợ Thi-Sách là nường Trưng Trắc giận lắm, dấy binh quyết báo thù cho chồng, em vợ là nường Trưng Nhị cũng vô một lòng kéo binh đến phá thành Tô-Định, Định đánh thua bèn chạy về Nam-hải. Hai bà đem quân đến chỗ nào, đều ra đầu cả, thâu đặng năm-mươi-lăm thành. Các châu-thành bèn tôn bà Trưng Trắc làm vương Hán Quang-Võ giận lắm, cố luyện-tập binh báo thù; mới sai Mã Viện đem quân qua đánh, vừa gặp quân hai bà tại xứ Lãng-bạc Hà-nội, đánh hơn quân hai bà; quân hai bà mới lui về Cấm-khê (thuộc Sơn-tây), đến năm sau đánh lại một trận, quân thua lắm, chị em nhảy xuống sông liền chết. Mã Viện đánh hơn bèn lập đồng-trụ tại Tương-lâm, có ghi câu rằng: « *Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt* 銅柱

折交址滅» rồi mới về. (Đồng trụ ấy có người nói ở tại Khâm-châu Cổ-sum động). Mã Viện thích ăn ý-dĩ, chở về mấy xe, Hán Quang-Võ nghi chở hột chai về giận lắm.

XXVI

Lời huệ-lan Mị-Ê thơm ngát,
Lòng sắt son quyết thác theo chồng.
Thuở vua trào Lê Thái-tông,
Đem quân đánh giẹp vào cung Xiêm-thành.
Vợ Xạ-Đầu tuổi xanh biết hát,
Với cung-nhân nữ-nhạc bắt về.
Lệnh truyền đòi hỏi Mị-Ê,
Thị-tì giật đến gần kề ngự-châu.
Nường qui tâu : « Tôi là vợ mọi,
Sắc khuynh-thành khác thói Cơ-khương.
Chẳng may quốc phá phu vương,
Thì đành một thác cùng chàng thủy-chung. »
Tâu mới xong nhảy sông liền chết.
Vua Thái-tôn chỉ xiết ngợi không.
Đêm nghe tiếng khóc bên sông,
Hiu-hiu gió thổi động lòng thảm-thương.
Dân lập miếu thờ nường tiết-liệt,
Vợ Xiêm-thành lòng biết luân-thường.

Sử-ký.—Nường Mị-Ê là vợ người Xạ-Đầu làm chúa nước Xiêm-thành, vua Lý Thái-tôn đánh Xiêm-thành, bắt Xạ-Đầu giết đi, rồi đem quân vào trong thành bắt vợ hầu Xạ-Đầu cùng nữ-nhạc đem về ; khi khiến thị-nữ đòi Mị-Ê đến hầu, nường ấy tâu rằng : « Tôi là vợ mọi mường, không như người Cơ-khương dặng, nay quốc phá phu vương, tự phận một chết mà thôi». Nói rồi nhảy xuống sông mà chết. Vua Thái-tôn khen - ngợi rồi phong rằng : «Hiệp chánh hộ thiện phu nhân» ; đêm nghe tiếng khóc bên sông, bèn lập miếu thờ nường.

XXVII

Có người quốc-sắc thiên-hương,
Tên là Châu-thị đàn-hoàn nết-na.
Lê Thượng-thư tên là Phi-Tích,
Cưới làm hầu đã cách mấy thu.
Tích đau mất dạ cưu-sầu,
Nường cam thủ-tiết bá châu một niềm.
Giặc Hữu-Cầu mắt xem thấy đẹp,
Đến bắt nường oai hiếp đem đi,
Nường rằng nhờ lượng cao dày,
Lạy chồng một lạy rồi vầy yến oanh.
Giặc nghe nói thảm-tình cho lạy,
Vào nhà thờ trông thấy khóc lăn.
Lưỡi dao gói sẵn trong khăn,
Cầm liền tự-vẫn máu văng đầy nhà.
Giặc trông thấy đều là thảm-thiết,
Gương rạng loè tiết-liệt rõ-ràng.

Sử-ký. — Nường Châu-thị người Quỳnh-lưu, lịch-sự lắm, triều Lê ông Thượng-thư tên là Phi-Tích cưới làm hầu, rồi ông ấy đau chết ; nường nguyền thủ tiết cùng chồng. Vừa gặp tướng giặc tên là Nguyễn Hữu-Cầu thấy đẹp, hiếp bắt đi ; nường rằng xin lạy nhà thờ chồng rồi sẽ về với, giặc bèn cho vào lạy, nường ấy gói dao vào khăn, lạy khóc rồi tự-vẫn mà chết.

XXVIII

Trịnh Tùng thiện tự xưng vương,
Lòng toan tiếm-thiết mất thường phi Lê.
Phan Ngạn với Bùi Khuê nổi giận,
Hiệp Ngô Nga dấy trận giáp-binh.
Từ Đại-an đến vây thành,
Tùng hầu Lê-đế qua Thanh tức thì.
Ngạn nghi Khuê có khi hai bụng,
Khiến bắn Khuê vừa trúng chết liền.
Vợ Bùi Khuê Nguyễn Tự-Niên,
Vốn người tài-sắc như tiên non bồng.
Ngạn đến nhà thường trông thấy đẹp,
Nay chết chồng gặp dịp rõ-ràng.
Sai người khuyên dỗ cưới nàng,
Nàng nghe giả chịu lập lường mưu sâu.
Hẹn đêm sau đến hầu ra mắt,
Lựa đàn ông giản mặt đàn bà.
Áo quần sắm sửa sáng lòa,
Tô nhồi phấn sáp ai mà biết trai.
Nường trang-sức tốt tươi trong-sạch,
Xuống thuyền lan chèo tách ngọn trào.

Mênh-mông nước rộng trời cao,
Một thuyền nhi-nữ biết bao anh-hùng.
Tới Huỳnh-giang bờ sông liền cột,
Ngạn sai trông trèo tột thám qua.
Về trình thấy cả đàn bà,
Cô Niên ngồi giữa nệm ba một mình.
Ngươi Phan Ngạn động tình trăng gió,
Nghe đàn bà chẳng có đàn ông.
Khiến người đem một chiếc trông,
Không nghi nhẹ mái thẳng xông tới thuyền.
Thấy Tự-Niên như tiên đẹp-đẽ,
Miệng chào thưa khác thể hoa đào.
Rượu mời chúc chắp ngọt-ngào,
Cười cười nói nói biết bao chung-tình.
Ngạn quá say vật mình nghiêng-ngửa,
Nường lấy dao chặn cửa đứt đầu.
Người trông Phan Ngạn trôi sau,
Thuyền về lui bến phút đâu đến nhà.
Nường xách đầu đem ra ngoài mả,
Tế chồng rồi chém sả làm hai.
Khóc than chết giả dậy ngồi,
Kêu hai con dặn gấp lui về trào.
Phò Lê-đế chớ trao hai dạ,
Niềm quân-thần chớ khá đổi thay.
Nói xong nường bước ra ngay,
Tới sông nhảy xuống, vớt thấy, chết rồi.
Trước lo-liệu hẳn-hoi dạy trẻ,
Lời thiên-ngôn tiếng để thiên-niên.
Nhà khen tiết-nghĩa vẹn tuyền,
Gan tầy hiệp-nữ chí phen anh-hùng.
Báo thù xong chỉ mong một chết,
Bạo tùng-phu thủ-tiết nhất-tâm.

Sử-ký. — Trào Lê, Kế quận-công là Phan Ngạn, Tráng quận-công là Ngô Nga, Mĩ quận-công là Bùi Văn-Khuê, thấy Trịnh Tùng tự xưng vương, ngày thêm oai-quyền, làm nhiều điều tiếm-thiết, bèn dấy binh ở chốn Đại-an, kéo đến vây thành Trịnh Tùng. Tùng thua chạy, bèn hầu vua Lê qua Thanh-hóa. Sau Phan Ngạn nghi Văn-Khuê hai lòng, bèn khiến người bắn chết đi. Vợ Văn-Khuê là nường Nguyễn Tự-Niên rất tốt đẹp, Phan Ngạn khiến người làm môi-chước xin cưới làm vợ; nường giả ừ, xin hẹn đêm sau tới hầu ra mắt, nường lựa đàn ông lịch-sự 20 người, cho mặc quần áo đàn bà giả làm đầy tớ gái, nường cũng làm tốt, đến đêm sau xuống đò chèo đến bến sông Huỳnh-giang; Ngạn cho người đi thám-thính, thì thấy trong đò đều con gái cả mà thôi, Ngạn mừng lắm, vả lại cũng không nghi ngại chi, liền xuống một chiếc đò nho nhỏ, chèo đến đò nường, nường mời qua đò, truyền đầy tớ gái rót rượu uống cùng nhau, Ngạn quá say, nường lấy dao cắt cổ đi và khiến trôi người đò Phan Ngạn lại rồi đem về nhà mình, liền lấy đầu Phan Ngạn ra cúng chồng; rồi bảo hai thằng con về đầu vua Lê, còn nường thì nhảy xuống sông mà chết.

XXIX

Quí phi bà Nguyễn Thị-Kim.
Theo vua không kịp chỉ lăm ẩn mình.
Khi Chiêu-thống thua binh Nguyễn Huệ,
Chạy qua Thanh liệu kế viện quân.
Thị-Kim ở lộn phương-dân,
Mười lăm năm chẳng khó khăn đã dày.
Trông tin tức càng ngày càng vắng,
Niềm quân-thần khẳng khẳng nào khuây.
Vừa nghe Chiêu-thống tang-nghi,
Liền ra cửa ải chờ khi đưa về.
Lòng ủ-ê trăm bề thảm-thiết,
Gặp đám về theo quyết đôi bên.
Sớm trưa hương-khói giữ-gìn,
Ngày ăn nước cháo miễn yên tấm lòng.
Đám đã đến Thăng-long điện-tế,
Nguyễn Thị Kim khóc kể trước sau.
Thôi rồi cố-quốc còn đâu,
Sống làm chi nữa chết âu đành phần.
Giở lấy thuốc tay bưng uống hết,
Quyết tuân theo liều chết một bên.
Các quan tự-sự tâu lên,
An-trinh tuẫn-nghĩa sắc truyền lập bia.

Sử-ký — Bà Nguyễn Thị-Kim đời Lê Chiêu-thống làm ngôi Phi, vua Chiêu-

thống cùng Sĩ-Nghị bị Nguyễn Huệ đánh thua chạy, chỉ sai người đem hoàng-hậu cùng hoàng-tử qua Thanh, Thị-Kim theo không kịp, phải ẩn mình trong dân-gian đã mười năm, không ai biết. Sau vua Gia-long dánh giặc dẹp yên, lên ngôi đã ba năm, bên Thanh mới đưa dám vua Chiêu-thống, Thị-Kim nghe tin bèn ra cửa ải rước dám, chỉ húp nước cháo mà theo hầu hai bên, đưa đến thành Thăng-long, lễ nghinh Kim-quan điện-tế rồi, Thị-Kim đứng trước Kim-quan khóc mà than rằng : « Cố-quốc sự dĩ tất hĩ ! nỡ sống làm chi ? » Bèn uống thuốc chết theo. các quan tự việc ấy tâu lên vua hay, đức Gia-long truyền lập bia tại mả khắc rằng : « *Khâm tứ An-trinh thuận-nghĩa Nguyễn Thị-Kim chi mộ.* »

XXX

Phan Thị-Thuấn tan-tư huệ-chất;
Hầu Phước-Hoàng tánh rất thuận-hòa.
Vua binh Nguyễn Huệ kéo qua,
Quan quân đến đánh Hoàng ra trận-tiền.
Sông Thúy-ái hai bên chém giết,
Người Phước-Hoàng bị chết giữa quân.
Người nhà tang chế phân vân,
Thấy nàng tư-nhược áo quần chẳng thay.
Kẻ hỏi ngay cớ chi không thảm?
Nường thưa rằng ai cảm sự thường,
Vợ chồng ai lại chẳng thương,
Chết vì việc nước suối vàng cũng vui.
Nghĩ phải rồi mới người dạ thảm
Đạo luân-thường đâu dám quên vong
Tháng trường bày lễ tế chồng.
Khóc than rồi nhảy xuống sông chết liền.
Ngẫm lạ thay thuyền-quyên tánh-chất,
Chết khoan-thai lòng rất anh-hùng.
Tiếng thơm dài-dặc non sông.
Hẳn là tùng-nhất nhi-chung rõ-ràng.

Sử-ký.—Phạn Thị-Thuấn là hầu ông Ngô Phước-Hoàng, lúc ấy Nguyễn Huệ tới đánh trào Lê, Phước-Hoàng đi theo quan-quân ra đánh tại sông Thúy-ái, bị chết giữa trận, người nhà đều buồn bực, duy Thị-Thuấn thì không, lại không thay đồ chế, người ta thấy lạ mới hỏi, nường đáp rằng : « Chết vì việc nước là phải rồi, chẳng buồn làm chi ». Cách một tháng nường đến bờ sông Thúy-ái cùng chồng rồi nhảy xuống sông mà chết.

∴

Chuyện nước mình thường thường phải biết,
Nên khá soi sử Việt làm gương.
Kẻ xưa luân-lý đủ đường,
Muôn đời kính trọng bốn phương yêu vì
Vẽ dạng bàu hồ tay chưa khéo,
Chữ nôm na còn thiếu với đời.
Gắng biên ước-lược mấy lời,
Muốn người Nam-Việt biết người Việt-Nam.

Quật-đình ỨNG ÂN
Tham-tri tri-sự (Huế)

MẠNH-TỬ QUỐC-VĂN GIẢI-THÍCH (1)

孟子國文解釋

XVII

V

捆徒氓。政。方門許有
屨數文願之而行。爲
織十公受人。告自神
席人。與一聞文徒農
以皆之廬君公之之
爲衣處。而行曰。滕言
食。褐其爲仁遠踵者

Dịch âm. — *Hữu vi Thần-Nông chi ngôn giả Hứa Hành, tự Sở chi Đằng, chủng môn nhi cáo Văn-công viết: « Viễn-phương chi nhân, văn quân hành nhân-chính, nguyện thụ nhất chiền nhi vi manh ». Văn-công dữ chi xử, kỳ đồ số thập nhân, đai ý kệ khổn lã chức tịch dĩ vi thực.*

Dịch-nghĩa. — Có kẻ đặt ra lời nói vua Thần Nông là ngươi Hứa-Hành, tự nước Sở đi sang nước Đằng, bước chân đến cửa mà bảo vua Văn-công rằng: « Kẻ phương xa chúng tôi nghe nhà vua làm chính-trị hay, xin nhận lấy một khu đất ở mà làm dân». Vua Văn-công cho hắn ở đồ-đệ hắn vài mươi người, đều mặc áo vải lông, nện dép, dệt chiếu để kiếm ăn.

Chú-giải. — *Thần-Nông* = Là ông vua bắt đầu chế ra cày bừa dạy dân nghề canh-nông. *Chủng* = Gót chân. *Chủng-môn* = Theo gót đến tận cửa. *Chiền* = Chỗ khu đất dân ở. *Manh* = Kẻ dân quê. *Kệ* = Thứ vải to có lông, thức mặc của kẻ hèn-hạ. *Khổn* = Đập nện cho bền. *Chức* = Dệt.

爲聖之君之耜弟陳陳
聖人政。行滕而辛。相。良
人也。是聖曰。自負與之
氓。願亦人聞宋耒其徒

Dịch âm. — *Trần Lương chi đồ Trần Tương dữ kỳ đệ Tân, phụ lỗi trĩ nhi tự Tống chi Đằng, viết: « Văn quân hành thánh-nhân chi chính, thị diệc thánh-nhân dã, nguyện vi thánh-nhân manh ».*

Dịch-nghĩa. — Kẻ học trò Trần Lương là Trần Tương, cùng với em là Tân, vác đồ cày ruộng mà tự nước Tống đi sang nước Đằng, nói rằng: « Nghe nhà vua làm theo chính-trị đấng thánh-nhân, thế cũng là đấng thánh-nhân vậy, xin đến làm dân đấng thánh-nhân ».

Chú-giải. — Trần Lương = Kẻ nho-giả nước Sở. *Lỗi-trĩ* = Trĩ là cái đồ làm cho bật đất lên, tức là cái lưỡi cày; *Lỗi* là cái dọc cày.

以廉餐者也。言相盡陳
自府而與雖曰。見棄相
養庫。治。民然滕孟其見
也。則今並未君子學許
惡是也耕聞則道而行
得爲滕而道滅許學而
賢。民有食。也。賢行焉。大
而倉饔質君之陳悅。

Dịch âm. — *Trần Tương kiến Hứa Hành nhi đại-duyệt, tận khí kỳ học nhi học yên. Trần Tương kiến Mạnh-tử, đạo*

(1 Xem N.-P. số 78, 79, 80, 83, 84, 86, 87, 88, 89, 92, 95, 98, 101, 102, 106, 108.

Hứa Hành chi ngôn viết : « Đằng-quân tắc thành hiền-quân dã. Tuy-nhiên vị văn đạo dã. hiền-giả dữ dân tỉnh canh nhi thực, ung-sôn nhi trị. Kim dã Đằng hữu xương lẫm phủ khố, tắc thị lệ-dân nhi dĩ tự dưỡng dã, ô đắc hiền ».

Dịch-nghĩa. — Trần Tương yết-kiến Hứa Hành mà vui lòng theo ngay, bỏ hết sở-học của mình mà học Hứa Hành. Trần Tương yết-kiến thày Mạnh, thuật lại lời nói của Hứa Hành rằng : « Vua nước Đằng thì thực là vua hiền vậy. Tuy vậy, mà chưa được nghe cái đạo của thánh-nhân đời xưa, vua hiền cùng với dân cùng cày ruộng mà ăn, thổi nấu lấy mà trị dân. Nay nước Đằng bày ra có kho-đụn, đều là của lấy ở dân, thế là làm hại dân để nuôi mình, sao được là hiền. »

Chú-giải. — *Ung-sôn* = Nấu chín mà ăn, bữa sớm gọi là *ung*, bữa chiều gọi là *sôn*. *Xương lẫm, phủ-khố* = Là những kho để chứa thóc. *Lệ* = hại. *Lệ-dân* = Làm tàn-hại dân.

Hứa Hành nói ra lời như trên ấy là ý muốn âm ngầm phá-hoại cái phép phân-biệt ra quân-tử với dã-nhân của thầy Mạnh.

與。霎曰易素。子後食孟
曰以害之。曰冠衣乎。子
否。鐵於曰自乎。乎。曰曰。
以耕耕。許織曰曰然。許
粟乎。曰子之冠。否。許子
易曰許奚與。曰許子必
之。然。子爲曰奚子必種
自以不否。冠。衣織粟
爲釜自以曰褐。布而
之甑織。粟冠許而後

Dịch-âm.— *Mạnh-tử viết : « Hứa-tử tất chủng tức nhi hậu thực hồ ? » Viết : « Nhiên » « Hứa-tử tất chức bố nhi hậu ý hồ ?» Viết : «Phủ». «Hứa-tử ý kê, Hứa-tử quan hồ ? » Viết : « quan ». Viết : « Hề quan? » Viết ; « Quan tố ». Viết : « Tự chức chi dư? » Viết ; « Phủ dĩ tức dịch chi. » Viết : « Hứa - tử hề vi bất tự chức? » Viết : « Hại ư canh. » Viết : « Hứa-tử dĩ phũ tẫng thoán, dĩ thiết canh hồ? » Viết : « Nhiên ». « Tự vi chi dư ? » Viết : « Phủ, dĩ tức dịch chi. »*

Dịch-nghĩa,— Thầy Mạnh hỏi rằng : « Hứa-tử tất trồng thóc lấy để mà ăn ư ? » Trần Tương thưa rằng : « Phải ». « Hứa-tử tất dệt vải lấy để mà mặc ư ? » Thưa rằng : « Không ». « Hứa-tử mặc áo lông. Hứa-tử đội mũ không ? » Thưa rằng : « Có đội mũ. » « Đội mũ gì ? » Thưa rằng : « Đội mũ trắng » « Hứa-tử tự mình dệt lấy dư ? » Thưa rằng : « Không, đem thóc đổi lấy. » « Hứa-tử làm sao chẳng tự mình dệt lấy ? » Thưa rằng : « Sợ thiệt-hại cho sự cày. » « Hứa-tử lấy nồi chõ thổi nấu, lấy đồ sắt cày ruộng đấy ư ? » Thưa rằng : « Phải. » « Tự mình làm ra đấy dư ? » Thưa rằng: «Không đem thóc đổi lấy. »

Chú-giải.— *Phũ* = Đồ để nấu, như loại nồi. *Tẫng* = Đồ để thổi, như loại chõ. *Thoán* = Đun nấu.

∴

爲百易。何皆且易陶以
也。工何爲取許粟冶。粟
之許紛譎子者。陶易
事。子紛其何豈冶械
固之然宮不爲亦器
不不與中爲屬以者。
可憚百而陶農其不
耕煩。工用冶夫械爲
且曰交之。舍。哉。器屬

Dịch âm.— « *Dĩ tức dịch giới-khí giả, bất vi lệ đào dã ; đào dã diệc dĩ kỳ giới-khí dịch tức giả, khởi vi lệ nông-phu tai. Thả Hứa-tử hà bất vi đào dã xả, đai thủ chư kỳ cung-trung nhi dụng chi, hà vi phân-phân nhiên dữ bách-công giao-dịch, hà Hứa-tử chi bất đạn phiền?» Viết : « Bách-công chi sự, cố bất khả canh thả vi dã.* »

Dịch-nghĩa.— « Thế thì kẻ nông-phu đem thóc đổi lấy đồ đạc, chẳng phải là làm hại cho thợ nặn thợ đúc, thợ nặn thợ đúc cũng đem đồ đạc của mình đổi lấy thóc, há phải là làm hại kẻ

nông-phu đâu. Vả, Hứa-tử sao chẳng làm ra sở nặn đúc, đều lấy ở trong nhà mình ra mà dùng, cớ sao rối bời cùng với trăm thợ đổi chác, sao mà Hứa-tử chẳng ngại phiền ? » Thưa rằng : « Những việc trăm thợ, đành không thể vừa cày vừa làm được. »

Chú-giải. — *Đào* = Thợ làm đồ đất. *Dã* = Thợ làm đồ đồng, đồ sắt. *Xá* = Nhà, là cái xưởng. Lại có nghĩa là *Chỉ*, thì chữ *Xá* đọc liền xuống câu dưới. *Cung* 宮 = Cũng như chữ gia 家, nghĩa là nhà.

Đây cũng là lời thầy Mạnh nói, mà Trần Tương đáp. Trần Tương đến đây, đã là lời cùng mà không cãi lại được nữa.

∴

下 者 人。或 之。所 事。與。然
之 食 勞 勞 是 爲 且 有 則
通 人。力 心。率 備。一 大 治
義 治 者 或 天 如 人 人 天
也。人 治 勞 下 必 之 之 下
者 於 力。而 自 身。事。獨
食 人。勞 路 爲 而 有 可
於 治 心 也。而 百 小 耕
人。於 者 故 後 工 人 且
天 人 治 曰 用 之 之 爲

Dịch-âm. — « *Nhiên tắc trị thiên-hạ độc khả canh thả vi dư ? Hữu đại-nhân chi sự, hữu tiểu-nhân chi sự ; thả nhất nhân chi thân, nhi bách-công chi sở vi bị, như tất tự vi nhi hậu dụng chi, thị suất thiên-hạ nhi lộ dã. Cố viết : hoặc lao tâm, hoặc lao-lực, lao-tâm giả trị nhân, lao-lực giả trị ư nhân ; trị ư nhân giả tự nhân, trị nhân giả tự ư nhân, thiên-hạ chi thông-nghĩa dã.*

Dịch-nghĩa. — « Thế thì ông vua trị thiên-hạ một mình có thể vừa cày vừa trị được dư ? Có cái việc của kẻ đại-nhân, có cái việc của kẻ tiểu-nhân. Vả lại trong thân một người, mà trăm nghề đều làm đủ ; nếu tất nghề gì cũng tự mình làm lấy rồi sau mới dùng, ấy là đem cả người trong thiên-hạ ra mà chạy luôn ở ngoài đường vậy. Cho nên cổ-ngữ có câu rằng : « Hoặc kẻ lao-lâm, hoặc kẻ lao-lực ; kẻ lao-tâm trị người, kẻ lao-lực thì bị trị ở người ; kẻ bị trị ở người phải nuôi người, kẻ trị người thì được nuôi ở người ». Là cái nghĩa thông-thường của thiên-hạ xưa nay vậy.

Chú-giải. — *Lộ* = Đường, nghĩa là bôn-tẩu luôn ở ngoài đường, không lúc nào nghỉ-ngơi, nói cái thế không thể làm như vậy được. *Trị-nhân* = Thi-hành chính-giáo để trị người. *Trị ư nhân* = Bị người ta cai-trị. *Tự nhân* = Nuôi người, nghĩa là phải cung-cấp tô-thuế để nuôi người trên. *Tự ư nhân* = Được người cấp-dưỡng, bổng-lộc để nuôi.

Đây là nói có hạng người quân-tử phải lao-tâm, có hạng người tiểu-nhân phải lao-lực. Quân-tử mà không có kẻ tiểu-nhân giúp đỡ thì đói, tiểu-nhân mà không có người quân-tử cai-trị thì loạn, đó đều là giúp việc cho nhau, chứ không phải làm hại gì nhau, cũng như là kẻ nông-phu với thợ đào-dã lấy thóc gạo và khí-cụ đổi lẫn cho nhau là giúp lẫn nhau, chứ không thể vừa cày vừa làm việc khác được, để phá cái thuyết tỉnh-canh của Hứa-tử đi.

∴

門 食 排 禹 釜 中 不 濫 當
而 也。淮 疏 掌 國。登。於 堯
不 當 泗 九 火。堯 禽 大 之
入。是 而 河。益 獨 獸 下。時。
雖 時 注 瀹 烈 憂 偪 草 天
欲 也。之 濟 山 之。人。木 下
耕 禹 江。漂 澤 舉 獸 暢 猶
得 入 然 而 而 舜 蹄 茂。未
乎。年 後 注 焚 而 鳥 禽 平。
於 中 諸 之。敷 蹄 獸 洪
外。國 海。禽 治 之 繁 水
三 可 決 獸 焉。道。殖。橫
過 得 汝 逃 舜 交 五 流。
其 而 漢。匿。使 於 穀 氾

Dịch-âm. — « *Đương Nghiêu chi thời, thiên-hạ do vị bình, hồng-thủy hoành lưu, phiếm lạm ư thiên-hạ, thảo mộc sướng-mậu, cầm thú phồn-thực, ngũ cốc bất đăng, cầm thú bức nhân, thú-đề điền-tích chi đạo giao ư trung-quốc. Nghiêu độc ưu chi, cử Thuấn nhi phu trị yên. Thuấn sử Ých chưởng hỏa, Ých liệt sơn trạch nhi phần chi, cầm thú đào nặc. Vũ sơ cửu Hà, thược Tế Loa nhi chú chư hải, quyết Nhữ Hán, bài Hoài Tứ,*

nhi chú chi Giang, nhiên-hậu trung-quốc khả đắc nhi thực dã. Đương thị-thời dã, Vũ bát niên ư ngoại, tam quá kỳ môn nhi bất nhập, tuy dục canh đắc hồ.

Dịch-nghĩa. — « Đương đời vua Nghiêu, thiên-hạ còn chưa bình-định, nước lớn chảy ngang, dầy rẫy ở thiên-hạ, cỏ cây rậm tốt, chim muông thịnh nhiều, năm thứ thóc chẳng thành-thục được, chim muông ở lẫn với người, những đường móng thú dấu chim, bừa-bãi khắp cả ở chốn trung-quốc. Vua Nghiêu một lấy làm lo, cử ông Thuấn ra trị việc thiên-hạ, ông Thuấn sai ông Ých giữ việc lửa, ông Ých đốt núi chầm cho cháy lên, chim muông trốn náu. Ông Vũ đào chín cái sông, khơi sông Tế sông Loa cho chảy về bể, xẻ sông Nhữ sông Hán, khơi sông Hoài sông Tứ chảy về sông Giang, rồi sau chốn trung-quốc mới có thể cày cấy được mà ăn. Đương lúc ấy, ông Vũ tám năm ở ngoài kinh-ký việc nước, ba lần qua cửa nhà mình mà chẳng kịp vào, dẫu muốn cày được chăng.

Chú-giải. — *Trung.quốc* = Giữa trong nước chỗ dân ở. *Đăng* = được mùa lúa chín tốt. *Bất-đăng* = Lúa không được thành-thục chín tốt. *Bức* = Gần bách quá, xâm lấn lẫn lộn cả vào. *Giao* = Bừa-bãi khắp cả. *Sơ, thược, quyết, bài* = Đều là nghĩa khơi đào khiến cho thông nước.

Đây là chứng-giải ra cái thời-thế đương lúc vua Nghiêu còn bận về việc trị-thủy cứu-dân, không thể vừa cày vừa trị dân được.

人之。曰。有人聖煖然后
之使勞別。倫。人衣。而稷
憂自之長父有遹民教
民得來幼子憂居人民
如之。之。有有之。而育。稼
此。又匡序。親。使無人穡。
而從之朋君契教。之樹
暇而直友臣爲則有藝
耕振之。有有司近道五
乎。德輔信。義。徒。於也。穀。
之。之放夫教禽飽五
聖翼勳婦以獸。食穀

Dịch-âm. — « *Hậu Tắc giáo dân giá sắc, thụ nghệ ngũ cốc, ngũ cốc thục nhi dân nhân dục. Nhân chi hữu đạo dã, bão thực noãn y, dật-cư nhi vô-giáo, tắc cận ư cầm thú, thánh-nhân hữu ưu chi, sử Tiết vi Tư-đồ, giáo dĩ nhân luân, phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín. Phóng-Huân viết: « Lạo chi lại chi, khuông chi trực chi, phụ chi dực chi, sử tự đắc chi, hựu tùng nhi chấn đức chi. » Thánh-nhân chi ưu dân như thử, nhi hạ canh hồ.*

Dịch-nghĩa. — « Lại sai quan Hậu-Tắc dạy dân cấy gặt, gieo trồng năm giống thóc, năm giống thóc thành-thục, rồi dân mới có thức ăn mà nuôi nhau. Người ta đều có cái tính tốt, nhưng ăn no mặc ấm, nhàn-cư mà không giáo-dục, thì gần giống như muông cầm thú. Đấng thánh-nhân lại lấy làm lo, sai ông Tiết làm quan Tư-đồ, dạy dân lấy đạo làm người, cha con phải có tình thân, vua tôi phải có nghĩa lớn, vợ chồng phải có lễ phân-biệt, lớn bé phải có cách trật-tự, bè bạn phải có đạo tin thực. Ông Phóng-Huân lại răn bảo rằng: « Kẻ nào cố gắng về đạo làm người mà khó-nhọc thì yên ủi cho nó, kẻ nào hướng theo thì vỗ về cho nó, kẻ nào tà thì chính lại cho, kẻ nào cong thì thẳng lại cho, giúp cho để tự-lập, đỡ cho để thực-hành, khiến cho tự mình nó giữ được cái tính tốt, lại theo mà cổ-vũ làm ơn cho nó nức lòng. » Đấng thánh-nhân lo cho dân như thế, còn lúc nào rỗi mà kịp đến việc cày nữa.

Chú-giải. — *Thánh-nhân* = Cũng trỏ về vua Nghiêu. *Phóng-Huân* = Công lớn, nguyên là cái lời kẻ sử-thần tán vua Nghiêu, thầy Mạnh nhân lấy làm hiệu vua Nghiêu. *Lạo* = Yên-ủi. *Lại* = Vỗ-yê. *Khuông* = Ngay lại. *Trực* = Thẳng lại. *Phụ* = Giúp. *Dực* = Đỡ. *Bức* = Ơn hệ. *Chấn-đức* = Răn bảo khuyến-miễn làm ơn cho nức lòng.

Đây là chứng giải ra cái thời vua Nghiêu đương phải lo về việc giáo-dục cho dân, không thể vừa cày vừa trị dân được.

∴

者 易 百 已 禹 舜 舜 堯
農 爲 畝 憂, 皋 以 爲 以
夫 已 之 夫 陶 不 已 不
也。憂 不 以 爲 得 憂。得

Dịch âm. — « *Nghiêu dĩ bất đắc Thuấn vi kỷ ưu, Thuấn dĩ bất đắc Vũ, Cao-Giao vi kỷ ưu, phù dĩ bách mẫu chi bất dị vi kỷ ưu giả nông phu dã.*

Dịch-nghĩa.— « Vua Nghiêu chỉ lấy cái sự chẳng cử được vùa Thuấn làm sự lo của mình, vua Thuấn chỉ lấy cái sự chẳng cử được ông Vũ, ông Cao-Giao làm sự lo của mình, thế là chỉ cần lo việc cấp. Còn như lấy cái sự trăm mẫu bỏ hoang làm sự lo của mình ấy, là sự kẻ nông-phu vậy.

Chú-giải. — *Dĩ* = Trị. *Bất-dị* = Chẳng sửa sang cày bừa để ruộng bỏ hoang.

Đây là nói cái chức-trách quân-tướng lo dân chỉ cần việc cấp-vụ là cử lấy người hiền lo những việc lớn-lao, không những không lúc nào hạ-cập đi cày, mà cũng bất-tất phải cày.

∴

人 易。以 謂 天 善 之 分
難, 爲 天 之 下 謂 惠。人
天 下 仁。得 之 教 以
下 與 是 人 忠。人 財
得 人 故 者 爲 以 謂

Dịch-âm.— « *Phân nhân dĩ tài vị chi huệ, giáo nhân dĩ thiện vị chi trung, vi thiên-hạ đắc nhân giả vi chi nhân. Thị cố dĩ thiên-hạ dữ nhân dị, vị thiên-hạ đắc nhân nan.*

Dịch-nghĩa.— « Lấy của cải chia cho người gọi là điều huệ; lấy điều thiện dạy cho người gọi là điều trung. Nhưng không bằng vì thiên-hạ cầu được người giỏi gọi là điều nhân. Cho nên lấy thiên-hạ đem cho người, sự ấy dễ: vì thiên-hạ cầu được người giỏi, sự ấy khó.

Chú-giải. — *Đắc-nhân* = Được người giỏi để trị thiên-hạ, tức như Nghiêu được Thuấn, Thuấn được Vũ, Cao-Giao. Đã cầu được người giỏi để lo việc dân, thì ơn-huệ rộng rãi, giáo-hóa vô-cùng, thực là một điều nhân-đức lớn-lao, hơn cả điều huệ điều trung còn là hẹp vậy.

∴

耕 其 治 而 也。無 堯 爲 孔
耳。心 天 不 巍 能 則 君。子
哉。下。與 巍 名 之。惟 曰。
亦 豈 焉。乎 焉。蕩 天 大
不 無 堯 有 君 蕩 爲 哉
用 所 舜 天 哉 乎 大。堯
於 用 之 下 舜 民 惟 之

Dịch-âm.— *Khổng-tử viết: « Đại tai Nghiêu chi vi quân, duy thiên vi đại, duy Nghiêu tắc chi, đãng-đãng hồ dân vô năng danh yên, quân tai Thuấn dã, nguy-nguy hồ hữu thiên-hạ nhi bất dự yên.» Nghiêu Thuấn chi trị thiên-hạ, khởi vô sở dụng kỳ tâm tai, diệc bất dụng ư canh nhĩ.*

Dịch-nghĩa.— « Ông Khổng có nói rằng: « Lớn thay vua Nghiêu làm vua, đạo trời là lớn mà duy vua Nghiêu hay bằng trời cùng làm phép tắc, cái đức vua Nghiêu rộng lớn thay, dân không thể ngợi khen xiết được. Hết đạo làm vua thay là vua Thuấn vậy, cái đức vua Thuấn cao lớn thay, tuy có thiên-hạ mà vẫn bình như không thiết ». Vua Nghiêu vua Thuấn trị thiên hạ, há không dụng-tâm về sự gì đâu, chỉ là không để tâm về sự cày mà thôi.

Chú-giải. — *Đãng đãng* = Rộng lớn lồng-lộng. *Nguy-nguy* = Cao-lớn vòi-vòi. Đều là chữ hình-dung tán-tụng cái đức-nghiệp to lớn. *Bất-dự* = Không thiết gì, nghĩa là không tự lấy ngôi vua làm sướng thích, coi như không vậy.

Đây là dẫn lời ông Khổng tán-tụng cái đức-nghiệp vua Nghiêu vua Thuấn, mà kết-luận rằng cái đức-nghiệp Nghiêu Thuấn sở-dĩ to lớn như thế, có phải là không dụng-tâm lo về việc dân đâu, chỉ cốt lo việc cấp-vụ cho dân mà thôi, để bẻ cái thuyết vừa cày vừa trị dân của Hứa-tử là không phải.

(Còn nữa)

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

QUẢ DƯA ĐỎ (1)

PHIÊU-LƯU TIỂU-THUYẾT

(Được phần thưởng văn-chương Hội Khai-Trí Tiến-Đức năm 1925)

VIII

XXIV. — Gặp cụ chán đời

Thuyền Tề-tử buổi nhổ neo, cảm-tình mặt nước cánh bèo đòi phen. Hay đâu trên mặt bể Nam-hải lại có một chiếc thuyền nào đã hơn một tuần nhật nay, lênh-đênh một lá gió trăng, lượn khắp mấy vùng đảo-dữ, trong thuyền chỉ có độ chín mười người, chủ-nhân đối với người trong thuyền như là bất-đắc-dĩ mà phải đi nhờ đò, chứ không có một cái cảm-tình gì với nhau cả, chỉ trong bữa một bữa hai là vĩnh-quyết với nhau mà thôi, nên chủ nhân nét mặt đăm-đăm, cả ngày chả rằng chả nói, chẳng vui chẳng cười, dần-dọc ngẩn-ngơ, có ý như chờ đợi một cái giai-âm gì hay là có hẹn ước gì với ai ở đâu mà chưa gặp vậy. Thế mà người trong thuyền đối với chủ-nhân thì lại càng tỏ ra một cách kính-sợ mến-yêu lạ thường, khi nào yên sóng lặng gió, bể lặng mây quang, thì vào báo với chủ-nhân, chủ-nhân ra đứng trên mui thuyền cứ trông trông-trọc về hai mặt bể đông-nam, lâu-lâu mới vào. Chỗ nào có một hòn đảo dù lớn dù nhỏ cũng phải ghé thuyền vào, hễ có đất lên được thì chủ-nhân cứ lẳng-lặng đi lên, chứ không bảo gì cho người trong thuyền biết, người trong thuyền thấy chủ-nhân đi lên, cũng cứ theo lên mà đi hầu đàng sau. Chủ-nhân ngơ-ngác đi tìm quanh tìm quẩn không thấy gì rồi mới xuống thuyền, lại bắt đẩy thuyền ra đi tìm đảo khác, không biết chủ nhân là ai, mà đi tìm thế là tìm gì.

Một buổi sáng kia, vợ chồng An Tiêm nhân đi cắt cói, vừa mới đi ra chưa hết ngàn lau về con đường ra bến Sứ, chợt nghe trước mặt xa xa có tiếng xì-xào một bọn đông đi lại.

Nàng Ba nói:

— Thuyền nào hay là thuyền Tề lại trở lại?

An-Tiêm nói:

— Không phải nghe như tiếng người bản-quốc, ta đi mau lên xem sao.

Hôm ấy đi cắt cói là vì trong nhà An-Tiêm tuy mới đổi được một ít vật-liệu của thuyền Tề, nhưng An-Tiêm bàn với người nhà chỉ nên đem những cái đồ khí-dụng ra dùng, còn vải lụa lương-thực thì hãy cất đi để dành, là sợ rằng chưa giao-thông được với trong bản-quốc là cái nguồn sinh-kế của mình, mà thuyền Tề ví không có lợi gì người ta lại không sang nữa, thì một ít lương-thực vải lụa ấy dùng chẳng được bao lâu, rồi lại nhịn, thì chi bằng ta cứ giữ lấy cái cách ăn dùng ta đã có sẵn mà đã quen, cho yên trí, bao giờ con đường giao-thông đã mở rộng rồi sẽ hay, bởi thế công cuộc thì mở-mang rộng thêm, mà đồ ăn thức mặc lại cứ y như mọi ngày, nên hôm ấy vợ chồng lại ra bãi cắt cói về làm sợi, đang đi nghe có tiếng người, vợ chồng giục nhau đi lên, ra khỏi ngàn lau thì trông thấy một bọn năm người bản quốc đi đến, đi trước là ông cụ già tuổi ngoại

(1) Xem N.-P từ số 103. — Bộ tiểu-thuyết này tác-giả giữ bản-quyền, không ai được in lại.

sáu-mươi, tu-mi đạo-mạo, da trắng xanh, người rong rỏng cao, mũ thâm nâu thụng, thắt lưng ra ngoài con-cón, quần sắn móng lợn, chân đi thảo-hài, tay cầm cái gậy ngắn, đi ra dáng còn khang-cường lắm, sau lưng cụ thì có bốn người đều trai trẻ cả, ăn mặc ra lối chân quê mà thanh-nhã, một người tay cầm cái nỏ, lưng đeo một rỏ tên, một người cầm một cái gậy trường, một người cầm cái còi ốc bể và đeo con dao nắp (là con dao đi rừng), còn một người đi sau thì quảy đôi bồ nhỏ sơn đầu có nắp, bọn khách lạ ấy thấy hai người trong đảo đi ra—tức là vợ chồng An-Tiêm — người đàn ông cầm gươm, người đàn bà cầm dao, đều nhan-sắc phi phàm mà ăn mặc một cách kỳ-dị khác hẳn nhân-gian thì lấy làm lạ, bảo nhau dừng dừng cả lại, bọn khách năm người ấy là ai ? chính là những người ở cái thuyền vơ vẩn đi tìm gì ở ngoài bể nam hải trên kia đó. Ông cụ già ngảnh lại bảo gì bọn đi sau không biết, thì bốn người đứng xúm lại với nhau có ý sén-vén, ông cụ thì tiến lên vài bước, cũng đứng lại, chắp tay kính cẩn, ra ý đợi hai người dị-dạng đi lại. Về bên vợ chồng An-Tiêm, thì An-Tiêm cũng bảo vợ rằng khách đợi ta, ta đi mau đến để chào khách, nàng Ba trước còn nghĩ mình đang mang đây buộc túm nên thẹn-thò không muốn đến chỗ khách lạ ; nhưng sau cái lòng khát-vọng người quê-hương xứ-sở bấy lâu nó thúc bách ở trong, nên lại cố dánh bạo đi theo kịp chồng, đến nơi cụ già vái chào, bọn đồ-đệ cụ già cũng vái theo, vợ chồng An-Tiêm vội vàng đáp lễ lại cụ già nói trước lên rằng :

— Lão-phu bỡ-ngỡ mới tới đây xin thượng nhân tha thứ mà chỉ bảo cho lão-phu được đội ơn.

Bấy giờ hai bên giáp mặt nhau, An-Tiêm trông rõ cái phong-độ ông cụ già càng đáng kính đáng mộ mà nghe nói thì ra giọng một nhà cao-nhân đật-sĩ, bèn cung kính mà rằng :

— Hai vợ chồng tôi đây là chủ-nhân đảo này, cao-nhân với quí-đồ nhân ra chơi bể, mà quang-lâm tới chốn hoang-đảo của chúng tôi đây, thảo-lư gần đó, xin mời tôn-giả cùng quí-đồ quá bộ vào chơi cho chúng tôi được thừa-nhan; thực là vạn-hạnh.

Ông cụ nói :

— Lão-phu tội-ác thâm-trọng, bị đày đọa vào cái cõi trần ô-trọc bấy lâu, cực-nhục biết bao ! đã nhiều phen cầu cho giải-thoát mà không được, nay thượng-phương đã cho đem cái thân tàn rày về chốn tiên-hương mà nương dưới bóng yên-hà đời đời, thật là tam-sinh hữu-hạnh, lại còn đi đâu nữa.

Nói đến đấy cụ già ngảnh ngay vào chỗ bọn đồ-đệ đứng, tay thì xua, miệng thì nói :

— Thôi cho về, các người tống-chung ta thế là đủ cái hạn « tù trời » của ta, cái nợ-nần của ta với các người ở đấy có thế mà thôi, các người về đi, ta không cần gì các người, mà các người cũng không nên nghĩ gì đến ta cho thêm bận lòng nữa.

Bọn đồ-đệ vâng vâng dạ dạ, rồi cứ đứng trông nhau, có ý ái-ngại buồn rầu.

An-Tiêm thấy sự ngạc-nhiên vội hỏi :

— Sao cao-nhân lại dạy thế, bỉ-nhân không hiểu ra thế nào ?

Cụ già nói :

— Lão-phu đã thống-tuyệt với các bạn « ngu-ngoan » ấy lâu rồi, chỉ vì tục cốt còn nặng chưa phi-dẫng được nên phải đà-lụy họ đến đây đấy thôi, nay đã hết kiếp với họ rồi thì xin cho họ về.

Nói xong lại duổi bọn kia mà rằng;

— Về đi, đừng có quấy-nhiễu đến đây nữa, mà cho bay có muốn đến, cũng không phải đường lối thế nữa đâu, đừng tưởng lầm về ngay đi.

An-Tiêm trông bọn đồ-đệ lại thấy vâng vâng dạ dạ rồi đứng yên nhìn nhau không nhúch-hích. Trong bọn có một người cầm cái nỏ, chạc độ ba-mươi, ăn mặc xồi lụa, mặt mũi khôi-vĩ, người giông giống ông cụ ấy, anh ta cứ trông An-Tiêm trừng-trừng, nước mắt chảy quanh như có ý muốn nhờ chủ-nhân xin với cụ tạm thư lại cho. An-Tiêm biết ý người ấy và tự nghĩ trong bụng rằng:

— Ông cụ này chắc là người chán đời tuyệt-thế, đi tìm tiên, đến đây thấy cái đảo xa cách cõi đời mà có hai người mình kỳ-dị thế này, thì cụ cho cõi tiên là đây rồi, nên cụ quyết ở lại mà đuổi bọn tụng-giả về, xem bọn tụng-giả của cụ này, họ có ý chân-thành, phong dạng cũng ra những người hữu-dụng, họ đối với cụ thiết-tha không nỡ rời, thì chắc là cha con thầy trò chí-thiết gì với nhau đây chứ không sai. Một nhà mà đem được một cái mành đi chơi bể tới đây thì cũng là nhà hào-mại chứ không phải tầm-thường, thực là thượng-đế đưa đến để giúp ta, ta cố lưu cả lại, thong-thả sẽ hỏi căn-do thì biết. Nghĩ như thế bèn nói :

— Cao-nhân có lòng hạ cố đến cái chốn hoang viễn này, cho chúng tôi được thân bồi bên tả bên hữu, thì còn gì quí bằng. Song tôi xin thú thực, tôi chính là người trong nước Văn-lang ta, tôi phụng mệnh thiên-tử đưa gia-quyến ra khai-tịch cái hoang-đảo này đã năm sáu năm nay, chứ không phải thần tiên gì, xin cao-nhân cho các thầy tụng-giả được theo tôn-giả qua chơi trong núi, chúng tôi sẽ bày tỏ khúc-nhôi.

Ông cụ già cũng không nghe, cứ đuổi bọn đồ-đệ đi ùi-ùi, thậm-chí bọn đồ-đệ phải lùi lại vài bước mà đứng, làm cho An-Tiêm cũng phải hoảng, vì chủ thì đang khát người đến, mà khách thì cứ đuổi người về, An-Tiêm vội nói to lên rằng:

— Chúng tôi lâu nay xa cách chốn quê cha đất tổ, tưởng rằng một nhà mấy người, đều phải cùng nhau liều với cỏ hoa nước mây ở cái hoang-đảo ngoài trời này, hay đâu Thượng-đế lại đưa cao-nhân với các thầy tụng giả qua chơi, mà cho chúng tôi được tái thế tương-phùng những đấng phụ-huynh trong nước, thực là mừng rỡ không biết chừng nào, nay chưa kịp đôi hồi, mà cao-nhân đã trục-hồi các thầy tụng giả như thế thì không phải cái bản-tâm của chúng tôi cầu nguyện bấy lâu vậy, không được ở lại lâu, cũng xin cho các thầy tụng-giả vào chơi qua trong sơn-động rồi sẽ về.

Bấy giờ ông cụ thấy An-Tiêm nói thiết tình, thì cũng nể mà lặng yên không đuổi bọn đồ-đệ nữa. An-Tiêm bèn mời cụ đi lên và vẫy bọn tụng giả đi theo sau bảy người chủ khách kéo nhau một bọn thong-dong đi vào hang Hướng-Việt. Cụ già càng đi vào càng thấy cái cảnh vắng-vẻ tuyệt trần những phong loan trùng-trùng điệp-điệp, đột ngột chênh-vênh, ở trước mặt sắc đá như lưu-li bích-ngọc, áng mây như trướng phủ màn che, cùng chiếu-diệu với nhau hiện ra nhiều vẻ tuyệt-kỳ tuyệt-diệu, mà nhân-gian chưa từng thấy, thì càng lấy làm mừng làm vui, tưởng như mình đang tiêu dao trên chốn non bồng nước nhược rồi vậy. Lúc vào nhà lại thấy nào thạch-động nào thảo-đường, nào chén ốc đĩa chai, nào bút que giấy là, bày-biện chỉnh-tề, thì cụ càng lấy làm cái phong vị của tiên-gia có lý-thú thiên-nhiên hơn mấy mươi những cái khí-cụ tiểu-trí tiểu-xảo của người

đời, chưa kịp ngồi, cụ trông thấy mấy quả dưa « việt-nga » bày ở bệ ngồi, thì cụ chắp ngay tay lại vái An-Tiêm mà thưa rằng :

— Thượng-phương đã cho lão-phu có cái duyên tao-phùng mà tìm đến được chốn này, xin đừng đem cái trần-lụy mà thử thách lão-phu cho phiền lòng nữa.

An-Tiêm nghe ông cụ nói đến ba chữ « duyên tao-phùng » trong bài thơ nôm ở quả dưa thả bể, thì biết là ông cụ sở-dĩ tới đây là vì duyên hẹn ước chứ không phải sự tình-cờ, bèn nói :

— Giống dưa này là sản-vật ở đảo này, bỉ-phu mới tìm được bốn mùa này, mỗi mùa để thơ khấn-nguyện thả xuống bể một ít quả, cầu cho người trong nước biết mà tìm đến để hưởng-thụ lấy cái lộc trân-cam của đất nước mà giúp nên cái sự-nghiệp của Thượng-đế, của thiên-tử đã ủy cho bỉ-phu ở đây, nay Cao-nhân nặng tình thanh-khí không ngại ba-đào nghìn dặm tới đây, khiến cho một nhà bỉ-phu được có ngày trông thấy mặt non sông cố-quốc, thực ơn này không biết bao giờ quên.

Nói đến đây liền vào trong động thay quần áo và lấy bức cáo-mệnh đem ra trình Cao-nhân xem. Cụ thấy An-Tiêm mặc bộ nhung-phục cũ, cầm bức cáo mệnh bằng lụa ra, thì giương mắt lên trông An-Tiêm rồi đón tay cầm lấy tờ cáo-mệnh xem qua, liền đặt xuống chỗ bệ ngồi một cách lãnh-đạm mà không nói gì. An-Tiêm thì đem tính-danh thân-thế, bao lòng trung-trực, bao nỗi oan-khiên, cùng những sự sáng-lập lấy một cái thế-giới cho một nhà ở hoang-đảo này, đã sáu năm nay, kể hết cho Cao-nhân nghe. Kể xong An-Tiêm lấy làm được đem một tấm cô-trung mà dãi bày với một vị đạo-sĩ trong nước, lại là một người « thanh-ứng khí-cầu » với nhau, thì mừng rỡ lắm. Bọn tụng-giả của ông già ngồi bệ bên kia nghe nói đến đâu, thì ghê rợn cả người đến đấy, kính-sợ An-Tiêm, lấy làm một đấng đại-anh-hùng đại-hào-kiệt, chứ người thường thì không tài nào mà sống được, nhưng sợ ông già, không dám nói chòi sang điều nào, chỉ trông An-Tiêm tỏ ý kính-phục mà thôi, thế mà ông già thì lại đổi ra một cái trạng-thái buồn-buồn, không hớn-hở như lúc nẫy, chỉ lẳng-lặng ngồi yên, có lúc lại trông đi đàng khác, như không muốn nghe nữa, vì sao mà ông cụ lại thế? Tuy chưa xét đến hình-trạng ông cụ từ xưa thế nào, nhưng cứ những lời lẽ của ông cụ nói với chủ-nhân từ lúc gặp ở ngoài bãi, thì ai cũng đoán rằng cụ đã khốn-khổ, đã thống-tuyệt với người đời mà không thoát đâu cho khỏi, này vì câu thơ ở quả dưa thả bể mà cụ tìm được đến đây, cụ tưởng rằng đã khỏi vòng ô trọc mà về chốn thanh-hư rồi. Khi mới gặp ở giữa đường, nghe chủ-nhân nói đến những câu « phụng-mệnh, khai-hoang » thì cụ còn tưởng là tiên-nhân thác ra lời tục-ngữ mà thử khách nhân-gian, đến khi nghe chủ-nhân thuật tường đầu đuôi đích là một người vương-thần bị lưu-phóng, lại những câu chuyện gian-ác của người đời đã làm cho cụ phải khốn-khổ mà tìm đi, thì cụ chán mà không muốn nghe, nhất là cụ thấy chủ-nhân còn mê mết về cuộc đời, thì cụ càng lấy làm bất-mãn không tương-ý một chút nào, nên cụ cứ ngồi yên, không nói năng gì. An-Tiêm lại hỏi thăm đến việc nước, thì cụ từ là không biết, hỏi đến tôn-hiệu và qui-tự của cụ, thì cụ nói cụ không còn nhớ gì ở cái đời ô-trọc kia nữa, cụ đến đây là quê cụ ở đây, muốn gọi cụ là gì thì gọi. An-Tiêm không hỏi cụ được điều gì, không hiểu cụ là người thế nào, cùng quá, phải nghảnh sang bệ bên kia mà hỏi những người đồ-đệ cụ rằng :

— Các ông với cao-nhân đây là người thế nào?

Người cầm nỏ mà An-Tiêm đã để ý đến từ ngoài bãi, đứng lên thưa rằng:

— Tiểu-tử là con trai cả, rồi trỏ vào ba người mà nói người thì là con trai thứ ba, người thì là học trò.

An-Tiêm bèn nói:

— Tôn-nghiêm-đường vì cảm-tình với thắng-cảnh mà tới đây, cho chúng ta được gặp nhau, thực là may lắm, ở đây là một nơi khí hòa đất tốt, trân-bảo chứa-chan, ta đã biết nhau, thì ta có thể cùng nhau mở-mang ra thành một nơi lạc-thổ, trước là báo-đáp tông-bang, sau là ta cùng nhau mà tránh cái trần-hiêu trong nội-địa, bỉ-phu sở-dĩ cầu-nguyện các ngài đến chơi qua xem cũng là vì thế.

Bọn đồ-đệ chưa kịp trả lời thì cụ gạt ngay đi mà rằng:

— Chết nỗi điều ấy lão-phu xin ngài, họ đã vì lợi mà xâu-xé sát-hại lẫn nhau khắp một vùng lục-địa mông-mênh kia rồi, nay còn một hòn cù-lao thanh-tĩnh, cách-tuyệt ngoài bể này là nơi thần-tiên tụ-hội, mà ngài lại còn đem mối lợi dử bọn ngoan ấy đến, để họ phá diệt cho hết nốt đi nữa hay sao? Điều ấy lão-phu xin ngài.

— Thưa cao-nhân, ta sẽ chọn lấy những kẻ thuần-lương.

— Đã là sói thì con nào là không tham, đã là rắn thời con nào mà không độc, còn kén chọn vào đâu? Lão-phu xin ngài. — Khổng-phu-tử nói: « Ta không phải đồ-đảng với người đời này, thì còn đồ đảng với ai. » Kinh *Lễ* có nói: « Quân-tử mà muốn giáo-hóa cho dân thành phong-tục hay thì phải bởi sự học. » Thế thì ta sẽ đem đạo-giáo của tiên-vương mà dạy bảo cho họ hồi-thuần lại thì cao-nhân nghĩ sao?

— Dân ở đời tiên-vương thì nhà nào cũng đáng bao-phong, mà dân đời Hùng-vương XVII này thì nhà nào cũng đáng tru-diệt, vì cái tâm-tính họ đã hỏng đi mất rồi, giáo-hóa như nước đổ lá khoai, có ăn thua gì.

— Hơn hai nghìn năm nay mở-mang bờ cõi, từ Ngũ-lĩnh đến Hoan-châu, cũng dân ấy, mà nay cũng dân ấy, chứ có phải dân nào? bỉ-phu thiết-tưởng chỉ vì chính-giáo có lúc hay lúc dở, mà thế-đạo thành ra có khi long khi ô.

— Lão-phu với những người này cũng như với những người trong nội-địa, là thù-nghịch với nhau rồi, nếu ngài có ý cho họ đến thì xin cho một nơi biệt-tịch, để lão-phu khỏi trông thấy mặt họ nữa, ấy là lão-phu được đội ơn ngài.

An-Tiêm tự nghĩ một mình rằng không biết ông cụ này vì cớ gì, mà thâm-hận với đời với cả con cái đến như thế? không có thể bàn với cụ được, bèn nói:

— Cao-nhân đi bể đã lâu, đạo-thể mỏi-mệt, xin hãy tĩnh-dưỡng để bỉ-phu nghĩ lại xem sao.

Nói rồi đi dọn chỗ để cụ già nghỉ lưng.

XXV. — Đính duyên non nước

Cụ già đi bể đã lâu, chốc mòng đã nhiều, tinh-thần cùng thể-lực đều mỏi-mệt, nên đặt mình xuống chiếu thì chợp ngay đi.

An-Tiêm bèn mời bốn người đồ-đệ của cụ xuống chơi nhà ngang, cùng nhau bàn bạc, An-Tiêm đối người con trai cả của cụ mà nói:

— Cao-nhân với các ông đến chơi đây, thực là bởi tấm lòng bỉ-phu cầu-nguyện, cái công-nghiệp của bỉ-phu đã hứa với Thượng-đế, với quốc-vương ở đây, thực có trông cậy vào

các ông, một ngày gặp gỡ, muôn kiếp nhân-duyên, có tin nhau thì mới cùng nhau mưu-tính được mọi việc. Về phần bỉ-phu thì bỉ-phu đã giãi bày thực-tình các ông rõ rồi, còn về phần cụ ta với các ông, bỉ-phu xem các ông đối với cụ một lòng hiếu-thuận kính-thờ, thì biết cái đạo tiễn-lý của cao-nhân cũng không phải là tầm thường. Vậy cụ sở-dĩ định tị-thế mà tới đây, dầu đuổi duyên-cớ thế nào, ngô-huynh cho bỉ-phu được biết, hoặc có điều gì tương trợ được chăng.

Người con cả nói :

— Anh em chúng tôi vì cớ gia-nghiêm ngược đời trái thói, mới được tới đây mà hầu một đấng kỳ-kiệt của nước ta như ngài, thực lấy làm kính-mến vô-cùng, anh em xem thấy ngài một lòng thành-cảm với nước với trời như thế, dẫu thầy trò chúng tôi không tới được chốn này, tiểu-tử chắc Hoàng-thiên cũng dẫn cái cớ duyên khác đến, cho người thành được cái sở-chí, nay ngài đã có lòng chu-toàn cho anh em được trọn một chút lòng hiếu-kính với phụ-sư, thì anh em xin gửi thân dưới trướng, hết sức vâng mệnh ngài.

— Các ông không nên lấy cái sự Cao-nhân ngược đời trái thói như thế làm nghĩ. Nào đời có ra gì mà chả ngược, thói có ra gì mà chả trái, ta hãy nên xem xét cái tiễn-lý của người thế nào.

Người con cả của cụ bấy giờ mới khúm-núm mà thưa rằng:

— Nhà tiểu-tử họ Thạch, ở hải-tần Cửu-chân, gia-nghiêm tên là Tử-Chương, hiệu Thanh-Toàn, sinh hạ được ba anh em chúng tôi, tiểu-tử tên Thiện-Thừa, người thứ hai ở nhà tên là Thiện-Sự, người thứ ba tên Thiện-Kế, tức là chú nó đây vừa nói vừa trỏ vào người cầm cọi đeo dao sắp ngồi đấy.

— Gia-nghiêm tôi từ thuở thiếu-niên đã thừa-đương một cái gia-sản phong-hậu của tiền-nhân để lại. Gia-nghiêm là người bẩm-tính trung-trực, thích hào-hiệp, hay thí tế, hiếu học mà quảng-giao, trị gia thì rất nghiêm, đãi người thì cực khoan, hà con lân-lý, bè bạn xa gần, nào công nào của, giúp đỡ không thiếu ai, cho đến các việc công việc phúc ở đâu cũng hằng-tâm hằng-sản ít nhiều, mà không có ra mặt lận-tích chút nào, người vùng ấy đã gọi là Thạch thiện-nhân, hễ có việc gì khó thì họ bảo nhau rằng việc này phải có Thạch-thiện-nhân giúp cho mới xong, bởi vậy mà cửa lúc nào cũng có người đông như mắc cửi. Thực thế, tiểu-tử không dám nói ngoa, rồi ngài sẽ biết, thậm chí những người đi lại họ ghen-ghét thù-hằn lẫn nhau, đến tai gia-nghiêm cũng mần thinh như không biết. Hồi chung-niên có ra làm chức Tổ-chính, được vài tháng không đồng ý với Thượng-thư, lại cáo về; gặp lúc thời buổi nhiều việc, gia-nghiêm tán cả gia-tài, để giúp về việc công việc tư, mà hay đâu sở-ngộ tình những phường gian-tham lừa dối, gia-tài thì hết mà không ích cho ai được việc gì, gia-nghiêm tôi lấy làm bực dọc lắm, từ đó không để ý đến việc đời nữa, đi chu-du khắp trong nước, qua khắp núi cao sông cả, kể chợ nhà quê, định tìm lấy một nơi thanh-tĩnh mà khiết-quyến đến ở, hay đâu xe ông Tử-Văn đi đến đâu cũng chỉ gặp như quan đại-phu nước nhà, lại trở về, bấy giờ trông thấy vợ con cũng ghét, cho là cũng cùng một lò đẳng với bọn ngoan-ngu kia cả, cái bụng bất-trắc không có thể tin được. Tiện-đệ đây đã ngoài hai mươi tuổi mà không cho lấy vợ, sợ lại sinh-sản nhiều mãi ra cái giống ngu-ngoan. Đã mấy lần gia-nghiêm tìm ra những chỗ hang sâu bể vắng, tuyệt-lạp nằm một mình, anh em chúng tôi phải đến khóc-lóc van-vỉ thảm-thiết mới về. Sau tiểu-tử lập một cái am ở sau vườn nhà, vườn ấy ôm vào

góc núi, am lập ngay bên mõm núi, có cây có đá có gió trăng, bốn bề tĩnh-mịch, để gia-nghiêm nghỉ ngơi, được hai năm, hôm 14 tháng 5 mới rồi, người nhà ra bể đánh cá, đánh được một con cá to, dài tới năm thước, không biết là cá gì, bụng nó có một cái khối rắn chắc, tưởng là trứng, mổ ra thì thấy một quả to bằng cái gối, da nhẵn mà xanh đen, hai má có hai bài thơ, một bài chữ Trung-quốc, và một bài chữ nôm, tiểu-tử còn nhớ bài chữ nôm rằng:

Bể nam quê thiếp ngoài cùng.
Trời sinh phận gái má hồng trăng đen.
Việt-nga hai chữ là tên,
Nước non non nước chờ duyên tao-phùng.

Chúng tôi không biết là quả gì, đem vào trình gia-nghiêm, thì gia-nghiêm bảo là quả dưa, tên gọi là Việt-nga, bổ ra quả-nhiên là quả dưa, khoét lấy ruột ăn thử thì ngon mát lạ thường, gia-nghiêm mừng rỡ lắm nói rằng: « quả tiên-qua này từ hải-đảo vùng Nam-hải đưa lại, ta xem trong sách « thập châu ký » có nói ngoài bể đông có ba cái núi thần-sơn, chính là đây rồi, con cá ấy tức là hải-sứ đem chiếu-mệnh lại cho ta đó », bèn sai đem chôn cho con cá, mà bắt dọn một chiếc mảnh to, sắp đủ ba tháng lương, một gia-nghiêm mới hai anh em chúng tôi, hai bác học trò cũ đây, một người tên là Tử-Ngang — tức là người cầm cái gậy trường lúc nẫy —, một người là Tiếp-Trọng — tức là người quảy bồ lúc nẫy — và mấy thủy-thủ chở mảnh ra bể, đi tìm khắp các đảo trong miền Nam-hải, định đi đủ một tháng rưỡi, nếu không gặp chốn tiên-nhân đã thả quả dưa ấy thì gia-nghiêm cũng ở lại một mình vào cái đảo nào đó mà cho chúng tôi về, chứ gia-nghiêm thì chuyến này thế nào cũng không trở lại cái đời ô-trọc kia nữa, vì lúc ra đi đã quyết-biệt mà nặng lời thề rồi. Mảnh đi đã chín ngày tìm khắp cả đảo, không thấy gì, tối hôm vào đến đảo này, sáng ngày lên bờ trông thấy vỏ dưa việt-nga vất bỏ bừa-bãi, thì gia-nghiêm mừng lắm nói rằng: « hang thần-tiên, chính ở đây rồi », lúc mới gặp Tường-quân với phu-nhân ra đến bãi thì gia-nghiêm ngảnh lại bảo chúng tôi rằng: « Mặt hoa áo lá, không phải tiên-tử thì còn ai » Ấy gia-nghiêm sở-dĩ tìm đến đây là thế.

An-Tiêm nói:

— Thế thì tôn-nghiêm đường chính là một đấng nhân-nhân-quân tử, lòng yêu đời thương thế rất là sốt-sắng thiết-tha, chứ không phải là chán đời, vì yêu đời đời không cho yêu, thương đời đời không cho thương mà phải sinh giận bực, tôn-nghiêm thực không phải là người chán đời.

— Tuy vậy mà gia-nghiêm trách quá, chúng tôi đã khổ-dản mãi mà cũng không được.

— Ở cái đời ô-trọc mà còn có đấng tiên giác để bồng-bát cho chúng ta biết là ô-trọc, thì khí thiêng của non sông chưa đến tiêu-trầm hết, tôn-nghiêm thực là một đấng nghiêm-sư của đời vậy. Kẻ hiếu-tử thờ đấng thân phải đón biết cái ý-chí của ngài, nay ngô-huynh mà quyết cùng với bỉ-phu để gây nên cái sự-nghiệp khai-hoang ở đây thì tức là ngô-huynh làm được cái chí bình-sinh thương đời xót thế của tôn-nghiêm đó, người ta sinh ra ở đời có hai cái mối quan-hệ, một là đối với đức Thượng-đế là chúa-tể chung trong vũ-trụ dù thần-tiên thánh-triết cũng không ngoài khuân phép của ngài, mà đời người sinh-sinh kế tiếp, không phải là sửn-soạn chỉ một lúc trước mắt bây giờ, hai là đối với chốn tông-bang là cái nơi mà thân-mình và thân-ái ân-tình của mình giàng-buộc ở đó, phải

cùng mưu toan lấy cuộc hưu-thích với nhau, nay ta lấy cái việc mở-mang bờ cõi này làm cái chức-trách mà Thượng-đế đã ủy cho ta phải làm đây, khiến cho một cái hoang-đảo xa-xôi này nhất-đán thành nơi đô-hội cho nước được thêm cảnh-sắc, cho dân được thêm chốn thê-trì, đất có người thời trị, người có hóa thì hay, dù chẳng cảnh tiên trên thượng-giới, thì cũng cảnh tiên giữa hải-hoàn, há chẳng hay dư ? mà cái thể thế ấy thì ở đây có thể làm được, mai bỉ-phu sẽ thân-dẫn các ngài đi xem xét cho tường.

— Cái kỳ-tiết của tướng-quân cảm-động đến trời, sớm trưa chỉ một chuyến thuyền là công-nghiệp truyền khắp nhân-gian, vậy mà một cửa hàn-môn nhà chúng tôi thầy trò được gần-gũi ngài, thực là có phúc, Sản-nghiệp của nhà tiểu-sinh nhân một hồi gia-nghiêm tản đi để làm việc nghĩa, cũng đã chung-lạc, cận-lai anh em hết sức về việc nông-phố ngư-diêm, thì cũng đã hồi. Vậy tiểu-sinh xin về thu xếp, mộ người sắm-sửa vật-liệu và đưa thê-tiểu ra đây, trước là cung - dưỡng gia-nghiêm, cho trọn tuổi già, sau là hầu hạ ngài mà theo đòi cái chí cả.

An-Tiêm nghe nói mừng rỡ không biết chừng nào, trông ra thì hai bác Phùng Trưng đi làm đã về, hai bác thấy bốn người khách nói tiếng đồng-châu, thì mừng rỡ, hỏi thăm xa gần mọi việc ở quê nhà. An-Tiêm sai hai bác đi làm cơm để thết khách. Thạch Thiện Thừa thì sai em thứ ba ra bến Sứ dặn cho thủy-thủ dưới mành biết còn ở lại.

Bữa cơm hôm nay, có cơm có rượu có thịt gà thịt vịt, là những thứ mà thuyền Tề đổi cho, còn để dành, nay mới đem làm để đãi khách, so với trong nội-địa thì cũng là một bữa tiệc khách thường thường mà thôi, nhưng ở đây thì thực là một bữa tiệc đáng nên ghi nhớ trong sáu năm trời thấm-thoắt mà bảy người lớn nhỏ nhà ông An-Tiêm đã đưa một hòn cù-lao giữa bể giữa trời từ đời thái-hoang lên đời văn-vật rồi đó. Một nhà ông từ khi tới đảo đến nay cũng mới nếm lại mùi cơm từ bữa ấy là một. Ngày mai An-Tiêm đưa bọn Thạch Thiện Thừa bốn người đi xem xét khắp mọi nơi đến ngày thứ ba thì bốn người khách kỳ-thác cao-nhân lại cho vợ chồng An-Tiêm rồi vào bẩm-mệnh với cụ mà xin về. Khi bọn Thạch Thiện Thừa sắp ra về, Nàng Ba bảo hai bác Phùng Trưng rằng :

— Tiện chuyến mành của Thạch đại-huynh thì hai bác nhờ mành về thăm viếng quê hương và mang một bức thư ra Phong-châu báo tin cho gia-từ biết một thể.

Phùng-Trưng hai người đều nói :

— Anh em đội ơn ông bà cứu cho sống sót được đến ngày nay, dẫu nát thân khuyển mã cũng không dám từ lao, nữa là mang thư cũng là một việc dong-dị. Nhưng nay ông bà còn ở đây mà anh em về thăm cố-hương trước thì sao cho phải. Vậy thư xin gửi Thạch-công cho người đưa ra hộ.

An-Tiêm bèn khuyên rằng :

— Bấy lâu xa cách từ-thân, ai không khao-khát, nhưng nay công-nghiệp chưa thành mà trong nhà biết tin tất sinh ra nhiều sự cho ta rối trí, vậy ta hãy tạm nén cái lòng tư-mô lại. Thượng-đế đã mở cửa cho ta thì cuộc đoàn-viên chốn cố-viên cũng chẳng bao lâu, ta không nên vội.

Nàng Ba cũng phải nể lời chồng, việc gửi thư đành để ngày khác.

Còn cụ Thạch-cao-nhân, từ lúc bọn đồ-đệ cụ vào bái-biệt cụ để ra về, thì bọn người trong đời cũ mà cụ cho làm

cái bọn ngoan-ngu kia không còn người nào quất-nhiễu ở trước mắt cụ nữa, thì mới được thư-thái trong lòng cụ một tí. Vợ chồng An-Tiêm thờ cụ đến tận-thành, nhưng cụ cũng không muốn phiền-lụy gì chủ-nhân, mỗi ngày cụ chỉ cần đến một bầu nước suối trong với mấy viên thuốc « linh-đan » của cụ đã luyện sẵn để trong túi, là đủ tiêu-dao tự-tại. Trước An-Tiêm còn phải đưa cụ đi chơi, sau cụ đi một mình, cụ cứ tha-thần khắp các nơi phong-cảnh trong đảo, cụ được ngắm cái cảnh bể trời thanh-không quang-đãng của vũ-trụ, vắng tuyệt hẳn những cái tăm hơi của người hầm-hè xô-xát nhau vì lợi, thì cụ lấy làm khoan-khoái vô cùng, cụ càng tin rằng : «Tạo-vật sinh ra người là để cùng nhau mà thưởng-ngoạn lấy những cảnh xinh đẹp trong vũ-trụ, chứ không phải sinh ra để ăn tranh lấn quần lấn nhau », gặp bãi cỏ sạch hay hang đá, cụ thường lưu-liên ở đấy đến hai ba ngày ; An-Tiêm tìm đến mời mãi cụ mới về. Đối với vợ chồng An-Tiêm thì cụ tuy cũng kính nể, nhưng thấy tâm-sự của hai vợ chồng đều còn triền-phọc vào cuộc đời lắm, thì cũng có ý bất-mãn, cụ sợ rồi bất-miễn cũng lại tiêm-nhiễm vào với những bọn ngu-ngoan kia, nên cụ cũng không đằm-thắm lắm bằng lúc mới tương-ngộ.

Thạch Thiện Thừa về đến nhà, người ta biết chuyện rồi đồn-đại đi mọi nơi rằng: « Nhà họ Thạch gặp tiên ở cái đảo ngoài bể Nam-hải, là nơi mát-mẻ và sản-vật phú-nhiêu, dễ làm ăn lắm, nay về khiết-quyến và mộ người ra khai-khẩn ». Nhà họ Thạch vốn là một đại-gia trung-hậu ở vùng ấy, nên nghe nói thì ai cũng tin, náo-nức xin đem cả gia-tài và vợ con ra nhiều lắm, chưa đầy ba tháng trời mà chở ra được sáu chuyến mành, mỗi chuyến ba chiếc mành to đầy những người, súc-sản, lương-thực và khí-cụ trở ra đến nơi, tùy ý An-Tiêm khu-hoạch. An-Tiêm chọn lấy những người dân nào cùng làm một nghề thì cho ở vào với nhau một khu nào có lời tiện cho nó, dự lập ra được bốn thôn, một thôn ở liền hàng Hướng-Việt, gọi là thôn Trung, một thôn ở bến Sứ gọi là thôn Bến, một thôn ở mé đông-nam núi Vọng, gọi là thôn Đáy và một thôn ở bên Lạc-viên gọi là thôn Bắc. Thôn Trung thôn Bắc thì làm nghề nông-phố ; thôn Bến thì làm nghề buôn bán và kỹ-nghệ, còn thôn Đáy thì làm nghề chài lưới. Từ đấy về sau, hễ có người mới đến, thì cứ tùy cái nghề mà cho ở vào các thôn ấy.

Trong nội-địa bấy giờ đang buổi nhiễu-nhương sao-suyễn, dân-tình cát-cứ, ở đâu cũng nguy-ngập không yên, mà cái tin ngoài đảo Nam-hải là chốn cảnh tiên phong-thú, thì không đến nỗi là tin ngoa-truyền quá, vì những người đã vượt bể theo ra, không bao lâu đem những hải-vật về đổi lấy lương-thực nhiều lắm, nên càng ngày càng kéo ra đông, cả những khách văn-nhân đạo-sĩ cũng chở thuyền ra chơi.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

VĂN-UYỂN

Khuê - phụ thán

(Mười bài)

I

Chồng hỡi chồng, con hỡi con,
Cùng nhau trăng khuyết lại trăng tròn.
Bên trời góc bể nơi chim cá,
Mai gió rầy sương tuổi nước non.
Hồng điệp khéo vì ai lẽo-đẽo,
Hồn quyên luống để thiếp chon von.
Ngày qua tháng lại trông dằng-dặc,
Muôn dặm xa-xá mắt đã mòn.

II

Đã mòn con mắt một phương Âu,
Có thấy chồng con đâu ở đâu.
Dầu được non xanh cùng bến tốt,
Khó ngăn gió thảm với mưa sầu,
Trách ai dắt nẻo khôn lừa-lọc,
Khiến thiếp ra thân chịu dãi dầu.
Bởi đứng cao xanh sao chẳng đoái,
Tấm lòng trần-trọc suốt canh thâu.

III

Canh thâu chưa ngủ hãy còn ngồi,
Gan ruột như dầu sục-sục sôi.
Nghĩa cả ấp yêu đành lỡ dở,
Công to bú mớm ắt thôi rồi.
Quyết gìn-giữ dạ tròn sau trước,
Biết cậy nhờ ai tỏ khúc nhôi.
Non nước xanh xanh trời một góc,
Chồng hỡi chồng, con hỡi con ơi!

IV

Con ơi! ruột mẹ ngẩn như tương,
Bấy nổi ba chìm rất thảm-thường!
Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lạy nước sông Hương.
Quê người đành gửi thân trăm tuổi,
Cuộc thế mong gì nợ bốn phương.
Mẹ cũng trông mau rồi một kiếp,
Để cho vẹn-vẽ mối cương-thường.

V

Cương-thường gánh nặng cả hai vai,
Biết tỏ cùng ai, ai hỡi ai?
Để bụng chắc e tơ đứt ruột,
Hở môi còn sợ vách nghiêng tai.
Trăng khuya nghiêng bóng chênh-chếnh một,
Kính bể soi mình tẻ-tẻ hai,
Nhắn thử từ đây qua tới đó,
Đường đi non nước độ bao khơi?

VI

Bao khơi non nước chẳng hay cùng,
Xin gửi hồn ta đến ở chung.
Hôm sớm cho tròn luôn một tiết,
Trước sau không thẹn với ba tùng,
Quê nhà có kẻ lo săn-sóc,
Đất khách nương nhau khoái lạ-lùng.
Mộng tỉnh chưa xong vừa chớp mắt,
Trống lầu đâu đã đồ tung-tung.

VII

Đã đồ tung-tung tiếng trống thành,
Giật mình thức dậy mới tan canh.
Sương sa lác-đác trên cành lá,
Gió thổi hiu-hiu tựa bức mành.
Cảnh ấy tình nay thôi hết muốn,
Trời kia đất nọ nỡ cho đành.
Thương nhau chẳng được cùng nhau trọn,
Xin hẹn cùng nhau kiếp tái-sinh.

VIII

Kiếp tái-sinh biết có gặp không?
Kiếp này đành thẹn với non sông.
Chiếm-bao lận-đận theo chân bướm.
Tin-tức bơ-vơ lạc cánh hồng.
Tính tới tính lui thân cá chậu.
Lo quanh lo quẩn phận chim lồng.
Đã không chung hưởng thời thôi chớ!
Sao nỡ xa nhau chồng hỡi chồng!

IX

Hỡi chồng có thấu nỗi này chăng?
Sóng gió khi không dậy đất bằng.
Non nước chia hai trời lộng-lộng,
Cha con riêng một bể giăng-giăng.
Mối sầu kia gỡ quanh chưa dứt,
Giọt thảm này tuôn bận khó-khăn.
Ngán bấy cuộc đời khôn gượng-gạo,
Canh chầy còn ở dưới cung trăng.

X

Ở dưới cung trăng luống nỉ-non,
Đắng cay như ngậm trái bồ-hòn.
Khói mây giọng quốc nghe hơi mỏi,
Sương tuyết mình ve nhắm đã mòn.
Lắng mỗ làng xa nghe cốc-cốc,
Tiếng chuông chùa cũ động boong-boong.
Nỗi niềm ai biết ta thương nhớ,
Chồng hỡi chồng, con hỡi con!

NGUYỄN BÁ-THỤY *sao-lục*

Núi Vọng phu

Núi Vọng-phu ở bên động Tam-thanh hình như người đàn bà ôm con, tục truyền rằng : chồng nàng Tô-thị đóng ngoài cửa ải, nàng Tô ngày ngày ôm con lên ngọn núi đứng trông chồng, lâu ngày hóa thành ngọn núi đá.

Ngọn núi như in chiếc bóng hồng,
Ấy nàng Tô-thị đứng trông chồng.
Xa-xôi dặm liễu chàng đâu tá?
Thơ-thẩn đầu non thiếp nhớ mong.
Chỉ núi thề non lòng chẳng chuyển,
Tầm mưa gội gió vẻ càng trong.
Núi sao lại đứng như người nhỉ?
Bia miệng nghìn thu chuyện có không?

Chùa Tam giáo

Hang sâu ai khéo dựng nên chùa,
Nước biếc non xanh đúc một hồ.
Cũng muốn vui chơi phong-cảnh bụt,
Ba sinh đã được mấy lần tu?

Ngày tết Nguyên-đán

Năm mới đưa nhau chúc tuổi trời,
Tuổi trời nay đã đúng năm mươi.
Mừng xuân âu-yếm cành hoa nở,
Tiếp khách nâng-niu cốc rượu mời.
Yêu trẻ muốn cho đàn trẻ đến
Tính già thêm lắm bạn già chơi.
Xuân đi xuân lại xuân còn mãi,
Giấc mộng hoàng-lương nghĩ cũng dài.

Khuyên đồng-bào nên thiết-lập thương cục

I

Vàng đồ sông Ngô nghĩ cũng hoài,
« Tầy chay » hãy thử một phen chơi.
Đã cam đánh trống qua nhà sấm,
Lại muốn đem chuông đấm nước người.
Thương-cục từ đây nên mở rộng,
Lợi-quyền không lẽ chịu thua ai.
Đồng-tâm gắn bó lời kim-ngọc,
Đừng để trăm năm một tiếng cười.

II

Phen này không chịu chú Hoa-thương.
Quốc-hóa đua nhau giữ mối hàng.
Buôn bán ăn nhờ cơn vận đỏ,
Khôn ngoan không hổ giống da vàng.
Cái gương đoàn-thể nên treo vách,
Ngọn đuốc văn-minh đã dẫn đường.
Giấc mộng nào ai chưa tỉnh dậy?
Lắng tai báo-quán vẫn khua chiêng.

Thương Kiều gặp phải mụ Hoạn-thư ghen tuông rất nghiêm-khắc.

Trước hàm sư-tử gửi đằng-la,
Oan-nghiệt vì đâu giở mối ra!
Bó gối ngán thay chàng tuổi trẻ,
Trêu gan riêng giận chị trăng già.
Nước non chan-chứa hai hàng lệ,
Sương tuyết khô chồi một cánh hoa.
Mới biết chồng chung chiều cũng khó,
Ai ơi nhẫn nhủ bạn quần-thoa.

Hiểu-thị tổng-lý về việc cai-trị về pháp-luật

Quyền phép việc cai-trị,
Phủ huyện đều chuyên-nha.
Thừa-hành có tổng lý,
Theo lệnh Sơ-cấp tòa.
Việc quan phải chăm-chỉ,
Cửa quan ưa thực-thà.
Sao cho việc cầm-phòng,
Sộm cướp đều tránh xa.
Sao cho việc sưu-thuế,
Dân-sự đừng kêu-ca.
Thưa kiện sinh thù-khích,
Sao bằng bảo nhau hòa.
Nếu biết lẽ phải trái,
Sao phải phiền hỏi tra.
Thương thay kẻ ngu-dại,
Ghét thay kẻ điêu-toa.
Nhà nước đặt pháp-luật,
Phạm luật nào co tha.
Ơn oán chúng mặc chúng,
Công-bằng ta biết ta.
Bổng-lộc nhờ ơn nước,
Dân con như một nhà.
Văn-minh dần kết-quả,
Mới bõ công trồng hoa.

Lên núi Voi.

Núi Voi ở xã Tiên-hội, thuộc huyện An-lão tỉnh Kiến-an. Trên ngọn núi có bàn cờ tục gọi là bàn cờ tiên, giữa núi có hang, trong hang có hai cái giếng đá tục gọi là họng voi. Nhà Mạc trước có đóng quân ở đấy, có hang tiền hang thóc di-tích đến nay hãy còn.

I

Non xanh không khác cảnh Đào-nguyên,
Bốn mặt quanh co sẵn bậc lên.
Ngọn núi bàn cờ còn dấu cũ,
Cõi trần sao lại gặp người tiên.

II

Thợ trời khéo vẽ cảnh chơi chung,
Thăm-thẳm hang sâu có lối thông.
Non nước xưa nay nhàn cũng khó,
Vào tay danh-sĩ với anh-hùng.

III

Nhà Mạc đem quân đóng núi này,
Kho tiền kho thóc chất hang mây.
Gian-hùng cát-cứ còn đâu tá,
Chỉ thấy đầu non đám cỏ may.

Hai lần chơi động Tử-trầm

Trải mấy đời nay Trình với Lê,
Tang-thương mấy cuộc vẫn còn bia.
Câu thơ vách đá rêu mờ-mịt.
Ngọn đuốc hang mây bóng lập-lòe.
Nhớ cảnh ngựa còn quen lối cũ,
Khua chuông chim cũng lắng tai nghe.
Anh-hùng danh-sĩ còn chơi đó,
Cửa động còn in dấu ngựa xe.

Chùa Hương-tích

I

Xinh thay phong-cảnh chốn yên-hà,
Phật-tượng trang-nghiêm dựng một tòa.
Cửa động đường mây sâu thẳm-thẳm,
Dưi hồng xe ngựa cách xa-xa.
Sáng choang vách đá hai cây sập,
Thơm nức thềm lan mấy chậu hoa.
Nghe tiếng chuông chùa nghe tiếng kệ,
Mộng-hồn gọi tỉnh giấc Nam-kha.

II

Thăm-thẳm hang mây một dẫy chùa
Chơi chùa ta cũng niệm na-mô.
Hương bay khói tỏa thơm nghìn dặm,
Nước biếc non xanh đúc một hồ.
Cầu phật cầu tiên vui cảnh lạ,
Tiếng chuông tiếng kệ giục lòng tu.
Thiên-thai bồng-đảo này đây nhỉ ?
Ngọn bút nào ai khéo điểm-tô ?

Vườn Bách-thú

Dạo xem phong-cảnh chốn vườn tây,
Bách-thú nuôi chung một chốn này.
Đám cỏ ngát-ngào hương phấn-đại,
Trên không thấp-thoáng bóng tàu bay.
Cây rà bóng mát hàng xe đỗ,
Nước tưới đường đi dấu ngựa giầy.
Cảnh khéo ưa người, người mến cảnh,
Chiều chiều thơ-thần đều chơi đây.

Hồ Tây

Phong-cảnh hồ Tây đẹp lạ-lùng !
Nghìn năm vượng-khí đất Thăng-long.
Lênh-đênh chèo quế chơi dòng biếc,
Bát-ngát hương sen lẫn bóng hồng,
Một dải lâu-đài đèn điện chiếu,
Bốn bề trăng gió vẻ thu trong.
Đêm thanh nghe tiếng chuông chùa Trấn,
Mấy cuộc tang-thương một giấc nồng,

Bài yết văn - miếu tỉnh Sơn - tây

Miếu này dựng ở trên ngọn núi đất xã Mộng-phụ huyện Phúc-thọ, đường đàn sáng-khải, rừng thông rườm-rà, hai bên tả hữu lương-vu lại xây hai cái lầu cao, một bên treo chuông một bên treo khánh, miếu này ai cũng cho là đẹp nhất xứ Bắc-kỳ.

Chót-vót lầu cao tiếng khánh vang,
Rừng thông thấp - thoáng bóng thu-dương.
Cung-tường bốn mặt miền Tây-thổ,
Công-đức nghìn thu vị Tứ-vương.
Phong-hội đổi thay nền học-thuật,
Non sông xây vững cột cương-thường.
Còn trời còn đất còn nho-giáo,
Nhật nguyệt hai vầng vằn chói-chang.

Yết đền bà Trưng-vương

(Ở xã Hát-môn thuộc về huyện Phúc-thọ)

I

Âu Lạc riêng trời đất,
Anh-hùng dựng núi non.
Thường chồng liều má phấn,
Vì nước dãi lòng son.
Nhất-thống gương từ đó,
Nghìn thu miếu vẫn còn.
Hát-giang dòng nước biếc,
Vằng-vặc bóng trăng tròn.

II

Khuê-các dòng danh-tướng,
Non sông nổi nước nhà.
Châu Phong cờ độc-lập,
Cửa Hát trận xông-pha.
Trung-liệt gương thiên-cổ,
Anh-linh miếu một tòa.
Vẻ-vang nền tổ-quốc,
Công-đức nhớ hai bà.

Đi hộ đê

Gió giật mưa dầm sự bởi đâu ?
Bởi vì giọt lệ vợ chồng Ngâu.
Quan-nha vất-vả phòng đê-bối,
Tổng-lý bung-xung chực địa-đầu,
Cá ngạc khép vây lùi xuống bể,
Chim hồng nhẹ cánh vượt ngàn dâu.
Nước lên dẫu lớn đê còn vững,
Ngán nỗi phong-sương phận dãi-dầu.

Vịnh núi Tản-viên

Chót-vót non xanh một dải liền,
Bút hoa khéo vẽ cảnh thần-tiên.
Suối tuôn róc-rách khe trong vắt,
Rừng rậm miên-man đá mọc chen.
Tầng núi khéo thay ba vị họp,
Đường mây dễ dễ mấy người lên.
Địa-đồ trong nước ba phần núi,
Cao nhất trời Nam núi Tản-viên.

Nhà nho gặp thời

Nhờ phận nhờ duyên lại gặp thời,
Đường mây thăm-thẳm bước thanh-thơi.
Mười năm đèn sách công là mãy,
Hai chữ khoa-danh nợ trả rồi.
Đằm thắm ơn vua và lộc nước,
Bảnh-bao bóng thánh với đèn trời.
Tiếng-tăm lừng-lẫy miền Nam-hải,
Nề-nếp trâm-anh trải mấy đời.

Nhà nho lỡ thời

Đã mấy đời nay giữ nghiệp nho,
Chẳng là ông cống cũng ông đồ.
Tài-tình chi lắm trời thêm ghét,
Cơ-hội vì đâu bác chịu thua ?
Ngán nỗi dài lưng thêm tốn vải,
Buồn cơn bán chữ biết ai mua.
Cam lai khổ tận âu đừng ngại,
Ruộng bút xưa nay chửa mất mùa.

Phong-cảnh Phủ Nho-quan

(thuộc tỉnh Ninh-bình)

Nhà Đinh ra mở nước,
Bờ cõi rộng miền - man.
Quốc-hiệu gọi Cổ-Việt,
Kinh-đô đóng Trảng-an.

Đặt ra phủ Thiên-quan.
Cai-trị dân Mường Thổ.
Sau đến quốc-triều ta,
Nho-quan đổi tên phủ.

Phong-cảnh trong tỉnh-hạt,
Nho-quan vào bậc nhì.
Lòng sông nước trong vắt,
Ngọn núi đá xanh rì.

Phủ này tuy thượng-du,
Thực là chốn đô-hội.
Đường-xá cực khang-trang,
Tàu bè vẫn đi lại.

Gửi thư có giây thép,
Chữa thuốc sẵn nhà thương.
Sớm sớm chuông chùa phật,
Đêm đêm trống rạp tuồng.

Thành-thị đã phiền-hoa,
Sơn-lâm cùng cảnh-trí.
Xinh thay động Phúc-lương,
Kém gì hang Dục-thúy.

Dân-cư trong một hạt,
Dân Thổ và bán Hoa.
Phong-tục vẫn chất-phác,
Học-hành còn kém xa.

Nhà nước mấy năm nay,
Đã đặt trường Tổng-học.
Muốn đem đuốc văn-minh,
Soi khắp hang cùng-cốc.

Muốn cho dân thịnh-vượng,
Cần nhất sự cải-lương.
Xây vững nền luân-lý,
Bỏ những thói hỗ-hương.

Trong phủ ít việc quan,
Thành-hoa lúc thong thả.
Cầm bút chép bài này.
Toàn là sự thực cả.

Chiêm-bái miếu vua Đinh-tiên-hoàng

Miếu này thuộc về xã Trường-an, huyện Gia-viễn, tỉnh Ninh-bình. Trường - an đời trước gọi là Hoa lư. Kinh-đô vua Đinh-tiên-hoàng ở đấy, miếu-mạo nguy - nga cây cối sầm-uất, non sông bao bọc vòng quanh, thực là một nơi danh-thắng.

Nghìn Thu sùng-bái đức Tiên-hoàng,
Miếu-mạo còn ghi Vạn-thắng-vương.
Cây cỏ rườm rà reo ngọn gió,
Hoa lau phất-phới đậm mầu sương,
Non sông Cổ-Việt nền quân-chủ,
Thành-quách Hoa-lư bóng tịch-dương.
Trải mấy đời nay vùng thổ mán,
Biết bao con cháu đất Quan-Lang (1).

Đề ảnh truyền-thần

Tỏ mặt tu-mi đám bụi hồng,
Tuyết sương dầu-dãi vẻ càng trong.
Ơn vua trang-điểm mầu son phấn,
Mùi thế phong-lưu miếng đỉnh-chung.
Một bước nhẹ-nhàng duyên với phận,
Hai vai đầy-đặn hiếu hòa trung.
Mảnh gương thanh-bạch dành con cháu,
Con cháu nghìn thu biết mặt ông.

Tặng cô đào Mai

Nổi tiếng tài-hoa đám nữ-quyền,
Hờn vì chút phận giận vì duyên.
Giọng tình lai-láng dăm hàng chữ,
Bể ái lênh-đênh một chiếc thuyền.
Tế-độ nào ai người quốc-sĩ ?
Phong-trần thương nỗi khách thuyền-quyên !
Khuyên nàng cứ gửi bài đăng báo,
Bán chữ đời nay cũng có tiền.

---

(1) Truyền rằng thầy địa-lý xem ngôi mộ to nhà Đinh phê rằng : « Nhất đại vi đế, vạn đại vi Lang ».

Họa bài thơ của quan Đốc Ninh-bình về hưu-trí

Muốn trách ông xanh lại nực cười,
Khuôn-thiêng lừa-lọc lúc nào ngơi!
Ngắm gương kim-cổ chưa già nhỉ?
Tình nợ công-danh đã trả rồi.
Chung-đỉnh dầu ngon càng ngán dạ,
Áo xiêm tuy cũ chửa phai mùi.
Lại đem sách cũ về nơi cũ,
Sông Nhị non Nùng lắm thú chơi.

Lên núi Dục-thúy

Núi này liền với thành-phố tỉnh Ninh-bình, phong-cảnh thực đẹp, Cụ Trương Văn Siêu đời nhà Trần xưa có làm nhà ẩn ở trên núi.

I

Trải mấy đời nay cuộc hải-tang,
Non xanh vẫn thấy khóm hoa vàng.
Núi này ướm hỏi ai là chủ,
Bia đá còn ghi dấu cụ Trương.

II

Phẩm-đề tình những cảnh làng thơ,
Vách đá rêu xanh chữ chửa mờ.
Cảnh khéo ưa người người mến cảnh,
Ai hay nối gót cụ Trương xưa.

III

Núi cao sao khéo dựng lâu-đài,
Một bức thiên-nhiên cảnh tuyệt vời.
Khóm cúc còn xanh hoa vẫn nở,
Nước non chờ đợi mặt làng chơi.

Bút sắt

Khi xưa anh ở xứ Âu-Tây,
Gặp hội đồng-văn mới tới đây,
Bốn bề vẫy vùng ba tấc quản,
Năm châu ngang dọc một bàn tay.
Gây nền học thuật ưa người trẻ,
Giữ ngôn văn-chương đáng bậc thầy,
Trên mặt địa cầu ai cũng chuộng,
Vẻ-vang danh-giá nhất đời nay.

Bút lông

Coi anh cũng đáng bậc mày râu,
Giấc mộng sinh hoa trải bấy lâu.
Đạo-thống mở-mang nền Khổng-gi
Tiếng-tăm lừng-lẫy cõi Nam-châu.
Non sông tô-điểm càng thêm vẻ.
Nghiễn-tịch chơi-bời vẫn có nhau.
Một cuộc đổi thay đừng hối-hận,
Khi xưa anh đã được phong hầu.

Phong-cảnh Đồ-sơn

Đồ-sơn địa-giới giáp Hải-phòng,
Đồ-sơn phong-cảnh đẹp lạ-lùng!
Lâu-đài một dải liền bãi bể,
Dẫy núi quanh-co gọi Cửu-long,

Cưỡi xe đăng-sơn chơi đỉnh núi,
Núi khe róc-rách tuôn nước suối.
Ào-ào nghe tiếng gió thông reo.
Gió thông quạt sạch vạt áo bụi.

Đồ-sơn nay đã mở thông-thương.
Xuất-cảng nhập-cảng tiện mọi đường
Tàu buôn các nước vẫn đi lại,
Cột đèn cửa bể đêm sáng choang.

Thuyền lan đủng-đỉnh chơi bãi bể.
Nước bể tuy mặn tắm lại khỏe.
Khi trời mùa hạ như mùa xuân,
Trời càng nóng-nực càng mát-mẻ.

Trong cõi trần-ai mấy lúc nhàn,
Lúc nhàn nên giở cuộc du-quan.
Non nước thiếu gì nơi hóng mát,
Sao bằng hóng mát bể Đồ-sơn.

Mùa nực chơi hồ Hoàn-kiếm

Xinh thay hồ Hoàn-kiếm,
Phong-cảnh ngày mở-mang.
Bao-bọc mấy dẫy phố,
Vòng quanh bốn mặt đường.
Ngọc-sơn chùa ở giữa.
Nghi-ngút mùi khói hương,
Vua Lê đền bên cạnh,
Anh-hùng cổ đế-vương,
Cây cối cảnh sầm-uất,
Đường-sá vẻ khang-trang.
Ngựa xe chiều hóng mát,
Đèn điện đêm sáng choang.

Hoa sen thơm bát-ngát,
Nước hồ trong như gương.
Lạ thay chốn náo-nhiệt,
Lại có thú thanh-lương.

Hưng-hoá thành hoài cổ

Trước là tỉnh Hưng-hóa,
Nay là huyện Tam-nông.
Bốn mặt thành đất tá,
Hai chiều chợ vẫn đông.
Cột cờ còn dấu cũ,
Cây cổ nhớ công giồng.
Núi Tản tầng mây cách,
Sông Thao ngọn nước trong.
Ngày ngày trông đỉnh núi,
Rực rỡ miếu vua Hùng.

Hùng-vương hội kỷ niệm ca

Cõi Nam riêng một góc trời,
Hùng-vương gây dựng đời đời nghiệp vua.
Phong-châu là chốn kinh-đô,
Chia mười lăm bộ, bản-đồ mênh-mông.
Trứng rồng lại nở ra rồng,
Nghìn con muôn cháu vốn dòng Lạc-long.
Cây kia ăn quả ai trồng ?
Sông kia uống nước hỏi dòng từ đâu ?
Quân-thần hai chữ trên đầu,
Hiếu-trung hai chữ dãi-dầu lòng son,
Ba tòa chót vót đầu non,
Nghìn thu sùng-bái vẫn còn khói hương.
Bụi hồng mấy cuộc tang-thương,
Bia xanh còn đó, khoán vàng còn đây.
Trời cao bể rộng đất dầy,
Sông Thao núi Tản chốn này lạm ghi.
Bốn bề cây cối xanh rì,
Nhìn xem phong-cảnh khác gì Đào-nguyên.
Đường mây sẵn bậc bước lên,
Rõ-ràng lăng-miếu mẹ Tiên cha Rồng.
Năm năm mở hội đền Hùng,
Tiếng-tăm lừng lẫy nức lòng gần xa.
Nước non vẫn nước non nhà,
Hơn hai mươi triệu cũng là anh em.
Ai ơi, xin dốc một niềm,
Gây nền đoàn-thể lên thềm văn-minh.
Nhiều cây nên đám rừng xanh.
Non sông thêu dệt cũng thành gấm-hoa.
Bốn nghìn năm nước chửa già,
Nước càng trẻ lại mới là nước non.
Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Con Hồng cháu Lạc lại còn kém ai.
Đồng-tâm gắn bó một lời,
Nhớ ngày kỷ niệm mồng mười tháng ba.

Lý-khê ĐẶNG VŨ-TRỢ

THÒI-ĐÀM

Việc thế-giới

Tình-hình chính-trị ngoại-giao trong thế-giới. Gần đây các báo tây sang đã nhiều, có thể biết được rõ đầu đuôi các việc chính-trị ngoại-giao lớn xảy ra trong thế-giới trong khoảng mấy tháng nay. Vậy kỳ này xin lược-thuật các việc thuộc về tháng chín và tháng mười. — Việc quan-hệ nhất là việc nước Đức vào Hội Vạn-quốc. Có nhà báo bàn về việc ấy đã nói như sau này : «Người đời sau thường đem việc đời trước chắt-lọc lại mà truyền dạy cho bọn thanh-niên, gọi là sử-học, khác nào như đem chất lịch-sử mà bào-chế, hoàn-tán, luyện thành thuốc viên để cho con trẻ dùng. Nay ta thử ước-lượng ba bốn trăm năm về sau, trong cái viên thuốc lịch-sử của người đời bấy giờ dùng, phân-tích ra xem, chắc thấy việc tháng chín năm 1926 chiếm một phần to vậy. Việc tháng chín năm 1926 xuất-sắc nhất là việc nước Đức vào Hội Vạn-quốc, thật là khai mạc cho một thời-kỳ mới trong chính-trị Âu-châu vậy.» — Ngoại-giả, còn mấy việc nữa, như việc ngoại-giao nước Ý, việc thợ mỏ nước Anh, việc nội-chính nước Pháp, việc nội-loạn nước Tàu, sau này cũng lần-lượt thuật qua, nhưng không việc gì quan hệ bằng việc Đức vào Hội Vạn-quốc và việc Đức với Pháp đương tìm đường thân-thiện với nhau, các báo tây bằng ngày chỉ thấy bàn về chuyện đó.

Đức vào Hội Vạn-quốc. — Việc Đức vào Hội Vạn-quốc đã nói dạo từ đầu năm, đem ra bàn ở hội-đồng trị-sự Hội Vạn-quốc hồi tháng 3, nhưng định không xong, vì trong hội-đồng trị-sự số chân thường-trực đã nhất-định, muốn cho Đức vào một chân tất phải bãi nước khác ra, mà bãi nước nào cũng là không tiện cả, sau mới bàn sẽ sửa-đổi lại cách tổ-chức trong hội-đồng, đặt ra ngoài các chân thường-trực mấy chân tạm-thời, và sẽ để đến kỳ hội-đồng tháng chín quyết-nghị. — Ngày mồng hai tháng chín hội-nghị Hội Vạn-quốc họp để quyết-nghị về cách chỉnh-đốn. Nguyên nước Tây-ban-nha (*Espagne*) vẫn có chân thường-trực, nay ý hội Vạn-quốc muốn cho nước Đức vào chân ấy, định bãi nước Tây-ban-nha ra chân tạm-thời, thủ-tướng Tây-ban-nha là PRIMO DE RIVÉRA, tỏ ra không bằng lòng, muốn xin ra Hội. Kỳ hội-đồng tháng 9, hội-nghị đã hết sức điều-đình không xong, đành phải chịu để cho Tây-ban-nha ra Hội. Đến ngày mồng 7 tháng 9 thì hội Vạn-quốc họp đại-hội-đồng lần thứ bảy ở *Genève*, ông NINTCHITCH là ngoại-tướng nước *Yougo-slavie* làm chủ-tọa. Xét đến việc nước Đức xin vào Hội Vạn-quốc thì cả hội-đồng ưng thuận không ai phản-đối gì cả. Ngày mồng 10 tháng 9, đại-biểu nước Đức là ba ông STRESEMANN, VON SCHUBERT và GAUSS vào giải tọa, ông STRESEMANN thay mặt nước Đức diễn-thuyết cảm-ơn Hội Vạn-quốc. Ông BRIAND là ngoại-tướng nước Pháp, vừa thay mặt Hội Vạn-quốc, vừa thay mặt nước Pháp, diễn-thuyết đáp lại. Thiên-hạ xem ra chú-ý về hai bài diễn-thuyết ấy lắm, vì những lẽ như sau này : Đức từ khi chiến-tranh đến giờ vẫn bị các nước chiến-thắng mục cho là tên tội-nhân, kẻ đại-ác của loài người, thế mà nay vì tình-thế trong thiên-hạ được vào ngồi bằng-đẳng với Liệt-cường, thì cái thái-độ của Đức đối với Liệt-cường, Liệt-

cường đối với Đức thế nào ; lại Pháp với Đức là hai kẻ thù thiên-cổ với nhau nay gặp nhau cùng một Hội, ngồi nhau cùng một chiếu sẽ đối-đãi nhau thế nào, nói với nhau những lời thế nào. Xét bài diễn-thuyết của ngoại-tướng Đức thì lời-lẽ ôn-thỏa lắm, không có một câu nào xúc-phạm, ai cũng khen là Đức biết điều lắm. Đến bài diễn-thuyết của ngoại-tướng Pháp thì có cái vẻ hùng-hồn cảm-động, chan-chứa một tấm lòng hiếu hòa-bình, như đóng-dã, như thúc-giục cho Vạn-quốc đề-huề với nhau để gây lấy hạnh-phúc cho loài người và tuyệt hết cái họa chiến-tranh về sau này ; đối với Đức, một lòng hoan-nghênh, không có lời oán-hận, không có giọng chua cay gì. Các báo đều khen bài diễn-thuyết ấy là lời lẽ quảng đại, ý-tứ cao-sâu, thật là vẻ-vang cho nước Pháp, khi nghe xong, cử-tọa lấy làm thâm-phục lắm. Có người nói rằng buổi nghênh-tiếp nước Đức vào Hội Vạn-quốc do thật là một ngày đáng kỷ-niệm trong lịch-sử thế-giới và nghe lời diễn-thuyết hôm ấy tưởng như loài người đã thoát hẳn ra ngoài cái vòng dã-man tranh-cạnh và vẫy-vùng trong chốn đạo-lý cao-xa. Hoặc có kẻ nói bay càng cao rồi ngã lại càng đau mà thôi, và việc thế-giới không phải lấy những lời không-ngôn tốt đẹp mà giải-quyết được. Tuy-nhiên gặp những cơ-hội trịnh-trọng như việc Đức vào Hội Vạn-quốc, mà đại-biểu hai nước Pháp Đức biết bỏ cả những nỗi hiềm-nghi riêng, nói ra những lời đậm-đà thiết-tha như thế, thì cũng đủ chứng rằng việc thế-giới ngày nay không phải toàn là những chuyện tranh-quyền cướp-lợi cả, và cũng có một phần đạo-lý ở đấy, có thể trông cậy được.— Nước Đức đã được nhận vào Hội Vạn-quốc rồi, còn phải giải-quyết về việc các nước khác có chân trong Hội-nghị. Đại-hội-đồng cũng theo lời bàn của Hội-nghị mà bầu cho mấy nước sau này vào chân tạm-thời trong hội-nghị : *Pologne*, *Chili*, *Roumanie*, được bầu ba năm ; *Colombie*, Hòa-lan và nước Tàu, được bầu hai năm ; nước Ii, nước *Salvador* và *Tchéco-Slovaquie* được bầu một năm. Nước *Pologne* thì được đặc-cách tuyên-bố là hết hạn ba năm lại có thể tái-bầu hạn nữa. Như thế là Hội-nghị Hội Vạn-quốc đã tổ-chức lại theo thể-thức mới. Thế là giải-quyết xong cái hiềm-tượng đã nhóm lên tự tháng ba trước mà diên-man mãi đến bấy giờ, hiềm-tượng ấy đã từng khiến cho thiên-hạ lo cho tiền-đồ Hội Vạn-quốc không biết có khỏi đến khuynh-đảo không. Nay Đức đã được vào Hội trót-lọt không bị ai ngăn-trở, lại đặt ra mấy chân tạm-thời ở Hội-nghị để đãi các Liệt-cường vào bậc nhì bậc ba, không đến nỗi mất lòng nước nào, thế là việc ổn-thỏa cả. Duy có nước *Brésil* thì vì việc này đã từng xin ra Hội từ đầu năm, một kỳ trước đã nói rồi. Nước Tây-ban-nha thì đến kỳ đại-hội-đồng cũng công-nhiên xin ra Hội ; nhưng theo thể-lệ Hội Vạn-quốc hai nước ấy còn phải đợi hai năm nữa mới thật coi là ra Hội hẳn. Song chắc các Liệt-cường chủ-trương Hội Vạn-quốc cũng cho rằng mất hai nước *Brésil* và *Espagne* mà được một nước Đức, không phải là thiệt gì, cho nên việc đó cũng không cho là quan-hệ chi lắm, và có người đã nói rằng : « Hội Vạn-quốc không có Tây-ban-nha không phải là không sinh-tồn được Hội Vạn-quốc lấy sự hòa-bình làm tôn-chỉ, tôn-chỉ ấy vẫn giữ được hoàn-toàn, không những thế, kỳ hội-đồng mới rồi lại từng tuyên-bố lên một lần nữa một cách rõ-ràng mạnh-mẽ hơn, tuyên-bố rồi lại thực-hành ngay đấy, thế mới lại càng rõ-rệt hơn nữa. Hiện nay Hội Vạn-quốc cũng đã gồm được khá nhiều nước lớn trong thế-giới, đủ sức mà sinh-tồn, mà hành-động được. Nước Tây-ban-nha hồi đầu đã vui lòng tán-thành cho hội

Vạn-quốc, sau lại chiếm một địa-vị to trong Hội, nay vì lẽ riêng mà ra Hội, chắc rồi sẽ nghĩ lại mới biết rằng sự thoái-bộ như thế là có thiệt chứ không có lợi cho mình. Vả lại, không dám khinh gì nước Tây-ban-nha, nhưng việc Đức vào Hội Vạn-quốc còn có ảnh-hưởng cho thế-giới sâu-xa hơn là việc Tây-ban-nha xin ra Hội. Việc Đức vào Hội Vạn-quốc là một sự kết-quả tất-nhiên của chính-sách Liệt-cường tự hội-nghị *Locarno* đến giờ, mà hội-nghị *Locarno* cũng lại là cái kết-quả tất-nhiên của tình-thế Âu-châu tự sau khi chiến-tranh đến giờ. Âu-châu mà bỏ hẳn nước Đức ra ngoài, thì sự sinh-hoạt của Âu-châu tất bị khiếm-khuyết và không được vững-vàng »—Hoặc-giả nói Đức tham-dự vào Hội Vạn-quốc chắc không khỏi thay-đổi cái phương-châm của Hội Vạn-quốc, gây ra phe đảng mới, thành ra những việc tranh-đành, việc vận-động nước nọ đối với nước kia, cũng có nhiều điều khó xử về sau này. Ở nước Pháp cũng nhiều người biết như thế, nhưng những người biết điều đều cho việc thân-thiện với nước Đức là điều tất-nhiên không thể trì-hoãn được. Nói cho phải thì việc này thật là công to ở hai ông ngoại-tướng Pháp và Đức Briand và Stresemann. Hai người khi ở Hội-đồng Hội Vạn-quốc về có họp riêng với nhau ở làng *Thoiry* bên Thụy-sĩ, cùng nhau nói chuyện lâu lắm, chuyện bí-mật, các báo không được biết rõ. Duy ngày 21 tháng 9 các quan Nội-các Pháp có họp hội-đồng ở *Paris* để nghe ông Briand thuật lại về việc hội-diện với ngoại-tướng Đức, thì thấy nói rằng cả Nội-các đều biểu-đồng-ý với ông Briand cả. Như thế thì chính-sách thân-thiện với Đức không phải là ý-kiến riêng của một ông Briand như có người tưởng lầm như thế, chính là chính-sách chung của cả Chính-phủ Pháp, và có lẽ đại-đa-số trong nghị-viện Pháp cũng đồng-ý như thế. Về phần nước Đức thì xem ra cái địa-vị của ông ngoại-tướng Stresemann có điều khó-khăn hơn ông Briand nhiều, vì dư-luận nước Đức còn có một phần vẫn thiên về chủ-nghĩa quốc-gia quá, và không khứng hoan-nghênh cái chính-sách thân-thiện với Pháp, cho nên ngoại-tướng muốn cho nghị-viện và quốc-dân theo không khỏi phải vận-động khó nhọc mới được. Như xét trong dư-luận nước Đức vẫn còn thấy thảo-luận hăng-hái về vấn-đề trách-cứu trong việc chiến-tranh, trách-cứu ấy Đồng-minh muốn đổ cho Đức, Đức nhất-định không chịu; lại thường thấy nói đến việc bãi quân Đồng-minh ở hạt sông *Rhin* về, việc này Đức cũng dương cố yêu-cầu cho được. Mấy việc đó là những cớ xung-đột với Pháp cả. Hai ông Briand và Stresemann vẫn gia sức điều-đình cho xuôi, nhưng không biết quốc-dân hai bên có giữ được cái thái-độ ôn-kiện như thế không. Xem cái ý-kiến chung thì tưởng về phần nước Pháp cũng như về phần nước Đức, cái lòng khao-khát hòa-bình có lẽ dương thắng hơn những nỗi hiềm-thù cũ, như thế thì mong sự xung-đột cũng không đến nỗi nào. — Về đường kinh-tế, một kỳ trước đã nói rằng bốn nước Pháp, Đức, Tỉ và Lực-xâm-bảo (*Luxembourg*) muốn cùng nhau họp một cái liên-hiệp công-ti về nghề chế sắt để điều-đình việc sản-xuất và hạn-chế sự cạnh-tranh. Liên-hiệp công-ti ấy nay đã họp thành rồi. Xét về kinh-tế-thượng, việc đó cũng có cái ý-nghĩa về quốc-tế như việc nước Đức vào Hội Vạn-quốc vậy, nghĩa là cũng do một cái chủ-nghĩa hòa-bình, muốn cho về đường kinh-tế mấy nước sản sắt và chế sắt nhiều có thể hiệp-lực nhau mà không đến nỗi xung-đột nhau vậy.

Nói về việc nội-chính nước Đức. — Chính-phủ Đức trước sau vẫn tỏ ra thành-tâm muốn đề-huề thân-thiện với

Pháp, tức gọi là theo cái « chính-sách *Thoiry* ». Nay hai nước đề-huề với nhau thì phải làm thế nào? Cái chính-sách thân-thiện ấy phải thi hành ra làm sao? Tự sau khi hai ngoại-tướng Pháp Đức gặp nhau ở *Thoiry*, đại-sứ Đức ở *Paris* vào khoảng cuối tháng 10 thường lại họp ở bộ ngoại-vụ Pháp, chắc hai bên có điều-đình thương-thuyết việc gì mà ngoài không được rõ. Nhưng đoán cũng biết là chắc chuyên-chủ về việc tài-chính và việc kinh-tế. Có người nói nghe đâu hai bên điều-đình muốn lấy những khoản bồi-thường đồng-niên của Đức theo như trong chương-trình Dawes đã định đem ra làm tiền vốn để đặt lãi, nhưng đó còn là đoán chừng mà thôi, chưa lấy gì làm chắc. Lại theo như lời các báo nói thì nghe đâu các vé cổ-phần về hỏa-xa Đức phát-hành theo như trong chương-trình Dawes đã định, sẽ thu lại đem sang bán bên thị-trường nước Mĩ để lấy tiền. Song việc này chưa rõ tình-ý nước Mĩ thế nào. Mĩ nhiều tiền chắc cũng muốn đem ra mua cổ-phần và đặt lãi ở Âu-châu, nhưng nhất-diện còn cái vấn-đề nợ hễ chưa giải-quyết xong thì Mĩ có lẽ cũng ngần ngại không muốn xuất tiền ra mua cổ-phần của Âu-châu làm gì. Song các việc điều-đình đó hãy còn giữ kín chưa biết rõ, nên chưa thể phán-đoán được. — Có một điều chắc hẳn, là Đức đã chấn-chỉnh được tài-chính công-nghệ trong nước rồi. Người Đức vốn có tính phục-tòng, biết trọng kỷ-luật, gặp việc quan-hệ đến vận-mệnh cả quốc, có thể bỏ hết cái lòng tây riêng đi mà cùng nhau đồng-tâm hiệp-lực chấn-chỉnh cho việc nước. Bởi thế nên mới chiến-bại mà lại khôi-phục ngay được mau như thế; nước Đức được cái quốc-tính nhẫn-nại đó, thật là một cái sức mạnh đối với thế-giới vậy. — Về đường quân-sự thì nghiệm ra cái tinh-thần thượng-võ vẫn là cái căn-tính của người Đức. Chủ-nghĩa quốc-gia ở nước Đức cũng căn-cứ ở cái tinh-thần ấy. Ngạch cảnh-binh *Reichswehr* thường lạm-dụng võ-lực và khiến cho xảy ra lắm việc lưu-huyết, tỏ ra rằng trong phái quân-nhân nước Đức vẫn còn có cái ác-tập hiếu-chiến lắm. Tuy vậy về phần chính-phủ, về phần kẻ cầm quyền vẫn thường thường tuyên-bố xin quyết bỏ hẳn những cái lối thúc-giục bạo-động và tiềm-tàng võ-bị là lối của bọn quân-nhân xưa nay, lời tuyên-bố ấy xem ra cũng có ý thành-thực, chứ không phải chỉ để huyễn-diệu mà thôi. Người chủ-trương những cách hành-động bất-chánh-đáng của phái quân-nhân đó là tướng Von Seeckt, mới đây đấp hải xin từ chức thống-tướng đội cảnh-binh xem đó thì đủ biết vậy. Nguyên cái lý-do việc từ-chức này là kỳ tập-trận lớn độ trước tướng Von Seeckt đã cho phép một người con hoàng-thái-tử Đức cũ được đóng quan hai mà đi thị-binh. Nhưng có người nói đó chẳng qua là một cớ mà thôi, chư thực thì là Binh-bộ tổng-trưởng Von Gessler và tướng Von Seeckt hai người bất-bình với nhau đã lâu, một người ở tất một người phải đi. Giám-quốc Hindenburg thì có ý bênh tướng Von Seeckt. Song nhân Nội-các Marx dọa xin từ-chức cả, nên Giám-quốc cũng phải chịu. Tướng Von Seeckt về thì tướng Heye lên thay làm giám-đốc đội cảnh-binh. Hoặc-giả nói việc này chẳng qua là thay đổi người đứng đầu mà thôi, có quan-hệ gì. Tuy vậy một người hách-dịch như tướng Von Seeckt mà phải từ-chức về như thế, thì tưởng cũng là một việc quan-trọng đáng chú-ý vậy. Đội cảnh-binh *Reichswehr* cốt đặt ra là để giữ trật-tự và trị-an trong nước, nhưng thủy-chung tự tay tướng Von Seeckt tổ-chức, thường dùng cách ám-muội tăng-gia võ-bị để biến cảnh-binh thành quân-đội, lâm-thời có thể dùng trong việc chiến-tranh với nước ngoài được,

ấy cái mưu sâu là như thế. Nay Von Seeckt bị thất-thế, có lẽ là cái chứng rằng nước Đức đã dành bỏ cái mưu ngầm đó rồi. Sự thất-thế của Von Seeckt lại còn có một cái ý-nghĩa sâu-xa hơn nữa. Von Seeckt vốn vẫn có cái tư-tưởng bảo-hoàng, xem như việc cho phép con hoàng-thái-tử đi thị-binh thì đủ biết cái ý riêng của ông. Nhưng xét ra người Đức hết thảy đều phản-đối việc cho Đức-hoàng về nước, và không ai ưng muốn cho khôi-phục lại chính-thể quân-chủ nữa. Nước Đức ngày nay công-nhiên khuynh-hướng về chính-thể dân-chủ, hoặc cũng có một phái quân-nhân có lòng hoài-vọng về đế-chế, nhưng mà số đó ít, không đủ có thế-lực gì. Cho nên ở nước Pháp đã có kẻ trác-kiến hiểu rằng tình-thế nước Pháp và nước Đức ngày nay không phải là ở chỗ xung-đột nhau về võ-lực nữa, chính là ở chỗ đề-huề nhau về kinh-tế vậy. Đức xem ra suốt trong nước đều khuynh-hướng về đường kinh-tế cả, đâu đâu cũng thấy gia-sức chấn-chỉnh kinh-tế và sẵn lòng hiệp-lực với nước ngoài. Như các nhà công-nghệ Đức hiện đương điều-đình để hiệp-lực với các nhà công-nghệ Anh, lại các nhà ngân-hàng cũng xướng lên lập liên-hiệp đoàn-thể với ngân-hàng ngoại-quốc, phái thực-nghiệp nước Pháp xem ra cũng lấy làm hoan-nghênh. Nước Đức năm 1914 đương lục-tục chiếm địa-vị thứ nhất trên trường kinh-tế thế-giới. Nhưng hồi bấy giờ phái quân-nhân và phái thực-nghiệp lại có cái cuồng-mộng đồ-bá, tưởng rằng dùng cách chiến-tranh có thể mau đạt được mục-đích và sớm hơn được mươi mười lăm năm chăng. — Không ngờ sự mưu tính đó sai, không sớm mà lại chậm ra mất mươi lăm năm, lại thêm cái gánh nặng tai-hại vô-cùng, vừa về vật-chất vừa về tinh-thần, và mang một cái tội nặng với lịch-sử cùng với hậu-thế. Cái lầm to đó Đức nay đã biết rồi ; bây giờ thật là tỉnh-ngộ vậy. Cái chí ngày nay là muốn khôi-phục lại công-nghiệp năm trước, đem hết sức kiên-gan nhẫn-nại mà quyết làm cho thành. Cho nên trong việc giao-tế nước Pháp nước Đức ngày nay, câu chuyện chiến-thắng chiến-bại không có quan-hệ gì nữa, người nào còn mang cái tư-tưởng cũ mà chỉ biết chú-trọng về một chuyện đó, người Pháp thì cậy là kẻ chiến-thắng, người Đức thì cam là kẻ chiến-bại, những kẻ đó thật là không hiểu cái tình-thế mới ngày nay vậy. Cho nên nhà làm báo nước Pháp đã có lời khuyên quốc-dân rằng muốn đối-phó với tình-thế ấy cho thỏa-hợp thì phải đổi lại cái tâm-tính cũ đi, đừng có nhất-thiết sai-nghi kỳ-thị người Đức như trước nữa.

Nói về việc Tây-ban-nha. — Đương khi họp Hội Vạn-quốc ở *Genève* thì ở Tây-ban-nha việc nội-chính có điều bối-rối lắm. Độc-giả chắc đã biết rằng chính-quyền ở Tây-ban-nha ngày nay là thu cả trong tay thủ-tướng Primo de Rivera chuyên-chế, nhà vua chỉ có hư-quyền và nghị-viện cũng không chiêu-tập nữa. Quyền thủ-tướng là tuyệt-đối, vận-mệnh quốc-gia cả trong tay, cũng như Mussolini ở Ý-đại-lợi vậy. Vậy trong khoảng tháng 9 có xảy ra việc biến trong quân-đội phái quân-quan về ngạch pháo-binh muốn nổi lên chống lại với thủ-tướng. Một viên võ-tướng có thế-lực tên là Berenguer, trước vẫn bị thủ-tướng bạc-đãi, chợt được vua cử làm thống-lĩnh quân cấm-binh trong nội. Mấy việc đó đã khiến cho thiên-hạ ngờ rằng thủ-tướng có lẽ đã đến ngày yếu thế và chính-thể sẽ thay đổi chăng. Nhưng việc biến trong quân-đội vừa xảy ra, thủ-tướng liền đặt quân-luật giới-nghiêm, bọn quân phản-đối chịu phục-tòng cả, việc tướng Berenguer cũng thuyết-minh được ổn-thỏa, lại mở ra một cuộc

điều-tra chúng-dân ý kiến để mượn sức dư-luận giúp cho thế-lực chính-phủ, thì cuộc điều-tra kết-quả cũng được ổn-thỏa cho chính-phủ lắm; lại thấy báo tin sắp cho triệu-tập quốc-hội. Như thế thì ra tình-thế lại yên-ổn lắm. Song cứ xét như việc biến-động mới rồi thì có phải là quyền thủ-tướng đã có một lúc bị dao động và rồi sau mới củng-cố lại được không? Điều thứ nhất thì có lẽ là chắc hẳn, còn điều thứ nhì thì hiện nay thấy tình-thế đã yên cũng biết vậy mà thôi, chưa dám chắc rằng thế-lực của thủ-tướng đã thật vững-vàng. Phàm quan-sát việc ngoại-quốc, phải đứng vào cái địa-vị khách-quan, không thể lấy sự yêu ghét riêng mà phán-đoán được. PRIMO DE RIVERA ở Tây-ban-nha cũng như MUSSOLINI ở Ý-đại-lợi, hai người thu cả quốc-quyền vào trong tay, thật là hai tay thủ-tướng chuyên-chế, đã chuyên-chế không khỏi áp-chế, tất có kẻ oán-hận nhiều; cứ lý-thuyết thì là những nhân-vật ác-hại cho xã-hội. Nhưng bàn việc chính-trị không phải nói lý-thuyết được, phải nhất-thiết căn-cứ ở sự thực nhỡn-tiền. Nay sự thực nhỡn-tiền ở hai nước Tây-ban-nha và ở Ý-đại-lợi là thế nào? là nhờ hai tay thủ-tướng chuyên-chế đó mà suốt trong cõi đều được yên-ổn cả. Như vậy thì cái chính-sách chuyên-chế của hai người đó không phải là toàn bậy cả, cũng có cái kết-quả hay cho nước vậy. Nói riêng về nước Tây-ban-nha thì vua ALPHONSE thứ 13 vẫn có tiếng là một ông vua thông-minh dĩnh-ngộ, hiểu việc chính-trị và hết lòng yêu nước; nay vua cũng công-nhiên đề-huề với thủ-tướng, thì có lẽ cũng là cái tình thế tất-nhiên vậy. Song cứ như tin báo sắp triệu-tập quốc-hội, thì dù cách triệu-tập thế nào mặc lòng, cũng là cái chứng rằng thủ-tướng đã biết đến ngày phải thay đổi phương-châm chính-trị và phải châm-chước với dân-tình, với dư-luận một đôi chút. Sự châm-chước này rồi kết-quả ra thế nào, có người đoán rằng nước Tây-ban-nha rồi sẽ ngầm xoay về cái chính-thể đại-nghị như các nước, và đã xoay về chính-thể đại-nghị thì ở nghị-viện cùng trong quốc-dân sẽ dần dần gây nên một đảng phản-đối cũng như các nước vậy. Đó là việc sau này, ta thử nghiệm xem có đúng không. Hiện nay thì Tây-ban-nha còn nhiều việc bối-rối khác nữa, như việc dẹp loạn ở Ma-lạc-kha chưa xong, vấn-đề cửa bể *Tanger* cũng chưa giải-quyết xong.

Nói về việc Y-đại-lợi. — Trong việc xử-trị ở Hội Vạn quốc, nước Ý trước sau vẫn tỏ ra một cái thái-độ ôn-hòa lắm. Duy đối với Pháp gần đây, các báo trong hai nước hơi có tiếng bấc tiếng chì một đôi chút. Nguyên ngày 11 tháng 9 thủ-tướng Ý MUSSOLINI đương khi đi qua cửa thành La-mã, bị có kẻ ám-sát, nhưng không trúng. Thủ-phạm tên là GINO LUCETTI là người Ý nhưng trước có làm ăn ở *Marseille*, và khi làm việc ám-sát đó là mới ở Pháp về. Lúc về nước, cảnh-sát Ý-đại-lợi vẫn để yên, không có nghi-ngờ gì. Thế mà nhân việc ám-sát đó, các báo nước Ý nổi lên trách oán nước Pháp là đã cấp khí-giới cho LUCETTI làm bậy. Nước Ý tự ngày thuộc quyền chuyên-chế thủ-tướng MUSSOLINI, thì các nhà báo không có gì là tự-do ngôn-luận nữa; vậy thì những lời công-kích đối với nước Pháp thật là tự chính-phủ Ý chủ-trương vậy. Nhân những lời công-kích đó, ở *Rome*, ở *Livourne*, ở *Trieste* nổi lên những cuộc công-chúng vận-động để phản-đối nước Pháp. Bộ ngoại-vụ hai nước phải điều-đình mãi việc mới êm êm. Tuy-nhiên trong cách giao-thiệp Pháp với Ý vẫn có một chút bất-bình với nhau. Duyên-do việc này là tự cái chí của thủ-tướng Ý muốn khuếch-trương thế-lực nước Ý trong miền Địa-trung-hải, mà ngờ rằng Pháp có ý ngăn-trở, cho nên mỗi khi có dịp

diễn-thuyết ở chỗ công-chúng vẫn thường có lời chỉ ngầm nước Pháp, bình-phẩm nước Pháp có khi một cách không được lịch-sự lắm. Vả lại như một kỳ trước đã nói, thủ-tướng Ý muốn củng-cố cái thế-lực riêng, hằng ngày phải kích-động lòng ái-quốc trong dân-gian, muốn kích-động lòng ái-quốc trong dân-gian giữa lúc thái-bình vô-sự không có xung-đột chiến-tranh với ai, thì phải kiếm lấy một nước ngoài nào đặt vào cái địa-vị cừu-thù để có chỗ mà thi những cách-bộ hung-hăng, những lời nói dậm-dọa. Nước ấy bây giờ chính là nước Pháp. Nước Pháp chắc không khi nào chịu đóng cái vai kỳ-khôi đó đối với Ý. Bởi thế nên không có việc gì mà hai nước vẫn có cái ác-cảm ngầm với nhau. Song có người lo rằng chuyện chơi mà nếu cứ làm mãi rồi có ngày thành chuyện thật, ấy cũng là cái hiểm-tượng trong việc giao-tế hai nước vậy. Hiện nay đã thấy nước Ý cố tìm-tòi để kết-liên với các nước nhỏ ở Đông-Âu ; lại đã ký ước với Tây-ban-nha và thủ-tướng Ý mới rồi lại gặp nhau với ngoại-tướng Anh, hai người cùng nhau đi chơi bể, chuyện-trò lâu lắm, tất mưu-mô việc gì ; những cách hành-động đó là để gây lấy vây cánh cho nước Ý cả. Gây vây-cánh để làm gì và đối với ai ? Các báo nước Pháp thường phát ra câu hỏi đó và ngờ rằng câu hỏi đó có quan-hệ đến nước Pháp một phần to vậy.

Việc Đông-Âu Các nước ở đông-bộ Âu-châu gần đây cũng có xảy ra một vài việc thuật qua ra đây. Ở *Tchéco-Slovaquie* mới đổi Nội-các, trong Các có ông Benès, tuy không cùng một đảng với Nội-các mới nhưng vẫn lấy tư-cách nhà chuyên-môn mà chủ-trương bộ ngoại-vụ, vì ông là người có công to với nước trong việc ngoại-giao 10 năm nay, lại là một tay chính-trị có tiếng cả Âu-châu. Nay ông không cùng một chính-đảng với Nội-các mới mà vẫn được lưu-nhiệm, thế là tỏ ra rằng chính-phủ biết công và biết tài của ông, nhưng điều đó cũng có một cái ý-nghĩa nữa, là các phe đảng trong nước đã có cái khuynh-hướng muốn châm-chước hòa-hợp với nhau để gây nên một cuộc quốc-gia-liên-hiệp. Nước *Tchéco-Slovaquie* là một nước tân-tạo nhờ cuộc chiến-tranh mới rồi mới thành được, cho nên dân-tộc còn bác-tạp, quốc-thể chưa nhất-trí. Song xem cách tổ-chức cũng đã thấy có cơ-sở vững-vàng, sau này chắc sẽ thành một nơi trung-tâm điểm cho cuộc chính-trị trong cõi Đông-Âu vậy. — Ở *Pologne* thì tướng Pilsudski đã quyết ra cầm quyền chính-phủ, giữ chức thủ-tướng, thế-lực rất mạnh. Ông vốn thuộc về đảng tả, nhưng mà dùng cách chính-trị khôn-khéo được lòng cả đảng bảo-thủ và bọn quí-phái. Cuối tháng mười ông có mở hội to ở *Nieswier* là nơi vương-phủ của các ông hoàng *Radziwill*, họp cả các nhà quí phái Ba-lan lại đấy, yến tiệc vui-vẻ lắm. Lúc ấy thiên-hạ đã có người ngờ ông có cái mưu đế-chế chăng. Nhưng mà không, ông chỉ muốn thu-phục lấy nhân-tâm cả các phái trong nước, kể cũng là cái thủ-đoạn khéo, vì hiện nay ông thực là người tiêu-biểu cho cả nước Ba-lan, tiêu-biểu cho cái quốc-gia chủ-nghĩa của cả dân Ba-lan, khiến cho bản-thân ông với quốc-gia cũng là một, ông là nước, nước là ông vậy. Nước Ba-lan xưa nay vẫn phải cái nạn đảng-tranh, làm cho quốc-vận đã lắm phen suy-sút. Nay giữa lúc thế-giới da-sự, quốc-quyền thu cả vào tay một người, người ấy lại là bậc chí-sĩ, thành-tâm ái-quốc, âu cũng là một sự may cho nước Ba-lan vậy. Người Ba-lan ngày nay tất phải đồng-tâm hiệp-lực mới đủ đối phó với sự ngoại-hoạn. Đông-bắc giáp nước *Lithuanie*, gần đây vẫn muốn hầm-hè gây sự ; phía Đông tiếp liền với nước Nga, là cái lò cách-mệnh của

thế-giới; phía tây láng-diềng với Đức, là một kẻ cường-lân vẫn có cái mưu kiêm tính; hiểm-tượng ở quanh mình như thế mà trong nước lại chia rẽ nhau, thì tự-tồn làm sao được. Người Ba-lan chắc cũng hiểu như thế, nên ngày nay đem cả vận-mệnh quốc gia mà phó thác cho ông chí-sĩ PILSUDSKI vậy.

Việc nước Tỉ. — Ở nước Tỉ gần đây việc quan-hệ nhất là việc chấn-chỉnh tài-chính, đặt giá nhất-định cho tiền-tệ trong nước khỏi lên xuống bấp-bông quá. Việc chấn chỉnh này đã thử làm một lần thứ nhất không xong; lần này nhờ có ông Hộ-bộ tổng-trưởng FRANCQUI là một nhà tài-chính giỏi lắm, lại nhờ mở được một cuộc công-thái lớn năm trăm triệu tiền vàng, các nhà « băng » lớn ở Âu-châu đều có phần cả, và đem phát-hành ra các nơi thị-trường to trong thế-giới không mấy lâu được tục số ngay; nhờ được những cơ-hội tốt như thế, việc chấn-chỉnh lần sau này có kết-quả hay. Bắt đầu thì nhà nước trả cho nhà «băng» chính bốn nghìn sáu trăm triệu, thế là số nợ rút xuống có hai nghìn triệu. Lại có cuộc công-thái trên kia làm đảm-bảo, nên việc chỉnh-đốn tài-chính cũng được vững-vàng chắc-chắn hơn. Chính-phủ định thôi không cho in giấy bạc ngoài số bạc thực nữa, để giữ cho đồng phật-lăng Tỉ được có giá-trị nhất-định, nhà nước đảm bảo. Muốn cho việc hối-đoái được dễ-dàng bèn đặt ra một thứ tiền giao-dịch, gọi là tiền *belga*, giá ngang bằng-năm phật-lăng, bao giờ đổi ra phật-lăng cũng được y giá ấy. Việc chấn-chỉnh tài chính của ông hộ-bộ FRANCQUI, tóm lại có ba phần cốt yếu: 1º mở công thái, 2º trả tiền cho nhà băng, 3º đặt ra tiền *belga*, ba việc đó làm được chót lọt cả, là nhờ đã khôi-phục được lòng tin của công-chúng, cho nên bao nhiêu vé cổ phần đường xe lửa phát-hành ra bán được chạy hết, lại đặt ra được một cái « quĩ tiêu-trái » (*Caisse d'amortissement*), và được các nhà băng ngoại-quốc giúp nữa, lần trước có hứa mà không giúp hẳn, lần này mới thực sự tham dự; sở-dĩ được ngoại quốc tham-dự như thế cũng là vì việc nợ Anh và nợ Mĩ đã điều-đình xong. Nói tóm lại thì việc chấn-chỉnh tài chính của nước Tỉ thế là đã tiềm-tiệm thành-công rồi, nay mai sẽ thoát khỏi được cái vòng « hối-đoái hạ » (*change bas*), như nước Pháp và nước Ý ngày nay, vào ẽ khôi-phục được tiền-tệ bình-thường như các nước. Hiện bây giờ, vì giấy bạc không in, tiền-tệ hiếm ít, việc thương-mại công-nghệ cũng có bị đình-đốn trong ít lâu, nhưng mà chẳng qua phải khó-khăn trong nhất-thời mà thôi, tiền-đồ sau này có thể mong được thanh-thản vậy. — Về phương-diện chính-trị, thì vì vấn đề tài chính nguy cấp nên các đảng đã phải liên-hiệp với nhau để làm việc chấn-chỉnh tài-chính cho xong, nay việc đã xong rồi, có lẽ cuộc liên-hiệp ấy sẽ giải tán mất. Xem như việc bầu-cử thị-tỉnh mới rồi, thì các đảng có thế-lực bây giờ, như đảng xã-hội, đảng Cơ-đốc có ý sút kém cả, chưa biết kỳ tuyển-cử nghị-viện sau này thế nào. Ở Tỉ, việc bầu-cử thị-tỉnh đàn bà cũng có quyền bỏ vé, luật ấy lần này mới thi hành là lần đầu.

Nói về việc nước Anh. — Ở nước Anh việc thợ mỏ bãi-công vẫn nguy-kịch lắm. Bọn chủ mỏ và bọn thợ mỏ, hai bên vẫn xung-đột nhau, chính-phủ can-thiệp vào để điều-hòa cũng không xong. Về phần chủ mỏ thì thuận điều-đình riêng từng địa-phương một, về phần thợ mỏ thì lại đòi phải điều-đình chung cho cả toàn-quốc, và xin đặt một tòa án trọng-tài để phân-xử việc mỏ cho cả nước, nếu được thế thì tiền công dẫu phải giảm đi ít nhiều cũng bằng lòng. Nhưng chủ mỏ không chịu. Chính-phủ đã mấy lần can thiệp để hòa-giải hai bên, mà không được, nay

xem như đành bỏ mặc, cho việc bãi-công là một vấn-đề doanh-nghiệp, chỉ quan-hệ đến chủ và thợ mà thôi, không phải là việc chính-trị, chính-phủ không thể sao được. Tuy vậy ảnh-hưởng về đường kinh-tế không phải là không thiệt-hại cho nước Anh nhiều : Các mỏ đọng lại không khai-quật nữa, công-nghệ không có than mà dùng, cũng không có than đâu mà đem bán cho các chợ ngoài, thành ra dần dần mất khách ngoại-quốc, giá hối-đoái của tiền *livre* cũng có ý muốn sút. Người Anh có tính kiên-nhẫn, nên gặp sự khủng-hoảng thế nào cũng không lộ ra nóng-nảy, bề ngoài vẫn giữ cái thái-độ bình-tĩnh. Tuy-nhiên việc thợ mỏ bãi-công này, diên-man ra mãi trong mấy tháng chưa xong, thật là một cái hiểm-tượng rất nguy cho nước Anh, chứ không phải việc thường. Tuy bề ngoài yên-ổn mà bề trong cũng lấy làm lo-lắng lắm. — Cứ hiện-tình thì xem ra bọn thợ chống lại đã hết sức, có lẽ không theo đuổi được lâu nữa, rồi cũng đến ngày phải chịu. Nhưng cùng mà tạm-thời phải chịu như thế, không phải là cách giải-quyết ổn-thỏa, dẳng lao-động sẽ nghỉ ít lâu cho hồi-lực, rồi lại nổi lên chống lại, thành ra sự xung-đột vô-cùng-tận, cái hiểm-tượng bãi-công phá-sản cứ nơm-nớp luôn, việc kinh-tế trong nước thể sao mà tuần-tự phát-đạt được. Cho nên vấn-đề bãi-công này, bên chủ bên thợ sớm trưa cũng phải nhượng-bộ nhau thế nào để giải-quyết cho xong, và về phần chính-phủ cũng phải hết sức điều-đình, hết sức hòa-giải mới được. Hiện nay thì việc vẫn cứ dùng-giằng, không thấy tiến-bộ được chút nào.

Việc nước Pháp — Ở nước Pháp, việc tài-chính tuy có hơi khá hơn mấy tháng trước một chút, nhưng cũng vẫn còn bối-rối lắm. Vì tình hình tài-chính là mật-thiết quan-hệ với vấn-đề nợ Mĩ, vấn-đề này chưa giải-quyết xong thì việc chấn-chỉnh tài-chính cũng chưa thể làm được. Chính-phủ Pháp đã ký với Chính-phủ Mĩ một cái ước về việc nợ đó đã mấy tháng nay, nhưng nghị-viện Pháp vẫn chưa duyệt-y, cho nên việc tài-chính cứ dùng-giằng mãi chưa biết chỉnh-đốn ra thế nào. Xem ra dư-luận nước Pháp thì cho rằng nợ Mĩ không phải là nợ thường như các nước vay trả nhau, vì Pháp với Mĩ là bạn đồng-minh, cùng nhau giao-chiến với một kẻ thù chung, trong khi chiến-tranh, Pháp cần đến tiền, Mĩ giúp tiền cho, là để cùng nhau đánh cho mau được; nay đã thành công rồi, đáng lẽ phải xúy-xóa cho nhau là phải, không nên thẳng-thúc đòi nhau như là cái nợ thường. Dư-luận Mĩ thì lại trái lại hẳn, nói rằng việc chiến-tranh là việc chiến-tranh, việc vay nợ là việc vay nợ, có vay phải có trả, chuyện lợi-quyền không thể nói nhân-nghĩa được. Hai cái thuyết trái nhau như thế, hai bên vẫn có ý nghe-ngóng lẫn nhau, chưa muốn quả-quyết điều-đình cho xong, bởi thế nên cứ dùng giằng mãi. — Nội-các Poincaré được quốc-dân và nghị-viện tín-dụng ủy cho toàn-quyền để thi-hành cái chương-trình tỉnh-phí trong các cơ-quan hành-chính, giảm bớt số những quan-lại không cần lắm. Vậy nội-các đã nghị-định bỏ đi 283 tòa án sơ-cấp, 218 cái nhà tù, 87 hội-nghị hàng quận, 106 chức huyện-trưởng, 70 chức tổng-thư-ký hàng quận, 3.900 chức quan võ. Hoặc-giả nói việc tài-giảm những-lại đó cũng không tỉnh-phí được mấy, mà không khỏi làm bối-rối việc hành-chính và sai mất thói quen trong dân-gian, rút lại lợi không mấy mà có lẽ không khỏi hại. Song mục-đích của chính-phủ làm việc giảm quan-lại này là chỉ cốt tỏ ra cái ý quả-quyết thi-hành cái chính-sách tiết-kiệm, bắt đầu ngay từ các ngạch quan-lại hành-chánh trước để làm gương vậy. — Trên kia đã nói

việc nước Tỉ chấn-chỉnh tài-chính và định giá tiền-tệ. Nước Pháp tuy chưa làm được bằng nước Tỉ vì những lẽ vừa nói ở trên, nhưng cũng đã bắt đầu và cũng thấy hơi có kết-quả. Tiền phật-lăng đã dần dần lên giá mà vẫn đứng vững được. Nếu quốc-dân cứ một lòng tin ở Nội-các POINCARÉ, nghị-viện cũng hiệp-lực với Nội-các mà không ngăn-trở vô-ích, lại thuận duyệt y cái hiệp-ước ký với Mĩ để giải-quyết cái vấn-đề nợ cho xong, nếu được như thế thì việc chỉnh-đốn tài-chính nước Pháp sẽ dần dần thành công được. — Chỉ còn sợ là các chính-đảng ở nghị-viện vì lẽ vận-động riêng mà gây ra xung-đột với Nội-các mà thôi. Hiện nay đảng có thế-lực là đảng cấp-tiến, trước ông HERRIOT làm lãnh-tụ, nay ông vào nội-các rồi, kỳ đại hội-nghị trong đảng mới rồi có bầu ông thượng-nghị-viên MAURICE SARRAUT (chính là anh ruột ông ALBERT SARRAUT) lên thay, ông lãnh-tụ mới này có tiếng là người ôn-hòa và khôn-khéo lắm, chắc khéo chủ-trương trong đảng, không đến nỗi xung-đột vô-ích với Chính-phủ. Lâm-thời có thể phản-đối với Chính-phủ duy có đảng xã-hội, hưởng-lai không chịu tham-dự nội-các bao giờ. Còn đảng cộng-sản thì số ít không kể vào đâu. Như thế thì địa-vị của Nội-các POINCARÉ cũng có cơ vững-vàng. Thủ-tướng POINCARÉ vừa kiêm cả bộ tài-chính, đương hết sức trù-tính cho sổ dự-toán năm 1927 làm được chóng xong để kịp đệ cho hai nghị-viện thảo-luận và duyệt-y trước ngày 31 tháng chạp, cho đầu năm có thể thi-hành được ngay, không để như mấy năm trước sang năm mới vẫn chưa có sổ dự-toán, mấy tháng đầu cứ phải tạm thu tạm chi từng tháng một, thật là trái với phép tài-chính. Nếu làm được như thế thì Nội-các cũng đã có công vậy.

Việc nước Tàu. — Nước Tàu độ này mới lắm việc. Quân Nam-phương từ ngày tiến lên đánh được Vũ-xương Hán-khẩu, thế-lực xem ra mỗi ngày một mạnh. Ngô Bội-Phu thì đánh bị bẹp rồi, không thấy nói đến nữa. Tôn Truyền-Phương còn đương lo giữ lấy đất Giang-tô chưa xong, không phải là một tay địch-đảng sợ cho quốc-dân-quân. Còn như Trương Tác-Lâm, vẫn cứ thủ-hiểm ở Đông-tam tỉnh chưa thấy động gì. Đến Chính-phủ Bắc-kinh thì mơ-màng phảng-phất, có cũng như không, chẳng ai chú-ý đến làm gì. Như vậy thì vận mệnh nước Tàu hiện nay là ở trong tay quốc-dân đảng và Chính-phủ Quảng-đông. Liệt-cường có quyền-lợi ở nước Tàu cũng đã hiểu như thế, nên xem ra có ý khuynh-hướng về Chính-phủ Nam-phương cả. Ở bên Anh đã khởi ra một cái phong-trào dư-luận nên công nhận Chính-phủ Nam-phương nước Tàu, việc đó có lẽ sớm trưa rồi cũng thành. Hiện nay thì Chính-phủ Anh mới phái sang Tàu một viên công-sứ mới tên là MILES LAMPSON. Ông này tới nơi liền đến Hán-khẩu để tiếp chuyện với ngoại-vụ trưởng của Chính-phủ Nam-phương ở đấy. Nghe đâu nước Anh bàn với nước Tàu cùng các liệt-cường có quyền lợi ở Tàu và có ký ước Hoa thịnh đốn năm trước rằng vì nước Tàu ngày nay tài-chính quẫn bách, nên đặt ra một khoản phụ-thâu hai phân về thuế thương-chánh, ở tỉnh nào tỉnh ấy thu để chi dụng trong hàng tỉnh. Lời bàn ấy, Chính-phủ Nam-phương cực-lực phản-đối, nói rằng đó là cái mưu nước Anh muốn kiếm kế lấy tiền cho bọn Tôn Truyền-Phương để chống lại với Nam-quân, quốc-dân Tàu không khi nào mắc mưu ấy. Xem như thế thì việc thương-thuyết của Công-sứ Anh với Chính-phủ Nam-phương cũng chưa có kết-quả gì, mà lòng ác-cảm của người Tàu đối với người Anh thời lại càng mỗi ngày một kịch-liệt hơn. Gần đây có tin người Tàu vào phá tô-giới Anh ở Hán-khẩu và ở Cửu-giang

người Anh phải xuống tàu chạy, sở lãnh-sự và các nhà buôn-bán cùng nhà ngân-hàng phải nhờ quân-đội của Chính-phủ Quảng-đông bảo-hộ cho. Anh có đem tàu chiến lên, nhưng không dám động-dụng gì. — Nói tóm lại thì tình-thế của Liệt-cường, và thứ nhất nước Anh ở Tàu đương khó xử. Đảng Quốc-dân mỗi ngày một mạnh, quyết đòi lại cho nước Tàu cả các quyền-lợi đã bị Liệt-cường chiếm mất, muốn phá hết cả các điều-ước bất-bình-đẳng đã bị Liệt-cường bắt ép ký từ trước đến giờ. Vẫn biết rằng sự yêu-cầu đó, người Tàu cũng chưa đủ có võ-lực mà chủ-trương cho đến cùng được; nhưng về phần Liệt-cường cũng không thể lấy võ-lực mà duy-trì cho hết sức được, biết rằng trong việc này là phải đối-phó với cả một dân tộc mấy trăm triệu người đương hăng-hăng nổi lên đòi lấy tự-do độc-lập, nếu khinh-suất bạo-động thì càng như kích-thích cái lòng công-phẫn của họ lên, kết-quả không biết thế nào mà lường được. Cho nên các nước Âu-Mĩ và Nhật-bản đối với Tàu ngày nay đều giữ một cái thái-độ rất là thận-trọng, theo cái chính-sách nghe-ngóng đợi thời, chứ không dám vội-vàng can-thiệp. — Về phần người Tàu thì Chính-phủ Nam-phương tuy gần đây thế lực đã thấy mạnh hơn trước, nhưng quân Bắc-phạt tiến lên đến Vũ-Hán thì thôi, và về mặt Mân-Chiết còn phải chống nhau với quân Tôn Truyền-Phương, chưa đã thống-nhất được nước Tàu, nên cũng chưa bàn tính gì đến việc chỉnh-đốn trong nước được. Nói tóm lại vẫn còn là cái tình-trạng người trong nước đánh lẫn nhau, cái tình-trạng nội-loạn, chưa biết đến bao giờ xong.

Việc trong nước

Tình-hình chính-trị. — Trái với tin trước đã báo, quan Toàn-quyền VARENNE ở bên Pháp không ra ứng-cử Thượng-nghị-viện. Mới đây có điện ông lại được Tòa Nội-các cử cho tái-nhiệm một hạn sáu tháng nữa, và nay mai sẽ trở lại Đông-Pháp. Nhưng có lẽ chuyến này không ở được lâu, vì cuối năm lại phải về Pháp để dự-bị việc tuyển-cử Hạ-nghị-viện sang năm. — Quan Quyền Toàn-quyền PASQUIER thì thượng-tuần tháng giêng Tây đã làm lễ khánh-thành hai khúc xe lửa thuộc về đường « Đông-Pháp đại-lục » (*Transindochinois*) (là khúc từ Nghệ đến Phú-trạch, và khúc từ Quảng-bình đến Đông-hà), rồi về kinh-lược trong Sài-gòn.

Ở Nam-kỳ, ông BLANCHARD DE LA BROSSE đã nhận chức thực-thụ Thống-đốc, và ông quyền Thống-đốc LE FOL thì sang lĩnh chức thực-thụ Khâm-sự Cao-miên. — Ngoại-giả, tình-hình vẫn như thường không có sự gì lạ. Duy có tin ông Nguyễn An-Ninh trước phải án 18 tháng tù, nay đã chịu giam được một nửa rồi, mới được tòa án tạm tha cho ra ngoài. DE LACREVROTIÈRE là nguyên nghị-trưởng Hội-đồng Quản-hạt, chủ báo *Imparcial*, mới đây bán báo ấy cho một công-ti lớn, và đã xuống tầu về Tây. Lại còn việc báo *Nhà-quê* nữa: báo này viết bằng chữ Pháp mới ra được vài số, nghe đâu vì lời lẽ kịch-liệt quá, chủ bút là Nguyễn Khánh-Toàn, quản-lý là Lê Văn-Chất và chủ nhà in là Phạm Văn-Duyệt đều bị bắt và bị giam đã hơn tháng nay.

Ở Trung-kỳ ông nghị-trưởng Hoàng Thúc-Kháng đương vận-động lập hội nhà in để xuất-bản báo « *Tiếng-dân* », nghe nói sắp sửa đã mấy tháng nay. — Ở Huế có lập một hội « Như-Tây Pháp-học Bảo-trợ », để giúp cho học-trò

sang Tây học ; hội chưa hành-động gì, mà các báo thường thấy nghị-luận đến luôn.

Bắc-kỳ thời vô-sự lắm, ngoài việc quan-lại thăng-thuyên không có gì lạ. Chỉ có tin quan Thống-sứ ROBIN đến tháng ba sẽ về Tây nghỉ.

Ở Ai-lao thì mới có vị hoàng-thân nước Xiêm, kiêm Binh-bộ Tổng-trưởng, sang chơi ở *Vientiane*, ông Bosc là Khâm-sứ Ai-lao thay mặt quan Toàn-quyền đón-tiếp long-trọng lắm.

Học-sinh An-Nam ở bên Pháp. — Bản-chí tiếp được bài lai cảo sau này của một ông bạn đọc báo hiện học ở trường Đại học thành *Toulouse* bên Pháp, nói về cách thức học-sinh ta sang du-học bên Pháp và cách ăn ở bên ấy thế nào, xin vui lòng đăng ra đây để giới-thiệu cho các bạn thanh-niên ta có chí đi du-học.

∴

Được hai năm nay, người An-Nam mình sang du-học bên Pháp một ngày một đông ; cứ đến kỳ nghỉ hè mỗi chuyến tàu chở ít ra cũng được giăm ba chục. Tuy đối với các nước khác, số kẻ du-học ngoại-quốc thế là ít, nhưng ở nước mình so với giăm năm về trước kể đã là nhiều.

Cái đó là tại độ này thiếu-niên nước ta phần nhiều đã có chí muốn học, đã biết tự-trọng, không chịu để mang tiếng là « sang Tây chỉ tổ phí tiền cha mẹ » nữa, cho nên mỗi năm, hoặc đầu hoặc cuối kỳ nghỉ hè, tin các thí-sinh trúng-tuyển gửi về rầm-rập, làm cho những nhà dư-dả đều vui lòng theo ý con mà cho đi du-học, không có lo sợ như trước nữa.

Sang Pháp học thì ai chẳng biết là vừa mau tại vừa lợi. Nhưng đã sang thì phải có chí học mới được, nếu không thì không những phụ lòng cha mẹ, lại làm mất cả danh tiếng bọn An Nam bên Pháp này.

Tôi sang Pháp chưa được ba tháng, nhân thấy anh em ở bên này đều một lòng hiếu-học, kẻ ở Trung-học, người ở Đại-học, trường nào cũng đều có mặt cả, phần nhiều lại xuất-sắc nữa, cho nên cầm bút viết bài này, mong rằng người mình sang đây một ngày một đông để học-hành cho chóng bằng người ta.

Sau đây, tôi biên lược các cách-thức lúc đi, để anh em trước khi bước chân xuống tầu được rõ cho khỏi bỡ-ngỡ.

Giấy má. — Muốn sang Pháp học thì phải xin *Carte d'identité*, *livret universitaire* và *visa de sortie*. *Passeport* không cần đến ; có *carte d'identité* và *visa de sortie* là đủ được phép xuống chơi tại các hải-cảng Anh rồi.

Đồ dùng. — Đồ dùng nên mang rất ít, chỉ đủ dùng trên tàu thôi, còn thì để đến *Marseille* mua, vừa tốt, vừa rẻ, lại vừa thích hợp với cách ăn ở lối mới của mình. Quần áo chỉ mang vài ba bộ, đủ mặc ở tàu. Đi lúc trời lạnh thì đừng mang quần áo trời nực, vì ở bên này, nực đến đâu cũng mặc quần áo dạ. Mình mà mặc quần áo vải thì một là thành lố-lăng, hai là mỗi khi rặt mất 6, 7 phật-lăng một bộ thì thật tốn tiền. Một bộ quần áo dạ và cái *pardesus* là đủ. Đi lúc trời nực thì sang đây may quần áo dạ cũng vừa, được rẻ lại được đẹp.

Ở tàu họ cho ăn không được sung túc lắm, nên mang theo ít nhiều đồ hộp. Khi hết thì xuống các hải-cảng mua cũng được, giá tiền phải chăng.

Sang đây, quanh năm phải uống nước lã, vậy nên mang ít chè để thỉnh thoảng uống chơi. Qua Hải-phòng, xin

cái *certificat d'origine tonkinoise* thì không sợ bị mất tiền thuế nữa.

Đồ dùng gì mà ở bên ta làm, bên Pháp không có thì hẳng mang ; còn thì để sang đây hẳng sắm.

Dù đi lúc trời lạnh hay trời nực, cũng mua cái ghế dài và cái chăn *laine* phòng khi sóng to, phải lên nằm ngủ trên *pont*.

Tiền — Mang tiền đi thì nên mua ra *chèque* ; sang tới tỉnh mình ở sẽ lĩnh sau. Mua lấy thêm một chèque 1000 phật-lăng lĩnh ở *Marseille* để lấy tiền đi xe lửa cùng tiêu ở *Marseille*. Tiền tiêu đường thì mang độ vài chục, một ít thì cứ để nguyên bạc Đông Pháp để tiêu hết địa-phận Sài-gòn, còn thừa thì ra nhà ngân-hàng đổi lấy phật-lăng, tiêu ở tàu cùng các hải-cảng ngoại-quốc.

Tàu. — Phần nhiều các tàu sang Pháp là của hãng *Messageries maritimes*. Các tàu to thì không ghé ở Hải-phòng, muốn đi phải vào Sài-gòn. Chuyên đồ ở tàu nọ sang tàu kia, thật là kềnh-càng mà lại không được ở Sài-gòn lâu. Đi ngay tàu chạy thẳng ở Hải-phòng, là tiện nhất ; đối với các tàu to trên kia thì tàu này một mười một tám, cũng đã là to rồi. Nhiều người cứ tưởng rằng đi tàu to thì đỡ sóng, nghĩ thế là lầm, có sóng hay không có sóng là tùy trời, chứ không phải tùy tàu. Tháng *Septembre* vừa rồi, tôi đi tàu *Amboise* chạy thẳng ở Hải-phòng, không bị sóng gì cả, thế mà tàu *Paul Lecat* chạy trước một tháng, gặp sóng to, nước bắn qua ống khói.

Người nào đã say sóng thì thế nào cũng say. Vậy tưởng đừng nên nghe lời người ngoài mà mang nào khoai-lang, nào chanh quả để ăn cho đỡ say sóng.

Ở trên tàu. — Thường thường tàu chạy từ Hải-phòng đến *Marseille* mất độ 33 ngày, đỗ tất cả ở 7 hải-cảng : *Tourane, Saigon, Singapore, Colombo, Djibouti, Suez* (tàu đỗ nhưng không được xuống), *Port Said*.

Ở Sài-gòn, đỗ lâu nhất, hai ngày ; ở các nơi kia đỗ đến một ngày là cùng, còn thì chỉ nửa ngày.

Ở 33 ngày trên tàu ai là chẳng nản ; mấy hôm đầu, vì thấy cái gì cũng lạ thì còn hơi vui, đến sau thật chán ngắt ; Một trời một bể, không bờ không bến, nghĩ đến nỗi mình, mấy năm nữa mới được trở về tổ-quốc thì sao không thể không nhớ nhà được ! Tuy trên tàu có sách xem, nhưng cũng nên mang theo ít nhiều sách quốc-ngữ để đọc vừa lúc ở tàu vừa lúc ở bên Pháp.

Trên tàu hình như họ không có lệ rặt quần áo cho hành-khách, mình tự phải điều-đình lấy với bồi tàu. Duy ở Sài-gòn và ở *Colombo* là có người lên lấy quần áo rặt ; ở Sài-gòn thì một ngày xong, ở *Colombo* chỉ bốn tiếng đồng hồ là họ đem trả vì rặt và phơi toàn bằng máy. Mình liệu mà mặc cả cho khỏi đắt.

Các Hải-cảng. — Được sang Tây học thật là được nhiều thứ lợi : nào được xem *Tourane, Saïgon* ; nào được xem các hải-cảng ngoại-quốc. Các chỗ đó nên xuống xem, đừng bỏ phí : như ở *Tourane* thì có nhà bảo-tàng (*musée cham*) để các đồ di tích người Chàm. Ở Sài-gòn, tàu đỗ lâu, không những xem được hết thành phố, lại còn xem được cả Chợ lớn, Gia-định, Thủ-đức nữa. Ở *Singapore* xem *Musée Raffle, Jardin botanique*, ở *Colombo*, xem *Temple boudhique, Musée*. Hai nhà bảo-tàng này đều có tiếng cả, các giống động-vật phần nhiều bày đủ mặt ; *Jardin botanique* ở *Singapore* đủ các thứ cây ở vùng nhiệt-đới, mỗi gốc cây có một cái biển đề tên cây, xếp theo từng loại. *Djibouti* có chợ lạc-đà ; *Port-Saïd* có tượng cụ Lesseps ; đều là chỗ nên đến xem cả.

Thuê ô-tô, mỗi giờ mất độ 2$50, giá rẻ được 4,5 người thì vừa rẻ, vừa tiện, lại được xem nhiều chỗ.

Ở các hải-cảng, có điều cần nên biết nhất, là phải phòng-bị quân đi lừa. Hoặc muốn mua cái gì, hoặc thuê ô-tô, hoặc đổi tiền, đều nên mặc-cả trước cho chặt-chẽ kẻo hờ to. Lúc tầu mới đỗ, một tá *carte postale* giá 5 phật-lăng, khi tầu gần chạy giá tiền sụt xuống ngay.

Trên tầu ăn khi kham-khổ, mỗi khi tầu đỗ, ai chẳng muốn xuống ăn dưới bến. Nhưng nên nhận rằng ở *Port Saïd* đồ ăn đắt đỏ lắm, một bữa cơm rất thường cũng mất ngót trăm quan, thứ nhất là khi giá tiền phật-lăng hạ.

Đến Marseille. — Tầu đến *Marseille* thì đồ-đạc giao cho người hoặc của *Agence S I C T* hoặc của *Agence Duchemin* mang cho mình. Mặc-cả phân-miêng rồi kệ họ, mình không bận gì nữa. Nếu họ có cần đến thìa-khóa để mở hòm cho lính đoan khám thì cứ việc giao, không có gì ngại cả. Nếu định ở *Marseille* lâu thì bảo mang đến nhà trọ cho mình, nếu không thì bảo mang tuột ra ga, tùy theo giờ chuyến tầu mình định đi.

Ở *Marseille* có nhiều nhà trọ, giá tiền phải chăng, như *Hotel du Petit Louvre, Hotel du Nord* (16 *Cours Belsunce*).

Ai muốn ở lại xem thành-phố *Marseille* thì mua lấy một quyển chỉ-nam (*Guide Pol*), mất hai ngày là có thể xem được hết các chỗ đẹp.

Ở *Marseille* gửi vô-tuyến-điện (TSF) về nhà không lấy gì làm đắt lắm, mỗi chữ mất độ 12 phật-lăng.

Học trò An-Nam tại Pháp. — Người An-Nam ở học bên Pháp bây giờ đã khá nhiều, rải-rác tại *Marseille, Paris, Aix en Provence, Montpellier Bordeaux, Toulouse*, vân vân, họp thành hội ái-hữu (*Association mutuelle des Indochinois*) cũng có hội-quán để lấy chỗ anh em đến chuyện trò cùng nhau. Mục-đích hội là để giúp-đỡ nhau, khuyên bảo nhau và để chỉ đường dẫn lối cho người mới đến, lúc còn bỡ-ngỡ. Hội-quán ở các nơi này:

Paris	15 Rue du Sommerard.
Aix en Provence,	25 A Rue Emeric David.
Toulouse	3 Rue Peyras.
Bordeaux	20 Rue du Mirail.
Montpellier	5 Rue Trésorier de la Bourse

Ai không có bà con quen ở bên này mà muốn có người ra đón ở *Marseille* thì khi tới *Port-Saïd* gửi vô tuyến-điện cho ông hội-trưởng chi hội *Aix en Provence*, lúc tầu đến sẽ có người ra đón hẳn-hoi. Hoặc đến tỉnh nào cũng vậy, biên-thư trước thì hội sẽ cử người ra tận ga đón, tìm chỗ trọ, chỗ học phân-miêng.

Trường học bên này. — Bên này thì đủ các trường, học nghề gì cũng được. Ai muốn lấy bằng tú-tài (*baccalauréat*) để sau vào các trường Đại-học (*Facultés, Ecole centrale, Ecole des mines, Ecole des Hautes études commerciales*) thì học ở *Lycée*. Người có bằng *brevet, diplôme*, sang đây vào được lớp nhất, học chăm ra thì chỉ một năm được ngay phần thứ nhất bằng tú-tài. Ở bên này mà nghỉ hè học tư thêm, thì học một năm bằng học ở nhà hai năm. Các ông giáo dạy đều rất giỏi, rất lão-luyện; tiền học tư lại rẻ. Người có chí muốn học mà được sang đây, đỗ được mau là vì vậy. Cũng có nhiều *Lycée* bắt buộc học-trò phải đúng bấy nhiêu tuổi mới được ngồi học tại lớp này, nhưng ở tỉnh *Toulouse* mà tôi ở đây, ai ai cũng được vào học cả, hơn dăm ba tuổi cũng không làm sao.

Thành Toulouse. — *Toulouse* ở về phía Nam nước Pháp, khí-hậu điều-hòa. Các trường to (*Facultés de Droit, Lettres, Sciences, Médecine, Pharmacie, Institut électrotechnique, chimique, agricole*) đều có đủ, lại được nhiều ông giáo có tiếng giỏi, cho nên học-sinh các nước đến nhiều. Học-sinh Nam-Việt đến đây một ngày một đông, năm nay đã được năm chục rồi.

Đầu năm nay hôm hội đón ông Bùi-Quang-Chiêu, trong bài diễn-văn của ông phó-đốc trường Trung-học (*censeur du Lycée*) nói về học-sinh Nam-Việt có một đoạn sau này, tôi xin lược-dịch ra đây để bên nhà được rõ cách học-hành, cách cử-chỉ của anh em chúng tôi ở *Toulouse* này :

« *Tôi nhận ra các anh ở trường tôi đã đông, đều chăm-chỉ học-hành, biết trọng kỷ-luật. Các anh ở cõi Đông-dương xa kia, nay bỗng chốc sang đến tỉnh này theo học, nhưng tại sao thân-phụ các anh không bảo lên* Paris, Bordeaux *mà lại bảo đến đây ? Tôi không dám tự khen lấy trường tôi, nhưng có lẽ rằng tại danh-tiếng trường Trung-học tỉnh* Toulouse *này lan sang đến tận bên anh, cho nên thân-phụ các anh mới cho sang đây học, các anh xem có phải rằng trước nhất chúng tôi đều cố hết sức trông-nom săn-sóc để các anh ở bên này được bớt khổ, bớt buồn, nói được vui-vẻ thì quá, vì xa nước, xa gia-đình còn vui làm sao được ? chắc các anh cũng đã nhận thấy cách đối-đãi ân-cần của các ông giáo anh hàng ngày ? Trông ngay trong bữa tiệc này thì đủ rõ tấm lòng tử-tế, thân-ái của dân thành* Toulouse *đối với các anh, vì ngoài các bậc quan-chức lại còn có ông giáo đáng quí đáng trọng là cụ* Sabatier *tôi đây.* (*Cụ* Sabatier *là một ông giáo dậy khoa Hóa-học có tiếng ở bên Pháp ; năm xưa cụ được giải thưởng* Nobel *bây giờ nhà nước cử cụ làm* doyen de la Faculté des sciences). *Dù ở trong thành phố, dù ở trong trường, chúng tôi lúc nào cũng coi các anh như bạn vậy, vì chúng tôi cho rằng phận-sự chúng tôi là phải hết sức săn-sóc coi nom các anh để các anh quên cái khí-hậu lạnh-lẽo này cùng những nỗi khổ xa nhà, xa nước* ».

Ở Toulouse có quân-đội đông, An-Nam có một người đội và giăm chục người lính, phần nhiều là người Bắc. Học-sinh thì phần nhiều người Nam-kỳ, người ngoài Bắc mới được ngót một chục. Sang đến đây, dù người Nam kẻ Bắc, tuy chưa quen biết nhau, nhưng gặp nhau thì tay bắt mặt mừng, ngồi nói chuyện mấy câu tiếng An-Nam, còn gì vui-vẻ cho nữa. Bên này họ cũng phân-biệt người *Breton*, người *Provençal*, mỗi người một giọng nói riêng, nhưng ra đến ngoài đều là người Pháp ; mình sang tới đây cũng vậy, không quen biết cũng thành quen biết vì cùng là con em Nam-Việt cả.

Cách ăn ở. — Học ở *Lycée* thì có thể xin vào ăn ở (*interne*) trong trường được. Học ở các trường Đại-học thì phải ở ngoài. Ở ngoài thì tốn hơn, nhưng được nhiều thì giờ học và không phải bó-buộc lắm.

Lúc mới đến, sắm-sửa quần áo đồ dùng và sách vở mất độ hai nghìn phật-lăng, còn thì thường thường mỗi tháng tiêu mất độ 7, 8 trăm phật-lăng cho người học ở *Lycée* ; 8,9 trăm cho người học ở đại-học ; ở *Paris* thì phải hơn một nghìn phật-lăng mới đủ, vì trên ấy nhà cửa cùng đồ ăn rất đắt-đỏ.

Độ này, giá tiền phật-lăng lên xuống thất-thường cho nên các số tiền biên ở đây cũng có thể mai kia thay

đồi ngay được. Tôi sang đây chưa được ba tháng mà đã thấy tiền buồng, tiền ăn tăng lên một lần rồi.

Sang đến đây, trước nhất thì kiếm một cái buồng mà trọ, trong buồng sẵn đồ dùng: bàn ghế, tủ, giường, chăn, nệm mỗi ngày nhà chủ sai người đến « làm giường » và dọn dẹp một lần. Ăn, thì ngày hai bữa phải ra hàng cơm. Sang bên này, động muốn mua gì là phải đi, không có ai mà sai! Ở nhà còn có xe tay xe đạp ở đây xe đạp không thể đi được, đường lát bằng từng miếng đá một, đi rất sóc, cho nên động ra khỏi cửa là phải đi bộ. Giầy ở nhà mang sang chẳng mấy bữa là phải nong rộng. Vả lại khí-hậu lạnh, phải nên đi dất, trời mưa đã có ô. Sang ở ít lâu, đi thành quen, đường xa đến đâu cũng không có gì là ngại nữa.

Muốn tắm cũng phải ra hiệu, rặt quần áo rất đắt, áo sồ-mi « quan rưỡi », cổ cồn « nửa quan ».

Hội ái-hữu ở Toulouse,— Hội ái-hữu ở *Toulouse* thành-lập đã lâu, danh-dự hội-trưởng là cụ SABATIER. Hội-quán thì mới có được hơn năm nay. Bên này nhà của đắt-đỏ, thuê được một cái buồng làm chỗ họp-tập anh em thật là rất khó. Tuy vậy, buồng của hội (N° 3 Rue Peyras) cũng khá rộng, bàn ghế cũng tiềm tiệm đủ dùng, đồ-đạc bầy toàn là của anh em cúng cả.

Đến tết Nguyên-đán thì toàn-thể hội-họp lại, làm cơm An-Nam để ăn tết cùng nhau. Hội lại đứng xin cho binh-lính An-Nam được nghỉ ba ngày tết.

Hồi chiến-tranh, lính mộ An-Nam đóng tại đây rất nhiều, người chẳng may mệnh-một tại đây cũng lắm, ở Nghĩa-địa nhà nước có dựng một cái tượng người lính An-Nam bằng đồng đứng trên bệ đá, chung quanh khắc tên các người tử-trận. Hai bên bệ để hai chậu cây, hình đôi lư bằng đồng đen. Bởi vậy, mỗi năm, đến ngày lễ *Toussaint* anh em trong hội tụ-họp nhau, mua hoa cùng với binh-lính An-Nam, mang đến tượng-đài để an-ủi vong-hồn các tử-sĩ đã vì nước Pháp mà bỏ mình ở xa quê cha đất tổ.

Hội lại mới đứng xin việc này, rất có ích cho những người muốn đến học *Toulouse*. Nhân ở đây không có ông giáo chấm thi tiếng An-Nam, thành-thử học trò ở *Toulouse* mỗi lần thi tú-tài phải ra hoặc *Bordeaux*, hoặc *Marseille* (ở *Marseille* thì quan năm Đỗ Hữu-Chẩn chấm) vừa tốn tiền lại vừa mệt nhọc. Nay nhân học-sinh An-Nam đến *Toulouse* một ngày một đông, hội mới xin mở ở « *Lycée* » một lớp dạy tiếng An-Nam, một người trong hội ra dạy giúp. Cuối năm, ông hội-trưởng nhân lấy phần chấm thi. Lời xin rất hợp lẽ, cho nên ông đốc trường « *Lycée* » đã sẵn lòng tư lên quan trên, chắc thế nào nay mai cũng được, như vậy thì từ nay học-sinh An-Nam ở *Toulouse* không cần phải đi thi tại nơi khác nữa, mà lại được hơn các nơi khác là có cả lớp dạy tiếng An-Nam. Được tin này, ai là chẳng mừng!

THÔN-ĐẢO (*Toulouse*) (1)

Giới-thiệu sách mới

1. — *Cô à khâu đầm*. Thám-tình tiểu-thuyết, của Nam-hương BÙI HUY-CƯỜNG dịch-thuật. — Thanh-niên ấn-quán xuất bản, 71 trang, giá 0$18.

2. — *L'Indochine d'hier et d'aujourd'hui* (Đông-dương ngày xưa và ngày nay). Par HENRI CUCHEROUSSET, traduit par VŨ CÔNG-NGHI. (Editions de *l'Eveil économique*).

(1) Ngoài Hội *Association mutuelle des Indochinois*, ở Pháp gần đây lại có một hội mới nữa lập ra để giúp cho học-sinh ta ở bên ấy: là *Cercle de l'Amitié Indochinoise*, thuộc về Hội *Foyer des Etudiants d'Extrême-Orient* (13, Rue Hallé, Paris, 14e).